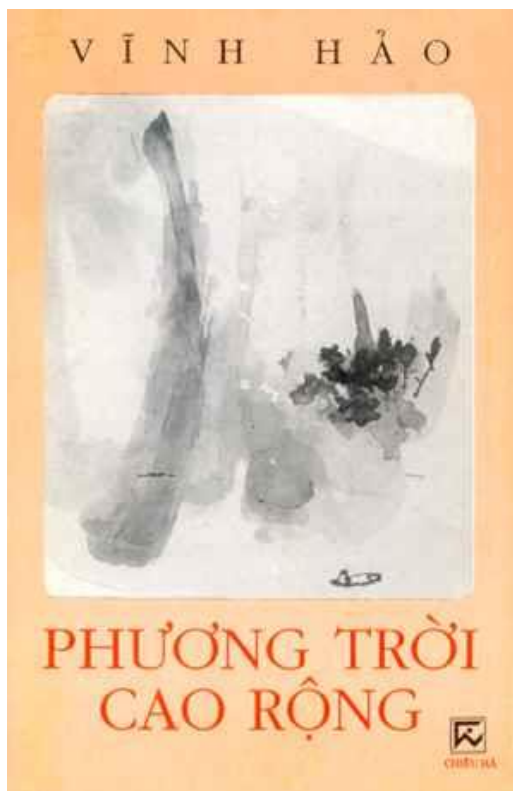


PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG



PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG  
*truyện dài của Vĩnh Hảo*

**MỤC LỤC**

CHƯƠNG MỘT	3
CHƯƠNG HAI	33
CHƯƠNG BA	56
CHƯƠNG BỐN	81
CHƯƠNG NĂM	116
CHƯƠNG SÁU	138
CHƯƠNG BẢY	164
CHƯƠNG TÁM	188
CHƯƠNG CHÍN	210
CHƯƠNG MƯỜI	233
CHƯƠNG MƯỜI MỘT	252
CHƯƠNG MƯỜI HAI	278
CHƯƠNG MƯỜI BA	314
CHƯƠNG MƯỜI BỐN	340
CHƯƠNG MƯỜI LĂM	367

## CHƯƠNG MỘT



Trước mắt tôi là một bãi cát trắng chạy dài, hình vòng cung, đầu bãi cuối bãi hướng ra biển khơi như vòng tay mở rộng để ôm choàng lấy cái đẹp của sóng nước mênh mông, hay như sự vươn tới của con người bé nhỏ trước vẻ bao la bát ngát của biển trời xanh rộng. Tôi mê biển là mê ở chỗ đó: mê cái xa rộng ngút ngàn không thấy được bến bờ là đâu ở cuối chân trời xa xăm mù mịt kia.

Ba tôi thường nói bãi biển Nha Trang là bãi biển đẹp nhất Đông Nam Á. Ông còn kể rằng có thời gian người Pháp kiểm soát chặt chẽ bờ biển này, ai xuống bãi mà xả rác sẽ bị phạt nặng, bắt giam. Cho nên, bờ biển Nha Trang cũng là bờ biển sạch nhất Đông Nam Á. Dĩ nhiên là tôi cũng cảm thấy hãnh diện, sung sướng là được sinh ra ở một vùng duyên hải đẹp nổi tiếng như vậy.

Nhưng trong cái nhìn của tuổi bé thơ, vẻ đẹp của trời biển, của thiên nhiên, nằm ở ngoài sự so sánh và hiểu biết.

Tôi không nhớ rõ là từ năm nào tôi bắt đầu xuống bãi biển ngồi một mình để ngắm nhìn những cụm mây, những cánh buồm, trôi qua, trôi qua, trên trời, dưới biển. Nhưng có thể nói là khoảng thời gian mới từ tiểu học bước vào trung học là thời gian tôi có mặt dưới bãi biển thường xuyên nhất. Tôi học trường Võ Tánh. Từ trường tôi bước xuống bãi chẳng xa là mấy. Đi bộ chừng năm bảy phút. Cứ giờ nghỉ là tôi xuống bãi. Có khi đi học sớm để xuống bãi.

Đọc theo bãi biển Nha Trang có nhiều hàng dừa cao rợp bóng. Dưới bóng dừa có những băng ghề đá hay những trụ rào ngang bằng xi măng có thể ngồi lâu hóng mát, ngắm cảnh. Từ đây tôi có thể dõi theo những con tàu lướt sóng xa xa, chạy dọc theo chiều dài của bãi biển rồi nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi mất dạng vào những cụm mây ở cuối trời. Không còn con tàu hay cánh buồm nào chạy ngang biển thì tôi dõi theo những đợt sóng xuất hiện từ xa, nhấp nhô tiến dần vào bờ rồi ném mình trên bãi cát, tung lên những bọt bong bóng trắng xóa. Có những con hải âu tung cánh giữa không trung, phóng mình xuống nước để bắt cá hoặc đáp nhẹ trên những phiến gỗ nhỏ trôi lênh bênh giữa đại dương. Có những cặp trai gái diu nhau đi trên bãi cát hoặc những cô cậu học sinh

cùng lứa tuổi tôi đùa giỡn với sóng nước với những nụ cười rạng rỡ, hồn nhiên. Có những chị gánh hàng rong, vất vả lội chân không trên cát, cát tiếng rao lạc lõng giữa gió biển lồng lộng.

Tôi ngồi nhìn ngắm bãi biển như vậy nhiều giờ đồng hồ mà không biết chán. Một đôi khi vì không muốn từ giã bãi biển mà tôi cứ ngồi lì đó, quên luôn giờ học đã đến. Cũng có thể vì thấy ngồi chơi trên bãi biển hứng thú hơn ngồi trong lớp học mà tôi muốn trốn học. Và tôi đã trốn học rất nhiều lần. Tôi trở thành một học sinh dở, tuy không đội sổ cũng xếp vào hạng gần chót trong lớp. Gia đình tôi không sao hiểu nổi một đứa học trò xuất sắc như tôi hồi tiểu học, vừa bước vào trung học là đã trở nên dở tệ như vậy. Dù sao, tôi cũng không nên trút cái tôi trốn học ấy hoàn toàn cho bãi biển. Tất phải có nhiều nguyên do đưa đến chuyện trốn học nhưng nếu không có bãi biển góp phần làm nơi trốn nấp, nơi nương tựa, nơi để tôi tìm đến trong những giờ trốn học buồn tẻ đó thì hẳn là tôi không trốn học nhiều đến nỗi có lần suýt bị đuổi học như vậy.

Có lẽ đến một tuổi nào đó, hay đến một lúc nào đó trong đời, tâm tư tự dung muốn vượt tung những khuôn khổ, những phép tắc kỷ cương đang giam hãm mình. Thời điểm đó có thể đến nhanh hay chậm, tùy theo tâm lý và hoàn cảnh của mỗi người. Và nó đã đến với tôi rất sớm: chính vào tuổi mới vào trung học.

Giáo sư dạy toán hình học và đại số cho lớp tôi lúc ấy là thầy Tân, một viên sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Thầy dạy ra sao tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ rằng giờ của thầy làm tôi chán nhất. Có lẽ trong quân đội, thầy là một chiến sĩ quan mục thước và nghiêm khắc thái quá. Thầy vào lớp với bộ quân phục gắn hai bông mai, ủi hồ thẳng thớm, chắc là mới lấy ở tiệm giặt ủi ra. Tóc thầy chải rẽ ngôi rõ ràng, xức keo lóng bóng; mái tóc ở trước được chải ngược ra sau chừa một vầng trán cao rộng như một cái hình chữ nhật mà nhìn vào hẳn người ta phải nghĩ là thầy rất giỏi toán (điều dĩ nhiên, vì thầy là giáo sư toán!). Mỗi lần vào lớp, thầy cứ lo đi “*duyet binh*” mà không chú trọng chuyện giảng dạy cho lắm. Thầy hô nghiêm cho cả lớp đứng dậy, im lặng đứng trong hàng ghế mình ngồi. Rồi thầy cầm cây thước dài vừa nhịp nhịp nơi tay, vừa đi kiểm tra từng bàn.

“Trò kia, sao áo thiếu hột nút vậy?”

“Dạ, em mới bị sút hột này.”

“Về nhà viết hai trăm câu: *tôi phải xem lại nút áo trước khi vào lớp.*”

Đến bàn kế tiếp, thầy lại bắt được một lỗi khác:

“Tại sao không có nịt?”

“Dạ ... em quên.”

“Viết hai trăm câu: *tôi phải nhớ mang nịt khi đi học.*”

Rồi một lỗi khác nữa:

“Tại sao mặc quần sọt?”

“Dạ quần dài má em mới giặt, chưa khô, nên mặc đồ quần sọt.”

“Viết hai trăm câu: *tôi phải mặc quần dài đi học.*”

Đến chỗ tôi, thầy ngắm nghía một hồi khá lâu. Hình như là thầy không ngờ tôi lại phạm quá nhiều lỗi như vậy. Thầy hỏi:

“Áo này chưa hẳn là áo trắng. Ngà ngà thôi, phải không? Thôi cũng được. Nhưng quần này chắc chắn là không phải quần xanh rồi. Quần đen. Rõ ràng quá. Tại sao? Còn nữa, quần sọt đen! Tại sao không phải là quần dài mà là quần sọt? Xích ra coi, ôi chao, không mang giày mà mang dép. Xăn-đan không phải là giày. Các trò phải nhớ điều đó. Xăn-đan chỉ là đôi giép thôi vì nó ló ngón, ló gót ra ngoài. Nhiều lỗi quá. Trò có nghe tôi dặn dò tuần trước không vậy?”

“Thưa không, em vắng mặt tuần trước.”

“Mới khai giảng có một, hai tuần mà đã vắng mặt rồi. Sao vậy? Lý do gì?” (tôi chưa nói lý do thì thầy đã nói tiếp) “lý do gì cũng không thể tha thứ được. Lên đứng trên bục kia chờ tôi.”

Thầy tiếp tục *duyệt binh*, đi hết các bàn, lôi lên bảng đen khoảng mười mấy học sinh *phạm lỗi kỉ luật* tương tự như tôi. Xong xuôi, thầy bắt đầu đánh phạt. Gọi từng người nằm xấp trên bục gỗ trước bảng đen. Mỗi cậu lãnh ít nhất là ba roi. Riêng tôi, nhiều lỗi quá, bị đến mười roi. Đau lắm nhưng tôi không khóc, chỉ thấy giận căm căm trong lòng. Làm sao quên được cung cách phạt

đòn và kết tội của thầy. Khi tôi vừa nằm xuống, thầy đã quát trước ba roi cho đỡ tức. Sau đó thầy mới hỏi thêm cho rõ ràng. Những cậu bị đòn trước tôi đều bị tra hỏi và đều có cơ để thầy đánh thêm hoặc kết tội nặng. Hình như thầy muốn cho sự đánh phạt của thầy tăng thêm phần chính nghĩa nên mới vặn hỏi dài dòng như vậy. Chẳng hạn thầy hỏi một bạn trước tôi:

“Cha làm nghề gì?”

“Dạ... đạp xích lô.”

“Còn mẹ làm gì?”

“Dạ... bán xôi.”

“Nhà có mấy anh em?”

“Dạ, năm.”

“Cha mẹ làm lụng cực khổ như vậy để nuôi năm anh em ăn học mà mình chẳng lo học để đền đáp!”

Trót! Trót! Trót! Thầy vung roi ngay sau khi dứt lời, răng thầy nghiến ken két. Tôi bắt mẫn cách kết tội như vậy. Thầy gom chuyện kỷ luật với chuyện học thành một. Hình như đối với thầy, một kẻ phạm nội quy thì không thể học giỏi được. Nhưng cái nội quy ở đây không phải là nội quy của trường mà là nội quy của riêng những lớp học do thầy đảm trách. Chuyện bận quần sọt hay quần dài, có nịt hay không nịt, quần xanh hay quần đen, ở các lớp khác, nhất là các lớp lớn hơn, đâu thấy áp dụng. Đến lượt tôi, thầy vừa nhìn mặt tôi đã quát liền ba roi dằn mặt, rồi mới hỏi:

“Cha làm gì?”



“Dạ, công chức.”

“Mẹ thì sao?”

“Dạ, nội trợ.”

“Nhà có mấy anh em?”

“Dạ, mười bốn.”

“Trời đất, mười bốn? Mười bốn con lận!  
Mà mấy dòng?”

“Dạ ... dòng gì ạ?”

“Ba có mấy vợ?” thầy hỏi với giọng mỉa mai.

“Dạ, một.”

“A, nhớ rồi. Phải ba là ông Đàn làm ở Tòa Hành Chánh không?”

“Dạ, phải.”

“Phải mi có thằng anh để tóc dài ăn bận híp-pi tên Hiền không?”

“Dạ, phải.”

“Hèn chi! Thằng anh mi dạy mi ăn học như vậy đó hả? Anh em tụi bây không thương ba mẹ, không biết giữ tiếng cho ba mẹ, hoang đảng ngỗ nghịch, chửi thầy, bỏ học, chẳng ra thể thống gì! Tao đánh cho mi nhớ mà lo học hành đảng hoàng. Về nói lại với thằng Hiền là tao đánh mi, nghe chưa!”

Tôi ngược đầu lên nói:

“Dạ, bài học bài tập em có làm đầy đủ rồi.”

“Đùng có cãi, năm đó mà nghe này. Cái tội không lo học, không biết thương cha mẹ! Trăm roi cũng chưa đủ!”

Nhưng thầy quát tôi đủ mười roi thì ngưng,

có lẽ vì thấy mình hơi quá đáng. Rồi thầy bắt tôi viết phạt năm trăm câu: “*tôi phải chăm chỉ học hành và tuân theo kỷ luật của nhà trường.*” Tôi tự ái lắm, nhưng chỉ biết nhủ lòng là cố gắng học để thầy không thể khinh thường mình được.

Về nhà, tôi nói chuyện với ông anh mà thầy ấy nêu danh. Anh tôi cười, nói:

“Ông dạy dở khệt bị tụi tao chống quá. Ông biết tao bày đầu nên đâm ghét, cứ đòi đuổi tao ra khỏi lớp. Nhưng đuổi không được vì ông hiệu trưởng nể ba đầu dám đuổi. Vì vậy ông càng ghét thêm.”

Anh tôi học trường Đăng Khoa, cũng là một trong những học sinh xuất sắc của trường. Tôi không biết anh tôi có che giấu điều chi giữa anh và thầy Tân không. Nhưng chỉ riêng chuyện của tôi, tôi thấy là tôi không phục thầy ấy rồi. Nếu tôi lớn hơn chút xíu, có lẽ tôi cũng chống thầy ấy như anh tôi đã làm vậy.

Nhưng chuyện của tôi trong lớp toán của thầy vẫn chưa hết. Tuần sau vào lớp nộp bài phạt rồi. Tôi lại bị bắt viết bài phạt khác. Lần phạt này mới thực sự đẩy tôi vào thế chống đối thầy rõ rệt hơn. Chuyện là như vậy: thầy bắt học sinh khi viết bài hoặc làm bài tập đều phải dùng hai cây bút, một đỏ một xanh. Đề lớn thì viết chữ đỏ, gạch dít màu xanh; đề nhỏ thì viết chữ xanh, gạch dít màu đỏ. Các nguyên lý hay định nghĩa thì viết chữ đỏ. Câu giải hoặc ví dụ thì viết xanh. Phương pháp trình bày thật rườm rà, rắc rối, đều

cần phải ghi nhớ khi chép bài học và ngay cả khi làm toán tập, toán thi trong lớp. Phiên nhất là viết chữ A) bằng mực xanh xong, bỏ bút xuống, lấy bút đỏ lên viết chữ *Định Lý*, rồi bỏ bút đỏ xuống lấy bút xanh gạch đi chữ vừa viết, rồi lại bỏ bút xanh xuống lấy bút đỏ lên viết nguyên câu định lý, rồi bỏ bút đỏ xuống để lấy bút xanh viết nguyên đoạn ví dụ... Tôi đã cố gắng trình bày theo ý thầy, nhưng vẫn có vài chỗ trình bày sai, lộn. Nguyên cả cuốn bài học và cuốn bài tập của tôi đều bị thầy quẹt tréo dấu nhân, không thèm chấm bài làm xem đúng sai, và cho con *zéro* một cách ngang ngược. Đã vậy, thầy còn bắt tôi viết phạt năm lần cuốn bài học và năm lần tất cả những bài tập từ hôm khai giảng đến giờ. Viết đủ những bài phạt này, tôi phải tốn nhiều ngày, nhiều giờ và nhiều cuốn tập. Tôi không thèm năn nỉ xin thầy chấm lại như một số bạn cùng lớp. Tôi cũng không cần phải cãi lý với thầy. Tôi bỏ học. Và tôi xuống bãi biển, ngồi ngắm cảnh, nhìn trời nhìn mây nhìn nước.

Giờ của thầy toán tôi lãnh nhiều con *zéro*. Tôi bỏ học giờ thầy, nhưng có khi cũng phải gắng gượng vào lớp. Mà hễ vào lớp là tôi bị thầy gọi lên, hỏi bài, hỏi bài phạt đã chép chưa, rồi cho con *zéro* khác. May sao, chỉ một vài tháng sau là thầy bị đổi đi. Có lẽ thầy phải ra trận. Mong rằng các binh sĩ dưới quyền chỉ huy của thầy có nhiều thì giờ để học hỏi và chiến đấu hơn là cảm cú chịu bị phạt vì những tội kỷ luật. Một giáo sư

khác thay thế thầy Tân dạy toán cho lớp tôi. Lớp toán đã có không khí khác, nhẹ nhàng hơn. Nhưng, tôi đã mất căn bản rồi. Chạy theo các bạn đến đuối sức.

Những ngày trốn học trước đây cũng ảnh hưởng rất lớn cho việc học hành của tôi. Trốn giờ thầy toán thì phải trốn luôn giờ Sử địa (vì hai giờ kế nhau, cùng chung một lớp). Rồi giờ Sử-địa lại dính với giờ Việt văn hay giờ Lý-hóa. Cứ vậy mà dính chùm với nhau, nghỉ giờ này phải nghỉ luôn giờ kia. Cuối cùng, tôi bị thầy giám thị cho người đến tận lớp gọi lên văn phòng. Thầy giám thị nổi tiếng là đánh đòn nặng với cái roi mây dài hơn một thước. Học sinh bị kêu lên văn phòng giám thị là run bán. Tôi đứng xếp hàng chờ đợi tới phiên mình. Không học sinh nào bị gọi đến mà không bị đòn. Có những anh học lớp đệ nhị đệ nhất cũng phải nằm dài xuống đất để giám thị phạt đòn y như con nít. Đến lượt tôi, ông giám thị cầm xấp hồ sơ đọc lướt qua, thấy tên ba tôi thì chùn tay không đánh, đưa tôi lên văn phòng ông hiệu trưởng. Không phải ba tôi là một ông tướng ông tá dữ dằn có quyền lực to lớn trong tỉnh khiến cho mọi người phải sợ hãi. Ba tôi hiền lành và chỉ là một công chức ở Tòa Hành Chánh tỉnh mà thôi. Tuy nhiên, hầu như giới giáo chức, công chức các ngành ở Nha Trang đều kính nể ba tôi, không muốn đụng chạm đến gia đình ba tôi. Ngay cả bên quân đội hay cảnh sát cũng vậy, hề các anh trai lớn của tôi có bị bắt (vì lý do để tọc

dài, hay đi chơi về khuya trong giờ giới nghiêm) nhưng khai đến tên ba tôi thì họ cũng thả ra hoặc mời ba tôi đến để bảo lãnh về.

Tôi bước vào văn phòng vị hiệu trưởng già, hiền lành và đức độ nổi tiếng của trường. Ông hiệu trưởng xem hồ sơ học bạ của tôi, lắc đầu hỏi:

“Phải con là con của ông Đan không?”

“Dạ, phải.”

Ông hiệu trưởng nói giọng hụt hơi, khàn khàn, nhưng tình cảm, hiền hậu:

“Ba mẹ con ở Nha Trang, chẳng ai mà không biết tiếng, ông bà hiền lành đức độ, gia đình gia giáo như vậy mà sao con cứ trốn học hết giờ này tới giờ khác, bộ con không sợ làm buồn lòng ba mẹ con sao? Con có người chị học rất giỏi, lúc nào cũng đứng đầu lớp, đầu trường, sao con không noi gương chị để làm vui lòng ba mẹ? Con có chuyện gì trở ngại trong lớp phải không? Cứ việc nói thầy nghe để thầy giúp cho. Thầy không nghĩ là con học dở đâu. Cứ theo học bạ thì biết, các môn khác con đều lấy điểm khá. Tháng đầu mới khai giảng học rất được. Vậy sao từ tháng mười trở đi, lại xuống quá sức, nghỉ học nhiều. Môn toán cứ zéro hoài, là sao?”

Tôi không nói được lời nào. Giọng nói thân mật và tình cảm của ông hiệu trưởng làm tôi mềm lòng, tôi đứng đó mà khóc. Thầy Tân đánh tôi nhiều đòn tôi chỉ nghĩ rằng không kêu la hay nhỏ một giọt nước mắt. Chỉ có những lời chứa chan tình cảm của vị hiệu trưởng già này mới

thực sự làm xúc động và thay đổi tôi mà thôi.

Thấy tôi chỉ biết khóc chứ không giải thích được vì sao, ông hiệu trưởng an ủi dặn dò trước khi cho tôi về lớp:

“Thôi được, thầy sẽ mời ba con đến đây để bàn về chuyện học của con. Con về lớp tiếp tục học, nhớ siêng năng, đừng trốn học nữa. Thầy cũng sẽ xin các giáo sư lưu tâm đến con. Nếu bị trở ngại gì con cứ lên đây gặp thầy mà thưa chuyện, thầy sẽ giúp cho.”

Vậy là với tấm giấy chứng nhận của ông hiệu trưởng, tôi có thể trở lại lớp bình thường thay vì bị đuổi học. Hình như nghỉ một tuần liên tiếp không có giấy phép là đã bị đuổi rồi. Tôi đã nghỉ quá số ngày nói trên. Tôi cố gắng lấy lại các bài học bị thiếu. Vất vả lắm. Cuối cùng cũng qua được lớp đệ thất. Không lấy được điểm cao, đứng hạng gần chót, nhưng cũng được lên lớp. Ở mức trung học, tôi là đứa con đầu tiên và duy nhất trong gia đình có học lực tệ như vậy.

Nhìn học bạ thấy tôi xếp hạng thấp mà đặc biệt là môn toán bị yếu, ba mẹ tôi gọi tôi đi Phan Rang mấy tháng hè để người em họ (rể của cậu tôi) là giáo sư toán dạy kèm cho tôi tại nhà. Chừng hai tháng thì người em họ này đưa tôi về lại Nha Trang, nói rằng tôi học như vậy đủ rồi. Rồi người em họ này nói với ba mẹ tôi: “Ảnh (tức là tôi) đâu có dở toán đâu. Chắc tại không chịu học thôi.” Mẹ tôi nói: “Ừ, bác cũng chẳng hiểu sao. Lúc ở tiểu học, nó là thằng đứng đầu mọi

môn trong lớp, trong trường, năm nào cũng lãnh phần thưởng hạng nhất, lại được cả phần thưởng hạnh kiểm nữa.”

Mùa hè hãy còn khi tôi trở về Nha Trang. Biển Nha Trang vào mùa này thật lặng và đẹp. Nước biển trong vắt, bước chân xuống nước có thể nhìn thấy đáy. Tôi đi tắm biển hàng ngày. Tôi mê mãi trằm mình trong dòng nước mát. Rồi cũng ngồi trên bãi cát như thiên hạ để ngắm trời cao đất rộng. Nhưng thiên hạ chỉ ngắm sơ thôi, rồi tắm, rồi về. Còn tôi, tôi không muốn rời biển. Tôi bị mê hoặc trước cái bao la vô tận của biển trời. Tôi quên đói, quên khát. Cứ tắm rồi lên ngồi trên bãi ngắm cảnh, rồi lại nhảy xuống tắm. Đôi khi mẹ tôi phải sai anh hay chị tôi xuống bãi tìm tôi, kêu về.

Hình như không ai có thể cưỡng được sự đam mê thích thú trước cái gì cao vợi và sâu rộng. Nếu họ đã đắm mình vào đó rồi thì khi từ bỏ nó, sự từ bỏ cũng chỉ là miễn cưỡng.

Ngày tựu trường đến rồi mà tôi vẫn cứ đắm mình trong những mộng tưởng và nổi đam mê được ngồi chơi dưới bãi biển. Tôi không thích đi học nữa. Trường lớp với thầy cô giáo, bạn bè, bảng đen, bàn ghế và bục giảng, tập vở và sách học... tất cả đều không còn chút hấp dẫn nào đối với tôi. Tôi thích ngắm những cánh buồm xa lênh đênh ngoài dặm khơi hơn là nghe thầy giảng

về những eo biển, những quần đảo, những rặng núi chỉ thấy trên trang sách. Tôi thích ngâm mình hoặc nằm ngửa ra trên mặt nước biển để nhìn những cánh chim, những cuộn mây cùng trôi qua trên nền trời xanh biếc hơn là ngồi ghi chép về cách cấu tạo của mây hay bộ phận tiêu hóa của loài chim và những động vật tương cận. Học đường không còn một chút ý nghĩa gì đối với tôi nữa. Tôi sợ những thầy giáo. Tôi chán những bài học, bài tập. Tôi đến trường đến lớp một cách ưỡ oải; lăm li nhìn bạn bè cùng lớp vui đùa hoặc khoe nhau những hình vẽ rất đẹp cho các môn học. Tôi muốn vĩnh viễn từ giã tất cả những ngôi trường trên thế gian. Nhưng tôi không dám. Tôi hãy còn quá bé nhỏ, làm sao có thể quyết định được chuyện nghỉ học để không làm gì hết, chỉ rong chơi và ngồi chơi dưới bãi biển! Mỗi chiều về nhà, tôi hãy còn lăm la lăm lét lẩn tránh đôi mắt dò xét của các anh chị trong nhà. Từ khi biết tôi học rất dở ở lớp đệ thất, các anh chị nghe lời ba mẹ tôi, theo dõi chuyện học của tôi rất kỹ. Bài tập, bài học của tôi đều bị kiểm soát, dò lại trước khi tôi rời nhà để đến trường. Tôi cố gắng thanh toán bài vở mà không có chút sinh thú nào. Thường khi thì tôi len lén rời khỏi nhà để đến trường, không muốn bị kiểm soát bài vở. Và đôi khi tôi bị đánh đòn vì không làm hết bài tập của mình.

Tôi nhớ rất rõ một buổi trưa trước giờ đi học, đang ngồi soạn mấy cuốn tập để chuẩn bị đi



học, tôi bỗng thấy chán nản kinh khủng. Sự chán nản đi học lúc ấy tưởng như không còn sức nào để chịu đựng được nữa. Tôi muốn nguyên rủa thế giới khủng điên này tại sao phải bày ra chuyện học. Tại sao không sống hồn nhiên như những cụm mây, những cánh chim, những con bướm bay lượn trên ngàn hoa nội cỏ? Tôi ngồi lặng người thật lâu mà chẳng biết phải làm gì. Bỗng nghe người chị nhắc nhở chuyện đi học, tôi giật mình, ôm tập đứng dậy. Nhưng tôi không muốn đi. Tôi ón đến tận xương tủy của mình cái việc đi học này. Tôi làm lì bước xuống nhà dưới. Anh chị tôi đều đã đi làm đi học. Ba mẹ tôi đi vắng. Tôi lấy con dao cắt bút-tét thật nhọn, bén, kẹp vào trong cuốn tập. Rồi tôi bước lên nhà trên, vào góc bàn thờ rất tối. Cầm chắc chuôi dao với hai tay; lưỡi dao hướng vào bụng—không biết chỗ nào là chỗ yếu, cứ nhắm vào bụng sao cho thuận tay là được rồi. Để có thể mạnh dạn hơn trong việc đẩy lưỡi dao vào bụng, tôi lại nghĩ đến chuyện đi học, vào lớp bị thầy giáo gọi tên, hỏi bài, hỏi lý do tại sao trốn học tuần trước. Nỗi chán chường lại tỏa ra, dâng lên. Hình như sự chịu đựng đến đây là đã quá mức rồi. Tôi thích làm con chim, không thích làm một thằng học sinh vùi đầu vào sách vở nữa. Cứ bắt tôi phải đi học hằng ngày như vậy thì thà chết quách xong một đời vô nghĩa. Tại sao bên ngoài có vòm trời bao la, có đại dương xanh biếc mà không hưởng thụ, không vui chơi cho thỏa chí tang bồng lại

chui vào những căn phòng vuông vức phép tắc và những bài học nhai đi nhai lại trong sách vở! Tôi chán lắm! Tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi phải từ giã trần gian mê muội vô nghĩa này!

Tôi run run cầm dao hướng vào bụng, nhưng một phút trôi qua rồi mà vẫn chưa dám đẩy mạnh vào. Tôi ôm mãi chuôi dao rồi khóc rưng rức một mình. Cuối cùng, tôi bỏ dao xuống. Tôi sẽ không đi học ngày hôm nay, và có thể ngày mai, có thể mãi mãi. Nhưng tôi vẫn còn muốn sống.



Tôi có người bạn học chung lớp hồi tiểu học, nay lên trung học hai đứa lại học chung. Đã vậy, chúng tôi lại ở chung xóm nữa nên chuyện thân nhau là lẽ thường. Bạn tôi tên Dũng. Trong xóm cũng như ở trường đều gọi Dũng là *Dũng đẹo* vì chân của Dũng bị tật từ tám bé. Tôi không bao giờ gọi Dũng bằng tên đó vì sợ bạn mình mặc cảm nhưng một đôi khi, tụi bạn cùng lớp hay cùng xóm cũng buộc tôi phải gọi như vậy khi hỏi tôi “Dũng nào?”. Có nhiều Dũng quá (Dũng hí, Dũng cò, Dũng Hà-ra...), nói Dũng không thôi thì ai biết là Dũng nào. Tánh Dũng cọc cằn, khó chịu nhưng đã kết làm bạn với ai thì Dũng đối xử hết lòng, tốt bụng. Vậy cho nên chúng tôi mới chơi thân với nhau một thời gian dài được. Dũng học không khá lắm, mà được cái siêng năng, bài học bài tập lúc nào cũng đầy đủ nên tôi thường

qua nhà Dũng để chép lại những bài học của lớp trước khi về nhà. Gia đình tôi không biết tôi trốn học vì lẽ đó. Dĩ nhiên là tôi không thể che giấu mãi, nhưng được ngày nào hay ngày nấy. Như vậy, trong những ngày trốn học đó, tôi sống trong phập phồng, đôi lúc rất căng thẳng. Tôi muốn trốn thoát vĩnh viễn sự đè nén khó chịu đó nhưng chẳng biết làm sao. Tôi muốn chống lại chuyện đi học nhưng không chống nổi sự hãi sợ đối với ba mẹ, với thầy giáo, với anh chị lớn trong gia đình. Vẫn còn những trói buộc, những kèm chế, áp đặt trên cuộc sống đầy mộng tưởng của mình. Mộng tưởng của tôi nào có gì tồn kém, hao hụt gì cho gia đình, cho xã hội! Chỉ là cái mơ ước con con được vui đùa thành thoi, với trời cao đất rộng mà thôi! Chỉ là cái mơ ước bé xíu muốn vất tung, đập đổ hết những sách vở, giấy bút của học đường mà thôi!

Đang khi tôi bị chìm đắm trong nỗi chán chường và hãi sợ đối với những người lớn trong gia đình (các anh chị) và trong học đường, mẹ tôi đã vô tình mở cho tôi một cơ hội. Sáng thứ bảy tuần đó, mẹ sai tôi đem cuốn sách tự học tiếng Nhật lên chùa Hải Đức cho Thầy Hải Tuệ.

Nếu tôi nhớ không lầm thì ngôi chùa này tôi đã có theo mẹ đến một vài lần khi còn bé xíu, bốn năm tuổi. Một lần khác, cách đây vài năm—khi tôi được tám, chín tuổi—tôi và đứa em kế đi lễ hội Phật Đản ở chùa Tỉnh hội; hai đứa luôn theo đám đông, thấy thiên hạ đi đâu thì mình cứ đi đó, cuối

cùng đến chùa Hải Đức này lúc nào chẳng hay. Lúc đó vào buổi tối, lại đông người, chúng tôi đâu có nhìn ngắm hay thưởng thức được cái gì hay ho của ngôi chùa nổi tiếng này. Chỉ ham vui mà đi thôi. Bây giờ, tôi theo lời hướng dẫn của mẹ, đến chùa một mình vào buổi sáng.

Chùa Hải Đức nằm trên đồi Trại Thủy, chiếm gần hết chiều dài của đỉnh đồi với khu chánh điện, nhà trù (bếp), trai đường rồi hai dãy tầng phòng rộng lớn có thể chứa khoảng trên hai trăm tu sĩ. Có bốn ngã dẫn đến chùa: một ngã đi ngang chùa Phước Điền và xóm chùa dưới chân núi để lên tam cấp dẫn đến phương trượng, tổ đường và khu nhà trù (tức là nhà bếp) – có một đoạn rẽ trái để ra trước chánh điện (gọi là đường *Bình minh*); một ngã từ Phường củi (Phương Sài) theo con đường dốc trái trái dẫn lên ngõ tam cấp trước cột cờ và chánh điện (nối với đường *Bình minh* nói trên); một ngã là đường đất thoai thoai, ngoằn ngoèo ở lưng chừng đồi bắt đầu từ phía hông trái của chùa Tỉnh hội và chấm dứt ở dãy bệnh xá của chùa Hải Đức (gọi là đường *Hoàng hôn*); và ngã cuối cùng là con đường rộng (xe cam nhông có thể chạy lên được) từ Kim Thân Phật Tổ (trên đỉnh núi phía sau lưng chùa Tỉnh hội) dẫn đến dãy tháp chuông lớn và dãy tầng phòng mới cất của chùa Hải Đức (thường gọi là dãy “*nhà mới*”).

Tôi chọn con đường thứ tư này để lên chùa Hải Đức. Mẹ tôi nói đường này đi rất mệt vì phải

leo tam cấp từ sau chùa Tĩnh hội lên Kim Thân Phật Tổ (tượng Phật Thích Ca thật lớn xây trên đỉnh núi, tượng ngồi, mặt xoay về hướng biển Nha Trang) rồi mới men theo con đường núi bên hông tượng Phật mà qua chùa Hải Đức. Mẹ khuyên tôi hãy đi con đường bên hông chùa Tĩnh hội (đường Hoàng hôn), khỏi leo tam cấp mà lại có bóng mát nữa, nhưng tôi muốn đi đường có tam cấp sau lưng chùa Tĩnh hội hơn, vì dù sao, theo lời chỉ dẫn thì con đường này có vẻ dễ đi hơn, không sợ bị lạc.

Hì hục leo hết mấy trăm bậc cấp, tôi lên đến trước Phật đài (ở Nha Trang người ta đặt tên thắng cảnh này là *Kim Thân Phật Tổ*). Vừa khỏi bậc tam cấp cuối là tôi đón nhận ngay luồng gió biển quen thuộc thổi qua lồng lộng. Lúc ấy du khách thưa thớt. Lác đác vài người đứng chụp hình, lễ bái. Tôi sung sướng đứng lại một lúc ở khoảnh sân trước Phật đài, nơi có những luống hoa chuối và cây kiểng đủ loại trồng chung quanh. Từ đây tôi có thể nhìn khắp thành phố Nha Trang. Sau lưng Phật đài là chùa Hải Đức, xa hơn nữa là vườn dừa xanh um, ngút ngàn, chạy dài từ cầu Xóm Bóng đến tận các dãy núi phía tây Nha Trang. Phía bắc là Phường Củi với những xóm nhà lụp xụp và con sông nhỏ (tôi không biết tên) dẫn ra cầu Hà-ra, nước chảy lặng lẽ, ghe thuyền lác đác, hai bên bờ sông những dừa là dừa. Phía nam, tức bên trái của Phật đài là đồng ruộng bát ngát của khu Đồng Nai, Xóm

mới, chạy vào tới Đồng Bò và dãy núi Hoàng Ngu. Phía đông, tức phía trước mặt Phật đài, là thành phố Nha Trang hiền hòa như e ấp dưới nắng mai. Chỉ một số nhỏ cao ốc khiêm nhường vươn lên. Xa hơn nữa là biển Nha Trang, kéo một vạch thẳng xanh thẫm, lấp loáng ánh bạc ở mé đông. Những cánh buồm, những ghe thuyền qua lại, chỉ còn thấy nhỏ li ti như những hạt bụi đen trắng, điểm nhẹ trên dòng nước biếc. Các hải đảo như đậm nét hơn khi nhìn từ xa. Biển, núi, trời, mây, như dính với nhau mà lại rời nhau với từng đường ranh phân biệt rõ nét. Y như một bức tranh. Y như một giấc mộng. Ôi, tôi thật muốn khóc. Vâng, tôi muốn khóc lên trước vẻ đẹp của đất trời mệnh mang thơ mộng này.

Từ KimThân Phật Tổ qua chùa Hải Đức, tôi phải đi ngang các dãy phòng tăng trước. Lúc ấy đang là giờ nghỉ trưa của quý thầy. Tôi rón rén đi nhẹ trên đất sỏi để khỏi làm kinh động không khí tĩnh mịch nơi đây. Nghe mẹ nói rằng ở viện có gần hai trăm vị sư. Vậy mà ở các dãy tăng phòng lại im phăng phắc. Chỉ còn tiếng ve kêu, chim hót. Có một vài vị sư không ngủ, đang ngồi học hoặc lim dim tọa thiền dưới mái hiên, một cách im lặng. Có vị mặc võng nằm đọc sách dưới những gốc cây ở mé đồi. Thấy tôi đi ngang, có vị đưa tay ngoắc, vẫy, như chào đón một tục khách ghé thăm cõi tiên, rồi tiếp tục đọc sách, hoặc úp sách che mặt mà ngủ. Họ cạo đầu, bận áo vải nâu

hoặc lam đơn sơ, cũng học cũng đọc sách, nhưng phong thái nhẹ nhàng, không có vẻ gì là phải chạy theo, dần bước theo những nề nếp khuôn khổ của cuộc đời. Tâm tư tôi có lẽ không sáng sủa gì lắm trong vấn đề hiểu biết sách vở, nhưng tôi nhớ rất rõ rằng nó thật bén nhạy trong sự khám phá và cảm nhận những cái đẹp bí ẩn và huyền nhiệm của thiên nhiên và con người. Thật vậy, lúc ấy, nhìn các vị sư trong khung cảnh chùa là tự dung tôi biết cuộc sống của họ có những niềm vui vô cùng cao khiết mà tôi sẽ không thể tìm thấy được nơi trần gian loáng thoáng ẩn hiện dưới chân núi này.

Tôi tìm gặp thầy Hải Tuệ, người mà mẹ tôi muốn đem dâng cúng cuốn sách “Tự học tiếng Nhật”. Thầy không nghỉ trưa mà ngồi đọc sách nên tôi vừa đến phòng khách là gặp ngay thầy. Thầy tiếp tôi tại phòng khách. Biết tôi chưa ăn trưa, thầy kêu một dì vải mang cho tôi một mâm cơm nhỏ. Tôi ngồi ăn một mình, thầy ngồi ở bàn gần đó, vui vẻ trò chuyện với tôi, thân mật cởi mở. Xong việc, tôi bái thầy mà về. Trở lại Kim Thân Phật Tổ. Từ đây, tôi ngồi lại một lúc ở thềm Phật đài, nhìn ra biển rộng lóa ánh mặt trời ở xa xa. Tôi biết ngoài cuộc sống tầm thường, buồn tẻ của thế gian, có một phương trời cao rộng đang mời mọc, chờ đón tôi.



“Hồi sáng mẹ sai con đem đồ lên chùa Hải Đức, con thấy có nhiều thầy trên đó lắm.” (Anh chị em tôi gọi mẹ bằng *me* chứ không gọi *mẹ* hay *má* như người ta).

“Ừ, trên đó là trường tăng mà.”

“Trường tăng là gì vậy me?”

“Là trường để dạy chư tăng, dạy quý thầy đó. *Trường tăng* là gọi nôm na vậy thôi, chứ đúng thì phải gọi là Phật học viện.”

“Làm sao để được thành thầy vậy me?”

“Thì đi tu, làm chú tiểu, học tập trau luyện đủ mọi thứ rồi lớn lên làm thầy chứ sao. Nhưng nói thì nói vậy chứ đi tu không phải dễ đâu, phải có căn mới được.”

“Có căn là có cái gì vậy me?”

“Đại khái là có cốt, cái số hay cái mạng làm thầy tu đó mà.”

“Vậy con muốn đi tu có được không hở me? Mẹ thấy con có căn không?”

Mẹ tôi ngừng bút, giật mình ngó tôi. Một lúc lâu, bà nói:

“Chuyện đó thì khó biết lắm. May ra có quý thầy ở chùa nhìn tướng con mới biết được. Con muốn đi tu hở?”

“Dạ, con muốn,” tôi đáp ngay.

Mẹ tôi im lặng, suy nghĩ một lúc lâu:

“Chắc ba không cho đâu.”

“Me xin cho con đi.”

“Được rồi, để ba về me sẽ nói với ba chuyện này.”



Tôi mừng rỡ, chờ đợi. Nhưng khi ba tôi về, mẹ vẫn chưa nói ngay. Hình như mẹ muốn chờ lúc thuận tiện. Ba tôi hiền lắm, vậy đó mà bỗng dung tôi thấy sợ ông và nghe hồi hộp trong lòng khi chờ đợi mẹ xin phép cho mình đi tu. Tâm trạng chờ đợi trong hồi hộp và lo sợ đó, chắc là giống tâm trạng của một chàng trai đòi cưới vợ hay một cô gái đòi lấy chồng. Ba mẹ tôi nói chuyện như thì thầm với nhau vậy. Chưa biết kết quả ra sao.

Đêm đó tôi ngủ không được. Thật lạ kỳ! Tự nhiên ước muốn đi tu ập đến sau khi đi chùa Hải Đức về. Ý muốn vừa khởi lên là tôi nói, tôi xin ngay với mẹ chứ không suy nghĩ hay chần chờ gì. Trước đó tôi không hề nghĩ đến dù rằng tôi rất chán sống. Vậy mà khi nghĩ đến, nó thôi thúc đến độ như nếu không được cho phép đi tu thì cuộc đời tôi không còn ý nghĩa gì nữa. Thực ra tôi cũng là một đứa bé siêng năng đến chùa tụng kinh Pháp Hoa vào mỗi tối ở chùa sư nữ gần nhà, nhưng việc tụng kinh mỗi tối đó không hề khích lệ tôi đi tu bao giờ cả. Có lẽ bây giờ thì khác: về tương phản rất rõ giữa cuộc sống nhàm tẻ của việc đi học với khung cảnh thanh thoát của cảnh chùa đã thúc đẩy tôi việc chọn lựa này.

Sáng mai, ba hôn tôi rồi đi làm, vậy mà chẳng thấy dấu hiệu gì là ông đã nghe chuyện của tôi cả. Tôi rón rén đến bên cạnh mẹ, giả đò không đề cập đến chuyện đi tu, nhưng thực tâm là tôi chỉ chờ đợi mẹ tự động nói kết quả thảo luận giữa bà

và ba tôi đêm qua. Mẹ tôi nói mà có vẻ như ái ngại, sợ tôi buồn:

“Ba nói con đi tu là tốt lắm, nhưng con hãy còn nhỏ tuổi quá. Mười, mười một tuổi mà đi tu thì còn sớm lắm. Ba nói con ráng học cho xong tú tài rồi đi tu cũng đâu có muộn!”

“Xong tú tài là bằng chị Hồng bây giờ phải không mẹ? Vậy là mấy năm nữa?”

Mẹ tôi nhẩm tính một lúc rồi nói:

“Bây giờ con học đệ lục phải không? Vậy tức là còn khoảng năm, sáu năm nữa thôi.”

*Năm, sáu năm nữa thôi.* Mẹ tôi nói vậy mà không biết được nỗi thúc giục cấu xé tâm hồn bé thơ của tôi. Tôi đau khổ. Ừ, đau khổ sớm quá. Ước vọng đơn giản như vậy mà cũng không được gia đình đáp ứng! Tôi méo máo, lặng lẽ rời mẹ, vào trong góc tối của bàn thờ, cái chỗ tắm tôi mà có lần tôi suýt tự tử tại đó, ngồi thút thít một mình. Một chốc sau, mẹ tôi bước vào dỗ dành:

“Ráng đi con, chừng vài năm nữa rồi ba mẹ cho con đi tu.”

Tôi vùng vằng, giận lẫy. Hai ngày sau, tôi bỏ nhà ra đi. Nhưng chưa phải là chính thức đi tu. Lúc đó không hiểu sao tôi chẳng nghĩ đến chuyện trốn ngay lên chùa Hải Đức hay bất cứ một ngôi chùa nào ở Nha Trang. Có lẽ vì một thân một mình đến gõ cửa các chùa làm tôi e ngại. Huống chi tôi chưa rành rẽ gì chuyện xuất gia. Theo như mẹ tôi diễn tả chuyện đi tu, tôi thấy hình như rắc rối lắm, khó khăn lắm, sức

thường không làm nổi. Làm sao một đứa bé như tôi dám đến chùa một mình, tự xin cho mình được xuất gia! Tôi đến nhà Dũng, cứ ở lại đó, ăn ngủ, không chịu về. Ba nó chẳng thắc mắc gì, cứ tưởng con nít ham vui, chạy qua chạy về, chứ đâu có biết tôi bỏ nhà mà đi. Nhưng thực ra nhà Dũng đâu có xa xôi gì: cùng một xóm với nhà tôi thôi. Ông anh kế của tôi chỉ đến ngay trước nhà Dũng, đưa ngón tay ngoắc một cái. Vậy là tôi gói ghém *hành lý* đơn sơ của mình, về ngay. Chí xuất gia thì mạnh lắm nhưng chí trốn nhà thì hãy còn yếu. Bị phát giác nơi trốn là đã chịu thua cuộc rồi. Về nhà bị ông anh lớn la một trận, đòi đánh. Mẹ tôi can ngăn, rồi dùng lời dịu ngọt mà dỗ dành. Thôi thì đành nhẫn nại chờ cơ hội khác.

Xin đi tu làm một đứa bé hiền lành chỉ biết có kinh kệ mà chẳng được đáp ứng, còn bị hiểu sai, bị xuyên tạc nữa. Tôi buồn quá, lại kiếm giờ rảnh xuống biển ngồi. Tôi mua một cái bong bóng bay để viết lên ước nguyện của mình. Thấy ông già bán bong bóng đi ngang tự nhiên tôi nảy ra ngay ý định viết lời ước nguyện của mình lên cái bong bóng. Tôi dùng bút nguyên tử viết nhanh, không cần suy nghĩ: "*Lạy Phật Trời, xin giúp cho con được đi tu*". Viết xong thấy vẫn còn nhiều khoảng trống, tôi viết thêm: "*Con tên là ... con của ông ... và bà ... Con ở số nhà ... Xin giúp cho con được đi tu*". Viết xong, tôi đọc lại thật kỹ xem còn muốn nói gì nữa không. Rồi tôi thả chiếc bong bóng bay lên bầu trời đầy mây

trắng. Tôi ngồi dõi theo chiếc bong bóng bay cao, bay cao, cho đến khi nó nhỏ dần rồi mất hút ở đâu sau những cụm mây, không sao nhìn thấy được nữa. Tôi hy vọng một ông tiên hay bà tiên nào đó bay ngang sẽ bắt gặp chiếc bong bóng ước nguyện của tôi. Rồi ông tiên, bà tiên đó sẽ đem chiếc bong bóng vào trình lên Đức Phật, hay trình cho ông Trời. Các ngài sẽ động lòng và tìm cách giúp đỡ tôi, cho tôi được toại nguyện. Thả bong bóng rồi, tôi thấy nhẹ trong lòng vô cùng. Tôi sung sướng mỉm cười một mình và tự khen mình đã nghĩ ra được cách viết thư thật bảo đảm và nhanh chóng đến Phật Trời. Tôi về nhà chờ đợi kết quả. Nhiều ngày trôi qua vẫn không thấy dấu hiệu gì là Phật Trời giúp tôi cả. Tôi buồn lắm, nhưng tôi không dám oán trách các ngài. Tôi nghĩ chắc là phải có lý do chính đáng nào đó nên các ngài không đáp ứng được lời cầu xin của tôi; cũng có thể là thư bong bóng do tôi gửi đã đi lạc... hoặc bị bể trước khi đựng tới tầng mây thứ chín.

Vài tháng sau, tôi lại trốn nhà mà đi. Lần này cũng vậy, chưa phải là đi tu thực sự, nhưng cứ trốn nhà cái đã rồi tính sau. Tôi muốn làm vậy để ba mẹ và gia đình biết rằng chuyện tôi đi tu là chuyện nghiêm chỉnh chứ không phải chuyện đùa. Lần này, tôi không dại gì mà tới nhà Dũng như lần trước. Với mấy chục đồng để dành trong túi, tôi đi lang thang suốt ngày ngoài phố.

Thời giờ thừa thãi lắm, phải tiêu sao cho hết mà không thấy chán. Ở Nha Trang có năm rạp xi-nê (lúc đó chưa có rạp Nha Trang và Hưng Đạo), rạp nào tôi cũng vào được mà không tốn tiền. Cứ đem cái uy của ba tôi ra là được miễn phí thôi. Các ông, các bà bán vé, soát vé, biết mặt anh em chúng tôi mà. Cứ chường mặt ra nói: “Con vô nghe chú” hoặc “Cho con một cái vé đi cô” là được vô. Anh chị em lớn của tôi thì không đi coi xi-nê theo kiểu đó. Chỉ có bọn nhóc như tôi thì cứ mượn danh ba để vào cửa mà thôi. Nhờ vậy mà trong mấy ngày trốn nhà, tôi vào rạp xi-nê vừa coi vừa ngủ cho hết thì giờ.

Ra khỏi rạp, thấy đói bụng thì đi mua một ổ bánh mì. Kiếm chỗ nào hơi khuất để ngồi gặm. Ba mẹ tôi dạy không được vừa đi vừa ăn ngoài đường. Khát nước. Uống nước mía. Sang lắm. Chưa biết thế nào là sự cần kiệm. Hết phim để coi thì lại mò xuống bãi biển. Buổi tối thì lên vào chùa sư nữ gần nhà. Chùa có mở trường mẫu giáo gồm hai lớp, một lớp trên lầu, một lớp dưới lầu. Tôi trốn trên lầu. Trước khi đóng cổng chùa, các sư cô kiểm soát hai phòng học; liếc nhìn một cái rồi khép cửa phòng học lại. Tôi yên tâm nằm ngủ dưới đất. Bàn học của mấy đứa mẫu giáo nhỏ quá không đủ cho tôi nằm dù tôi chẳng cao bao nhiêu. Sớm mai khi các sư cô mở cổng, quét dọn, tôi làm bộ như mới đến chùa, kiếm cái chổi quét giúp các sư cô. Quét xong, kiếm miếng nước uống. Sư cô bảo uống sữa nóng đi. Sáng nào các

sư cô cũng nấu một thùng sữa (loại sữa bột của Mỹ do cơ quan từ thiện nào đó đem đến cho chùa) cho các em học sinh mẫu giáo đến trường tắm bổ. Uống sữa rồi, sư cô lại đưa cho một ổ bánh mì nóng dòn kẹp mì căng hay đậu hủ chiên rất ngon. Bánh mì này cũng dành cho các em mẫu giáo. Nhưng phần bánh và sữa lúc nào cũng dư thừa, chia thêm cho tôi cũng không hao hụt gì. Huống chi tôi là một đứa bé trai siêng năng tụng kinh Pháp Hoa mỗi tối ở chùa này, sư cô nào lại chẳng biết. Vậy là ăn bánh uống sữa chắc bụng rồi, tôi lại tiếp tục đi lang thang, ra phố, xuống biển cho hết ngày. Nhưng lần này tôi lại bị bắt về trong một trường hợp rất là buồn cười: tôi đang lang thang ngoài phố bỗng gặp người chị lớn đi ngược chiều. Tôi chào chị. Chị cười và gật đầu nhẹ một cái. Lúc đó tôi quên mất là mình đang trốn nhà mà chị tôi cũng không nhớ. Chào nhau xong thì cũng vừa tiến sát lại gần nhau. Bất chợt bà chị nhớ lại, và ngay lúc ấy, tôi cũng nhớ lại cái thực tế là mình đang trốn nhà! Tôi tính vụt chạy, nhưng bà chị đã chụp được cánh tay tôi, nắm thật chắc:

“Đi về! Trốn đi đâu nữa! Cả nhà đang sốt ruột tìm mà không biết sao!”

Tôi theo người chị về tới nhà. Lại bị ông anh lớn sùng sộ bộp tai mấy cái. Người chị kể thì ngắt véo, nói xỉa nói xói. Tôi không khóc. Tôi chỉ hối hận là đã làm cho ba mẹ tôi rầu lo suốt hai ngày nay mà thôi. Và tôi buồn là ở nhà vẫn

không hiểu được lý do trốn nhà của tôi. Ai cũng cho rằng tôi lười biếng đi học, ham chơi sa đà, thích đi bụi đời với bạn bè xấu. Có lẽ chỉ có ba mẹ tôi là có thể hiểu vì sao, nhưng ông bà quên mất rồi thì phải! Hình như ước nguyện đi tu của tôi đã được hiểu như là một sự bốc đồng, một ước muốn có tính nhất thời như thích áo thích quần vậy. Hơn nữa, chuyện đi tu của một đứa con trai nhỏ trong gia đình vui nhộn này rất khó tin. Ai có thể tưởng tượng được chuyện có một đứa con, một đứa em, đòi đi tu!

Vậy là tôi phải tiếp tục sống – có nghĩa là đi học, vì chuyện đi học chiếm gần hết thì giờ của tuổi thơ mà! Nhưng cũng chỉ kéo dài đâu chừng hai tháng là cùng. Hai tháng đó là hai tháng đầu năm, nhà nhà vui xuân, vui Tết. Tôi cũng như bao đứa trẻ khác, ham vui, chạy theo sự nhộn nhịp tung bừng của hội xuân. Ngày Tết trường đóng cửa, học sinh tiểu và trung học đệ nhất cấp được nghỉ từ bảy đến mười ngày. Như vậy thì cuộc sống yên vui quá rồi. Tôi quên luôn chuyện xuất gia chưa thành của mình, cứ vui chơi ba ngày Tết. Đến ngày mùng bốn, mùng năm, không khí Tết coi bộ đã nhạt nhẽo đi rồi. Dù bọn trẻ như tôi vẫn chưa phải đến trường nhưng ba và các anh chị lớn của tôi đã đi làm, đi học trở lại. Sắp hết Tết rồi. Sắp đi học trở lại rồi. Lúc đó tôi mới sực tỉnh. Rằng không có cuộc chơi nào kéo dài. Rằng nếu là con em của một gia đình chú trọng văn hóa thì phải học, học, học cho đến khi

thành tài, có bằng cấp... Rằng đã chấp nhận chuyện đến trường hằng ngày là phải chấp nhận từ bỏ những mộng ước, những đam mê vui đùa hay sự phóng tâm vào những chân trời cao rộng xa xăm. Cái thực tế trời, biển, núi, mây, thực ra chẳng phải thực tế. Người ta nhìn chúng là những cái đầu đầu, như tranh, như mộng (kể nào ham thích cảnh thiên nhiên thì hẳn là lãng mạn, thiếu thực tế!) Thực tế của cuộc đời là nhà cửa, xe cộ, trường học, bảng đen, giấy bút ...

Tôi buồn bã xuống bãi biển ngòi. Nhìn trời biển mênh mang, lòng tôi càng thêm thấp thỏm, như bị thúc giục mời gọi một chuyến lang bạt kỳ hồ nào vậy. Ai bảo trái tim bé xíu của tuổi thơ không biết quặn đau nhỉ? Trong túi tôi, tiền Tết hãy còn. Tôi định bụng phải để dành thêm chút tiền nữa để có thể trốn nhà đi xa hơn. Sẽ có một ngôi chùa nào đó trên núi cao: buổi sáng sương mờ đầm đầy vai, buổi chiều mây bạc lưng chừng núi, dưới tháp biển rộng quán quanh chân, trên cao trời biếc giăng ngang đầu... Sẽ có vị sư hiền như ông tiên, ngồi trên tảng đá mà lắng nghe chim rừng kêu hót. Sẽ có tôi hồn nhiên như một tiểu đồng, quét những chiếc lá vừa rụng quanh hiên...



## CHƯƠNG HAI

Cách nhà tôi hai căn là ngôi chùa sư nữ Vạn Thạnh. Tôi và bảy em bốn đứa cũng thường đến chùa tụng kinh Pháp Hoa vào mỗi tối. Từ lúc này ý muốn xuất gia, tôi càng đến chùa thường xuyên hơn. Tôi đến vào buổi sáng sớm để giúp các sư cô lau chánh điện, quét sân. Rồi mỗi tối thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, từ sáu đến bảy giờ, tôi lại được sư cô trụ trì cho tham dự lớp học giáo lý dành riêng cho các tiểu ni. Lớp học vốn vẹn có mười người mà chỉ mình tôi là con trai, lại là tục khách. Vậy mà cuối tháng cộng số điểm, tôi được xếp hạng nhất. Sư cô trụ trì lấy đó làm buồn, rầy la các tiểu ni sao học dở để cho tôi là người ngoài chùa vào lại đứng đầu. Các tiểu ni lớn tuổi hơn tôi có hai cô cỡ mười sáu, mười bảy tuổi đã cạo nhẵn tóc, chít khăn rồi thì chỉ cười cười, không tỏ vẻ gì là tự ái. Một cô còn khuyến khích tôi học giỏi để sau này đi tu dễ được chấp nhận. Riêng các tiểu ni cùng lứa hoặc lớn hơn tôi chừng một, hai tuổi thì lại đổ ky, đâm ghét tôi, cho rằng vì tôi mà các cô bị la. Cũng không trách các tiểu ni này được vì dù sao các tiểu ni này tuy đã mặc đồ tu nhưng vẫn chưa được cạo tóc (chắc là mới đi tu). Chỉ có tiểu ni nhỏ nhất chùa, đâu khoảng tám, chín tuổi (trong chùa thường gọi là Bé, pháp danh Diệu

Nguyên, chẳng rõ tên thật là gì) là tiểu ni duy nhất được cạo tóc, để một cái chóp dài vắt qua vành tai (nghe đâu đi tu đã lâu, từ lúc bốn, năm tuổi) là hồn nhiên vui vẻ, có gì chưa hiểu cũng hỏi tôi, coi như chuyện tôi hơn cô ấy là thường vì ở ngoài, tôi học lớp cao hơn, mà tuổi đời tôi cũng lớn hơn nữa. Thấy sự có mặt của mình làm cái gai cho các tiểu ni kia, khiến lớp học mất hòa khí, tôi xin nghỉ học. Nhưng tôi vẫn đến chùa thường xuyên để tụng kinh Pháp Hoa mỗi tối hoặc có mặt tại chùa mỗi cuối tuần để *tổng vệ sinh* (chùi rửa kỹ lưỡng ngoài sân cũng như trong chánh điện và các dãy phòng). Cái tế nhị không muốn mất lòng người khác không hiểu được tôi học từ đâu mà đã biết áp dụng từ lúc đó. Chỉ một thời gian ngắn ngủi sau khi tôi thôi học giáo lý, các tiểu ni đã vui vẻ trở lại với tôi. Buổi tối, chúng tôi cùng ngồi hai hàng dọc ở dưới tháp (các sư cô lớn ngồi ở bục trên sát bàn Phật) tụng kinh Pháp Hoa, hồn nhiên như những chim non.

Nếu tôi là một cậu bé bốn, năm tuổi, có lẽ tôi được khuyến khích xuất gia ở chùa sư nữ này rồi. Một số các chùa sư nữ đã nhận cho xuất gia những bé trai nhỏ như vậy, nuôi đến tuổi mười hai, mười ba thì đem gởi ở chùa tăng của quý thầy. Nhưng tôi không thích vậy. Từ khi thường xuyên đến chùa sư nữ, tôi chưa hề có ý niệm là xin xuất gia ở đây. Có nhiều lý do lắm. Thứ nhất, đây là chùa dành cho phái nữ. Thứ hai, nếu “*tu tam*” ở đây một thời gian rồi chuyển qua chùa sư

tăng thì tôi cũng đã quá lứa để được nhận rồi (lúc này tôi đã được mười một tuổi). Thứ ba, chùa gần nhà quá. Thứ tư, chùa nhỏ mà gần nơi thị tứ quá. Khi nghĩ đến chuyện xuất gia, tôi luôn phóng mắt trong đầu mình một ngôi chùa rộng, khoảng khoát, có cây đa hay cây bồ đề thật to, tọa lạc trên núi cao, tách hẳn với thế tục.

Các sư cô lớn và các tiểu ni ở đây đều biết hoặc nghe nói tôi có ý định xuất gia nhưng không ai biết là tôi bị gia đình ngăn cản. Các tiểu ni thì vui vẻ coi tôi như bạn đạo (ít ra cũng đã từng bạn học cùng lớp) hay như người trong chùa, có chuyện gì tiến bộ hay khó khăn trong việc tu học cũng kể cho tôi nghe. Nhưng tôi chỉ lắng nghe, đôi khi góp ý với các tiểu ni mà chính tôi vẫn có nỗi niềm riêng tư còn phong kín cho riêng mình, chẳng biết bộc lộ với ai.

Nhắm số tiền để dành đã đủ cho một chuyến xe đò đi xa, trưa hôm đó tôi đến chùa sư nữ xin một cuốn kinh nhật tụng. Nhưng chùa hiếm kinh quá, mỗi tiểu ni chỉ được một cuốn, không ai có dư mà cho tôi. Các tiểu ni bảo tôi hãy lên xin sư cô trụ trì. Tôi ngại, không dám vì đang giờ nghỉ trưa, sư cô đã đóng cửa phòng. Tôi còn tần ngần đứng ở phòng khách chưa biết làm sao để có một cuốn kinh thì một tiểu ni đến gần, tìm hiểu, hỏi tôi đủ chuyện. Tiểu ni này lớn hơn tôi vài tuổi, tên là Su (hay Xu gì đó). Tôi vẫn thường gọi bằng chị Su.

“Chiều tối đến xin cũng được chứ chờ chi

cho mệt. Bộ gấp lắm hả?”

Tôi đáp:

“Dạ, phải nội trong trưa nay.”

“Bộ đi tu hay sao mà đòi xin kinh? Mà nếu đi tu thì tu chùa nào chùa đó sẽ cho mình kinh chớ, lo gì phải có trước!”

“Em muốn có kinh để lo học cho thuộc trước khi vào chùa chị Su à!”

“Vậy thì chiều đến xin kinh sư cô, xong nhờ sư cô chỉ cho biết kinh nào cần học trước, gấp gấp gì dữ vậy!”

Tôi nóng ruột quá đành nói thật:

“Em tính trốn nhà đi tu, chị Su à! Chị đừng nói ai biết nghe, chút nữa em về nhà lấy đồ xong là đi luôn, cho nên em mới xin kinh đó chứ.”

Chị Su nghe nói giật mình, nhưng cũng tận tình giúp đỡ tôi chứ không có ý can ngăn gì. Chị nói trong tủ kinh có một cuốn kinh rách nát, thiếu một số trang nhưng các kinh quan trọng cũng còn đầy đủ không bị mất trang nào. Tôi mừng rỡ xin chị lấy dùm cho cuốn kinh rách đó. Chị ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Cuốn kinh đó không phải của chị. Chị thấy trong tủ kinh trên bàn thờ Phật. Chắc là bỏ rồi, nhưng... cũng đâu được quyền lấy ngang như vậy, phạm giới ăn cắp đó!”

Tôi năn nỉ:

“Chị lấy đi rồi đồ hộ em ăn cắp cũng được. Ăn cắp gì chứ ăn cắp kinh để tụng đọc thì đâu có sao!”

Chị Su xì một tiếng:

“Em lấy kính đi mất tiêu rồi thì chị ở đây chịu thôi chứ đồ hô với ai bây giờ.”

“Chắc chị lấy kính đó cũng chẳng ai biết đâu, kính hư rách rồi mà!”

“Biết là vậy nhưng cũng thấy làm sao ấy, sợ mang tội quá à!”

“Chị lên lạy Phật trước, thưa với Ngài là chị lấy kính cho em để em học mà xuất gia. Như vậy đâu có mang tội gì chứ!”

Chị Su cười rồi bảo tôi đứng ngoài hiên phòng khách chờ. Chị lên chánh điện một lúc, trở ra, dúm cuốn kính rách vào tay tôi, bảo giấu đi. Tôi nhét vào bụng. Chị la lên:

“Mô Phật, kính mà nhét vô bụng vậy đó!”

“Chứ giấu ở đâu bây giờ?”

“Thôi, thôi, cầm tay cũng được, em đi mau đi.”

Tôi cảm ơn chị rồi đi nhanh. Chị ngó theo một lúc rồi bước theo, tiễn tôi ra cổng. Tôi dặn chị đừng nói cho ai biết tôi bỏ nhà đi tu. Chị nói:

“Chị hứa không nói ai đâu. Em đi may mắn nghe. Sau này có thành Phật thì nhớ độ chị với nghe.”

Tôi cười rồi vụt chạy về nhà.

Giờ này, ba tôi và các anh chị lớn đã đi làm, đi học. Mấy đứa em nhỏ của tôi đến trường buổi sáng, bây giờ đang chơi trước sân. Mẹ tôi ngồi viết gì đó ở phòng khách. Tôi vờ lấy tập học ra học, nhưng thực ra là viết thư để lại cho gia đình.

*“Ba Me thương kính,  
Con viết lá thư này để ba me đừng lo lắng  
cho con. Con đi tu một nơi xa, không ở nhà nữa.  
Ba me đừng tìm con.”*

Thư viết ngắn gọn như vậy. Phần tái bút có thêm một câu *“có ngày con sẽ về thăm ba me và các em con”*. Thăm ba mẹ và các em thôi chứ không đá động gì đến các anh chị, vì ngay lúc viết thư, nhìn ra sân chỉ thấy bầy em chơi đùa chứ có thấy ai khác. Nhìn em út mà lòng tự dưng thất lại, nước mắt trào ra. Chính lúc ấy mới biết rằng mình thương em cho nên mới thêm là *“sẽ về thăm ba me và các em con”*. Trên phần tái bút, chỗ ký tên, tôi đề mấy chữ *“con bất hiếu của ba me”*. Dòng chữ nghe kiêu cách, không biết tôi đã học từ đâu, vào lúc nào. Nhưng bây giờ đem ra áp dụng cho trường hợp ra đi lén lút này, nó khiến tôi ghen ngào không sao ngăn được nước mắt.

Viết xong tôi xếp lá thư, không phong bì, đem vào ngăn tủ quần áo và sách vở của mình, đặt nó trên cuốn tập ở trên cùng. Rồi tôi soạn áo quần, mặc vào người hai lớp áo hai lớp quần để khi đi không cần phải mang hành lý. Một áo thun và một quần sọt ở trong, một áo sơ mi và một quần dài ở ngoài. Trời Nha Trang lúc đó đã gần tàn xuân, hơi nóng, nhưng phải chịu vậy thôi. Trong túi tôi có khoảng một trăm năm chục đồng. Một số tiền khá nhiều mà chỉ quyết tâm để dành mới có nổi. Tôi dắt theo một cây bút máy. Cầm

theo mấy cuốn tập để ai trong nhà có thấy tưởng tôi đi học. Cuốn kinh rách thì cứ nhét vào bụng mặc dù chị Su lúc này đã rầy là không nên. Xong, tôi lau nước mắt kỹ lưỡng rồi đến bên mẹ, hôn bà một cái nơi má.

“Đi học hờ con?” mẹ tôi hỏi mà không ngược mặt lên.

Tôi “*da*” nhỏ một tiếng rồi đi nhanh. Có lẽ mẹ tôi có nhìn phốt tôi một cái, lại tiếp tục viết nên không biết nước mắt tôi rơi như mưa. Ra sân, tôi không dám nhìn bày em mình lần cuối. Những lần trốn nhà trước tôi không hề khóc. Tôi không ngờ lần này quyết tâm ra đi mà lòng tôi lại thấy đau như cắt. Ra khỏi nhà, đi một khoảng khá xa, tôi mới dám quay đầu nhìn lại ngôi nhà thân yêu lần cuối. Đến gần bến xe đò, tôi vút mấy cuốn tập học vào thùng rác của bến xe. Chưa lúc nào trong đời tôi thấy hả hê bằng lúc vút bỏ sách vở này. Tôi thấy tôi đã có thẩm quyền, đã có tự do quyết định sự chọn lựa cuộc sống của tôi. Tôi bước lên xe tìm một chỗ ngồi.

Tuyến xe đò Nha Trang – Ba Ngòi tôi đã từng đi với mẹ nhiều lần để thăm bà Vú và thỉnh thoảng đến dự lễ tại chùa Quận hội ở Đá Bạc nên lần đi này dù là đi xa, tôi cũng không thấy bỡ ngỡ hay sợ hãi gì. Trái lại, tôi còn thấy sung sướng nữa chẳng khác. Có lẽ giây phút sung sướng nhất của một con chim non là khi nó bắt đầu biết bay. Tôi chọn ghé gần cửa sổ để có thể ngắm cảnh trên đường đi. Tài xế đến đầu tiên, tôi móc tiền

ra trả một cách “*người lớn*”. Tiền vé là sáu chục đồng, mất một nửa số tiền tôi mang theo. Nhưng không sao, tôi nghĩ bụng. Nếu một chùa nào có nhận cho tôi xuất gia thì còn bao nhiêu tiền tôi cũng vứt hết cho những người ăn xin hay ai đó ngoài đường lượm cũng được. Ở chùa đâu cần xài tiền!

Chuyến xe khởi hành đầu khoảng hai giờ trưa. Tạm biệt Nha Trang. Tạm biệt bãi biển hiền hòa tuyệt đẹp. Tạm biệt trường Sinh Trung, ngôi trường cũ thời tiểu học, ngôi trường mà tôi trải qua năm năm ở đó vẫn không thấy chán. Tạm biệt những đường phố với những vỉa hè tôi thường lang thang. Tạm biệt chùa Tỉnh Hội với Kim Thân Phật Tổ. Tạm biệt chùa Hải Đức với những vị sư hiền lành treo võng đọc sách. Xe lao nhanh về hướng Thành, bỏ thành phố Nha Trang lại phía sau. Qua khỏi Thành (Diên Khánh) thì hai bên đường toàn những núi là núi. Tôi nhìn chăm chăm lên những ngọn núi cao, ước ao có một ngôi chùa trên đó. Nếu mai này đã trở thành một chú tiểu ở chùa rồi, tôi sẽ viết thư về cho ba mẹ biết tin. Chắc lúc đó ba mẹ tôi không còn buồn lo nữa mà sẽ vui lòng để tôi xuất gia theo ý nguyện của tôi. Ba mẹ và anh chị em tôi sẽ tìm đến chùa thăm tôi.

Đang lan man suy nghĩ thì xe từ từ vào bến. Chắc cũng khoảng bốn năm giờ chiều. Tôi hăm hở xuống xe, tìm đường ra quốc lộ rồi hướng về phía Ba Ngòi, nơi tôi tin là sẽ có một vài ngôi



chùa đầu đó gần ngã ba Đá Bạc. Bất cứ ngôi chùa nào cũng có thể vào mà xin đi tu được, tôi nghĩ vậy. Định bụng rằng nếu không tìm được chùa nào trên quốc lộ này, hoặc có chùa mà không được phép sư trụ trì cho xuất gia, tôi sẽ đến nhà bà vú nuôi mà tá túc, sau đó nhờ bà vú nhận làm con để xin phép cho mình xuất gia. Kế hoạch trốn nhà đi tu của tôi lúc đó “*quy mô*” như vậy.

Đi bộ bốn, năm cây số rồi mà tôi chẳng thấy ngôi chùa nào cả. Tôi nhớ rõ ràng những lần đi chung với mẹ, xe lam chạy ngang khoảng này, có một ngôi chùa nằm phía bên trái như vậy. Vậy mà bây giờ đi bộ hoài hủ, vả mồ hôi, ướt đầm cái áo thun bên trong, vẫn chẳng thấy tăm dạng một ngôi chùa nào. Mệt quá tôi ghé vào một quán nước mía, kê một ly lớn. Vẫn còn sang! Chưa học được tánh cần kiệm. Rồi tôi hỏi chị bán nước mía:

“Chị à, ở gần đây có một ngôi chùa, sao em đi hoài chẳng thấy, chị biết ở đâu không?”

“Làm chi có chùa ở gần đây em. Chị nhớ có chùa nhưng ở xa lắm, phải đi xe đò hay xe lam mới tới được. Mà chị cũng chẳng biết đường đâu. Em hỏi người khác đi.”

Hỏi xong, tôi trả tiền rồi lầm lũi bước tiếp. Chẳng muốn hỏi ai. Mình tự do rồi, đi bộ cho tới lúc nào gặp chùa cũng được, đâu có sợ trời tối hay trời sáng. Vậy đó, cứng đầu cứng cổ, cứ cho rằng phải có một ngôi chùa ở trên quốc lộ này, nằm phía bên trái, nên đi hoài, đi hoài cho tới khi

trời tối dần. Trong lòng bắt đầu thấy lo sợ. Ở Nha Trang còn biết chỗ này chỗ nọ, không vào chùa thì lên vào trường học mà ngủ hoặc đến nhà bạn bè, thiếu gì. Còn ở đây là Ba Ngòi, chỉ biết có nhà bà vú nuôi. Nhà bà vú phải đi ngược chiều lại. Ba Ngòi là vùng quê, chỉ có một khoảng ở gần nhà bà vú tức ngã ba Đá Bạc là được tạm coi như phố thôi. Mà nhà quê thì ghê lắm. Nhà cửa thưa thớt, nào ma, nào Việt cộng, làm sao dám ngủ bậy ngoài vỉa hè. Cũng chẳng có vỉa hè đâu mà ngủ. Nhà nào nhà nấy nằm thụt vào trong, có vườn, có rào, có chó dữ, ai mà vô ngủ ké được. Tôi đã bắt đầu thấy chùn bước. May sao thấy một cái chùa lờ mờ trong bóng đêm. Đúng rồi, đây là cái chùa nằm phía bên trái quốc lộ mà tôi đang tìm kiếm. Tôi mừng quá bước vội vào cổng lớn. Băng qua một khoảnh sân nhỏ, hai bên có trồng dăm ba chậu kiểng, nhưng cửa chùa đóng im ỉm. Chỉ có cửa sổ phía trước là hơi hé ra một chút. Tôi gõ cửa mấy cái rồi đứng chờ một chập. Thấy bên trong không động tĩnh gì, tôi mới kéo cánh cửa sổ để nhìn vào. Bên trong tối hù. Chỉ ở bàn thờ giữa là có một cây đèn dầu leo lét không soi nổi tượng thờ ngự ở sâu phía trong, sau những bình bông và cỗ bồng trên bàn. Tự dưng thấy rùng mình. Nghĩ rằng đây là một ngôi chùa hoang, định bụng quay lui thì đụng phải một ông già từ đâu bước tới ngó bộ như muốn túm lấy cổ mình. Tôi mới buột miệng la “ó” một tiếng thì ông già đã lớn tiếng:

“Thằng nhỏ này làm gì ở đây mậy? Tính ăn

trộm hả? Đây là đình miếu có cái gì đâu mà ăn trộm hả vậy?”

Tôi vội đáp nhanh:

“Dạ đâu có. Con tưởng đây là chùa nên mới vào...”

“Vậy mà ở đâu tới chứ đâu phải dân ở đây phải không?”

“Dạ, con ở Nha Trang.”

“Kiếm chùa làm gì?”

“Dạ, xin đi tu,” tôi phải trả lời rõ ràng như vậy chứ úp úp mở mở thì bị nghi oan là ăn trộm.

“Đi tu?” ông già vừa hỏi vừa nhìn kỹ lại tôi trong bóng tối nhờ nhờ. Chắc thấy tôi ăn mặc cũng khá tươm tất, ra vẻ con nhà chứ không phải dân bụi đời, ông đổi giọng:

“Con muốn đi tu thật hả? Thất tình hay sao mà đi tu vậy?”

Tôi chưa biết trả lời sao thì ông cười nói tiếp:

“Giỡn chơi vậy thôi chứ con đi tu được là tốt đó chứ, nhưng cha mẹ đâu không dẫn đi, lại đi tìm chùa giữa đêm hôm như vậy?”

“Dạ... con muốn đi tu... nhưng...”

“Ba má không cho phải không? Phải rồi, đi tu cực khổ lắm con à. Còn nhỏ xíu như vậy sao không lo ở nhà vui chơi mà đi tu làm gì con! Mà con có muốn trốn nhà đi tu cũng chẳng được đâu, chùa đâu có nhận.

“Sao vậy bác?”

“À, thì cái luật nó như vậy. Đây là cái đình

làng, bác ở đây trông coi, bây giờ con muốn xin ở đây với bác, bác cũng đâu dám nhận. Suy ra ở chùa cũng vậy thôi. Con nít con nôi đi đâu, ở đâu cũng phải có phép của cha mẹ chứ.”

“Vậy...” tôi nói đến đó thì rom rớm nước mắt, chẳng biết tính đường nào nữa. Ông già thấy tội nghiệp nói:

“Bây giờ đón xe về lại Nha Trang cũng còn kịp. Nếu hết xe thì trở lại đây, ngủ với bác một đêm rồi mai hãy tính.”

Tôi dạ một tiếng rồi cảm ơn ông già, lật đật quay đi. Ngược về hướng bên xe. Nhưng tôi không đến bên xe. Tôi tìm đến nhà bà vú.



Bà vú tên là Nở, có chồng tên là Bộ. Chúng tôi thường gọi bà Vú và ông Bộ. Bà Vú là dân quê, chẳng biết ở tỉnh nào. Có lẽ là Phú yên hay Bình Định. Bà là vú nuôi của anh chị nào đó trong nhà tôi. Tôi sinh sau đẻ muộn không biết trong trường hợp và thời gian nào bà trở thành vú nuôi thân thuộc của gia đình. Chỉ thấy, chỉ nghe trong nhà ai cũng gọi “*bà vú*” thì gọi theo vậy thôi. Không biết trong năm nào, ba tôi được chính phủ cấp đất ở Ba Ngòi. Thương công và ân tình Vú dành cho bấy con mình, ba tôi biếu miếng đất đó cho vợ chồng của Vú để làm vườn mà sống. Từ hoàn cảnh đi làm thuê, ở mướn, làm vú nuôi, vợ chồng Vú trở thành chủ đất, làm ăn càng lúc

càng phát đạt. Cuối cùng xây lên căn nhà ba gian rộng lớn để cho thuê, lại thêm vườn cây ăn trái trên miếng đất cũ hãy còn đem lại huê lợi cho nên vợ chồng Vú đã có thể gác cuộc dưỡng già. Vợ chồng Vú không con nên bao nhiêu tình cảm Vú dành hết cho anh chị em tôi. Lâu lâu Vú mang quà cáp từ Ba Ngòi đến nhà biểu ba mẹ tôi, không quên mang mấy thúng trái cây đủ loại cho anh chị em tôi nữa. Thỉnh thoảng mẹ tôi có dịp đi Cam Ranh hay công việc gì đó cũng dẫn chúng tôi ghé chơi ở lại nhà Vú một đêm, lần nào gặp anh chị em chúng tôi, Vú cũng móc túi áo bà ba, túi nhanh cho mỗi đứa mấy chục đồng. Ông Bộ không gần gũi và biểu lộ tình cảm với chúng tôi như bà Vú, nhưng ông cũng hiền và vui vẻ mỗi khi anh chị em chúng tôi đến thăm chơi. Hai ông bà đều là những người dân quê mộc mạc, dễ thương, sống đơn giản, bình dị, suốt năm suốt tháng ở nhà, quán quýt bên nhau như đôi vợ chồng son.

Tôi tìm nhà Vú không khó, cũng nằm ngay trên quốc lộ này thôi. Lúc đó ít nhất cũng là bảy hay tám giờ tối. Cũng may là từ khi xây được ngôi nhà đúc ba gian và vùng này trở thành khu thị tứ ngày càng sầm uất, nhà Vú đã bắt được đèn điện sáng trưng chứ không như hồi cách đây vài năm chỉ xài đèn dầu khiến cho khung cảnh nhà quê tăm tối dễ sợ. Tôi vừa đến trước cổng rào đã bị con chó của Vú từ trong cửa sắt chu mõ ra sủa ầm lên. Tôi với tay bấm cái chuông điện mà cứ sợ

nó tấp. Một lúc thì ông Bộ bước ra, tôi mừng rỡ kêu lên:

“Ông Bộ, con nè!”

“Con nào? À, thằng Hiếu, thằng Khang gì đó phải không?”

Ông mở cửa đưa tôi vào trong. Bà Vú cũng vừa bước ra, thấy tôi thì vừa mừng vui vừa lo thấy rõ, bà hỏi dồn:

“Có chuyện gì vậy con? Sao trời tối đui mới đến hả con?”

Tôi bịa chuyện nói láo để ông bà cho tôi ở tạm vài ngày rồi tính sau:

“Con sắp đi tu rồi. Thầy ở chùa nói con phải học thuộc mấy bài kinh nhật tụng rồi thầy mới cho xuất gia. Ở nhà ồn ào quá con học kinh không được nên ba mẹ con cho con vô đây xin ông Bộ bà Vú cho con ở một thời gian để học kinh.”

Nghe vậy ông bà mừng lắm, quên luôn là lâu nay có việc gì quan trọng ba mẹ tôi cũng viết thư sai chúng tôi cầm đến chứ đâu có để con nít nói miệng kiêu đó. Bà Vú cứ xuýt xoa khen sao nhỏ mà đòi đi tu hay quá, gia đình phước đức quá. Bà kéo tôi lại ôm hôn, bắt kể cái miệng nhai tràu đồ lỏi hãy còn dính hai bên mép. Rồi bà bảo thôi đi tắm để bà kiểm cái gì cho tôi ăn. Vú dành riêng cho tôi một phòng ở phía sau gian bàn thờ tổ tiên. Tôi thở vào nhẹ nhõm. Coi như tạm ổn ngày hôm nay, ngày mai tiếp tục tìm cách đến một ngôi chùa nào đó.

Sáng hôm sau, nhân lúc ăn điếm tâm, tôi hỏi bà Vú có biết chùa nào ở Ba Ngòi hay Cam Ranh không. Vú đáp:

“Có chứ sao không. Vú cũng đi chùa mỗi ngày mừng một nè. Để rải rải rồi vú dẫn con đi cho biết.”

Tôi nghe nói vậy mừng lắm. Nhưng tôi cũng chưa dám nói sự thật là tôi trốn nhà. Cùng sáng đó, tôi ra tiệm mua một cuốn tập và một lọ mực về chép cuốn kinh rách. Trong cuốn kinh nhật tụng có hình tượng Đức Phật A Di Đà in mực trắng đen không được rõ nét lắm, tôi cắt ra dán vào một tấm bìa cứng để làm tranh thờ vì nhà bà Vú không có thờ Phật. Tôi lập một bàn Phật không nhang khói trầm hương hay chân đèn hoa quả gì hết, chỉ là bức tranh tượng treo lên vách nơi đầu năm. Cái gối nằm thì làm án kinh. Sau đó, tôi nắn nót chép lại kinh A Di Đà, Phổ Môn và các bài sám nguyện với nét chữ to dễ đọc. Chép một buổi sáng là xong. Buổi tối, tôi đã có thể tụng thời kinh Tịnh Độ bằng cuốn tập tôi vừa chép. Lễ bái cũng đứng trên giường mà lễ bái. Tụng kinh xong tôi đem kinh cất trên bàn viết rồi buông mình xuống mà ngủ. Ban ngày cuốn mừng xong, lại đem kinh đặt trên gối, gối đặt trước tượng thờ. Suốt ngày đêm, rảnh lúc nào là tụng kinh, lễ bái lúc đó, không biết mệt mỏi. Bà Vú có để ý và cảm động lắm nên soạn mấy cái đĩa cổ nhạc trong đó có tuồng “*Quan Âm Thị Kính*”, rồi bỏ vào máy đĩa cho tôi nghe. Vậy là suốt ngày cứ

nghe toàn tuồng tích Phật giáo. Tôi thích đọc kinh hay truyện Phật giáo chứ đâu có thích nghe cải lương hay tân cổ giao duyên. Nhưng bà cứ mở máy thật to, vừa nghe vừa bàn, rồi hỏi, rồi đố, khiến tôi phải chăm chú mà nghe để trả lời bà. Bà cũng chịu khó nấu riêng món chay cho tôi ăn từ bữa đầu. Bà chăm chăm quan sát tôi nói năng, tụng kinh. Rồi cứ xuýt xoa, “thiệt dễ thương quá, giỏi quá!”

Đến ngày thứ ba, trong khi đang nằm võng nghe tân cổ nhạc, cũng tuồng *Quan Âm Thị Kính*, bất chợt bà ngưng võng, quay qua hỏi khi tôi đang ngồi học kinh gần đó:

“Bộ ba mẹ muốn cho con đi tu thiệt chứ sao?”

Tôi nhìn qua Vú, ngạc nhiên vì Vú hỏi câu đó:

“Chứ Vú nghĩ con đi tu không được hở?”

“Được chứ sao không... nhưng... vú nghĩ là ba mẹ con không cho con đi tu. Ông bà sợ con đi tu khổ quá làm sao con chịu nổi!”

“Ba mẹ con cũng nói như vậy đó. Nhưng con biết con chịu được mà!”

Vú nằm lắc đầu nhìn trần nhà, ra dáng suy nghĩ một lúc, rồi nói:

“Chùng nào ba mẹ con dẫn con lên chùa?”

Áp úng một lúc, tôi đứng dậy bước đến bên Vú. Tôi quỳ dưới đất vịn vào dây võng của Vú, im lặng một lúc tôi chỉ nói được mấy chữ “ba mẹ không cho con đi tu... con trốn nhà” rồi khóc nức



nở. Vú chôm người ngồi dậy, xoa đầu tôi, bảo nín, rồi Vú ôm tôi vào lòng. Tâm trạng của một đứa bé trai ba ngày xa nhà không biết bộc lộ với ai, nay vỡ òa ra trước người vú già bình dân, tình cảm. Thấy tôi khóc mãi và cứ nằng nặc đòi đi tu, đòi Vú giúp cho, Vú hứa:

“Được rồi, được rồi. Nếu ba mẹ không cho thì vú cho. Để vú dẫn con lên chùa Khánh Long tu. Vú có làm công quả ở đó mỗi tháng. Thầy ở đó biết vú mà. Nín đi. Để chọn ngày lành tháng tốt rồi vú dắt con lên chùa xin đi tu. Trời ơi, tội nghiệp quá!”

Từ đó Vú càng cưng tôi hơn, nhưng ông Bộ biết thì muốn tập cho tôi quen cực khổ bằng cách rủ tôi ra vườn làm ba việc lật vật như hốt cỏ, hái trái v.v... Ông thường nói khi sai tôi làm một việc gì:

“*Tu là phải hành chớ! Hành tức là hành hạ, là chịu cực chịu khổ, là làm việc đó chớ có gì khó hiểu đâu! Tu mà không hành thì làm sao thành Phật được!*”

Dù chưa học hiểu được giáo lý bao nhiêu tôi cũng biết ông hiểu sai chữ “*hành*” đó. Tôi rất khó chịu. Tuy nhiên, tánh tôi không thích nói ngược với người lớn. Cứ im lặng mà tập làm việc thôi. Sau này lớn lên, tôi thấy đôi khi một sự sai lầm không ác ý cũng có cái vẻ rất dễ thương của nó. Bà Vú thì cần nắn với chồng, bảo rằng tôi cần thì giờ học kinh cho thuộc để tu, đừng sai tôi làm việc nhiều. Thực ra, lúc ấy tôi không ngại

chuyện làm việc. Tôi nghĩ ông Bộ cũng rất có lý khi muốn tập cho tôi làm việc khó nhọc hàng ngày. Ở chùa nào cũng làm việc cực nhọc, ăn uống kham khổ, tôi luôn nghĩ vậy. Nếu không tập quen bây giờ thì mai sau vào chùa làm sao chịu nổi. Tôi vui vẻ làm việc và hăng hái học kinh, chờ ngày Vú dẫn đi tu.

Điều kỳ lạ là trong suốt mấy ngày ở đây, tôi không thấy nhớ nhà. Hàng ngày tụng kinh, học kinh, làm việc, tôi chạy theo sự hăng hái nhiệt tình của mình mà quên hẳn đi cái thực tế rằng mình đang trốn nhà và đang làm cho gia đình rầu lo, buồn khổ. Buổi tối trước khi ngủ, thay vì gác tay lên trán suy nghĩ hay nhớ về ba mẹ mà khóc, tôi chỉ ngồi niệm Phật rồi cầu nguyện cho ba mẹ và anh chị em bình an, hạnh phúc. Tâm tư tôi bình thản, nhẹ nhàng, không còn chút âu lo hay nghĩ ngợi gì ngoài nổi nôn nóng được vào chùa.

Tôi ở yên như vậy được bảy ngày. Đến ngày thứ tám, tôi vừa đi bộ vừa niệm Phật ở vườn sau thì bà Vú từ cửa sổ phòng ăn gọi tên tôi, kêu vào có vẻ gấp lắm. Tôi vội bước vào trong thì gặp ngay anh Thu, người anh rể (chồng của người chị họ) từ Nha Trang đi Đà Lạt ghé tạt nhà Vú. Anh ấy là sĩ quan quân đội, cấp bậc đại úy. Nhân dịp anh đi công tác, mẹ tôi đưa địa chỉ nhờ anh ghé thăm nhà Vú xem có tôi không. Vừa thấy anh, tôi hơi giật mình, tưởng người nhà đã tìm tới đây, nhưng nhìn lại thấy anh cười vui, còn tới xoa đầu nữa, tôi mới yên tâm. Anh nói ngay:

“Me nhờ anh ghé xem có em ở đây không, có thì kêu em về. Me nói là ba me và gia đình đều đã vui vẻ chấp nhận chuyện đi tu của em. Vậy em về gấp đi để ba me khỏi lo. Cả nhà đi tìm kiếm em suốt tuần nay đó.”

Rồi anh móc túi, dúm vào túi áo tôi năm trăm đồng, bảo cất tiền xe mà về. Sợ tôi không dám về, anh còn dặn tới dặn lui mấy bận, nhắc rằng ba mẹ tôi rất nhớ thương tôi, mong tôi về sớm. Nếu không bận công tác, anh sẽ đích thân đưa tôi về nhà bằng xe jeep của anh. Tôi cảm động, âm thầm cảm ơn anh. Và qua lời kể của anh, đến lúc đó tôi mới chạnh lòng nhớ thương ba mẹ. Anh hỏi tôi có chịu về không. Tôi gật đầu. Anh tin. Bà Vú hình như đã có nói chuyện trước với anh khi tôi còn ở ngoài vườn. Và bây giờ, muốn chứng minh những điều bà nói không phải là nói thêm, bà đưa anh đến căn phòng nhỏ mà tôi dùng làm chỗ tụng kinh, chỉ cho anh thấy cái bàn thờ đơn sơ tôi tự thiết lập trên đầu nằm. Giọng kể của bà, tôi nhớ rất rõ rằng nó chứa chan một thứ tình cảm vượt hẳn thứ tình mà lâu nay bà vẫn dành cho anh chị em chúng tôi.

Vú và tôi đưa anh Thu ra cổng rào.

Tối đó, Vú ngồi tằm trầu và nói chuyện với tôi rất khuya. Vú kể nhiều câu chuyện hồi xưa có liên quan đến Phật, đến chùa cho tôi nghe. Đến khi thấy tôi buồn ngủ thật sự, Vú mới thôi. Vú quên rằng lúc ăn cơm tối, Vú đã nói trước là đêm nay tôi phải ngủ sớm để bốn giờ sáng Vú gọi dậy,

theo Vú về lại Nha Trang.

Đúng giờ, Vú gọi tôi dậy đi ngay chuyển xe đầu. Trên xe Vú chẳng nói gì. Cứ ngồi nắm tay tôi, chốc chốc lại xoa đầu. Xe chạy hai tiếng đồng hồ mới đến bến xe Nha Trang. Vú gọi xích lô cho hai vú-cháu đi cho nhanh mặc dù từ bến xe về nhà tôi không xa lắm. Vú và tôi vào được sân, nhưng cửa nhà tôi hãy còn đóng vì chưa tới sáu giờ sáng. Vú bảo tôi gõ cửa, tôi e sợ không dám, đứng nép một bên. Vú nói nhỏ:

“Nhà mình chứ nhà ai đâu mà sợ. Không ai la đánh con đâu. Ba mẹ thương nhớ mong con về không phải để la mắng. Còn mấy đứa kia đâu có ăn thua gì! Vú không để con bị đòn đâu!”

Tôi ngại ngần gõ ba tiếng trên cánh cửa gỗ thật dầy ở trước phòng ăn và gần phòng ba mẹ. Vắng nhà hơn tuần lễ, giờ trở lại, tôi thấy mình như một người khách lạ.

Người mở cửa chính là mẹ tôi. Từ ngày tôi bỏ nhà đi, mẹ tôi không ăn, không ngủ được, cứ thấp thỏm chờ tin tôi. Cả nhà túa ra đường đi tìm tôi, nhắc người này, người kia tìm giúp. Ba tôi còn đưa hình tôi cho ty cảnh sát nhờ họ điều tra, nói rằng có thể tôi đang đi lạc. Mẹ tôi thì cũng tin một phần vào lá thư để lại của tôi, hy vọng tôi tìm đến một chùa nào đó, nội trong thị xã Nha Trang này thôi. Bà đích thân lặn lội khắp các chùa để hỏi thăm tin tức tôi. Không thấy tôi ở các chùa Nha Trang, bà vẫn tin rằng tôi đi tu thật sự chứ không phải như các anh chị tôi phỏng đoán. Các

anh chị cứ định ninh là tôi đi bụi đời, theo những đứa bạn chẳng ra gì ở xóm Lò Heo. Lờ ra tiếng vào cứ rớt mãi vào tai mẹ khiến bà cũng đâm lo ngại, tin rằng chuyện tôi đi bụi đời cũng có thể xảy ra lắm. Rồi bà thao thức mấy đêm liền, canh cánh bên lòng chuyện bỏ nhà lang thang của tôi. Cho nên, tôi chỉ gõ cửa ba tiếng là mẹ vùng dậy, bước ra mở cửa ngay. Có lẽ là tiếng gõ cửa của một bàn tay thiếu niên, nhỏ, yếu ớt khiến bà nhận ra tôi. Cũng có thể vì tâm cảm nhớ thương đòi đoạn của một người mẹ đối với đứa con xa vắng đã đến mức độ chín muồi khiến bà bèn chạy nhận ra ngay người gõ cửa đó chính là tôi. Thấy tôi, mẹ mừng rỡ, mà cũng có vẻ sững sốt, như đón nhận một sự nhiệm màu có thể đoán trước nào đó. Bà nắm tay kéo tôi vào lòng, xoa đầu, khóc, không nói một lời. Tôi chỉ biết lặng thinh. Bà Vú nói thay cho tôi mọi chuyện. Cùng ngồi vào bàn khách rồi, mẹ tôi nói với Vú mà mắt nhìn tôi trách yêu:

“Tôi cứ sợ nó đi lang thang không nơi ăn ngủ. Mỗi đêm về tưởng tượng nó ngủ ngoài đường, muỗi cắn, gió chướng lạnh lẽo là lòng se thắt lại, đau như dao cắt. Chẳng đêm nào chợp mắt được.”

Vú chờ mẹ tôi bộc bạch đôi lời rồi, bèn ướm hỏi:

“Vậy bây giờ nó về rồi, cô có tính cho nó đi tu không?”

“Dĩ nhiên là phải tính chớ. Tôi có nhắn với

anh Thu nếu có gặp Khang thì nói cho biết ý kiến của ba mẹ là đã chấp nhận chuyện xuất gia của Khang rồi.”

Vú xoay qua tôi nói:

“Đó, mẹ hứa cho con đi tu rồi đó. Vậy là yên tâm nghe. Đừng có đi đâu nữa nghe. Ráng học thuộc kinh rồi mẹ dẫn lên chùa. Thôi, bây giờ Vú phải về.”

Vú chào mẹ tôi. Mẹ tôi cảm ơn Vú, đưa Vú ra tận cổng. Tôi cũng bước theo ra tới cửa phòng khách. Khi mẹ tôi trở vào, tôi nghe có tiếng xầm xì ở nhà dưới, bàn tán chuyện tôi. Có lẽ các anh chị tôi đã thức giấc. Hình như các anh chị có lời đay nghiến, hăm dọa tôi. Mẹ tôi nghe được, liền bước xuống nhà dưới nói lớn rằng:

“Kể từ hôm nay, em nó thuộc về chùa rồi, có còn ở đây là ở tạm để chờ ngày xuất gia mà thôi. Không cần phải bàn tán hay nói nặng nói nhẹ gì em nó nữa.”

Lần đầu tiên mẹ tôi nghiêm giọng và lớn tiếng bênh vực tôi như vậy. Tôi thấy yên tâm, sung sướng biết rằng ba mẹ đã thực sự đồng ý cho phép tôi xuất gia. Giấc mơ đi tu trở thành sự thực. Nhưng mấy tiếng “*đã thuộc về chùa rồi*” cũng đồng thời hàm một ý biệt ly chia cắt nào đó mà cho đến lúc ấy, hình như tôi mới nhận ra được. Tôi muốn thoát ly, nhưng rõ ràng là không thể không đau nhẹ trong lòng khi biết mình trong nay mai sẽ không còn là một thành viên có những liên đới thân tình và sinh hoạt bình thường với

gia đình này nữa. Mẹ dứt lời thì ba tôi bước ra. Ông chuẩn bị ăn sáng để đi làm. Ông đến ôm tôi, nắn nắn đôi vai tôi rồi ôm hôn trên đầu trên trán tôi:

“Con đói bụng không? Uống sữa ăn bánh mì với ba nha?”

Tôi không trả lời câu hỏi của ông mà sung sướng, cảm động nép vào lòng ông thôi. Ba mẹ tôi lúc nào cũng vậy, luôn luôn là bóng mát thân tình để bày con nương tựa. Xa nhà hơn tuần lễ có khi tôi đã cảm thấy thèm nhớ cái gì đó mà không sao nhớ, không sao hiểu nổi. Bây giờ ôm ba, tôi mới sực nhận ra là tôi thèm nhớ vòng tay thương yêu của mẹ cha. Tôi ôm ba, hưởng thụ trọn vẹn tình thương bao la của ông. Trong phút chốc, tôi hầu như muốn quên đi rằng khi chọn con đường xuất gia là tôi đã tự nguyện xa lìa, cắt bỏ đi những liên hệ thiết thân này rồi.

## CHƯƠNG BA



*Trước thềm chánh điện chùa Hải Đức, Nha Trang (ảnh của Võ Văn Tường)*

Công việc đầu tiên của tôi trong ngày đó là xin phép mẹ qua chùa sư nữ Vạn Thạnh để thăm các sư cô và các tiểu ni, đồng thời là để báo tin mừng xuất gia của mình. Tôi mang theo cuốn kinh nhật tụng rách để trả lại cho chùa, dự định thú thật rằng chính mình đã ăn cắp cuốn kinh đó, xin sám hối các sư cô chứ không đá động gì đến “công lao” của chị Su.

Sau khi tôi trốn đi, gia đình tôi có qua chùa tìm và nhờ các sư cô tìm giúp. Vì vậy, các sư cô



đều biết chuyện trốn nhà của tôi. Nay thấy tôi về, ai cũng mừng, xúm lại hỏi han như người trong nhà. Quả vậy, tự dung tôi thấy thân mật với chùa, dù đây là chùa sư nữ. Các sư cô, các tiểu ni, bỗng trở thành những bà con, những chị em thân thiết.

Ngày hôm đó, tôi ở lại thọ trai tại chùa. Tôi cũng được sư cô Huệ Tín hướng dẫn học kinh. Cô cho tôi một cuốn kinh nhật tụng mới. Chiều, tôi theo các tiểu ni tụng thời công phu. Tối, tôi theo các sư cô tụng kinh Pháp Hoa. Sau thời kinh tối này tôi mới về nhà tắm rửa và ngủ. Sáng sớm, tôi lại qua chùa để làm công tác quét dọn y như các tiểu ni ở chùa.

Trong khi đó, mẹ tôi đang lo chuẩn bị mọi thứ cho tôi để chờ ngày xuất gia. Bà mua vải lam để may đồ vật khách cho tôi. Rồi bà đưa tôi ra phố chợ để chọn lựa mua va-li và đồ đạc cá nhân linh tinh. Nhưng mẹ tôi vẫn chưa quyết định là sẽ cho tôi xuất gia ở đâu. Nha Trang và các quận ly lân cận có rất nhiều chùa. Mẹ tôi chưa biết là chùa nào, thầy nào sẽ thích hợp cho tôi đến cầu việc xuất gia học đạo. Mẹ tôi rất tinh tế trong giao tiếp nên chuyện sắp xếp cho tôi xuất gia bà cũng cân nhắc kỹ lưỡng lắm. Một phần bà muốn tôi xuất gia gặp được chùa tốt, thầy tốt để tiến tu lâu dài, thành tựu ước nguyện xuất gia cao đẹp; phần khác, bà sợ ý nguyện xuất gia của tôi chỉ là một ước muốn bốc đồng, nếu cứ lo “chọn mặt gởi vàng” mà rồi cuối cùng chính tôi lại chịu khổ không nổi đời về nhà thì mất mặt gia đình. Mẹ tôi

cứ phân vân mãi chuyện chọn chùa, chọn thầy. Cuối cùng, bà lựa một ngày tốt trời, dẫn tôi đi thăm vài chùa ở vùng quê cách Nha Trang từ năm đến mười cây số. Chiều về đến nhà, mẹ gọi tôi đến nói chuyện riêng:

“Sáng giờ đi mấy chùa rồi, con thấy sao? Con thích chùa nào nhất? Mẹ thấy chùa thầy Như Pháp ở Suối Hiệp hay chùa Diên Thọ ở Diên Khánh đều tốt cho con vì quý thầy ở mấy chùa này rất hiền, không quá nghiêm khắc và đánh phạt mấy chú tiểu như ở một số chùa khác. Ở Phật Học Viện Sơ đẳng Linh Sơn con thấy đó, gần một trăm chú tiểu, sống theo nếp sống tập thể, kỷ luật gắt gao, y như trại lính. Quý thầy đánh phạt dữ lắm mới giữ được trật tự. Mấy chỗ như vậy e không hợp với con. Con nghĩ sao nói mẹ nghe để mẹ tính.”

Mẹ vừa dứt lời là tôi trả lời ngay:

“Con thích đi tu ở chùa Hải Đức.”

Mẹ tôi giật mình nói:

“Í, không được đâu. Chùa Hải Đức là Phật học viện Trung đẳng dành cho mấy chú, các thầy lớn, con có vào đó cũng chỉ ở tạm một thời gian rồi chuyển qua Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn ở Cầu Dứa thôi. Mà trên chùa Hải Đức có thầy Phước Châu nổi tiếng đánh điệu ghê lắm. Còn thầy Hải Tuệ nói đùa cười cười, chớ nghiêm khắc khó chịu ai cũng kiêng sợ. Thầy Hải Tuệ còn nọc cả quý thầy, quý chú lớn ra mà đánh nữa chứ kể gì mấy điệu nhỏ! Thầy còn làm giám viện ở Phật

học viện Linh Sơn, các điệu ở đó bị thầy Hải Tuệ đánh đòn đau không dám khóc. Thôi, con ở chùa của thầy Như Pháp là tốt hơn hết đó.”

“Điệu là gì vậy mẹ?”

“Là mấy chú tiểu đó. Ở ngoài Huế gọi chú tiểu là điệu.”

Tôi hỏi cho biết vậy, xong, suy nghĩ một lúc rồi cũng cương quyết giữ lấy ý kiến của mình, trả lời rất gọn:

“Mẹ cứ cho con lên chùa Hải Đức đi. Con thích tu ở chùa khó chứ không thích tu chùa dễ.”

Mẹ nhìn tôi, vừa ngạc nhiên vừa sung sướng. Bà biết tôi nói thật. Và đến lúc đó bà mới hiểu phần nào chí hướng của tôi. Không phải tôi bốc đồng. Tôi đã xin xuất gia với một chí hướng rõ rệt, có suy nghĩ, có đắn đo, chọn lựa trước hẳn hoi. Mẹ xoa đầu tôi, nói:

“Nếu con đã sắp sẵn ý định như vậy thì mẹ cho con lên chùa Hải Đức với thầy Hải Tuệ. Hay con muốn quy y thầy nào khác?”

“Dạ thầy Hải Tuệ.”

Vậy là mẹ tôi lên chùa Hải Đức thưa chuyện với thầy Hải Tuệ trước. Không hiểu thầy và mẹ tôi đã bàn gì về chuyện xuất gia của tôi mà khi mẹ về, tôi đón hỏi thì bà chỉ nói rất ngắn:

“Thầy đồng ý nhận con làm đệ tử xuất gia, nhưng thầy bảo con học thuộc trước hai thời kinh: công phu chiều và công phu khuya. Thuộc rồi thì cho thầy biết để thầy chọn ngày có đông đủ quý hòa thượng cao đức chứng minh cho ngày con

nhập tự xuất gia.”

Nghe vậy tôi mừng rỡ vô cùng, nói với mẹ:

“Con đã thuộc thời kinh công phu chiều và một nửa thời kinh công phu khuya rồi. Chắc trong vòng tuần lễ hay nửa tháng nữa là con thuộc hết hai thời kinh công phu đó mẹ.”

Mẹ nhìn tôi, đôi mắt bà lúc ấy sao khó hiểu quá. Bà có mừng chứ chẳng phải không, nhưng trên nét mặt bà, tôi cũng thoáng nhận ra vẻ buồn lo nữa. Có lẽ một phần nào đó trong thâm tâm, bà không muốn tôi xuất gia, sợ tôi phải chịu cực nhọc gian khổ ở chùa. Đời sống gia đình tôi không sung túc dư dả gì, nhưng ba mẹ tôi nuông chiều các con, đổ hết tiền của vào việc nuôi con ăn học nên bày con lúc nào cũng thấy yên ấm, đầy đủ. Nay thả tôi, một đứa trẻ, ra khỏi vòng tay đùm bọc của gia đình, làm sao mẹ tôi khỏi lo lắng, e dè.

Gia đình tôi không phải là một gia đình giàu có, khá giả. Có thể nói được là một gia đình nghèo đi. Nhưng ít người tin được rằng gia đình tôi nghèo vì cái thể diện tối thiểu mà cả nhà từ trên xuống dưới đều tự động hoặc nhắc nhở nhau lo giữ lấy; vì thế mà qua bao biến thiên hoàn cảnh xã hội, của kinh tế gia đình, cái vẻ phong lưu bề ngoài của gia đình vẫn cứ còn đó. Sống theo cái nếp của thời xưa cũ, đó là sinh hoạt truyền thống của gia đình tôi.

Ba tôi là con một của một vị quan văn triều Thành Thái, Khải Định. Ông nội tôi không chỉ là

một vị quan mà còn là hoàng thân quốc thích. Ông Tuy Lý Vương (hoàng tử thứ mười một con của vua Minh Mạng) là ông nội của ông nội tôi. Vậy ba tôi gọi ông Tuy Lý Vương bằng ông *cố*, và anh chị em tôi gọi bằng ông *sơ*. Tóm lại, người ta vẫn thường gọi gia đình tôi là gia đình hoàng tộc. Ba tôi là con trai độc nhất của ông nội. Ông nội mất khi ba tôi còn nhỏ. Bà nội nuôi ba tôi ăn học, rồi bà nội mất, ba tôi qua sống với bà con chú bác. Sau ba tôi ra làm quan, cũng là quan văn, ngạch hành chánh, cho thời Bảo Đại, thời chính phủ Trần Trọng Kim, thời ông Diệm, thời ông Thiệu. Thực ra, không phải cứ là dòng hoàng tộc thì phải giàu sang quyền quý. Con cháu vua Minh Mạng đông vô kể mà thời vàng son của triều đình họ Nguyễn này đã hết từ lâu rồi, từ trước khi ông vua cuối cùng là Bảo Đại (Vĩnh Thụy) thoái vị kia. Nhưng cứ xét theo hoàn cảnh riêng của ba tôi thì dù gì ông cũng có một sản nghiệp tương đối lớn. Các anh chị lớn của tôi sinh trưởng tại Huế đã thừa hưởng (một thời gian) sự giàu có của ba tôi. Sau hai lần di cư (vào Quy Nhơn, rồi vào Nha Trang), ba tôi đã không còn gì. Ông làm lại từ đầu ở mảnh đất nhỏ Nha Trang, và anh chị em nhỏ chúng tôi chào đời trên mảnh đất ấy, trong hoàn cảnh ấy của gia đình. Miếng cũng chẳng còn, tiếng cũng phôi pha, chỉ có cái nếp trong nhà, trong dòng tộc thì ba mẹ và anh chị lớn hãy còn giữ để truyền lại cho bây giờ chúng tôi.

Cái nếp ấy được chỉ dạy một cách tỉ mỉ qua nếp ăn ở và cách tiếp xử với con người, với xã hội chung quanh. Đơn giản thôi, khi thấy một đứa con trong nhà đem học bạ về mà không xếp được vào hạng danh dự, ba tôi chê: “Con cháu Thánh Tổ Minh Mạng không được học dở như vậy đâu. Ráng lên kéo thiên hạ chê cười cả dòng họ luôn nghe con.” Khi thấy một đứa em ăn bận không được tươm tất sạch sẽ, anh chị lớn cũng la rầy: “Con ba mẹ mà ăn bận như vậy đó hả? Vô thay áo quần khác, mau!” Ăn uống, nói năng, đi đứng trong nhà hay ở ngoài đường cũng phải theo cái nếp “*hoàng tộc*” như vậy. Cho nên, thiên hạ nhìn vào cứ thấy là gia đình tôi giàu có, phong lưu. Cả một nhà trai thanh gái lịch, ăn mặc đàng hoàng tươm tất, nói năng lễ phép lịch sự, học hành giỏi giang xuất sắc. Ba tôi ra đường lúc nào cũng bỏ áo sơ mi vào quần, đầu tóc chải mượt, giày da bóng lộn. Mẹ tôi từ ngày về nhà chồng cho đến khi con khôn lớn, không khi nào rời khỏi nhà mà không mặc áo dài và trang điểm son phấn kỹ lưỡng. Cái nếp nó như vậy đó. Dâu hoàng tộc thì phải như vậy như kia. Con cháu hoàng tộc phải như ri như rứa. Thiếu tiền thiếu bạc chứ không thiếu lễ nghĩa và dáng vẻ cao sang. Bụng có thể đói được, nhưng mặt mày phải sáng láng, nhân cách phải giữ gìn. *Thanh bản* là hai chữ cha mẹ tôi thường lấy để nhắc anh chị em chúng tôi. Phải, nghèo mà sạch, sạch từ thể chất đến tinh thần. Phải ráng mà giữ. Cái giàu sang đã mất đi

rồi, không gượng tìm lại được nữa. Chỉ còn hai chữ *thanh bản* đó để mà sống cho đẹp thơm dòng tộc. Vậy đó mà cuộc sống gia đình thấy vui tươi. Rồi sống trong nhà, ắt phải quen nếp. Quen nếp thì thấy yên ổn, êm ấm, thấy như mình thuộc loại nhà giàu phong lưu vậy.

Chính vì vậy mà chuyện tôi trốn nhà mấy lần là một chuyện động trời đối với gia đình. Lại thêm chuyện đòi đi tu nữa, cũng là chuyện lạ thường mà chính những người trong gia đình tôi cũng không ngờ tới được nói chi những người ngoài. Mẹ tôi, người đã đóng vai dâu hoàng tộc mấy chục năm, không dám tin rằng một đứa cháu chắt ngài Tuy Lý Vương hào hoa phong nhã lại đòi xuất gia đầu Phật đang khi anh chị em trong gia đình sum vầy vui vẻ dưới sự đùm bọc của mẹ cha. Lũ con này, từ gái công nương, đến trai hoàng tộc, học hành chẳng chịu kém sút ai mà ăn chơi cũng đâu chịu thua thiệt gì thiên hạ. Ăn chơi gì? Là ca hát, đàn địch, văn thơ, viết vẽ... tiếng không đồn khắp nước thì cũng nở rộ lên như những cánh hoa rực rỡ của xóm nhà Nha Trang. Mỗi đứa mỗi tài, mà tài nào cũng lòng vòng trong ngành văn chương nghệ thuật. Vui quá đi chứ.

Nhà mười bốn đứa con, bảy trai bảy gái, làm thơ, viết văn, vẽ, đàn ca, chẳng theo trường lớp chuyên môn nào mà tài năng thi thố với thiên hạ cũng xuất sắc, có nét riêng, đâu vào đó không chê được; giới nghệ sĩ Nha Trang hay Sài Gòn ghé thăm phải kiêng dè, nể mặt... Cái nhà văn nghệ đó

ai ở Nha Trang mà chẳng biết. Chuyện đói no giàu nghèo thì khó đoán định nổi, nhưng chắc chắn một điều là không khí gia đình hẳn là vui tươi, rôm rộ, tung bừng. Vậy mà một đứa bỗng đòi đi tu. Chuyện lạ thường. Mẹ phải e dè suy nghĩ lại nhiều lần, dù rằng đã hứa cho nó đi tu, đã sắm sửa đồ đạc chờ ngày nó lên đường.

Anh lớn của tôi, người được coi như là một cảnh sát viên tận tụy với bốn phận bảo vệ nề nếp gia đình, là người chống đối chuyện đi tu nhiều nhất. Anh tin Phật, như ông bà cha mẹ đã tin. Nhưng trong cái nhìn của anh, chuyện xuất gia đầu Phật hình như là chuyện của những đứa bé chăn trâu, những đứa bé mồ côi ở cô nhi viện hay lũ trẻ bụi đời cù bơ cù bất, chứ không phải là một đứa em trong gia đình này. Cho nên chuyện đi tu của tôi làm cho anh phải xấu hổ với bạn bè anh, nhất là các cô bạn gái. Có một người trong gia đình xuất gia vào chùa thì tự dựng cái nhà này kém về văn minh tiến bộ đi một chút thì phải. Rồi anh muốn cản tôi một phần vì thương, không muốn tôi khổ sở ở chùa nhưng một phần cũng vì thể diện, vì cái nếp mà anh từng gìn giữ cho gia đình. Có lẽ anh nghĩ rằng một đứa em đi tu sẽ chứng tỏ với thiên hạ rằng gia đình này không có gì vui thú, hấp dẫn hay sự sung túc vật chất để giữ chân nó. Những lần trước, ba mẹ tôi không chấp thuận cho tôi đi tu là cũng có ý kiến anh góp vào một phần. Nhưng lần này, dù đã hết sức chống đối, anh cũng không cản được tôi, vì



lòng tôi đã quyết, và ba mẹ tôi cũng đã vui lòng ưng thuận.



Ngày tôi xuất gia là ngày mùng một tháng năm âm lịch, sau lễ Phật Đản nửa tháng. Lúc đó Tăng Ni các chùa đã nhập hạ an cư. Chùa Hải Đức là một Phật học viện nên tập trung các thầy đông nhất, trên hai trăm vị. Các vị hòa thượng, thượng tọa cũng như các thầy từ các chùa lân cận cũng tập trung tại chùa Hải Đức mỗi trưa để cúng quá đường và làm lễ cầu an, cầu siêu.

Mẹ tôi đã cho thuê một chiếc xe lam từ ngày hôm trước để gia đình cùng đưa tôi lên chùa. Nhưng ngày đó không phải là ngày cuối tuần nên ba tôi không đi được, các anh chị em khác thì bận đi học, đi làm, chỉ chia tay tôi tại nhà rồi thôi. Mẹ tôi, hai người chị và hai đứa em gái theo xe đưa tôi lên chùa. Ba tôi ôm hôn tôi trước khi ông đến sở. Không có vẻ gì cho thấy là ông lo buồn chuyện xuất gia của tôi cả. Lúc đó tôi chợt nghĩ rằng có lẽ ý định ngăn cản không cho tôi đi tu trước đây là do mẹ chứ không phải là do ba tôi. Sau này, tôi còn biết rằng mỗi lúc có việc quan trọng trong gia đình, ba tôi thường chỉ góp ý, bàn luận thêm, nhưng rồi cũng thường lấy quyết định tối hậu của mẹ tôi mà thôi. Tính tình ông hiền hòa, nhũn nhặn, cởi mở, một lòng cung chiều vợ mà cũng một lòng cung chiều con; lý đầu tôi

quyết tâm đi tu mấy lần ông lại ngăn cản không cho!

Ba tôi tắm rửa từ sáng sớm, thay áo quần, ăn sáng, rồi tiến đến chỗ tôi, hiền lành nắn bóp đôi vai tôi, đặt những nụ hôn lên tóc tôi, rồi nói đôi câu khích lệ:

“Dòng họ nhà mình thuần thành tin Phật từ bao nhiêu đời rồi nhưng hiếm có người nào đi tu. Hình như chỉ có duy nhất sư cô Trí Hải là thuộc giòng Tuy Lý nhà mình thôi. Nhưng cô ấy xuất gia khi tuổi đã trưởng thành. Nay con là người thứ hai, mà con hãy còn nhỏ quá, chắc là khó khăn khổ nhọc, nhưng ba tin con trai của ba sẽ vượt qua được. Lâu lâu con xin phép thầy về thăm nhà nghe. Bây giờ ba phải đi làm. Hôn ba một cái đi. Bên này cái nữa...”

Ba tôi ra sân. Tôi bước theo ông ra cổng, nhìn theo dáng ông gầy gò mắt hút ở cuối đường. Tôi ứa nước mắt quay vội vào trong.

Không phải đã chọn được lối đi thì không còn bận khoăn đau khổ. Khi cha-con tôi ôm nhau lần cuối vào phút từ biệt, tôi mới sực nhận biết rằng nỗi khó khăn cực nhọc nhất của một đứa trẻ khi xuất gia là sự chia cắt nhiều ngày với gia đình thân thuộc, nhất là phải chia cách với cha mẹ, những suối nguồn dạt dào thương yêu mà dù cho bày con mười bốn đứa hay hai chục đứa có tận hưởng suốt đời cũng không vơi cạn mất...

Khi bước ra xe lên đường, tôi nhìn qua chùa sư nữ, thấy các tiểu ni đứng nơi cổng chùa hướng

về phía tôi, đưa tay vẫy. Tôi vẫy tay đáp lại họ.

Xe chuyển bánh. Mẹ ngồi bên tôi, dặn dò đôi điều, thỉnh thoảng lại vuốt tóc tôi. Các chị và em gái tôi ngồi ở băng ghế đối diện nhìn qua, ai cũng im lặng ứa nước mắt. Lúc sống bên nhau, chúng tôi ít có dịp nào để trò chuyện hay tâm sự với nhau. Nhà tôi con đông, nhiều lứa, thân với nhau thì cũng chia thành cặp đôi, cặp ba: trai chơi với trai, gái chơi với gái, lớn với lớn, nhỏ với nhỏ. Đâu phải cứ là chị em thì phải thân mật và hiểu nhau hết. Vậy mà bây giờ tiễn đưa tôi lên chùa, các chị đã không kèm được xúc động. Như thể chuyến đi này sẽ thật sự cắt đứt những cơ hội cho tình cảm anh chị em được bộc lộ một cách bình thường. Tôi chỉ lặng lẽ quan sát các chị, rồi nhìn cảnh vật hai bên đường chứ không bận tâm điều đó lắm. Tôi cũng không khóc hay xao xuyến nhiều vì chuyện chia tay này. Tôi đang nôn nao phóng nhanh một bước vào thế giới mới lạ có khoảng trời bao la phát phơ mây trắng. Thế giới đó từng hiện hữu trong những giấc mộng sâu kín của tôi, nay sắp trở thành hiện thực. Chỉ một chốc nữa thôi, khi chiếc xe này ngưng bánh, tôi sẽ bước vào đó.



Từ quốc lộ số một, xe rẽ vào một con đường đất rộng. Con đường mang tên chùa Hải Đức. Hai bên đường là nhà cửa thưa thớt nhưng đa

phần nhà gạch hoặc nhà đúc. Chỉ một khoảng gần chân núi là nguyên một dãy nhà tôn, nhà lá lụp xụp của những người mới đến tại đây. Vài hàng quán lẻ tẻ mọc lên ở khoảng đó. Người ta gọi xóm này là xóm Xưởng. Đến sát chân núi hơn thì con đường trở thành như một bờ đê cao, hai bên là vườn rau--phải nói ruộng rau mới đúng vì quá rộng--với những luống cải xanh thẳng tắp được chăm sóc kỹ lưỡng bởi những người làm vườn chuyên nghiệp. Mẹ tôi nói rau canh tác ở đây cung cấp một số lượng khá lớn cho các khu chợ Nha Trang. Cuối *đường đê* đó, quẹo phải là dẫn đến chùa Phước Điền--một ngôi chùa nhỏ xíu nằm giữa ruộng rau như một hòn đảo lú lên giữa sông nước; quẹo trái là lên con dốc chính dẫn đến chùa Hải Đức.

Cổng sắt của chùa Hải Đức mở sẵn. Qua khỏi cổng là bắt gặp ngay kho gạo của chùa Hải Đức nằm phía bên phải. Nhà kho phải xây dưới chân núi để xe ra vào chất gạo chất củi cho dễ. Nơi đây có một ngôi nhà ngói rộng, gọi là Tịnh Nghiệp đường dành cho các phật tử thân tín của chùa đến nghỉ lại đêm để tu học vào những ngày trai, và một phòng để quý thầy cất xe đạp, xe gắn máy, khỏi phải dắt lên núi. Phía bên trái của nhà kho là ga-ra lợp tôn, dành cho các xe hơi và xe gắn máy của chùa.

Mẹ con tôi cùng hì hục leo dốc. Đường dốc đá lờm chờm, mẹ và các chị tôi phải bước khó nhọc và cẩn trọng vì mang guốc cao. Hết khoảng

dốc đá thì con đường tẻ làm hai, một đường vẫn là dốc đá dẫn đến mặt tiền của chánh điện chùa; một đường là tam cấp trăm bậc dẫn đến phòng khách và nhà bếp. Mẹ đưa tôi đi đường tam cấp để bái kiến thầy Hải Tuệ trước. Dọc đường đi, vài người hành khát ngồi yên lặng, lật nón để sẵn trước mặt. Phật tử đến chùa lên xuống tấp nập. Tự dung tôi thấy ái ngại. Lần trước đến chùa, tôi không bắt gặp không khí nhộn nhịp này.

“Sao đông quá vậy mẹ?” tôi hỏi mẹ.

“Thì gặp mùa an cư kiết hạ, ngày nào cũng có cúng quá đường, quý thầy lại cấm túc chẳng đi đâu nên phải đông chớ. Hơn nữa, hôm nay là mùng một mà. Đừng ngại, rồi con sẽ quen. Phật tử cũng như mẹ và mấy chị, đến rồi về chứ đâu có ở hoài trên chùa đâu. Sau lễ thì chùa yên vắng trở lại ngay.”

Chùa Hải Đức là tên gọi của chùa khi chưa lập nên Phật học viện. Từ ngày Phật học viện ra đời, người ta quen gọi Phật học viện Hải Đức, hoặc gọi tắt “*chùa viện*” hay chỉ gọi một tiếng là “*viện*”. Thầy Hải Tuệ làm chức giám sự của Phật học viện. Chức này chịu trông coi mọi sinh hoạt lễ lược, chịu trách nhiệm quản lý động sản và bất động sản cũng như vấn đề thu nhập và chi xuất tài chánh của chùa. Đặc biệt là ở viện Hải Đức này, chức vụ giám sự rất quan trọng và trở thành một chức vị giống như trụ trì một ngôi đại tông lâm. Trên chức giám sự chỉ có chức giám viện do Hòa thượng Thích Trí Thủ đảm trách. Nhưng

Hòa thượng là Vụ trưởng Vụ Hoàng Pháp thuộc Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, phải túc trực tại Sài Gòn để điều hành nhiều phật sự của Giáo hội trung ương nên mọi việc ở viện Hải Đức đều giao cho thầy giám sự chăm sóc.

Dãy hiên của tổ đường có bốn cái bàn, được coi như phòng khách tạm thời trong những ngày lễ lớn. Phật tử lãng xăng lui tới. Thấy mẹ con tôi đến, thầy Hải Tuệ gát công việc đang bàn với khách, mời mẹ con tôi vào trong tổ đường. Mẹ bảo các chị và hai đứa em gái tôi đứng lại ở bên ngoài, rồi mẹ kéo tôi theo thầy vào Tổ đường. Thầy thấp nhang rồi đứng một bên chuông, chờ mẹ tôi thưa chuyện. Mẹ tôi sụp lạy thầy, tôi lạy theo. Thầy khoát tay bảo đừng nhưng mẹ con tôi cứ lạy cho đủ lễ. Lạy xong, mẹ tôi quỳ nghiêm, chấp tay thưa thầy:

“Nam mô A Di Đà Phật, hôm nay con đưa con trai của con đến cầu xin thầy tiếp độ cho nó được xuất gia theo chân thầy để học đạo giải thoát.”

Nghe lời mẹ thưa, tôi bàng hoàng như bị chấn động ở tận đáy sâu tâm thức mình. Ước vọng lâu nay của tôi là tìm đến một thế giới, hay một cõi nào đó mới lạ, khác với cuộc sống buồn tẻ nhạt phèo của nhân sinh, nhưng tôi không thể hiểu và không thể diễn đạt bằng lời cái ước vọng sâu kín đó của mình. Nay mẹ tôi thưa trình với ngôn ngữ và cách hiểu của bà, tôi mới sực thấy rõ

rằng thực ra tôi muốn gì. Phải, tôi muốn giải thoát. Hai chữ ấy tôi không hiểu tường tận và cũng chưa hề dùng đến bao giờ, nhưng khi nghe nó, tôi biết đúng là nó chứ không phải chữ nào khác thích hợp hơn với sự mong cầu của tôi.

Thầy từ tôn hướng về tôi dạy rằng:

“Con đường xuất gia là con đường chông gai mà chỉ có những kẻ có chí xuất trần cực mạnh mới vượt qua nổi. Tuổi nhỏ như con mà phát tâm xuất gia là điều đáng quý, đáng khen. Nhưng nếu không hết lòng nương theo thầy tổ để tu học thì đạo lớn sẽ khó kham nhận được. Thay mặt chư tăng, thầy hoan hỷ tiếp nhận con nhập chúng để học hạnh xuất gia. Con đứng dậy lạy tổ đi.”

Tôi và mẹ cùng lạy tổ ba lạy. Xong, thầy bảo mẹ con tôi theo thầy bá kiến Hòa thượng chùa Từ Quang, vị hòa thượng cao đức chứng minh đạo sư của Phật học viện. Hòa thượng pháp tự là Thích Phúc Hộ, là viện chủ tổ đình Từ Quang ở Phú Yên, nên mọi người đều gọi ngài là Hòa thượng Từ Quang (tránh gọi thẳng pháp tự của ngài để tỏ lòng tôn kính). Mỗi năm Hòa thượng từ Phú Yên vào Nha trang để nhập hạ an cư tại đây ba tháng (từ rằm tháng tư, ngày Phật đản sanh, đến rằm tháng bảy, lễ Vu Lan).

Hòa thượng ngồi trên trường kỷ ở phòng khách tầng, bên hông phải của chánh điện. Thầy tôi vào trước trình Hòa thượng. Hòa thượng bảo tôi đến gần. Tôi quỳ sát bên ngài để lắng nghe chỉ dạy. Một tay xoa đầu tôi ngài nói:

“Đáng khen, đáng khen! Con giỏi lắm. Tuổi nhỏ mà đã phát chí xuất trần là việc hy hữu. Thầy hy vọng con đủ chí đủ lực để đi trọn con đường mà chư Phật chư Tổ soi mờ. Xuất gia là gì? Tổ Quy Sơn có nói, ‘*phù xuất gia giả phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân...*’ nghĩa rằng, người xuất gia là kẻ cất bước hướng tới một vòm trời siêu tuyệt với tâm tính và hình dung khác với thế tục, để tiếp nối và làm hưng thịnh cho giòng giống của Phật Thánh, làm kinh động và thu phục ma quân. Con đường xuất gia chí thượng cao cả như vậy, con phải nỗ lực, quyết tâm mới thành tựu được sự nghiệp.”

Tôi cúi lạy Hòa thượng mà ứa nước mắt. Tôi khóc. Tôi chẳng hiểu vì sao tôi khóc. Lời lẽ của vị hòa thượng già mới lần đầu tiên được bái kiến tôi nghe như âm vang thân thuộc vọng về từ một tiền kiếp xa xưa nào. Nghe như có tiếng chuyển động âm ì của sóng, của nước, vỗ vào bãi tâm hoang sơ của tôi.

Thầy Hải Tuệ bảo tôi lạy tạ Hòa thượng. Tôi cùng mẹ quỳ lạy ngài ba lạy nữa rồi lui ra. Trở lại phòng khách, tôi gặp hai chú tiểu đang ngồi cầm kinh nhật tụng, vừa học vừa giỡn. Thấy thầy Hải Tuệ bước xuống, hai chú lảng ra xa, làm bộ cấm cúi đọc to tiếng lên. Thầy vào phòng khoác y áo chuẩn bị làm lễ. Trở ra, thầy bảo các chú tiểu hướng dẫn tôi mang hành lý vào phòng dành cho các chú tiểu. Hai chú đưa tôi đi vòng



sau đây nhà thờ các vị Tổ sư, Tăng Ni đã viên tịch, nằm đầu lưng với nơi thờ Phật nên gọi là *hậu tổ*. Rồi vào một dãy phòng sát hông trái với chánh điện là phòng dành cho các chú tiểu. Chỉ có bốn cái đi-văng (ở chùa gọi là cái đơn tức là cái giường nhỏ chỉ nằm được một người). Một chú bảo tôi cứ để hành lý ở đầu một cái đơn, chuyện ngủ ở đâu thì tôi có thầy quản chúng sắp đặt. Cát hành lý xong, tôi lại theo các chú trở ra phòng khách. Lúc này, thầy đã vào nhà hậu tổ rồi lên trai đường làm lễ. Mẹ và các chị em của tôi cũng theo các phật tử khác đi lạy cúng trai tăng ở trai đường. Tôi ngồi lại với hai chú tiểu ở phòng khách.

Hai chú tiểu đều nhỏ tuổi hơn tôi. Một chú tên Dũng, một chú tên là Sung. Chú Dũng nhỏ thua tôi một tuổi. Chú Sung nhỏ thua tôi hai tuổi. Chú Dũng là đệ tử của thầy Phước Châu, vị thầy giữ chức quản chúng của Phật học viện--vị quản chúng thường là một vị thầy trẻ tuổi, gần gũi học chúng, chịu trách nhiệm phân công, điều hành những công tác và sinh hoạt thường nhật của học tăng, làm viên gạch nối giữa ban lãnh đạo Phật học viện với các học tăng này. Chú Sung là đệ tử của thầy Hải Tuệ, tức là cùng một thầy với tôi--trong chùa gọi là huynh đệ đồng sư. Chú Dũng cao, ốm tong ốm teo, hai tay hai chân dài như vượn. Mặt chú dài, cằm nhọn, miệng cười rộng sát mang tai, mắt sáng long lanh, hai tai to vênh ra như tai dơi. Chú Sung gọi chú Dũng là *Dũng*

*cò*, có khi gọi là *Dũng ròm*. Chú Sung thì thấp người, da dẻ đen sạm trông rắn chắc như dân làm ruộng ở quê lên. Mặt chú tròn vin, miệng nhỏ môi mỏng, hai mắt to tròn, sáng và lộ ra như hai trái nhãn. Đáp lại chú Sung đã gọi mình là *Dũng cò*, chú Dũng gọi chú Sung là *Sung mèò*-có khi gọi tắt hơn: *mèò*, chắc là nói gọn cho Sung mắt mèò.

Tôi ngồi nơi phòng khách với hai chú mà chẳng biết nói gì. Các chú cũng chẳng biết nói gì với tôi nên cứ giỡn với nhau để tôi ngồi trơ đó mà ngó, mà nghe. Hai chú thật liếng thoăn, lảng xãng, đứng ngồi không yên. Tâm tư tôi lúc đó hãy còn bập bùng kích động bởi những lời dạy của Hòa thượng Từ Quang và thầy Hải Tuệ nên tôi không sao đùa giỡn và hòa vui được với các chú ngay. Tôi tự hỏi, không lẽ mai này mình lí lắc lí lười như mấy chú tiểu này sao? Phải có cái gì khác chớ? Sao các chú ở chùa mà chẳng có gì khác biệt với mấy đứa trẻ bên ngoài hết vậy kia? Tôi không lớn hơn các chú bao nhiêu, vậy mà tôi bỗng trở nên ông cụ, ngồi im mà nhìn bày trẻ đùa giỡn. Một chặp, hai chú rủ tôi xuống nhà bếp ăn cơm. Tôi miễn cưỡng bước theo.

Giữa nhà khách và nhà bếp có hai phòng ăn nhỏ để dọn cơm cho các chú tiểu và thập phương bá tánh. Chú Dũng bảo tôi ngồi đợi ở phòng ăn này. Hai chú xuống bếp kiếm cơm thế nào đó mà bung lên nguyên một mâm với ba thau cơm thật bự. Không phải là các thau đầy cơm, chỉ lưng thau thôi. Món mít kho, món cải xào với đậu hủ

và món canh rau muống cũng đồ chung vào đó. Chú Dũng đưa tôi một thau cơm, chú và chú Sung mỗi người một thau khác. Tôi ngán ngẩm bụng thau cơm đồ sộ lên, nhìn hai chú ấy bắt đầu ăn mà thấy khiếp sợ. Đã vậy, trong thau chỉ có vật dụng duy nhất để múc ăn là cái vá thật lớn mà người ta dùng để xúc cơm chứ không phải là cái muống nhỏ. Thật khó cho tôi phải ăn bằng cái vá xúc cơm với một thau cơm bành ki như vậy. Nhưng tôi phải ăn thôi. Tôi nghĩ bụng chắc mấy chú tiêu ở đây đều ăn kiểu đó. Các chú được chùa dạy cho chuyện ăn uống như là chuyện chẳng quan trọng gì nên ăn sao cũng được, chẳng cần thứ lớp ngăn nắp hay bày biện lễ nghi gì cho mệt. Thì thôi, các chú ăn được thì tôi cũng phải ăn được. Vậy là xúc cơm ăn ngon lành. Hai chú xúc cơm ăn ào ào, thau muống chạm leng keng, lòn cồn. Chỉ một thoáng là thau cơm của hai chú cạn lảng. Tôi đâu có đuổi theo kịp. Dù sao cũng là người mới đến, tôi ăn chậm rãi, từ từ mà xúc, cố gắng đưa cơm và đồ ăn vào miệng sao cho gọn, đừng đổ vãi. Hai chú ăn rồi, ngồi chờ tôi một chút, thấy lâu quá, bèn đứng dậy trước, bỏ tôi ngồi một mình. Cũng may phòng ăn lúc đó chẳng có ai. Mọi người đều đi làm lễ. Buổi cơm chay đầu tiên cho ngày xuất gia thật lạ miệng, thật ngon nhưng hơi ngộ nghĩnh vì thau cơm và cái vá trông khiếp quá.

Tôi đang ăn đến vài *muống* cuối cùng thì có một thầy trẻ từ đâu đi tạt ngang. Sau này tôi biết

là không phải tất cả quý thầy đều đi làm lễ, mà phải có một vài thầy ở ngoài để trực, coi chùa, tiếp khách, dọn dẹp trai đường v.v... Thấy tôi ngồi ăn bằng thau với cái vá xúc cơm to bự như thế, thầy tức cười dừng lại nhìn, hỏi han. Tôi nói tôi mới đến chùa xuất gia hôm nay. Thầy hỏi tôi ai dọn cơm cho tôi ăn. Tôi thật thà nói hai chú Dũng và Sung. Thầy xuống gọi hai chú lên la rầy một lúc. Té ra không phải các chú tiểu ở đây ăn bằng thau và vá cơm lớn. Chỉ vì các chú lười biếng không chịu chờ đợi cô Bảy và chú Đông (những người làm công quả dưới bếp) rửa chén bát mà lấy đại những thau muổng nào còn úp trong rổ. Cũng may thầy la trong giọng vui vẻ, chỉ nhắc các chú đừng lười biếng vậy thôi chứ không đánh phạt gì. Các chú không giận gì tôi chuyện đó, rủ tôi đi chơi. Tôi không biết tôi có được phép đi chơi với các chú không. Nhưng không theo các chú thì biết làm gì, ngồi đâu, đứng đâu, vì vậy cứ phải theo.

Các chú dẫn tôi lên tháp chuông cũ ở gần bệnh xá. Ở đây có gió mát rượi. Ngọn gió từ đâu nghe mát và mẫn mẫn như là gió biển. Chung quanh là những cây phượng vĩ to cao, hoa nở đỏ rực. Nhưng từ các ven rào cho đến các gốc phượng, tôi thấy nhiều cây xương rồng bò khắp leo lên cả những nhánh phượng trên cao. Dũng nói đó không phải là cây xương rồng mà là cây thanh long. Thanh long trên núi này mọc nhiều lắm. Loại này cũng dễ mọc nên có thầy chiết

nhánh trông thêm ở nhiều nơi quanh chùa. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy thanh long đỏ chín trên cây. Nhưng thanh long là loại trái cây ngọt lờ lợ mà lại đầy hạt nên tôi không bao giờ có hứng thú để ăn. Dù vậy, khèo hái thanh long với các chú thì cũng thích thật. Dững và Sung bẻ cây táo nhọn ở ven rào để làm sào. Các chú bứt các dây leo quanh đó để buột một cái ngàm thật chắc ở đầu sào. Có sào rồi, chú Sung leo lên một cây phượng gần tháp chuông. Chú Dững và tôi đứng dưới chuyền cây sào lên và chỉ cho chú Sung thấy những trái thanh long ở đâu. Dững đang chỉ chỗ la hét như vậy bỗng xuyt một tiếng, kéo tôi núp vào sau tháp chuông.

Tôi hỏi nhỏ chú Dững:

“Sao vậy? Tại sao phải trốn?”

“Xuyt có thầy nào đi ngang kia.”

“Thầy thì sao, bộ thầy không cho mình hái trái sao?”

“Không. Xuyt!”

Trong khi tôi và chú Dững im lặng trốn nấp thì chú Sung ở trên cây không biết, cứ tiếp tục la hét ồm ồm:

“Đâu có thấy trái nào đâu? Chỉ coi. Dững!”

Vị thầy kia đi ngang nghe được tiếng chú Sung trên cây thì ghé lại, đứng dưới gốc cây phượng chỉ lên, nói:

“Kìa, một trái đỏ loét kìa!”

Chú Sung ở trên cây nghe tiếng người lớn thì hét hồn, tụt mau xuống định trốn. Cũng may

thầy kia hiền quá, chỉ đứng ngó chú Sung mà cười. Rồi thầy bảo cứ hái đi, thầy chẳng mét ai đâu. Nói xong thầy đi mất. Lúc đó Dũng mới kéo tôi rời khỏi chỗ nấp để trở lại với chú Sung. Nhưng tôi không thích chơi trò hú tim nữa. Tôi không thích hái trộm một thứ trái mình chẳng thích, chẳng ăn, để rồi mang tiếng nghịch ngợm. Dũng và Sung tiếp tục hái, tôi đứng gần đó hỏi:

“Tại sao thanh long mọc nhiều quá mà mình không được hái, thấy mấy thầy lại trốn. Bộ chùa cấm hái trái cây sao?”

“Đâu có, ở đây thiếu gì trái! Ôi, xoài, mít, măng cầu xiêm, măng cầu gai, ô-ma, sa-bô-chê... tùm lum hết, muốn ăn thì hái ăn, đâu có ai biết. Nhưng hái thanh long thì hái những trái mọc hoang ngoài núi chứ hái khu vực này không được vì trái ở đây là để dành cúng Phật. Cúng xong là dọn cho đại chúng dùng.”

“Mình có phải đại chúng không?”

“Đại chúng chắc là nói mấy thầy lớn. Nhưng tụi mình cũng ăn ké đại chúng được. Cũng như ăn cơm vậy thôi, đâu phải đại chúng có cơm còn mình không có.”

“Vậy thì hái làm chi, chờ mấy thầy cúng Phật xong rồi ăn. Còn không mình ra ngoài núi hái, đừng hái ở đây bị la đó.”

Dũng cười nói:

“Trời ơi! Ăn thanh long mà chờ! Bây giờ mấy thầy đang làm lễ thì mình hái chớ. Còn ra ngoài núi cũng chưa chắc là có trái. Có bao nhiêu

người ta ở dưới núi cũng lén hái hết trơn rồi đâu đề tới phiên tụi mình.”

Sung ở trên cây cũng tiếp lời:

“Thanh long dọn trên bàn ăn, mỗi người được một miếng chớ mấy. Hái ngoài này ăn đã hơn.”

Nói đến đó thì Sung cũng vừa khéo được một trái thanh long lớn. Chú Dũng đứng dưới đón lấy. Hái đủ ba trái, Sung leo xuống. Cả ba chúng tôi đi tìm chỗ mát và kín để ngồi ăn. Tôi chỉ ngồi ngó hai chú ăn chứ không ăn được thứ trái cây này. Thanh long chín đỏ, lột vỏ dễ như lột vỏ chuối. Hai chú ngồi ăn ngon lành. Trái còn lại, hai chú lại chia nhau ăn. Ban đầu thấy hai chú hạm ăn quá tôi hơi nản. Nhưng chỉ sau một lúc, tự dưng tôi thấy vui lây.

Lâu nay tôi cứ ngỡ một chú tiểu ở chùa thì phải đạo mạo, lim dim như một chú tiểu đồng hầu hạ tiên ông ở cõi tiên. Tôi ngỡ rằng những chú tiểu ở chùa sẽ không bao giờ có các trò chơi, các thú vui và những ham thích mà những đứa trẻ ngoài đời đang có. Từ những ngày biết mình sắp xuất gia, tâm tư và phong cách của tôi đã có vẻ như sẵn sàng để chịu đựng và thích nghi với cuộc sống khuôn khổ, nề nếp của cửa chùa mà mẹ tôi và các sư cô ở chùa sư nữ có nói trước. Tôi cứ nghĩ là ngay ngày đầu tiên bước vào chùa là tôi đã trở thành một tu sĩ, chấm dứt mọi thói đời. Bây giờ, ngồi cạnh hai chú tiểu này, tôi mới thấy rằng, con đường xuất gia cao đẹp lắm, nhưng

## VĨNH HẢO

cũng phải bước đi bằng những bước bình thường. Không phải ai ở chùa cũng đạo mạo, uy nghiêm. Trước mắt tôi là hai chú tiêu, chỉ khác với những đứa trẻ bên ngoài ở hình thức. Tâm tư tôi lúc ấy giống như tâm trạng của một con chim đã chui vào lồng nhưng thấy cửa lồng không đóng, nó nhảy vô nhảy ra, chưa biết làm gì. Vừa hân hoan, vừa hụt hẫng. Thôi thì các chú sống sao mình sống vậy.

Tôi phải sống với lứa tuổi của tôi.



## CHƯƠNG BỐN

Khi chúng tôi trở lại phòng khách và Tổ đường thì các thầy vừa làm lễ xong. Nói đúng hơn, chú Dũng và chú Sung đã canh đúng giờ để trở về phòng khách kịp trước lúc các thầy làm lễ xong. Thầy Hải Tuệ từ chánh điện bước xuống. Chú Dũng và chú Sung tách xa nhau lập tức, mỗi chú ngồi một góc Tổ đường, miệng đọc to đoạn kinh đang học trong ngày. Mặt mày các chú trông có vẻ thành khẩn, chú tâm dữ lắm. Thấy các chú giả bộ một cách tự nhiên trước mặt mình, tôi thật buồn cười. Và nội chùng đó không, tôi cũng biết rằng thầy Hải Tuệ rất nghiêm khắc. Các chú sợ thầy rấm rập một nước.

Mẹ và các chị em của tôi chào thầy để về. Tôi tiễn gia đình ra đến sân trước cửa chùa. Mẹ tôi cứ sợ tôi buồn, sợ tôi chịu không nổi sự chia tay. Hồi nhỏ tôi vốn bị anh chị lớn chọc là “*mít ướt*”, hay chảy nước mắt. Chỉ có mẹ tôi là để ý được rằng tôi bị đòn thì không khóc, bị la rầy nạt nộ mới khóc. Như vậy, trong giây phút bị rịn chia tay, bà đoán rằng tôi sẽ không chịu nổi. Bà từ biệt đôi lần rồi mà bỏ đi chưa đành, cứ nán lại, đứng lên ngồi xuống mấy bận trước hiên chánh điện. Cuối cùng thì bà cũng phải về, quay đi thật nhanh, bỏ tôi đứng lại ở trụ cờ. Mẹ và các chị em

của tôi lần xuống núi, thỉnh thoảng lại quay đầu nhìn lại với những đôi mắt ướt. Vậy mà tôi chỉ đứng ở trên vẫy vẫy tay, cười. Tôi chẳng thấy buồn gì cả. Giống như con nai đã tìm được đồng cỏ. Giống như chim đã thấy được bầu trời. Một nỗi hân hoan kỳ lạ xâm chiếm tâm hồn tôi, tràn đầy trên bước chân tôi khi tôi quay trở vào phòng khách của chùa. Người thân đã khuất hẳn dưới chân núi. Bây giờ tôi mới thực sự là một kẻ xa nhà, một mình một thân bước vào cuộc sống mới.

Chú Dũng và chú Sung hãy còn ê a học kinh nơi Tổ đường. Thầy đang ngồi tiếp khách. Lại có thêm một chú tiểu mới xuất hiện nữa. Chú này đã mặc đồ tu, một bộ bà ba đỏ chói; đầu chú cũng đã cạo đàng hoàng chứ không phải như tôi còn nguyên vẹn đầu tóc và áo quần của người thế tục. Có điều, cái chỏm của chú trông rất ngộ nghĩnh, y như một cái ổ chim mới đan bằng rom hay cỏ khô vậy. Cái chỏm của chú Dũng dài quá mất, có thể vén qua một bên để vắt lên vành tai. Chỏm của chú Sung thì dài ngang chân mày. Còn cái chỏm của chú tiểu mới này chắc là một khoảnh tóc trước trán được chừa lại từ một cái đầu đã cạo láng, không đủ chiều dài để tóc nằm xuôi theo da đầu nên tóc cứ dựng đứng lên, chĩa ra muôn phương tứ phía. Người nhà của chú tiểu ấy đang thưa chuyện cùng thầy. Họ đang xin cho chú được ở tu tại chùa Hải Đức này. Nề tình chú ấy là cháu của Thượng tọa trụ trì chùa Từ Đàm (ở

chùa gọi tắt là Ôn Từ Đàm, tức Thượng tọa Thiện Siêu), thầy Hải Tuệ đã nhận cho chú xuất gia, nhưng giao cho thầy quản chúng chịu trách nhiệm dạy dỗ chứ thầy không nhận chú ấy làm đệ tử. Sau này tôi mới hiểu được rằng, nếu chú ấy đã là chú tiểu thì phải có một vị thầy đưa vào chùa gửi gắm xin ở tu chứ không phải là do gia đình đem đến. Còn nếu chú là một đứa bé ở ngoài đời mới xin xuất gia như tôi thì hình thức của chú phải hoàn toàn là hình thức thế tục chứ không phải là một chú tiểu để chõm mặc áo tu sẵn như vậy.

Chú tiểu này từ Huế mới vào. Nghe nói ngoài đó giặc giã làm sao đó mà dân miền Trung bỏ chạy vào nhiều lắm. Chú ấy cũng theo gia đình vào Nha Trang. Chú tên là Kính. Cao và ốm, nhưng chắc da, chắc thịt hơn chú Dũng. Mắt một mí trông hiền lành. Mũi cao. Miệng rộng. Cằm hơi đưa ra trước. Chú Kính nói giọng Huế đặc sệt mà lại nói nhanh kinh khủng, khiến tôi và hai chú kia lúc nào nghe chú nói cũng phải ngớ ngẩn một lúc mới hiểu được.

Sau khi thầy chấp thuận cho chú Kính ở tu tại chùa Hải Đức, gia đình chú ấy ra về. Thầy đi nghỉ trưa. Bốn đứa chúng tôi chơi với nhau. Dũng và Sung bày trò chơi. Các chú rủ tôi và Kính ra sau núi hái trái ăn. Lại hái trái nữa! Tôi thấy không hứng thú, nhưng không kèm được sự lôi cuốn của một cuộc đi chơi ngoài núi với những người bạn mới.

Chúng tôi dạo chơi trên con đường mà có

người đặt tên là đường *Hoàng hôn*, tức là con đường đôi nối liền giữa chùa Hải Đức và chùa Tĩnh hội. Con đường ngoằn ngoèo nằm ở lưng chừng núi, chạy dọc gần suốt chiều dài phía tây của ngọn núi nên buổi sáng thì khuất nắng mai, có bóng mát trọn buổi; từ xế chiều đến lúc hoàng hôn, ánh nắng mới trải một màu vàng ố lên cây lá khiến con đường đương hạ mà trở nên như vàng thu, trông đẹp và buồn lạ. Lúc chúng tôi ra đó thì mặt trời đã xế về hướng tây chừng gang tay. Nắng vẫn còn gắt lắm. Vậy mà từ một khoảng hơi trống cây cối, chú Sung đã bày ra một trò chơi rất ngoạn mục. Hai chú Dũng và Kính đều tham gia, riêng tôi thì không. Không những tôi không thấy thích thú mà còn khiếp hãi, lo sợ cho các chú nữa. Trò chơi như vậy: đứng trên đường Hoàng hôn, buông mình chạy xuống núi với dốc nghiêng bốn mươi lăm độ. Không cần biết đi đến là đâu, khi nào không tiến thêm được nữa thì mới quay trở lại điểm khởi hành. Người chơi cứ nhảy ào xuống dốc núi là tự dung hai chân phải chạy, vừa chạy vừa tránh trên đầu, né dưới chân, sao cho khỏi vướng các giây leo mọc um tùm bên dưới mà cũng khỏi va chạm các gốc cây, các bụi rậm, các bụi gai mọc chằng chịt bên trên. Hai tay, hai chân, hai mắt đều phải hết sức bén nhạy và lanh lợi mới khỏi vấp té. Chú Sung nhỏ tuổi nhất mà lại là kẻ bày đầu. Chú mang giẻ mà chơi, như vậy rất nguy hiểm vì giẻ không bó chặt bàn chân, khi chạy nhảy rất dễ vấp té. Nhưng tôi còn

e ngại hơn nếu chú ấy đi chân không mà lao mình xuống dốc núi lởm chởm đá, cây và cỏ gai với tốc độ kinh khủng. Vì độ dốc nghiêng của triền núi, chú không muốn chạy mau bắt buộc cũng phải chạy mau. Chú Sung thật lanh như một con thỏ rừng, chạy thoăn thoắt từ trên đở xuống tận chân núi ở dưới cách chỗ tôi gần hai trăm thước. Chú lạng bên này, lách bên kia, né trên né dưới, chỉ nháy mắt mà đã có thể xuống đến tận chân núi. Chú Dũng và Kính hơi ngập ngừng một chút rồi cũng vù theo. Hai chú này cũng lanh không kém gì chú Sung. Hình như khi bị buộc phải đứng trước một hoàn cảnh hiểm nguy, mọi người đều có khả năng đối phó một cách nhạy bén và linh động để tự tồn. Bụi đất tung lên, tiếng cỏ lá rung lên xào xạc, có khi răng rắc như có cành gãy. Tôi còn nghe được cả luồng gió vù vù cuốn theo những vạt áo nhỏ của các chú. Tim tôi đập mạnh theo dõi trò chơi nguy hiểm của các chú, cứ sợ các chú vấp té xóc phải cây hoặc va người vào đá. Vậy mà cả ba chú đều bình yên xuống đến chân núi. Cười hề hả muốn tán thưởng sự gan dạ của nhau, rồi quay đầu ngó lên, gọi tôi phóng xuống. Tôi lác đầu từ chối, chờ các chú quay trở lên. Phải tốn gần mười phút các chú mới lên đến nơi. Cả ba đều thở dốc, mồ hôi ướt đầm cả áo. Vậy mà chú Sung còn muốn phóng xuống núi thêm một keo nữa. Tôi cản:

“Đừng, nghỉ đi. Tụi mình về không thôi thầy biết được thì phạt chết.”

Chú Dũng và Kính chẳng muốn chơi nữa, cũng hùa theo tôi:

“Ừ, về đi.”

Nhưng chú Sung vẫn còn hăng máu, muốn thi thố với các bạn lần nữa:

“Một lần nữa thôi. Sợ rồi hả? Ê, nhát quá!”

Không đợi các bạn hưởng ứng, chú Sung lại lao mình xuống núi. Tôi giữ hai chú kia lại, nói:

“Thôi, để chú Sung chơi một mình cho chán rồi cũng về. Mình ở đây chờ chú đi.”

Hai chú kia cũng đã ngán sợ nên nghe tôi giữ lại thì cũng mừng, làm bộ miễn cưỡng đành chỉ cuộc chơi. Chú Dũng thì lấy vạt áo lên lau mồ hôi trên mặt. Chú Kính thì đưa cánh tay lên quẹt ngang qua trán. Chú nào trông cũng mệt lử. Bỗng nghe “xoạt, xoạt” bên dưới. Ba đưa chúng tôi cùng ngó xuống, thấy chú Sung lăn cù cù xuống chân núi. Chú vừa vấp phải giây leo hay đá. Tôi hốt hoảng, tái mặt, lo sợ cho chú ấy. Nhưng chú Dũng thì la lên, rồi cười sảng sặc:

“Đáng đời, đáng đời! Ai biểu muốn làm anh hùng hả thằng mắt mèo!”

Chú Kính cũng ôm bụng cười nắc nẻ. Tôi không yên tâm nổi, định phóng xuống đỡ chú Sung thì chú Dũng kéo tôi lại, nói:

“Đừng lo, nó đứng dậy rồi kìa! Nó lên lại bây giờ, không sao đâu!”

Quả nhiên, vừa lăn hết đà là chú Sung lồm cồm đứng dậy ngay. Chú không thềm phủi áo quần hay nhìn xem mình có bị thương tích gì

không, một mạch leo lên lại chỗ chúng tôi. Vừa leo lên vừa cười làm như không có chuyện gì xảy ra. Tôi hỏi ngay:

“Chú có sao không vậy?”

Chú Sung cố gắng đáp với giọng thật tỉnh nhưng thực sự thì tôi thấy mặt mày chú tái mét chẳng còn chút máu:

“Đâu có sao đâu. Mấy ông nhát quá, để tui xuống một mình đâu có vui!”

Chú Dũng chọc què:

“Chú muốn làm anh hùng thì để chú xuống một mình chứ, ha ha!”

Chúng tôi kéo về lại phòng khách. Trên đường đi, chú Sung vẫn không ngớt lời chê chúng tôi, nhất là tôi, nhất như thỏ. Tôi tự ái lắm. Dĩ nhiên là phải tự ái rồi. Là con trai ai lại chẳng muốn biểu lộ tính anh hùng, gan dạ! Nhưng tôi không cãi lại chú làm gì. Chính tôi cũng không ngờ rằng tôi lớn hơn chú hai tuổi mà không dám làm điều chú ấy làm. Tôi đã có những suy nghĩ và hành động mạo hiểm như bỏ nhà đi hoang, đi tu, v.v... nhưng không dám mạo hiểm trong những trò chơi đòi hỏi sự gan dạ liều lĩnh như chú Sung đã làm. Hình như bắt đầu từ sáng nay, khi mới đặt chân vào chùa, nghe thầy và vị hòa thượng cao đức nói đôi lời khai đạo, tôi đã mất hết những tư tưởng mạo hiểm, phóng túng đi rồi. Tâm tư tôi có vẻ mềm nhũn đi như thể nó đã sẵn sàng cho sự tuân thủ một đời sống khuôn thước, kỷ luật. Hình như tôi đã bắt đầu thích thú làm một kẻ ngoan

ngoãn, bước theo một lối mòn có người vạch sẵn và dẫn dắt.



Chú Dũng cho tôi biết rằng ở Phật học viện Hải Đức không phải chỉ có bốn đũa chúng tôi là điệu (chú tiểu) thôi đâu. Đến khóa lễ công phu chiều, tất cả các chú tiểu của chùa sẽ tập trung tại chánh điện để tụng thời kinh này. Thầy quản chúng đã giao các chú tiểu đảm trách khóa lễ này vì vào giờ đó, bốn giờ chiều, quý thầy hãy còn ngồi trong lớp học của Phật học viện hoặc trường Bồ Đề.

Đến giờ làm lễ, tôi theo các chú lên chánh điện. Tôi được biết thêm bốn chú tiểu khác là Sang, Thỏa, Thiệt và Xuân. Bốn chú này đều cao lớn và có thể sắp vào lứa thanh niên được rồi. Nhưng các chú hãy còn cái chỏm (ở Nha Trang gọi là cái vá) trên đầu nên cũng phải bị liệt vào hàng “*tiểu*” như bọn tôi thôi. Thời công phu chiều chiếm mất một tiếng đồng hồ với kinh A Di Đà, Hồng Danh Bửu Sám, Mông Sơn Thí Thực và các bài lễ tán, sám nguyện khác. Không bài kinh nào mà tôi không thuộc lòng. Các chú thấy vậy thì ngạc nhiên lắm. Có chú ở đây lâu rồi mà vẫn chưa thuộc hết thời công phu chiều như tôi, tụng kinh phải cầm bản mới theo kịp người khác.

Sau giờ công phu chiều, tôi theo các chú xuống phòng ăn dành cho các điệu. Lúc đó, quý



thầy cũng đã dùng xong cơm chiều, đi qua đi lại rất đông. Ai thấy tôi ngồi chung với các chú tiểu mà tóc hấy còn đen trên đầu thì cũng biết là tôi mới vào tu. Nhiều thầy dừng lại hỏi thăm, tìm hiểu. Tôi dần dần quen và dạn dĩ hơn với không khí sinh hoạt của ngôi chùa lớn này. Ai cũng nói ở chùa thì cực nhọc, buồn tẻ. Nhưng nơi đây, tôi chỉ thấy một không khí vui vẻ, hòa hợp. Chung quanh tôi là những người đầu tròn áo vuông đêm ngày chỉ biết tụng kinh, ngồi thiền, đọc sách, học hỏi và dạo chơi trên đỉnh đồi vào mỗi hoàng hôn như những làn mây trắng. Phải, họ sống nhẹ như mây. Ở đây, âm hưởng của thế sự không vang đến được. Mà từ đỉnh đồi này, những nhà tu cũng chỉ nhìn nhân gian ẩn hiện qua làn sương mỏng.

Sau giờ cơm chiều, mọi người ở chùa có một tiếng đồng hồ rảnh để nghỉ ngơi, để đi dạo cho tiêu cơm trước khi trở lại với việc tu học vào buổi tối. Giờ này gọi là giờ “*phóng tham*”, từ sáu đến bảy giờ. Thấy thầy tôi vẫn còn bận bịu với sổ sách của viện, các chú Dũng và Sung lại lôi tôi đi chơi để giới thiệu cho biết hết các dãy tầng phòng của viện. Chúng tôi đi từ dãy bệnh xá đến dãy “*nhà cũ*” dành cho quý thầy theo học chương trình Chuyên khoa (chú trọng về nội điển), ngang qua tịnh thất của hòa thượng viện trưởng rồi đến dãy “*nhà mới*” dành cho quý thầy theo học chương trình Phổ thông (chú trọng về ngoại điển), rồi lên tháp chuông, chỗ cao nhất của ngọn đồi để nhìn khắp cảnh Nha Trang. Giờ phóng

tham là giờ thú vị nhất trong ngày. Giờ này, đa phần quý thầy đều rời khỏi thư viện, phòng học, phòng riêng để đi dạo ngoài trời. Chính vào giờ này mọi người mới gặp gỡ chào hỏi nhau, cởi mở với nhau qua những giây phút rảnh rỗi, và không khí của viện lúc này mới tăng vẻ sinh động. Có vị đi dạo, có vị đánh cờ tướng, có vị vừa đi bộ vừa đọc sách, lại có những tập chơi các môn thể thao như đánh vũ cầu, bóng bàn và một tập trẻ năng động hơn thì đánh bóng chuyền... Tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy những nhà tu chơi thể thao. Tâm hồn ngây thơ một cách cổ điển của tôi đã không ngờ được chuyện đó. Tôi luôn nghĩ rằng khi vào chùa thì chỉ tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật, đọc sách, đi đứng nhẹ nhàng, nói năng nhỏ nhẹ, không bao giờ có một cử động mạnh hay gây tiếng động. Bây giờ, trước mắt tôi vẫn là một thế giới mới, lạ, nhưng không giống với thế giới trong tâm tưởng tôi. Dù sao, những nhà tu chơi thể thao cũng vui vẻ, hiền hòa và vẫn có cái vẻ gì đó khác với người đời. Trong khi những nhà tu đang dạo chơi, đang giải lao một cách thoải mái, mặt trời ngả dần về phía núi Hoàng Ngưu ở phía tây, phản chiếu một màu đỏ ủa trên khắp lá cỏ của đỉnh đồi này, và quả chuông vĩ đại của viện thỉnh thoảng điểm một tiếng ngân vang giữa chiều sương.

Sau giờ phóng tham, chúng tôi trở lại phòng. Các chú tiểu mang kinh nhật tụng đến phòng thầy quản chúng để thầy dò đoạn kinh hôm

nay và qui định đoạn kinh mới phải học cho ngày mai. Tôi và Kính mới nhập viện hôm nay thì khởi phải đi dò kinh, nhưng chúng tôi phải đến trình diện thầy quản chúng để được cắt chia công tác, chỗ ngủ, cũng như cho biết ngày nào khởi sự việc học kinh.

Thầy quản chúng có bộ râu quai nón rậm và đẹp như bộ râu của Sư Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Thầy có vẻ nghiêm khắc vì phải làm trách nhiệm hơn là từ bảm tánh. Nhưng ai mới gặp thầy lần đầu ắt không khởi thấy sợ. Bộ râu quai nón trông có vẻ dữ tợn khi đi đôi với một cái đầu cạo trọc. Tôi và Kính vào trình diện thầy là được cắt chia ngay công tác cho ngày mai. Hai đứa chúng tôi cùng quét dọn phòng khách và Tổ đường. Ngoài ra, suốt ngày chúng tôi phải túc trực ở phòng khách để châm nước trà cho khách và còn phải để mắt trông coi kẻ gian đánh cắp vật sản của chùa nữa. Trước đây công việc này của hai chú Dũng và Sung. Thầy quản chúng cũng không cho chúng tôi nghỉ ngơi được ngày nào: đưa kinh cho chú Kính (lúc đó chưa thuộc một đoạn kinh ngắn nào) bắt học vài đoạn trong ngày mai. Biết tôi đã thuộc lòng hai thời kinh chiều và khuya, thầy gật gù khen và hứa tối mai sẽ cho tôi một cuốn luật Sa-di để bắt đầu học vào ngày mốt.

Từ phòng thầy quản chúng, lắng nghe các chú tiểu khác trả bài (kinh), tôi mới thấy rằng chuyện thầy Hải Tuệ bắt tôi học kinh trước khi vào chùa chỉ là thử thách. Thực ra, các chú tiểu

khác đâu cần phải thuộc kinh mới được vào chùa. Chú Dũng và chú Sung chưa thuộc hết thời kinh chiều. Chú Kính thì còn mù tịt hơn. Vậy ra tôi đến sau mà thành đi trước.

Về chuyện chỗ ngủ, thầy quản chúng bảo tôi và chú Kính ngủ tạm dưới đất ở Tổ đường một đêm, ngày mai thầy mới thu xếp được chỗ ngủ cố định. Tám giờ tối, tôi và chú Kính được phát cho mùng mền và chiếu để giăng mà ngủ gần hai bộ trường kỷ nơi Tổ đường. Tôi đang loay hoay giăng mùng thì thầy Hải Tuệ từ phòng riêng của thầy (kế bên Tổ đường) bước ra bảo tôi vào phòng thầy mà ngủ. Tôi thật là ái ngại khi bước theo vào phòng thầy. Thứ nhất, bỏ chú Kính ngủ lại một mình ở Tổ đường thấy tội nghiệp chú làm sao! Có thể chú ấy sợ ma mà ngủ không được đêm nay. Thứ hai, thầy là vị tăng cao đức, nghiêm trì giới luật, tôi là một đứa bé thế tục mới vào chùa tập sự làm tiểu, làm sao không khỏi phạm lỗi này lỗi nọ khi ngủ cùng phòng với thầy.

Phòng thầy nằm bên hông Tổ đường nên cửa chính cũng từ Tổ đường mà vào. Bên trong có hai cửa sổ đóng kín bùng (vì thầy không chịu được làn gió tây từ bên ngoài thổi vào) nên đêm hay ngày cũng tối tăm. Chỉ có hai bóng đèn điện nhỏ trên bàn thờ Phật riêng của thầy là sáng lờ mờ, đủ soi căn phòng chật ních những tủ sách, bàn làm việc và ngổn ngang những đóng sổ sách của viện. Phòng được chia làm hai, buồng trước và buồng sau. Buồng trước lại được chia làm hai

ngăn bằng một cái tủ sách cao. Ngăn trước là bàn làm việc, tủ kính sách, tủ hồ sơ giấy tờ quan trọng và két sắt lớn đựng tiền của viện. Ngăn sau là giường ngủ của thầy, cạnh giường ngủ dư được một khoảng trống. Kế đó là một bàn nước nhỏ. Ở buồng sau có một cửa lớn mở ra dãy phòng ăn của các chú tiểu và một cửa sổ khác mở ra hướng nhà bếp của viện. Cửa lớn thì thỉnh thoảng thầy dùng đến khi muốn tránh ra ngoài gió, còn cửa sổ thì không bao giờ mở ra. Tủ quần áo, tủ thức ăn, đồ đạc linh tinh, được đặt ở buồng sau này. Ngoài ra còn có một chiếc giường gỗ nhỏ vừa một người nằm đặt ở đây, nhưng trên giường chứa đầy đồ đạc. Có lẽ trước kia, giường này dành cho chú tiểu nào đó hầu hạ thầy. Nay không dùng để ngủ thì thầy đặt đồ đạc linh tinh lên đó.

Thầy lôi từ buồng sau lên một cái ghế xếp. Tự tay thầy căng ra, đặt dọc theo giường ngủ của thầy. Thầy cũng cho tôi một cái gối và một tấm mền mỏng để đắp. Vì phòng thầy có cửa lưới nên khi ngủ, cả thầy và tôi đều không cần treo mùng. Thầy chỉ cái ghế xếp bảo tôi hãy ngủ trên đó. Tôi đại khờ chưa biết phép tắc của chùa, cứ nghĩ thầy như là cha, nên thầy vừa bảo xong là tôi leo lên ngay, nằm duỗi chân duỗi tay ra một cách thoải mái trong khi thầy hãy còn đứng đó nhìn. Lúc đó chưa đến giờ ngủ. Thường ngày, đến chín giờ rưỡi đêm thì tới giờ hô canh. Một vị có giọng tốt thỉnh *báo chúng* (một loại chuông báo có hình dạng như hồng chung nhưng kích tấc nhỏ) hô bài

kệ niệm Phật, tất cả đại chúng từ trên hòa thượng xuống dưới các chú tiểu và các dì vải nhà bếp đều cùng hô lớn câu niệm Phật ba lần rồi ngồi niệm Phật hoặc ngồi thiền nửa giờ đồng hồ cho đến khi có keng báo *chỉ tịnh* (ngủ) mới xả thiền mà nằm xuống. Tôi mới vào đâu biết lệ này, nằm lên ghé xếp là ngủ ngay. Cả viện niệm Phật vang rền mà tôi không hay biết. Hơn nữa, suốt ngày đi dạo núi với mấy chú đến giờ đó tôi cũng đã mệt lử rồi.

Ngủ đến khoảng nửa đêm thì tôi giật mình thức giấc. Tôi chưa tỉnh táo để biết mình đang ở đâu, nhưng tôi đã có thể biết rất rõ rằng tôi vừa đái dầm vì phần dưới quần tôi âm ẩm, ngứa ngáy lắm. Thật là xấu hổ! Tôi sợ hãi và lúng túng không biết phải giải quyết làm sao với vũng nước khai ngáy ở dưới chiếc ghé xếp cũng như tấm mền đã ướt gần một nửa. Tôi nằm im mà nghĩ cách chứ không dám động dậy sớm, sợ thầy tỉnh giấc. Một lát sau, tôi rón rén trở dậy, cuộn tấm mền cho gọn lại một chút rồi luồn tấm mền xuống phía dưới ghé, vừa lau vừa chậm, để sản phẩm nước dơ của mình thấm trọn vào mền. Chỉ một lúc là khô hết. Tôi không rõ mùi khai có còn vương lại hay không, nhưng đã khô được là tốt lắm rồi. Xong việc đó, tôi còn phải suy nghĩ cách mang tấm mền ra khỏi phòng thầy. Đó mới là điều khó khăn. Mang ra khỏi phòng này rồi đem đi đâu nữa? Suốt hôm qua tôi đã quên hỏi chú Dũng chú Sung là chỗ giặt đồ của viện nằm ở đâu. Ở gần nhà bếp có ba cái buồng tắm nhỏ thì

tôi đã biết, nhưng đó không phải là chỗ giặt đồ. Huống chi giờ này đã khuya, tôi đâu biết đường ra ngoài vào ban đêm, cũng như tôi không dám đi ra ngoài giặt mền một mình. Nếu tôi có thể làm được điều đó thì sau khi giặt tôi phơi mền ở đâu để thầy không biết? Một điều rất thực tế là từ nhỏ đến giờ, tôi chưa hề học cách giặt đồ bao giờ, dù là giặt một cái áo nhỏ, nói chi cả tấm mền to như vậy! Tôi khổ sở ngồi núp bên góc tủ sách để nghĩ cách tống cái mền ra ngoài. Viện chùa rộng lớn nhiều ngõ nhiều ngách, tôi thực chưa biết đường đi. Tôi ngồi đó mà muốn khóc, lo sợ đến giờ thầy thức dậy. Nghĩ mãi không ra cách tôi bèn đem giấu tấm mền ở dưới cái giường gỗ nhỏ ở buồng sau. Cứ nhét đại nó vào trong, lấy chân lừa cho nó vào sâu hơn một chút. Tạm thời để nó nằm im đó cái đã, nội nhật ngày mai hẵng tính chuyện đem nó ra ngoài. Xong, tôi trở lại chiếc ghế xếp của mình, tiếp tục đánh một giấc cho đến sáng, quên bẵng luôn chuyện tấm mền nằm dưới chiếc giường gỗ. Và cũng từ nãy giờ, tôi quên luôn là không phải chỉ có nền đất và tấm mền là bị ướt mà còn có cái quần tây tôi đang bận cũng chẳng được khô ráo gì cho lắm. Buổi khuya, ba giờ rưỡi, thầy thức dậy theo tiếng hô canh niệm Phật của vị báo chúng. Thầy không đi tụng kinh mà chỉ ngồi thiền trên giường. Sau đó, thầy đọc kinh sách tại bàn viết. Thầy bảo tôi đi tụng kinh thời công phu khuya. Tôi yên lòng khi thấy thầy không tỏ dấu hiệu gì là biết chuyện tôi đái dầm

cả. Vào phòng của các chú tiểu, tôi mở va-li lấy bộ đồ tây thứ hai ra thay. Cái quần tây dơ, chưa được khô hẳn, tôi chẳng biết bỏ đâu cho kín, bèn nhét luôn vào va-li cho tiện, khỏi phiền đến ai! Thời kinh buổi khuya tập trung gần ba chục vị thầy. Các chú tiểu không bị bắt buộc phải tham dự nhưng các chú cũng bị gọi dậy để ngồi học kinh. Tôi mê thích tụng kinh và vì thầy có bảo nên cứ vào tụng. Chỉ một mình tôi là *tiểu* đứng tụng kinh chung với quý thầy trong khóa lễ này. (Thực ra tôi chưa được cạo tóc và giữ năm giới nên chỉ được quý thầy gọi đùa là *tiểu-xi-vin* hay *tiểu cu sĩ*). Tôi cũng thuộc lòng thời kinh toàn những thân chú phiên âm từ tiếng Phạn này. Quý thầy biết vậy ai cũng khen. Tôi thích lắm, hãnh diện lắm. Mới ngày đầu vào chùa đã tụng được hai thời công phu ro ro thì sao không hãnh diện được. Nhưng thời kinh vừa dứt thì tôi nhớ ngay đến tấm mền giấu dưới chiếc giường gỗ. Người ta bảo đi tu cực nhọc khổ sở lắm, hôm qua tôi chưa thấy khổ đâu. Hôm nay thì biết khổ là gì rồi! Chưa biết phải làm sao để tự cứu lấy cái khổ này!

Buổi sáng, sau khi làm xong công tác được giao phó, chúng tôi đi ăn điểm tâm rồi bắt đầu cái công việc nhàn rỗi nhưng kéo dài suốt ngày là: coi nhà. Chú Dũng và Sung coi phía trước chùa (chánh điện); chú Sang và Thiệt coi dãy nhà cũ (bao gồm phòng tăng, phòng học, thư viện và tịnh thất của hòa thượng); chú Xuân và Thỏ coi dãy nhà mới; còn tôi và Kính thì coi phòng khách.



Suốt ngày chúng tôi ngồi đó, không được chạy đi đâu. Vừa coi nhà, vừa học kinh.

Hình như thầy vẫn chưa phát hiện cái mền ướt nằm dưới giường gỗ. Còn tôi, tôi vẫn không có cơ hội nào trong ngày để lôi cái tấm mền đó ra. Tôi cũng chẳng biết nói với ai để họ thông cảm và giúp đỡ tôi chuyện đó. Đái dầm đâu có phải là chuyện hay ho gì để có thể bộc bạch với người khác. Cho dù mẹ tôi lên chùa, tôi cũng không đủ can đảm để thưa với bà chuyện đó. Huống chi, bà có thể giúp gì được tôi nếu không phải là thưa với thầy để xin phép được lấy tấm mền ra ngoài mà giặt! Làm vậy thì còn gì là bí mật của tôi nữa! Thầy mà biết rồi thì có thể những thầy khác, cho đến những chú tiểu trong chùa, cũng sẽ biết. Quê không chịu nổi! Mặt mũi đâu mà sông, mà tu ở ngôi chùa lý tưởng này nữa!

Thầy chỉ mở cửa cho tôi vào ngủ ban đêm. Ban ngày, nếu thầy không sai bảo thì tôi không có cơ hội nào để vào phòng thầy cả. Có lúc thầy sai tôi vào lấy vật này vật nọ trên bàn hay trong tủ. Có khi thầy sai tôi mang bình thủy xuống bếp lấy nước sôi cho thầy. Những lần như vậy, vào rồi ra, có thầy ngồi trong phòng hoặc ngồi chờ ở ngoài phòng khách, tôi có thể làm gì được! Tôi không nảy ra được chút sáng kiến nào trong việc giải quyết tấm mền ướt, mà cũng không đủ thời giờ để thực hiện nếu có sáng kiến nảy ra. Tâm tôi âu lo suốt ngày hôm đó. Đến tối, thầy trò vào

phòng chuẩn bị đi ngủ, thầy dạy tôi ngồi niệm Phật (chứ không được ngủ sớm như đêm qua) nửa giờ đồng hồ theo lệnh báo chúng. Tôi xuống buồng sau tự động lôi cái ghế xếp ra và chỉ lấy theo cái gối. Tôi cũng không quên khom người nhìn xuống dưới giường gỗ xem có còn một đồng mên lù lù ở đó không. Còn. Cái vật màu cứt ngựa đó hãy còn nằm yên trong bóng tối. Vậy cũng tạm yên tâm trong đêm nay. Thầy chưa biết là tốt rồi. Thấy tôi không mang mên, thầy hỏi:

“Sao không lấy mên ra đắp?”

Tôi trả lời nhanh:

“Dạ... trời nóng quá. Con ngủ như vậy cho mát,” nói xong bỗng thấy ngưng miệng, khó chịu trong lòng. Lần đầu tiên tôi dối thầy.

Thầy gật gù nhìn tôi một lúc rồi nói:

“Ít hôm nữa đề thầy nói thầy quản lý lục trong kho vải của viện xem có xấp nào cho con để may đồ tu mà mặc cho thoải mái. Đồ tây chật chội quá phải không?”

“Dạ, bạch thầy mẹ con đã may đồ tu sẵn cho con rồi. Mẹ con dặn khi nào thầy cho phép thì mới lấy ra mặc.”

“Vậy sao? Thầy cho phép rồi đó, mai con lấy ra mà mặc.”

Ngày mai. Tôi sung sướng mặc vào người bộ đồ tu mẹ tôi lo may từ tháng trước. Mẹ may cho tôi ba bộ đều màu lam nhạt, loại vải tê-tơ-rông (tetron) rất đẹp. Tôi thích lắm và tôi thật không biết diễn tả làm sao nỗi sung sướng của

mình ngày hôm ấy. Chính lúc mặc áo quần tu vào người, tôi mới thấy mình thật sự thuộc về chùa và lập tức trở thành một thầy tu nhỏ (Chiếc áo *phải* làm nên ông thầy tu!). Lâu nay chỉ tạm thời và bây giờ thì chính thức rồi đây. Đồ tôi mặc, trong chùa gọi là đồ vật khách (ngoài Trung, kể cả Nha Trang, gọi là vật hò). Quần thì may đơn giản, hai ống, luôn giây thun hoặc giây thắt lưng (của bọn tiểu như tôi thì giây thun cho tiện). Áo thì hơi giống áo bà ba của người thôn quê nhưng đặc biệt có một vạt nhỏ nối với vạt bên trái, kéo qua phía phải, có bốn cho đến sáu cái nút chạy dọc theo ba cạnh của vạt áo này để cài vào vạt phải. Đồ vật hò không có may ba bốn cái túi như áo bà ba mà chỉ duy nhất một cái túi nằm giấu trong vạt áo nói trên. Vị trí của túi áo nằm ở giữa ngực và bụng, phía bên phải, người khác không nhìn thấy được. Tôi thích cái túi đó lắm. Nó lạ và hay hay mà kiểu áo của người đời không sao có được. Nhà tu đâu có vật sản gì quý giá, nhưng nếu có thì cũng không khoe ra ngoài như người thế tục. Vị trí cái túi áo của nhà tu đã nói lên ý nghĩa đó. Không phải chỉ nơi cái áo vật hò mà cả nơi áo nhật bình, áo năm thân, áo thông y, hậu... đều như vậy cả, tức là có cái túi nằm khuất bên trong hoặc nằm ở vị trí rất lạ (như hai túi rộng ở hai ống tay của cái *hậu*, tức cái áo tràng màu vàng dành cho quý thầy). Người đời không biết là nhà tu có túi. Như vậy, cái túi của nhà tu tuy chẳng cất gì quý báu (có thể chỉ là một tờ giấy ghi vài

chữ vài câu gì đó để học, một ít tiền để đi xe, một ve dầu nhỏ, hay chỉ là một cái khăn tay) nhưng nó cũng có vị trí và vai trò tế nhị, kín đáo của nó, để ít ra cũng có một chỗ riêng tư nào đó cho nhà tu chứ!

Bộ đồ tôi mặc vào thấy mát mắt lắm và cũng thích hợp cho không khí mùa hè nữa. Ai thấy tôi mặc đồ tu cũng khen, nhất là mấy chú tiểu, cứ chạy theo sờ, đụng, chọc quê tôi hoài:

“Úi da, đứt tay rồi!”

“Kìa, kìa, mấy con ruồi đậu vô là bị trọt té hết, thấy chưa?”

Tôi thấy vui vui trong lòng, không chấp chi chuyện mấy chú chọc ghẹo. Tôi lên trình diện thầy để thầy biết tôi đã mặc đồ chùa chưa. Nhưng thầy đã làm tôi sững sốt. Thầy nói:

“Ai may đồ cho con vậy” Mẹ con hả?”

“Dạ mẹ con đưa cho sư cô Yên may.”

“Không được. Vải tốt quá. Làm chú tiểu mới tập sự chuyện tu không cần phải ăn mặc sang trọng như vậy. Dem vứt hết đồ kiểu này đi.”

Tôi buồn rầu, xụ mặt, dạ một tiếng rồi ừ rử rút lui. Tôi đi được vài bước thì thầy gọi giật lại:

“Này, đem mấy bộ đồ của con cho mấy chú tiểu khác mặc. Chú nào mặc vừa thì cho, mỗi chú một bộ. Rồi thầy sẽ kiểm vải cho con may đồ khác. Ở đây có mấy thầy trong ban trực phòng may sẽ cắt đo và may đồ cho con. Nếu viện không có sẵn vải thì thầy mua cho con. Còn nữa, đôi giép da kia cũng không được mang. Nói mẹ

con mua giép nhựa thay thế. Giép da đem cho mấy chú tiểu khác đi.”

Tôi ra ngoài. Trở về phòng mình mà ứa nước mắt. Thầy có hứa chuyện may đồ khác cho tôi, tôi có đem cho các chú tiểu khác đồ này thì cũng không tiếc, nhưng nghe trong lòng chua xót tội nghiệp cho mẹ tôi. Mẹ tôi lo mua sắm, chăm chút cho tôi từng món, bây giờ bị thầy la, bảo đem cho hết, bảo sao không thương mẹ được! Mai mốt mẹ lên chùa thấy đồ mình may cho con mà chú tiểu khác lại mặc thì dù có bao dung đến đâu chắc mẹ cũng phải buồn.

Tôi về phòng thay đồ ra, lại mặc đồ tây vào. Thấy tôi có vẻ buồn chú Dững e dè hỏi:

“Sao vậy? Bộ thầy chưa cho mặc đồ tu hả?”

“Không phải, thầy không cho bận đồ tốt.”

“Vậy thì may đồ khác hả? Còn đồ này thì sao?”

“Thầy biểu cho mấy chú mặc.”

“Sao mấy chú khác mặc được mà chú lại không được?”

“Tôi cũng chẳng biết nữa. Thầy nói sao thì nghe vậy thôi. Chú lấy đồ này mặc đi.”

“Không, tôi có đủ rồi. Hay là... hay là đổi đồ mới lấy đồ cũ của mấy chú kia, khỏi cần may.”

“Ồ, đúng đó, nhưng chỉ có chú mới vừa chứ chú Sung thấp hơn tôi làm sao đổi được. Đồ chú Kính thì bộ nào cũng đồ loét, tôi không thích đâu.

Còn các chú Sang, Thỏ, Thiệt thì lại cao quá đầu có mặc vừa đồ của tôi. Thôi tôi với chú đổi lấy áo quần cho nhau đi. Đổi đôi giúp nữa nha, giúp da này thầy cũng không cho tôi mang đó.”

Cả tôi và chú Dũng đều không hiểu nguyên do thầy cấm tôi mặc đồ tốt, giúp tốt mà không cấm mấy chú khác. Tôi đưa cả đồ của mình cho chú Dũng, nhưng khi chú Dũng đưa quần áo của chú cho tôi, tôi thấy là mình không thể mặc được. Thứ nhất, áo quần của chú Dũng ngắn cùn cùn, chính chú mặc còn bị ngắn hướng hồ tôi cao hơn chú mấy phân. Thứ hai, đồ chú dơ quá, dính mực, dính mũ chuối, lốm đốm khắp trên áo quần mà chính lúc mặc vào tôi mới để ý. Nhưng tôi không dám chê, sợ chú buồn. Tôi cứ đưa đồ của mình cho chú mặc còn đồ của chú, tôi nói rằng mặc không vừa, xếp lại cất vào va-li. Tôi định bụng là cứ mặc đồ tây tạm thời cho đến khi nào thầy hay mẹ may cho tôi đồ khác. Tôi không đưa hết đồ của mình cho chú Dũng mà giữ lại một bộ trong va-li để giữ chút kỷ vật của mẹ. Tự dưng tôi muốn khóc khi nghĩ đến bàn tay chăm sóc của mẹ. Chính tay mẹ tôi lựa vải cho tôi đó. Tôi biết nói sao với mẹ khi đem áo quần này cho hết. Tôi không hiểu được ý thầy. Nếu thầy không đồng ý chuyện đi tu mặc đồ đẹp thì sao thầy không bảo đem cất hết mà lại bảo đem cho các chú kia mặc, còn tôi thì không? Không hiểu được thâm ý của thầy, trong lòng tôi hơi bất mãn. Nhưng, như đã nói ở trước, từ lần đầu tiên bá kiến thầy và Hòa

thượng Từ Quang, tâm ý tôi đã biến đổi nhiều. Tôi muốn sống đời sống tuân phục. Tôi muốn vâng lời thầy một cách chân thành, tận tụy. Tôi không buồn nghĩ về chuyện thầy đối xử bất công với mình nữa.

Vào ngày thứ ba, tôi bắt đầu học luật Sa-di. Như vậy là nhanh lắm. Trong khi các chú tiểu để chỏm vẫn còn học kinh mà tôi đã bước qua học luật là trường hợp khá đặc biệt rồi. Thầy quản chúng cho tôi một cuốn Sa-di dày khoảng hai trăm trang (vừa âm vừa nghĩa) để học. Tôi chỉ cần học thuộc lòng phần âm Hán-Việt, còn phần nghĩa thì học sau theo chương trình của Phật học viện Sơ hay Trung đẳng. Thầy quản chúng biết hai đêm rồi tôi đã ngủ trong phòng thầy Hải Tuệ nên thầy chia công tác khác cho tôi. Như vậy, tôi không cần phải làm công tác quét dọn ở Tổ đường và phòng khách nữa mà làm “*thị giả*” cho thầy tôi. Chức thị giả có nghĩa rất đơn giản là người hầu cận. Ở chùa, các vị hòa thượng cao niên, các vị trụ trì hay những vị lãnh đạo giáo hội phải đảm đương nhiều công việc, đều cần một thị giả để giúp đỡ những việc vặt vãnh như pha trà, dọn cơm, quét dọn phòng riêng, theo hầu lúc ra đường, đi xa v.v... Thầy tôi là người bận bịu nhiều công việc nhất của viện, nên cần một người làm thị giả cho thầy cũng là điều hợp lý. Trước đây thầy quản chúng cũng cần một chú lớn tuổi (khoảng mười tám, hai mươi) làm thị giả cho thầy tôi, nhưng chú ấy đã đi vào Sài-gòn học. Kể từ

lúc đó, thầy quản chúng đã cắt cử một hai thầy trẻ khác thay nhau đảm trách chức thị giả cho thầy tôi. Thầy tôi không muốn phiền các thầy đang là học tăng theo học chương trình của Phật học viện nên từ chối nhận thị giả. Nay thấy thầy cho tôi ngủ trong phòng riêng, thầy quản chúng biết là việc chọn thị giả cho thầy tôi cũng đã đến lúc thích hợp. Vào buổi cơm chiều, thầy quản chúng đã thưa với thầy tôi để hợp thức hóa chuyện chọn tôi làm thị giả. Thầy tôi im lặng chấp nhận. Kể từ đó, tôi đảm trách việc hầu hạ thầy suốt ngày đêm trong mọi sinh hoạt, cho đến giờ đi ngủ. Nhờ ra vào thường xuyên nơi phòng thầy, tôi có thể kiểm soát được cái mền xanh từng giờ. Mỗi lúc thầy sai tôi vào phòng lấy vật này vật nọ là tôi bước xuống buồng dưới, nhìn xuống gầm giường xem còn cái mền nằm đó không. Chỉ kiểm soát được như vậy chứ không biết làm cách nào tốt hơn. Mền còn nằm đó tức là thầy chưa biết. Vậy là yên tâm rồi. Ngày nào cũng vậy, hễ không có thầy trong phòng thì tôi khom người xuống để chắc ăn là cái mền chưa bị thầy phát giác.

Công việc của tôi bắt đầu từ bốn giờ sáng (sau khi đã ngời niệm Phật nửa tiếng đồng hồ). Xuống bếp lấy một bình nước sôi đem lên, pha vào bồn cho thầy rửa mặt súc miệng. Rồi theo thầy đi tụng thời công phu khuya. Buổi sáng, tôi lo quét dọn trong phòng thầy rồi dọn cơm cho thầy ở bàn ăn cạnh Tổ đường (dành cho quý thầy lớn, trong ban giám học). Trong khi thầy dùng



com, tôi đứng phía sau để quạt hầu. Ban ngày khi thầy tiếp khách, tôi cũng đứng phía sau hoặc lảng vảng gần đó để chờ thầy sai bảo lúc cần. Công việc không nặng nhọc nhưng khiến tôi không rảnh được lúc nào. Tôi đi đâu lâu một chút cũng không được. Cho nên, trở lại chuyện cái mền xanh dưới giường, cho đến ngày thứ tư, thứ năm rồi mà tôi vẫn chưa làm sao mang cái mền ra khỏi phòng thầy. Từ lúc làm thị giả chính thức, tôi nghĩ là tôi đã có cơ hội ra vào thường xuyên nơi phòng thầy, chắc là phải có lúc thuận tiện để kéo cái mền, mang ra ngoài. Nhưng một hai ngày cố gắng, tôi vẫn chưa làm gì được. Tôi tự hỏi, mang mền ra ngoài rồi đem đi đâu? Huống chi, mền của thầy tôi đâu được phép mang ra ngoài khi chưa được phép thầy. Mà được phép thì còn gì là “*bí mật*” nữa! Chưa hết, chỗ giặt đồ là chỗ công cộng, làm sao tôi có thể giấu được cái mền khai hoắc mà không làm những người chung quanh chú ý?

Hai ngày trước tôi đã theo chú Dũng đi giặt đồ nên tôi biết là chuyện giặt đồ không phải đơn giản gì đâu. Phật học viện mùa hè thường bị thiếu nước. Viện thông báo cho tất cả học tăng phải xuống núi để tắm giặt, còn nước của hồ chứa nước mưa cũng như nước bơm được từ hồ lọc nước lên, phải dành ưu tiên cho nhà bếp và các vị cao niên trong ban lãnh đạo Phật học viện sử dụng. Xuống núi tắm giặt nghĩa là phải đi theo công chính của Phật học viện để xuống chùa

Phước Điền (nằm giữa khu vườn rau dưới chân núi) hoặc băng hết con đường Hoàng hôn để qua chùa Tĩnh hội (tức chùa Long Sơn). Lần đầu tôi theo chú Dũng xuống chùa Phước Điền cho gần. Không biết chú Dũng học cách giặt đồ của ai. Dù sao, chú nhỏ hơn tôi một tuổi mà đã biết tự lo thì cũng đáng cho tôi nỗ lực và học theo. Cách giặt đồ của chú đơn giản lắm: bỏ đồ dơ trong xô, đổ đầy nước vào ngâm rồi đi tắm. Tắm xong, chú đứng vào xô dậm một hồi, rồi đổ nước ra thay nước sạch vào. Lại dậm. Lại thay nước. “Khi nào thấy nước trong thì biết là đồ đã sạch rồi,” chú bày tôi như vậy, nhưng tôi thấy nước trong xô đồ của chú hình như sẽ chẳng bao giờ được trong cả. Tôi nói:

“Sao giặt đồ dễ quá vậy! Tôi nhớ hồi ở nhà, thấy chị ở giặt đồ hình như có xà-bông bột nữa mà?”

“Có xà-bông bột vô thì đồ sạch hơn, nhưng cách giặt cũng giống như vậy đó.”

“À, dễ quá há. Vậy để tôi giặt đồ của tôi. Í, mà tụi mình đâu có xà-bông giặt. Mẹ tôi không mua xà-bông cho tôi, chắc tại bà không biết là ở viện, tụi mình phải tự lo xà-bông giặt chứ viện đâu có cấp.”

“Không sao. Muốn giặt sạch mà không cần xà-bông không? Theo tôi vô đây.”

Tôi tò mò đi theo Dũng vào nhà bếp của chùa Phước Điền. Chú hỏi dì vải xin một nắm tro đem bỏ vào xô đồ của tôi. Tôi la lên:

“Ghê vậy! Dơ đồ hết!”

“Mô Phật, vậy mới sạch đó,” nói rồi chú cúi xuống lấy ta khuấy cho tan tro trong xô đồ của tôi. Xong chú vớt mấy cục than nhỏ nổi lên bềnh trên mặt nước, lấy tay quậy một hồi là lên bọt, ít thôi nhưng nước cũng nhơn nhớt y như có xà-bông. Xong việc, chú ngược lên nói:

“Rồi đó, bước vô dặm đi.”

Tôi làm theo mà thấy lo lo, chẳng biết tro bép có làm đen thâm áo quần của mình không. Đang đứng dặm thì có một thầy trẻ cũng từ viện mang xô xuống giặt. Thầy ấy pháp danh gì chẳng biết, chỉ thấy chú Dũng gọi là thầy Châu. Thầy cao và ốm nhòng, da đen ngăm. Thấy tôi đứng dặm áo quần trong xô, thầy tức cười đến làm quen, rồi thầy dạy tôi giặt đồ. Sẵn có xà-bông bột mang theo, thầy dạy tôi từ đầu đến cuối công việc mà tôi muốn học này. Tôi học cách giặt đồ bằng bàn chải. Dễ thôi, sau khi ngâm đồ trong nước có pha sẵn xà-bông bột, lấy từng cái áo cái quần ra trải trên nền xi măng hay thêm giềng, dùng bàn chải mà chà. Nhưng thầy Châu nói giặt đồ kiểu đó mau hư áo quần. Thầy khuyên nên vò áo quần bằng tay, nhưng cách ấy tôi chưa làm được. Hơn nữa, vò bằng tay vừa đau tay lại vừa mất thì giờ quá, tôi và chú Dũng theo thầy trở về viện. Thầy Châu dặn tôi mỗi ngày theo thầy đi tắm giặt. Vậy là đã yên tâm về chuyện giặt đồ. Nhưng như vậy cũng chẳng có nghĩa là chuyện cái mền xanh đã giải quyết xong. Tôi đâu dám nói với thầy Châu

“*chuyện riêng*” của mình. Ngày hôm sau, thầy Châu xách xô nước đi ngang qua phòng khách ngoắt tay rủ tôi đi tắm giặt. Lần này thầy đưa tôi qua chùa Tĩnh Hội vì nói rằng tắm giặt bên ấy có nước phong-tên khỏe hơn là phải xách nước giếng của chùa Phước Điền. Vậy là tôi đã biết được cách giặt đồ cũng như hai chỗ để đi tắm giặt. Tôi đã có thể tự lo cho mình về việc ấy nhưng tâm tôi càng lúc càng khổ đau nhiều vì chuyện cái mền. Dù đang làm bất cứ việc gì trong ngày tôi cũng không sao quên được là có cái mền nằm một đống dưới giường gỗ của thầy. Tâm tôi bất an, lo sợ, buồn khổ. Đêm ngủ trong phòng thầy, tôi cứ giật mình thức dậy suy nghĩ mà vẫn chưa đủ thông minh để tìm cách giải quyết nó. Nếu là mền của tôi thì đâu có gì phải lo, không giặt được thì đem vất đại ở ngoài núi, có ai biết đâu. Đàng này, mền đó là của thầy. Tôi lo sợ đến nỗi dù đã niệm Phật trước khi ngủ mà cứ nằm thấy ác mộng: thấy mình đái dầm trên một cái mền khác của thầy cho mượn!

Vào ngày thứ tư, mẹ tôi mới lên chùa và biết được là tôi cần may đồ khác với loại vải xấu, rẻ tiền theo lời thầy dặn. Tôi chẳng biết phải an ủi sao cho mẹ khỏi buồn thì bà tự động nói với tôi:

“Thầy muốn con học sống đơn giản, bình dị ngay từ nhỏ cho quen.”

“Vậy hả mẹ? Mà sao thầy không cấm mấy chú kia. Sao chú Dũng mặc đồ của con thầy đâu nói gì?”

“Các chú ấy là đệ tử của các thầy khác, do các thầy khác chịu trách nhiệm dạy dỗ. Nếu thầy cấm mấy chú ấy thì đừng chạm các thầy kia. Con là đệ tử của thầy thì thầy dạy con theo ý của thầy.”

Chưa biết có phải đó thực là ý của thầy tôi không, nhưng mẹ tôi giải thích cũng hợp lý lắm, tôi tin vậy và thấy vui vẻ chứ không buồn nữa. Mẹ tôi lên thăm tôi lần này có mang cho tôi một giỏ đồ nhỏ, trong đó có nhiều thứ bánh trái và thêm ít vật dụng cần thiết cho tôi. Tôi thích lắm. Thích không phải vì tôi thiếu thốn, nhưng vì được mẹ chăm sóc. Phải, tôi cần sự chăm sóc. Dù có vói đến một lý tưởng cao vời nào đi nữa thì lúc ấy tôi vẫn cứ là một đứa bé, vắng nhà mấy ngày là thèm vòng tay, ánh mắt và cử chỉ chăm sóc của mẹ hiền. Nhưng nơi đây vào lúc này, tôi chỉ được ngồi bên cạnh mẹ, nghe mẹ hỏi thăm cách sinh hoạt hằng ngày của tôi và dặn dò điều này điều nọ, chứ không phải để lộ tình mẫu tử như lúc còn ở nhà nữa. Mẹ hỏi ăn uống ngủ nghỉ có đầy đủ không mà thấy ốm xanh vậy. Tôi muốn ứa nước mắt, định kể lại câu chuyện cái mèn xanh, nhưng cố kìm lại, không khóc, không nói. Đã xuất gia rồi, phải biết tự lo, đừng làm mẹ phải bận tâm, buồn phiền, tôi tự nhủ như vậy. Mẹ nghĩ là tại tôi ăn chay không đủ chất dinh dưỡng. Trước khi ra về, mẹ xuống bếp nói chuyện to nhỏ gì đó với các dì vải.

Chiều, khi mẹ xuống núi, tôi đứng nhìn

theo, chảy nước mắt, không kèm được. Bỗng nghe tiếng thầy gọi, tôi giật mình lau vội nước mắt, xách cái giỏ nhỏ mẹ mới cho từ sân đi nhanh vào phòng thầy. Vừa đi tôi vừa suy nghĩ: giọng thầy không được vui, chắc thầy đã phát giác ra cái mền ướt ủ dưới giường. Thường ngày, thầy không có thì giờ rảnh nên chẳng bao giờ thầy xuống buồng sau. Hôm nay chắc cần vật gì đó khi tôi đang ngồi với mẹ nên thầy đích thân xuống buồng sau thì phải. Tim tôi đập mạnh, sợ hãi bước đến gần thầy. Thầy nhìn tôi một lúc rồi dạy:

“Đã xuất gia rồi phải tập cho tâm chí dững mãnh lên, không có suốt mướt ủy mị như con gái được. Chắc tại hồi đó con gần gũi học kinh với mấy ni cô nên lây cái tánh con gái chứ gì! Có phải khi nãy mẹ con về, con đã đứng khóc không? Muốn về theo mẹ hay muốn tiếp tục tu?”

“Dạ muốn tu.”

“Muốn tu thì phải cứng rắn, lần sau gặp mẹ không được nói chuyện lâu cả giờ rồi bịn rịn đưa tiễn nữa, nghe không? Cái gì vậy? Cái giỏ gì cầm trên tay?”

Tôi trình cái giỏ lên thầy. Thầy nhìn vào xem rồi bật cười, xách ra ngoài. Tôi theo thầy bước ra phòng khách, không biết chuyện gì sắp xảy ra. Thầy ngồi vào bàn, bảo tôi đi gọi hết các chú tiểu tập trung tại Tổ đường. Tôi chạy đi kêu các chú mà trong lòng thấy hoang mang bất ổn. Phải mất gần hai mươi phút tôi mới gọi đủ được bảy chú.

Chúng tôi đứng xếp thành hai hàng, chấp tay chờ thầy dạy. Thầy cười nói:

“Hôm nay có đạo hữu dưới phố lên mang biếu chú Khang một giỏ đồ. Theo tinh thần *lục hòa*, tức là phải biết sống hòa đồng và chia sẻ cùng nhau mọi lợi ích tinh thần lẫn vật chất, chú Khang muốn chia sót giỏ đồ này với các chú để anh em cùng vui với nhau.”

Nói rồi, thầy soạn đồ trong giỏ ra, vật dụng như ca, muỗng, xà-bông, bút tập... thì giữ lại cho tôi; thức ăn thì chia đều cho tám chú, kể cả tôi. Phần thức ăn có bánh kẹo đủ thứ lại thêm hai hộp phô-ma đầu bò (là món tôi thích nhất) mỗi hộp sáu miếng nhỏ, vị chi mười hai miếng. Thầy chia mỗi chú một miếng, kể cả tôi. Còn lại bốn miếng, thầy chia cho bốn chú nhỏ là tôi, Dũng, Sung, và Kính. Thầy bảo lột ra ăn tại chỗ cho thầy thấy. Các chú không biết đó là ý thầy chứ không phải là ý tôi, nên nhận quà vui vẻ, đứng lột ăn. Thầy nhìn tôi quan sát. Ban đầu tôi hơi bất mãn, lột cái bao giấy bạc của miếng phô-ma ra mà dờ khóc dờ cười. Nhưng khi thấy các chú ăn ngon lành, lòng tôi bỗng hân hoan sung sướng trong lòng như chính mình đã đem lại niềm vui chung này chứ không phải do thầy sắp đặt.

Tối hôm đó, tôi vào phòng thầy để quét dọn sơ trước khi ngủ thì phát giác ra rằng cái mền xanh không còn nằm dưới giường nữa. Tôi tái mặt, hoảng hốt, không biết phải làm sao. Vậy là thầy đã biết chuyện. Tôi xấu hổ muốn tránh mặt

thầy luôn nhưng làm sao có thể tránh được ngoại trừ bỏ chùa đi, không tu nữa! Tôi lặng lẽ quét dọn xong, ra trước hiên chùa ngồi thờ một đồng, chẳng biết tính sao. Mặt mũi nào mà nhìn thầy nữa! Tôi nghĩ chút nữa vào ngủ, thầy sẽ đem chuyện đó ra, rầy tôi một trận. Không có lý lẽ nào để có thể bênh vực được cái tội của tôi cả. Điều xấu hổ nhất là để cho chính thầy phải dọn dẹp cái vật mình đã làm dơ, một điều bất kính, vô lễ khó tha thứ! Tôi mặc áo tràng bước vào chính điện, lặng lẽ thắp nhang lạy Phật sám hối một mình.

Đến giờ niệm Phật chỉ tịnh, tôi rón rén bước vào phòng. Thầy hãy còn lo việc sổ sách tại bàn viết, thấy tôi vào, thầy ngưng một lúc như tìm một câu gì để nói. Tôi đứng một bên chấp tay chờ thầy la rầy, chỉ dạy. Nhưng thầy không đá động gì đến chuyện cái mền cả mà lại hỏi:

“Hồi chiều thầy đem đồ của con chia cho các chú, con có buồn không?”

“Bạch thầy, không.”

“Xuất gia rồi thì các chú, các thầy trong viện hay ở bất cứ chỗ khác cũng đều là anh em với mình. Có lợi lộc gì thì cũng chia sớt với nhau cho trọn tình anh em. Người xuất gia không có tài sản riêng. Chỉ lấy trí tuệ và mục tiêu giải thoát làm sự nghiệp của mình.”

Tôi sung sướng đón nhận lời dạy vàng ngọc của thầy mà muốn ứa nước mắt. Thầy không nói nhiều, lâu lâu mới có vài lời như vậy mà câu nào cũng thấm thía vào xương tủy tôi, chấn động cả



tâm tư tôi. Tôi im lặng đứng đó chẳng biết nói gì thì thầy đưa tôi một tờ giấy bảo đọc thầy nghe. Đó là bài thơ của thi sĩ Huyền Không do thầy chép lại ở đâu đó, không có tựa đề. Bài chỉ tám câu nhưng không biết sao sau nhiều năm, dù có đọc lại nhiều lần tôi vẫn chỉ nhớ có sáu câu, có lẽ vì hai câu chót không được hay lắm. Tôi đọc:

*“Gót đạo sĩ bốn phương trời rảo bước  
Cõi ta-bà chẳng phải nhà ta  
Một mình đi với bình bát ca-sa  
Đói xin ăn, dưới gốc cây nằm ngủ  
Mùi phú quý mặc ai người hưởng thụ  
Bã vinh hoa ta nào có tiếc gì...”*

Thầy ngồi lắng nghe, gật gù tán thưởng như mới nghe lần đầu. Rồi thầy nói:

“Đó là ước nguyện của thầy. Đôi lúc thấy muốn làm đạo sĩ lang thang như vậy, nhưng đã lỡ gánh trách nhiệm cho Giáo hội và Phật học viện, chắc không bao giờ thầy thực hiện được...”

Đó là lần đầu tiên thầy bộc lộ tôi nghe chút cảm nghĩ và tâm sự riêng tư của thầy. Tôi đọc thơ rồi nghe thầy phân tích một cách say sưa mà quên luôn chuyện cái mền thầy đã dệt cho tôi. Đến khi hai thầy trò cùng ngồi niệm Phật, rồi nằm xuống chuẩn bị ngủ, tôi mới sực nhớ lại là thầy đã không hề la rầy chi chuyện ấy. Chắc nhiều việc quá thầy quên. Ngày mai thầy sẽ nhớ. Tôi không ngủ được. Nằm suy nghĩ về lời dạy của thầy rồi lại suy nghĩ về cái mền. Thầy đem đi giặt lúc

nào? Thầy phơi mền ở đâu? Thầy đã âm thầm làm việc đó cho tôi mà không chút bực bội, trách cứ sao?

Đang gác tay lên trán suy nghĩ mông lung như vậy bỗng thấy tay thầy nắm lấy cánh tay tôi gỡ nhẹ khỏi trán. Tôi giật mình quay về hướng thầy. Thầy nói nhỏ:

“Con chưa ngủ được hả? Con có biết phép tự kỷ ám thị không? Phép đó có thể hiểu như là cách dùng tư tưởng và ý chí để tự dặn mình làm một điều gì đó. Rất công hiệu. Chẳng hạn con ngủ mê không thức dậy được lúc báo chúng ba giờ rưỡi thì mỗi tối trước khi đi ngủ, con tự dặn chính mình rằng ‘ba giờ rưỡi tôi thức dậy.’ Dặn mình với ý chí quả quyết, ba giờ rưỡi con sẽ dậy, không sai chút nào. Đó là ví dụ thôi, con có thể đem áp dụng cho nhiều chuyện khác nữa. Chẳng hạn con có thể tự ám thị rằng, tôi nhất quyết không giật mình giữa giấc thì con sẽ được ngủ ngon đến giờ qui định. Người ta còn có thể dùng phép tự kỷ ám thị để kiểm soát những chuyện thuộc sinh lý, bản năng, như ăn, uống, đói, no, khát... tiểu tiện, đại tiện v.v ... Gặp lúc đói bụng mà không có cơm ăn, con có thể ám thị rằng tôi no, tôi no quá, thì con sẽ không thấy đói. Bây giờ con áp dụng thử đi, tự dặn con hãy làm những gì con muốn và đừng làm những gì con không muốn, rồi con sẽ ngủ ngon.”

Theo lời dạy của thầy tôi duỗi hai tay dọc theo thân mình. Nhắm mắt, buông bỏ mọi tư

tưởng, để tâm vắng lặng một lúc. Rồi tôi tự ám thị với mình rằng: “Tôi sẽ thức dậy đúng giờ báo chúng. Tôi nhất quyết không đái dầm trong khi ngủ.” Tôi ám thị một mình như vậy rồi bắt đầu ngủ.

Nỗi buồn lo sợ hãi của tôi mấy ngày qua, đến bây giờ mới thực sự được sự bao dung của thầy giải bỏ cho. Tôi sung sướng mỉm cười mà ngủ.

Qua ngày hôm sau, tôi thấy cái mền xanh của thầy được xếp gọn gàng, đặt trên giường gỗ ở bàn sau. Tôi tò mò cầm cái mền lên ngửi. Chỉ có mùi xà-bông hay thuốc tẩy là còn phảng phất trên đó. Tôi không biết thầy đã nhờ ai giặt cái mền này. Suốt ngày tôi hỏi thầy làm sao thầy có thì giờ đi giặt đồ mà tôi không biết. Hay là thầy đã thức giấc nửa khuya khi tôi đang say ngủ để đi giặt đồ một mình? Thôi thì dầu sao chuyện cũng qua rồi. Điều quan trọng là đừng để xảy ra lần nữa.

Chiều, tôi vào lại phòng thầy thì cái mền không còn nằm đó nữa. Có lẽ thầy đem cất vào tủ. Thầy không muốn để tôi nhìn thấy cái mền đó mà sinh mặc cảm thì phải. Thầy đâu có quên. Nếu thầy có ý muốn la rầy tôi chuyện đó thì lúc xếp cái mền và lúc đem cất nó, thầy phải nhớ chứ không thể quên được. Hai thầy trò cùng mặc nhiên bỏ qua chuyện đó, coi như chưa hề xảy ra. Hay chỉ xảy ra như trong một giấc mộng.

## CHƯƠNG NĂM

Thầy tôi là một vị tăng cao đức, có uy tín tại Nha Trang cũng như đối với giáo hội. Thầy sinh trưởng tại quận Diên Khánh. Xuất gia lúc bé thơ ở chùa Khánh Long, cũng ở Diên Khánh, một quận ly cách Nha Trang chín, mười cây số về phía nam. Thuở còn thanh niên, thầy ra Huế học tại Phật học đường Báo Quốc, rồi vào Sài Gòn, học tại Phật học đường Nam Việt. Sau khi tốt nghiệp đại học Phật giáo, thầy trở về nguyên quán đảm trách công việc do giáo hội giao phó tại Phật học viện Hải Đức này. Một phần do tính khí, một phần do ảnh hưởng tập quán địa phương, thầy trở nên một vị tăng có đời sống đơn giản, hồn hậu và bình dị. Tuy vậy, đối với vấn đề giới luật, thầy tuân thủ nghiêm minh nên đã có thời thầy là vị thầy nghiêm khắc, cương nghị, phạt đòn thẳng tay, làm cho học tăng trong viện phải sợ thầy một phép. Bây giờ, công việc càng lúc càng nhiều khô khiến thầy bận bịu, không còn thì giờ để đi sát với sinh hoạt kỷ luật của học tăng nữa. Chuyện gì quá đáng đến tai thầy, thầy mới đem ra phân xử, còn ngoài ra đều do ban giám thị của Phật học viện giải quyết.

Quần chúng ngưỡng mộ quy kính thầy mỗi lúc một đông, nhưng đệ tử xuất gia của thầy thì

hiêm lắm, vì thầy không có ý thu nhận nhiều. Trong một cuốn sổ ghi danh các đệ tử quy y và thọ pháp thầy, tôi thấy giới xuất gia chỉ có sáu người. Theo thứ tự thời gian thì đầu tiên là chú Hiền (dân Nha Trang), rồi đến chú Phương, chú Quyết, chú Hải, chú Sung (dân Diên Khánh) và cuối cùng là tôi. Chú Hiền pháp danh Tâm Hạnh, học ở Phật viện Liễu Quan Phan Rang. Chú Phương pháp danh Tâm Chơn và chú Quyết pháp danh Tâm Chí, đang tu học ở chùa Diên Thọ (cũng do thầy tôi chủ trì, tại Diên Khánh). Chú Hải, pháp danh Tâm Hương, học tại Phật học viện Bảo Tịnh, Phú Yên. Các chú ấy đã lớn và đã thọ giới Sa-di (giữ mười giới cấm), cạo chỏm đi rồi. Chú Sung, pháp danh Tâm Dung, và tôi, thì vẫn chưa thọ năm giới. Nhưng chú Sung đã có cái chỏm trên đầu, lại mặc đồ tu nữa, nên đã ra về “người xuất gia” lắm, còn tôi, vẫn chỉ là một đứa trẻ thế tục trên hình thức.

Thầy không cho mặc đồ đẹp, tôi đành mặc lại mấy bộ đồ tây, chờ đợi mẹ may đồ khác. Hai hôm sau mẹ tôi mới mang hai bộ áo quần tu mới cho tôi. Mẹ phải nhờ sư cô Yên mua giúp cho loại vải nào dùng sang trọng quá nhưng cũng đừng quá tệ mà tôi nghiệp tôi. Màu vải lam hơi sẫm trông cũng đẹp lắm. Mẹ tôi đem trình thầy xem trước. Thầy nói được. Vậy là tôi mặc vào. Lần này thì chắc chắn là không bị lột áo nữa rồi. Bộ đồ tu thực ra từ tiền vải đến tiền công so với bộ đồ tây của người đời thì hãy còn quá rẻ, có

đáng giá gì. Nhưng giá trị của nó không nằm nơi sự chiết tính bằng con số và thị hiếu của thế gian. Tôi sung sướng mặc bộ đồ vật hồ mới và cảm thấy rằng mình đã thực sự tham gia vào thế giới những người xuất gia này. Cảm giác của tôi lúc đó thật lạ: giống như một người công chức hay một anh lính quèn mới được lên chức. Nhưng trên thực tế, các thầy ở Phật học viện vẫn gọi đùa tôi là “*ông cư sĩ*”, tức vẫn còn là một người thế tục (có tâm tu), vì tôi hãy còn tóc trên đầu. Ban đầu tôi chưa hiểu chữ *cư sĩ* có nghĩa là gì, nên chỉ cười cười. Sau đó, biết được rồi, tôi hơi buồn và thấy trong lòng nôn nao muốn được trở thành chú tiểu như chú Dũng, chú Sung—tức là phải cạo tóc chừa chòm—để không còn lạc lõng giữa hàng trăm người đầu tròn áo vuông nơi đây nữa.

Dù sao, trong thời gian làm thị giả cho thầy, tôi cũng được nhiều thầy trẻ cũng như các chú tiểu thương mến và thích lắm. Nguyên do là như vậy: thầy tôi không dùng được bất kỳ loại thức ăn, thức uống nào có chất hóa học, tức những sản phẩm kỹ nghệ. Thầy tôi cũng không hút thuốc, không uống trà, cà phê; không dùng thức ăn có dầu, bơ hoặc nêm bằng bột ngọt hay đường cát. Tóm lại là mọi thứ thầy dùng đều là sản phẩm kiểu *cây nhà lá vườn* từ nhà quê đem lên. Cho nên, bao nhiêu vật dụng, thực phẩm mà phật-tử đem dâng cúng riêng cho thầy, thầy đều chặt đóng lên chiếc giường gỗ, bảo tôi đem phân phát cho các thầy các chú nào cần. Có khi tôi phải

nhờ một chú khác cùng vào phòng thầy khiêng cả một thùng đồ ra ngoài. Phật tử cúng dường thầy thì thường cúng “sỉ” chứ không cúng lễ tế. Chẳng hạn cúng sữa hộp thì cúng nguyên thùng. Cúng thuốc hút thì cúng nguyên cây (hình như ông phật-tử nào đó nghĩ rằng mình thích cái gì thì cúng thầy cái đó nên mới đem món này lên dâng). Trái cây, đường, cà phê, trà... đủ thứ, đủ loại, không thứ nào thầy tôi đụng đến. Tôi mang tất cả đem chia. Các thầy trẻ thì thích cà phê, thuốc lá; các chú tiểu thì thích mì gói và sữa hộp. Họ thích tôi vì tôi không bao giờ mang đồ của thầy xuống mà dùng một mình. Tôi đã học được điều đó từ ngày thầy chia giỏ đồ của tôi cho tất cả các chú tiểu trong chùa. Tôi biết niềm vui sẽ to lớn khi nào cõi lòng và đôi tay được mở rộng chứ không phải là lúc chúng khép lại.

Phật học viện Hải Đức là một Phật học viện có nguồn tài trợ rất lớn và chính yếu từ xưởng nước tương của giáo hội tỉnh, cũng như sự hỗ trợ tận tình của rất đông phật-tử Nha Trang, nên vấn đề thực phẩm, thuốc men và vật dụng rất đầy đủ, không sợ thiếu thốn. Một số học tăng cũng như các chú tiểu nhỏ (trừ những vị ở tỉnh xa đến) lại thường có gia đình tiếp tế thêm tiền bạc hoặc món này món nọ để có sức mà tu học. Chính vì vậy mà chuyện ăn uống lật vật ngoài ba bữa cơm của viện không phải là chuyện thúc bách, hăm hở gì. Có điều, đó là dịp để chung vui. Chúng tôi là những đứa bé trai xa gia đình, rất

cần những phút vui với nhau. Mà có cái vui nào cho trẻ em bằng cái vui được ăn uống đâu!

Vui nhất là uống sữa đá với nhau vào giấc trưa trời nắng gắt. Sau bữa cơm trưa là giờ *chỉ tịnh* (tức giờ ngủ), quý thầy ai vào phòng này, đóng cửa nghỉ trưa. Bọn tiểu chúng tôi rủ nhau uống sữa đá. Một chú xuống xóm mua đá lạnh. Đá đập nhỏ bỏ vào thau lớn. Sữa hộp hai ba lon khui ra trút hết vào thau, không pha nước sôi hay nước lạnh gì. Sữa đặc quánh trong thau phải quậy một lúc lâu mới có thể lấy vá múc vào chén mà uống được. Ngọt lịm! Sau có chú bày vắt chanh vào sữa thành món sữa đá chanh, càng ngon tuyệt. Cứ hai ba bữa chúng tôi lại rủ nhau “làm” một thau như vậy. Mà muốn có những tiệc vui nhỏ đó, ắt là phải tùy thuộc vào tôi. Tôi cũng mang sữa, đường, cà phê, và trà cho quý thầy trẻ cần thức khuya để học nữa. Tối tối mà thấy tôi xách một giỏ mon men lên các dãy phòng tầng là các thầy biết ngay có tiếp tế. Tỉnh thoảng mới có một cây thuốc lá Mỹ, tôi phải thật thận trọng để đem dúi cho các thầy ghiền thuốc, mỗi thầy một gói. Viện có lệnh cấm hút thuốc hay không thì tôi không biết. Chỉ thấy các thầy lấy thuốc mà có vẻ lén lén lút lút rất tội nghiệp. Thực ra khi đưa cây thuốc lá cho tôi, thầy tôi cũng đã có dặn là đem cho mấy thầy tên này tên kia. Điều đó chứng tỏ thầy biết có người hút thuốc chứ chẳng phải không. Nhưng cái bệnh ghiền thuốc là cái bệnh vừa khó thương mà cũng vừa tội nghiệp. Nó có



hai mặt của nó. Kỷ luật cũng vậy, có khi phải xiết mà có khi cũng phải nới ra một chút. Thầy nói: “Thầy đó hút thuốc dữ lắm, hứa bỏ hoai mà bỏ không được. Đưa gói thuốc này nói ông hút xong rồi cai luôn đi nghen!”

Tôi mang thuốc đi mà nghe như trong giọng thầy có cái vẻ trách yêu độ lượng của một người cha hiền đối với đứa con hoang đàng nghịch ngợm.

Đó là chuyện chia sẻ và chung vui. Nhưng ít ra cũng có lúc và có chút riêng tư nào đó dành cho mình. Nếu không có sự chung vui thì sẽ không bao giờ có được cái vui riêng một cách hả hả sung sướng. Vào hôm mà giỏ đồ mẹ tôi đem lên cho tôi bị chia hết cho các chú tiểu *chung vui*, mẹ tôi đã xuống nhà bếp dọn dò rồi dúm gì đó vào tay dì Lệ, một trong những dì vải thường trực tại nhà bếp của viện. (Khu nhà bếp của viện lớn lắm. Các dì vải lúc đó có khoảng bốn, năm dì, mỗi dì lo mỗi việc, vậy mà cũng phải cần nhiều phật-tử đến giúp làm công quả thêm hàng ngày mới đủ sức và kịp thì giờ để lo nấu nướng cho hơn hai trăm miệng ăn của viện). Mẹ tôi chỉ nói chuyện riêng với dì Lệ. Ngày hôm sau, tôi xuống bưng com dọn cho thầy thì dì Lệ kêu tôi ra sau hiên bếp, đưa tôi một bịch chè và một trái chuối già hương. Dì nói:

“Của mẹ chú gửi tôi mua đó. Ăn đi nghen. Mẹ nói chú ốm xanh quá, phải ăn thêm thứ này thứ nọ mỗi ngày cho có chất bổ.”

Tôi cầm bịch chè mà thâm cảm nhận tình thương của mẹ gói ghém gói đến. Từ ngày tôi vào chùa, mẹ tôi đã không ôm hôn và biểu lộ tình cảm mẹ con đối với tôi như thuở trước nữa. Bà chỉ còn cách gói đến tôi những món ăn, thức uống nhỏ nhỏ như vậy. Ngày nào cũng vậy, dì Lệ dặn tôi là cứ vào giờ quý thầy ngủ trưa thì xuống bếp để dì đưa chè và chuối mẹ gói. Có khi mẹ vắng nhiều ngày không lên chùa, những ngày ấy, tôi vẫn cảm nhận được bàn tay chăm sóc của mẹ qua cái bịch chè nhỏ đó. Tôi tìm một chỗ vắng—cái viện to lớn rộng rãi như vậy thì thiếu gì chỗ vắng—ngồi xuống hăm hờ soạn cái bịch nhỏ mà tôi biết trước là có bịch chè và trái chuối già hương trong đó, chỉ khác là lúc thì chè khoai, lúc thì chè đậu mà thôi. Tôi không ăn vội. Tôi đâu có đói thiếu gì. Tôi ngồi một lúc để nhớ đến mẹ, rồi dốc ngược cái bịch chè xuống, bóp bóp một chút cho nước dừa được trộn đều; sau đó mới cắn một phát rồi rút một góc dít của bịch ni-lông ra. Mút. Ôi, chè sao mà ngon mà ngọt đến thế!



Buổi sáng hôm đó, nhằm ngày mười bốn tháng năm, tức là lúc tôi vào chùa chỉ mới được mười bốn ngày, thầy gọi tôi ra hiên phòng thầy và cạo tóc chùa chớm cho tôi. Tôi sung sướng vô cùng. Từ nay thì không ai chối cãi được rằng tôi đã thành một chú tiểu thực sự. Cái chớm của tôi

kéo dài từ giữa đỉnh đầu đến chân mày. Thầy tôi không cho để dài hơn. Thầy dặn hễ thấy dài hơn lông mày là phải cắt, tĩa bớt chút để dài thì trông giống các tiểu ni lắm. Đầu mới cạo tóc trông xanh như có nhuộm mực. Bảy giờ tôi mới nghĩ rằng chữ *đầu xanh* phải áp dụng cho mấy chú tiểu mới cạo tóc chứ không thể dành cho những người có tóc đen thui được. Tôi hân hoan xuống bếp để khoe với dì Lệ, nhờ dì nhắn với mẹ tôi là tôi đã trở thành chú tiểu. Dì Lệ và các dì vải khác dưới bếp, ai cũng vui và khen tôi có cái chòm rất đẹp. Mấy thầy trẻ đi ngang cũng cười vui, xoa đầu tôi. Chưa bao giờ, kể từ ngày vào chùa, tôi thấy mình vui mừng đến độ không kiểm soát được xúc cảm của mình như vậy. Dì Lệ chưa có dịp thông báo cho mẹ tôi thì ngay trưa đó, mẹ tôi đã có mặt. Mẹ tôi chỉ thấy nhớ tôi, muốn thăm tôi mà lên viện chứ chẳng biết gì. Thấy tôi cạo tóc rồi, mẹ cũng sung sướng, kêu tôi ra trước sân chánh điện, chụp nguyên một cuộn phim để lưu niệm.

Ngày đầu được cạo tóc, tôi tưởng như vậy đã là thành tựu lớn cho ý nguyện xuất gia của mình rồi. Nhưng buổi tối, trước khi ngủ, thầy tôi dạy rằng, tôi chỉ mới bắt đầu bước thứ nhất cho hành trình vạn dặm tiến đến mục tiêu tối hậu của người xuất gia. Không kiên cường đồng mãnh thì không sao đi trọn được con đường chông gai đó. Dù nghe thầy nói trước sự gian nan khổ nhọc của người xuất gia như vậy, tôi vẫn thấy tự tin trong

lòng. Tôi cứ đưa tay sờ lên cái đầu láng bóng của mình. Thấy ngộ ngộ mà thích thú làm sao. Từ nay tôi đã biến dạng rồi, đã thành một con người khác rồi. Tôi mỉm cười nằm xuống ngủ. Trước khi vào giấc ngủ, tôi nghĩ, có lẽ cuối con đường vạn dặm mà thầy nói đó, là phương trời cao rộng mà tôi hằng mơ ước.



Hôm nay lại có một chú mới vào xin xuất gia nữa. Chú ấy tên là Sáng cũng quê ở Diên Khánh. Ba chú Sáng là một thầy tu hoàn tục. Có lẽ do ảnh hưởng của cha mà chú ấy đòi đi tu sớm (chú ấy nhỏ hơn tôi hai tuổi). Chú Sáng có khuôn

mặt lạnh lợi, khô ngo với đôi mắt to và sáng. Phải cái là da chú quá đen mà lại mọc sần nên cũng giảm bớt đi phần nào nét dễ thương của chú. Ba chú Sáng có quen biết với thầy tôi từ trước nên chuyện xin thầy cho chú xuất gia cũng đơn giản. Chú chẳng bị thử thách gì như tôi. Nhưng vì gia đình chú có tổ chức tụng kinh hằng ngày như ở chùa, nên chú cũng thuộc khá nhiều những bài kinh sám ngắn. Sáng thông minh, học thuộc lòng rất giỏi nên chỉ thời gian ngắn là vượt qua các chú Dũng, Sung và Kính. Ba chú Sáng cũng chuẩn bị cho chú đầy đủ nên vào chùa chừng một ngày sau là chú đã có áo quần tu để mặc rồi. Vải may cũng là loại trung bình, không sang mà cũng chẳng tệ lắm, nên chú cũng không bị thầy tôi bắt đem cho hay đổi với ai. Vậy là kể từ hôm nay, tôi không còn là đệ tử út của thầy nữa. Tôi đã được lên chức sư huynh rồi đó.

Chú Sáng cũng không có chỗ ngủ nên tối nào cũng cùng với chú Kính giăng mùng tại Tổ đường mà ngủ. Tôi vẫn ngủ trong phòng thầy, nhưng lúc này tôi không ngủ trên ghế xếp nữa vì thấy mệt công, lại thêm phiền là mỗi lúc chựa quậy thì chiếc ghế lại kêu lên cọt két vài tiếng, có thể làm mất giấc ngủ của thầy. Tôi thưa thầy là tôi ngủ ở khoảng trống ở giữa bàn viết và tủ thờ Phật trong phòng thầy (tức là chỗ ngủ của tôi và thầy cách nhau một cái tủ đứng lớn). Thầy đồng ý. Từ đó, mỗi tối tôi lau quét rồi ngủ dưới nền xi-măng cho mát và thoải mái.

Chú Sáng siêng năng học kinh luật, suốt ngày ngồi một chỗ mà học, chẳng biết đi chơi đâu. Khi nào buồn ngủ, chú ngồi xếp bằng trên ghế hoặc ngồi dựa vách mà ngủ. Đôi lúc chú ngồi nhắm mắt lim dim như một ông Phật con. Dũng, Kính và Sung có chọc ghẹo hay đưng tới thì Sáng chấp tay nói “*mô Phật*” khiến ba chú kia càng ghét thêm, cho rằng Sáng đạo đức giả. Buổi tối, Sáng ngủ ở Tổ đường cứ bị chú Kính chọc ghẹo, nào là thắt giây móc vào ngón chân cái rồi đem cột vào chân bàn chân ghế, nào là chờ Sáng ngủ say rồi hè nhau khiêng đi chỗ khác—có khi còn muồn tụt quần chú Sáng để đem giấu nữa. Nhưng Sáng đúng là chú tiểu hiền lành dễ thương, bị chọc hoài mà không đem lòng hờn oán ai, cũng không đem chuyện đó lên thưa thầy hoặc mét thầy quản chúng.

Vài hôm sau, thầy gọi Sáng vào phòng, bảo Sáng cùng tôi lau quét dưới đất mà ngủ. Công việc hầu hạ thầy từ đó có thêm Sáng phụ giúp nên tôi cũng vui và đỡ bận.

Mỗi tối trước giờ niệm Phật, hai đứa chúng tôi được thầy dạy cho pháp Tỳ ni. Phương pháp này, trích từ kinh *Hoa Nghiêm*, là một trong những pháp tu mà Thiện Tài đồng tử học được trên đường tham vấn năm mươi ba vị Phật và Bồ tát. Phương pháp rất đơn giản mà lúc đó chúng tôi chỉ học cách thực hành chứ không cần tìm hiểu nghĩa lý. Phương pháp này cũng được trích dẫn một số câu thông dụng để tạo thành cuốn *Tỳ*

*Ni Nhật Dụng*, một trong bốn cuốn luật mà tôi đang học phần âm Hán-Việt. Bây giờ, thầy dạy chúng tôi áp dụng bằng cách học phần nghĩa. Phương pháp rất dễ áp dụng. Chỉ cần học thuộc lòng một số bài thơ kệ (thường có kèm theo một câu thần chú) để đọc trong những sinh hoạt hằng ngày. Chẳng hạn khi rửa tay thì đọc:

*“Lấy nước rửa tay,  
Cầu cho chúng sanh,  
Được tay trong sạch,  
Giữ gìn Phật pháp.  
Án, phạ tất ba ra ma ni sa ha.”*

Phương pháp này phù hợp với *Chánh niệm* trong *Bát Chánh Đạo*. Đó là cách để tập cho mình ý thức được mình đang làm gì, giữ cho tâm hồn luôn chú mục vào giây phút hiện tại để từ đó định lực phát sinh, định lực phát sinh thì trí tuệ mới tỏa chiếu. Thầy giảng cho chúng tôi nghe sơ qua như vậy. Mấy ngày đầu chúng tôi chưa quen, thầy cố tình đọc lớn tiếng để nhắc chúng tôi đọc theo. Thầy trò chúng tôi thường đọc chung các bài kệ chú áp dụng trong khoảng thời gian trước khi ngồi niệm Phật hay tham thiền tại chỗ nằm ngủ và nhất là khoảng ba giờ rưỡi khuya, lúc mới nghe tiếng báo chúng và đại hồng chung ngân vang để đánh thức cả viện thức dậy. Giấc khuya này có nhiều câu kệ để đọc lắm. Trước nhất là bài *Tảo ngộ* (thức dậy buổi sớm), thầy đọc trước câu đầu, chúng tôi giật mình, dụi mắt, cùng đọc theo các câu kệ:

“*Ngủ mới thức dậy,  
Cầu cho chúng sanh,  
Được trí siêu việt,  
Thấy khắp mười phương.*”  
Rồi đến bài Văn chung (nghe chuông):  
“*Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ  
Trí tuệ lớn, bỏ đề sanh  
Lìa địa ngục, xa hầm lửa  
Nguyện thành Phật, cứu chúng sanh.  
An, dà ra đế da sa ha.*”

Xong bài *Văn chung*, ngồi niệm Phật nửa giờ mới bước xuống đất. Nhưng trước khi đặt chân xuống đất thì phải đọc bài *Hạ đơn* (xuống giường) – lúc đọc bài này, tôi thấy tức cười mà chẳng dám nói ra điều mình suy nghĩ với thầy, nhưng không ngờ lúc vui, thầy nói: “Hai đứa con nằm ngủ dưới đất thì đâu có cần phải đọc bài *Xuống giường*, phải không? Nhưng kệ, cứ đọc cho quen. Đâu phải nằm dưới đất hoài!”

Xỏ hai chân vào giếp để bắt đầu cất bước chân thứ nhất có bài *Hành bộ bất thương trùng* (bước đi không tổn hại đến sinh vật dưới đất) – bài này tôi thấy tức cười cho trường hợp chúng tôi, vì phòng thầy lúc nào cũng lau sạch, giếp đều để ở phía ngoài, có giếp đâu mà xỏ và đọc bài kệ cho bước chân thứ nhất! Bước ra khỏi nhà hay phòng lớn có bài *Xuất hộ* (rời nhà); vào nhà tiêu có bài *Đăng xí*; rửa tay có bài *Tẩy thủ*; rửa mặt có bài *Tẩy diện*; súc miệng có bài *Thấu khẩu*; tắm rửa, thay quần áo, mặc áo tràng v.v... nhất nhất



mọi cử động, mọi hành vi đều có những bài thơ kệ, hoặc thân chú thích hợp để đọc lên, nguyện cầu cho chúng sanh và cũng để tự lắng tâm mình. Tôi và Sáng tập áp dụng phương pháp này không mấy khó. Có thầy nhắc nhở luôn như vậy nên chúng tôi ít quên. Ban ngày ra ngoài không ở trong phòng thầy, chúng tôi cũng tự nhớ những bài kệ chú khác để áp dụng cho các sinh hoạt khác. Nhưng ở ngoài, chúng tôi đọc thầm chứ không đọc to như lúc ở trong phòng thầy. Mà thầy cũng chỉ đọc lớn tiếng để nhắc nhở chúng tôi trong thời gian đầu thôi. Đầu được vài tuần lễ, biết chúng tôi đã thuần thục, thầy không đọc lớn tiếng nữa. Bài học thầy dạy, phương pháp thầy nhắc, đơn giản chỉ có thế. Nhưng tôi nhớ mãi và đem áp dụng lâu dài về sau để trở thành một trong những công phu tu tập thường xuyên của đời mình.

Trong tháng đó, viện có tăng thêm nhân số về phía bọn tiểu chúng tôi. Một chú tên Sướng, một chú tên Minh và một chú tên Thông. Sướng thì ở Cam Ranh ra, Minh thì ở xóm Bống vào, Thông thì ở Diên Khánh lên. Chú Sướng và Thông thì xin làm đệ tử thầy quản chúng. Minh thì xin làm đệ tử thầy tôi. Vậy là tôi lại có thêm một sư đệ. Chú Minh này là chú nhỏ nhất trong đám tiểu chúng tôi. Không những nhỏ tuổi mà còn nhỏ xác nữa. Bé tí xíu mà lại ốm tong teo như con nai con mới lọt lòng mẹ. Ví chú ấy như con nai con là chính xác nhất ví chú còn có đôi mắt

to, đen láy, hiền như mắt nai vậy. Hình như nhà chú ấy khá giả, may cho chú đồ sang lắm, may luôn một lúc bốn, năm bộ với loại vải đắt tiền. Chẳng hiểu sao thầy tôi không la rầy, cảm đoán chi chuyện đó. Đôi khi tôi tự hỏi không biết thầy có phải chỉ đặc biệt cảm đoán mình tôi thôi? Phải chăng đối với một đứa đệ tử nhay cảm và dễ say đắm, thầy sẽ ngăn ngừa nó từ những bước đầu?

Chiều, người thân của các chú mới xuất gia ra về. Chẳng thấy chú nào bị rịn quyển luyến gì. Buổi tối, tất cả các chú tiểu phải tập trung tại Tổ đường để học và ôn lại kinh trước khi đi trả kinh (dò kinh) nơi phòng thầy quản chúng. Mạnh ai nấy đọc lớn bài học của mình. Người thì học kinh, kẻ thì học luật, làm rộn cả Tổ đường. Nhưng chúng tôi đang đọc lớn như vậy bỗng nghe chen vào tiếng khóc rất thảm. Cả bọn chúng tôi kẻ trước người sau, từ từ ngưng đọc kinh, hướng về chỗ phát ra tiếng khóc. Tiếng đọc kinh nhỏ dần nhỏ dần rồi im, trong khi tiếng khóc càng lúc càng lớn, nghe thống thiết lắm. Té ra người khóc là chú Minh, con nai con của chúng đệ. Thấy bên ngoài im tiếng đọc kinh mà lại có tiếng khóc rất lớn, thầy tôi từ trong phòng bước ra, hỏi:

“Cái gì vậy? Đứa nào đánh?”

Chú Kính nhanh miệng đáp liền:

“Dạ con không có đánh nó.”

“Vậy thì ai?” thầy hỏi tiếp rồi hướng về chú Minh, “ai đánh con mà khóc dữ vậy? Chú nào ăn hiếp thì thưa với thầy.”

Minh không trả lời thầy mà càng khóc to hơn. Thầy vừa tức cười vừa bực mình, quay qua hỏi tôi:

“Ai làm gì chú ấy vậy?”

Thực tình tôi cũng không biết nguyên do nào nên chỉ đáp:

“Bạch thầy con không biết. Hình như chú ấy tự khóc chứ chẳng ai đánh đập gì.”

Vậy là thầy đoán được nguyên do. Thầy hỏi chú Minh:

“Nhớ nhà phải không?”

Câu hỏi của thầy làm tăng thêm nỗi nhớ của chú, chú khóc rống lên, nghe còn thảm thiết hơn. Bảo chú im không được, thầy đưa địa chỉ, sai chú Đông (người làm công quả cho chùa) đến nhà chú Minh thông báo cho cha mẹ chú lên viện đón chú về. Chú Đông lo việc đó sao không biết mà đến sáu giờ sáng mới thấy cha mẹ của chú Minh đến. Suốt đêm đó chú Minh cứ khóc thút thít. Thầy bảo cha mẹ chú Minh đem chú về. Thầy không nhận chú xuất gia ở viện nữa, dù chú vẫn cứ là đệ tử của thầy. Tháng sau tôi gặp chú Minh ở Phật học viện Linh Sơn, một Phật học viện Sơ đẳng nổi tiếng trong nước dành cho các chú tiểu. Được biết, khi thầy tôi bảo gia đình chú Minh đem chú về không cho tu với thầy nữa, chú đã đòi đi tu trở lại vài ngày sau đó. Gia đình chiều lòng, bèn đem chú lên Phật học viện Linh Sơn để tiếp tục ý nguyện xuất gia của chú.

Tôi ở viện được nửa tháng thì mọi sinh hoạt

trong ngày đã trở thành quen thuộc. Nếp sống thiên môn với kỷ luật chặt chẽ, với nội quy khe khắt và bao nhiêu là điều cấm kỵ phải tránh né, không làm tôi khổ sở, lúng túng nữa. Tôi đã có thể ngủ và thức, học, làm việc và tu, theo thời khóa của viện mà không thấy trở ngại gì. Tôi biết tôi có thể chịu đựng nổi. Có điều là càng lúc tôi càng ốm và xanh. Chuyện ăn uống thì nơi đây chẳng thiếu thốn gì, nhưng tuổi thơ như tôi mà ngủ một ngày có năm, sáu giờ đồng hồ thì phải công nhận là chưa đủ. Các chú tiểu ngồi đầu gục đó. Tôi và Sáng vì ở trong phòng thầy nên khi keng đánh báo thức là cùng dậy. Có thầy một bên đầu dám ngủ nướng. Nhưng các chú tiểu khác ngủ ngoài Tổ đường hay trong phòng điều thì có khi cũng muốn nằm ráng được chút nào hay chút nấy, hoặc có khi ngủ mê không biết đã đến giờ phải thức. Thức dậy sớm cho quen, chứ thực ra bọn tiểu chúng tôi có làm việc gì vào giấc khuya ba giờ rưỡi, bốn giờ đâu. Để cho có chuyện làm mà tránh buồn ngủ, thầy bảo chúng tôi lấy kinh luật ra học, nói rằng dậy sớm như vậy học rất mau thuộc. Thầy cũng nói với chúng tôi rằng, bây giờ còn nhỏ không tập dậy sớm, sau này trở thành thầy tăng lười biếng, ham ngủ nghỉ. Mặc dù thầy khuyên nhắc và đưa ra bao nhiêu lợi ích của sự dậy sớm, chúng tôi cũng phải thật khổ nhọc để thắng được những cơn buồn ngủ. Nhiều chú gục trên bàn kinh mà ngủ. Có chú giả dò để kinh trên bàn, xin phép đi đại tiện hay tiểu tiện. Vậy rồi đi

luôn chẳng thấy trở lại. Chắc là kiếm chỗ nào khuất để nằm lăn ra mà ngủ, hay ngồi đại xuống ở góc tường nào gần cầu tiêu mà ngủ đỡ. Giờ báo thức, có chú không hay biết gì. Thầy tôi hoặc thầy quản chúng phải thường nhắc nhở, kêu dậy. Thầy tôi có khúc cây ngắn nhỏ, chú nào ngủ mê thì lấy khúc cây đó gõ vào mắt cá mấy cái. Thầy quản chúng thì có cái roi mây, ai ngủ quên là bị thầy quát cho chạy mà tỉnh ngủ luôn. Cho nên tôi thường lợi dụng lúc đi lấy nước sôi cho thầy, chạy xuống phòng điều để đánh thức các chú trước. Bây giờ có thêm chú Sáng, tôi và chú thay nhau, đưa đi lấy nước sôi, đưa đi đánh thức các chú dậy để các chú khỏi bị đòn tội nghiệp. Thực ra tôi và Sáng có hơn gì các chú kia đâu. Chúng tôi cũng buồn ngủ, thèm ngủ lắm, nhưng không dám và cũng không có cơ hội nào để ngủ thêm một chút. Chúng tôi phải dùng đủ mọi phương pháp để vượt qua cơn buồn ngủ. Có nhiều phương pháp lắm, nào ngắt véo vào đùi, nào búng tai búng mũi, nào đứng dậy đi vài vòng hay chạy ra ngoài rửa mặt, nào nhứu mạnh hậu môn vài giây mỗi lúc... đó là các phương pháp thông dụng mà các chú tiểu bày nhau. Còn tôi thì áp dụng phương pháp tự kỷ ám thị mà thầy dạy từ những ngày đầu tiên. Tuy vậy, có lúc cơn buồn ngủ cũng đã quỵến rũ và chinh phục tôi. Những lúc như vậy, tôi tìm được chỗ ngủ rất an toàn mà các chú tiểu khác không nghĩ ra. Trước hết, tôi không ngủ vào giấc khuya khi cả bọn tiểu

chúng tôi phải tập trung tại Tô đường để học kinh, có thầy kiểm soát, mà lựa khoảng thời gian nào rảnh nhất trong ngày như lúc đi tắm giặt, lúc các thầy đều đi cúng *quá đường* trong mùa an cư (cúng đường, thọ trai và tụng kinh, kéo dài gần hai giờ đồng hồ), hay vào giờ phóng tham. Chẳng qua tôi cũng bắt chước chú Sung thôi, nhưng cải tiến cách của chú ấy một chút để được an toàn hơn. Chú Sung thường lên chánh điện, chui xuống bàn thờ Quan Âm mà ngủ. Nhưng dưới bàn thờ trống trải, ai đi ngang cũng có thể nhìn thấy chú nằm chèo queo dưới bàn. Ban đầu buồn ngủ quá mà không biết ngủ tạm ở đâu, tôi chợt nhớ đến chỗ của chú Sung; nhưng khi nhìn lại thấy dưới bàn thờ trống quá dễ bị phát giác, tôi bèn chui vào tủ thờ Phật Thích Ca. Tủ thờ của viện lớn lắm, hai ba chú tiểu chui vào cũng được chứ mình tôi thì thấm gì. Cửa tủ thờ nằm ở phía sau, tức từ tượng Phật nhìn ra mới thấy. Tôi kéo cánh cửa ra thấy bên trong chia làm hai ngăn: ngăn trên chứa một số hương đèn và một cái khay đựng chén cơm cúng Phật. Ngăn dưới là chổi quét bàn thờ và vài thứ linh tinh khác. Tôi chọn ngăn trên, lùa hương đèn về phía trong cho gọn, rồi chui vào, kéo cánh cửa tủ lại, vậy là có một giấc ngon.

Cũng nhờ ngủ lén ở đây mà tôi được thầy hương đăng (phụ trách chung hoa quả và lau quét chánh điện) *chiếu cố*. Làm chú tiểu ở viện mà được thầy hương đăng chiếu cố thì sướng lắm. Có

điều, tôi đã không dám hưởng sự chiêu cô đó lâu dài. Trong ba tháng hè, viện họp và cử một thầy rảnh rỗi (nghĩa là không nắm chức vụ trong ban lãnh đạo và cũng không phải là học tăng của viện) để đảm trách chức hương đăng. Mùa hè này, thầy hương đăng được chọn là thầy Thiện Ngộ, vị trụ trì của chùa Kỳ Viên, một ngôi chùa nhỏ trên ngọn núi nhỏ ở gần nhà tôi. Mỗi năm thầy chỉ lên viện ba tháng hè để an cư tu tập theo chúng tăng tu tập đông đảo tại đây. Buổi trưa sắp đến giờ cúng quá đường, thầy có trách nhiệm lấy một chén cơm trắng để dâng cúng Phật. Chén cơm là một cái tiem có nắp đậy, bằng gỗ, sơn mài rất đẹp, đặt trên một cái khay nhỏ cũng sơn mài. Sau khi cúng xong, khay cơm cúng Phật được thầy rửa rồi đem cất vào tủ thờ này. Khi thầy mở ra, thấy tôi nằm bên trong thì giật mình. Nhưng rồi thầy cũng nhanh ý, hiểu ngay được chuyện gì xảy ra. Các thầy đã từng là trụ trì thì thường bén nhạy trước những mảnh khốc và sự nghịch ngợm của các chú tiểu lắm. Tôi thấy cửa tủ mở ra thì cũng hết hồn, hết vía mà chẳng biết phải làm sao, đành nằm im giả đò nhắm mắt ngủ để thầy ấy muốn sao thì muốn. Vậy mà thầy không bẹo tai xách cổ tôi ra ngoài để la hay đưa tôi ra trước Tổ đường cho thầy tôi trừng trị. Từ bóng tối trong tủ nhìn ra, tôi thấy thầy cố gắng nín cười, hai vai thầy rung lên từng hồi, rồi thầy lấy khay cơm cúng ra để trên bàn, một tay nhẹ nhẹ kéo cánh cửa lại, ý chừng thầy sợ làm động sẽ phá giấc ngủ

ngon lành của tôi. Nếu thầy tôi hay thầy quản chúng biết được, chắc sẽ trách thầy hương đăng dung dưỡng những thói hư tật xấu của tôi. Nhưng cử chỉ tế nhị dễ thương của thầy hương đăng, tôi nhớ suốt đời. Không phải sự dễ duôi, rộng rãi lúc nào cũng đem lại hậu quả xấu. Và không phải ai cũng có thể nhảy ra ngoài vòng rào của khuôn thước kỷ luật một cách tài tình và tinh diệu như thầy Thiện Ngộ. Sự phá rào luôn luôn để lại những dấu ấu cho tâm hồn con người bằng nhiều cách. Có khi là mặc cảm tội lỗi. Có khi là thái độ tự mãn đáng ghét. Cho nên, chỉ có ông trụ trì nhà quê, lặng lẽ sống một mình trên núi cao như thầy hương đăng mới có thể khép nhẹ cánh cửa tử một cách từ bi thương thừa như vậy mà thôi.

Tôi không lạm dụng sự dễ dãi của thầy hương đăng đề rồi mỗi ngày chui vào tử thờ mà ngủ. Hơn nữa, lâu lâu mới có cơ hội ngủ lén chứ không phải ngày nào cũng có. Và lâu lâu tôi mới bị con ma ngủ xúi bậy. Đâu phải lúc nào tôi cũng bó tay qui hàng. Sau này, có một lần tôi lại chui vào tử để ngủ như vậy nữa. Lúc thức dậy, tôi thấy trên tay tôi có một túi ni-lông hơi nặng. Trên miệng túi có một mẫu giấy nhỏ ghi mấy chữ “*Cho con đó,*” ở dưới lại đề hai chữ “Phật Tử”. Trong túi ni-lông là một trái xoài tượng và trái bơ. Tôi chui ra vái đức Phật một cái rồi xách túi quà về phòng, cất vào va-li. Tôi biết là thầy hương đăng cho tôi. Trái cây trên chánh điện rất nhiều. Phật tử đem cúng hàng ngày, không đủ



chỗ để chung. Tuy nhiên, sau khi cúng, trái cây đem xuống đều tập trung tại bếp để dọn cho chúng tăng, không ai được ăn riêng, ngay cả thầy hương đăng. Khi nào số trái cây không đủ để chia cho đại chúng hai trăm người thì thầy hương đăng đem dọn cho quý hòa thượng, thượng tọa lớn tuổi, hoặc phân phát cho các chú tiểu. Cho nên, có được một trái xoài lớn, một trái bơ lớn cho riêng mình thì cũng là điều may mắn lắm thay. Trong lòng, tôi vừa thích thú mà cũng vừa thấy buồn buồn làm sao. Tôi sợ tôi trở thành một chú tiểu hư. Tôi đi tìm thầy hương. Thấy tôi, thầy hương đăng làm mặt tỉnh như không, như thể thầy không hề hay biết gì chuyện tôi ngủ lén trong tủ thờ vậy. Nhưng tôi phải đến nói chuyện với thầy. Tôi đứng bên cạnh thầy trong khi thầy đang cắm hai bình hoa mới để cúng Phật. Tôi hỏi:

“Thầy cho con trái cây phải không thầy? Con cảm ơn thầy nha.”

Thầy cười cười, chối:

“Trái cây gì? Đâu có. Thầy không biết à nha.”

“Con biết thầy cho con. Con cảm ơn thầy nhiều lắm.”

Rồi tôi quay đi. Nhưng tôi cứ thấy buồn buồn trong lòng sao ấy. Từ đó tôi không ngủ trong tủ thờ nữa. Tôi cố gắng thắng lướt những cơn buồn ngủ kinh khiếp tấn công từng giờ từng ngày. Nghe nói trước đây đã có chú tiểu phải bỏ chùa về nhà cũng vì không chịu nổi chuyện thiếu

VĨNH HẢO

ngủ. Tôi tự dặn lòng rằng không thể lùi bước trước những trở ngại nhỏ xíu như vậy. Không còn dịp nào để thầy hương đăng thay mặt Phật Tổ dúi cho tôi trái xoài hay trái bơ nữa.

## CHƯƠNG SÁU

Về nghi thức cúng kính mà trong chùa gọi là “*ứng phó đạo tràng*” hay gọi tắt là *nghi lễ*, thầy tôi am tường nghi thức của cả Thừa Thiên, Bình Định, Khánh Hòa, chưa kể nghi thức của miền Nam và miền Bắc. Và cũng vì thầy là bậc *đồng chơn xuất gia* (xuất gia từ thuở bé) có uy tín đạo đức trong chốn thiền môn, nên hầu như các đại lễ có tổ chức trai đàn chuẩn tế (thí thực cô hồn), các chùa đều thỉnh thầy tôi đến làm chủ sám (giới kinh sư thường gọi nôm na vị chủ sám là *thầy cả*).

Là thị giả, tôi được được theo thầy trong khắp các lễ trai đàn chuẩn tế đó. Một mỗi lần, nhưng cũng vui. Có khi thầy về cúng tại các chùa miền quê, tôi theo hầu thầy và có dịp biết thêm về sinh hoạt của các chùa quê cũng như các thầy chuyên môn việc cúng kính mà người ta gọi nôm na (hay có khi có ý chế diễu) là *thầy đám*, *thầy cúng* – trong khi thuật ngữ Phật giáo gọi những vị tăng chuyên môn về ứng phó đạo tràng là “*kinh sư*.” Những thầy ấy có mặt trong đại lễ để phụ giúp thầy tôi trong khoa chuẩn tế (nếu là toàn khoa thì kéo dài từ sáu đến bảy giờ đồng hồ liên tục). Khoa chuẩn tế thường được cử hành sau các đại lễ, nhưng vì là khoa khó nhất, đòi hỏi chuyên

môn nhiều nhất, nên những vị kinh sư khác cần có thầy tôi làm chủ sám, mà thầy tôi cũng cần có họ phụ họa mới thành tựu được khoa nghi. Ở viện cũng có một ban kinh sư giỏi khoa chẩn tế với nghi thức Bình Định, nhưng vì các lễ đám như vậy thường kéo dài hai, ba ngày nên thầy tôi không thể mời ban kinh sư của viện theo được vì ban kinh sư này gồm toàn học tăng, phải bận học ngày đêm, chỉ có thể tham dự được đàn tràng chẩn tế vào dịp rằm tháng tư hay rằm tháng bảy mà thôi. Những đàn tràng không nhằm vào các dịp đó, thầy tôi phải đi một mình và cùng hành lễ với ban kinh sư ở địa phương nào tổ chức đàn tràng.

Tôi vào chùa mới một, hai tháng, chưa biết gì về các nghi lễ phức tạp, rắc rối, đòi hỏi nhiều thời gian luyện tập như vậy, nhưng có lẽ thầy tôi muối tôi đi theo để mở rộng tầm mắt. Thầy nói, thầy lỡ biết nhiều về nghi thức ứng phó đạo tràng nên phải khổ nhọc, bận bịu với các đại lễ, không từ chối được. Thầy không nói rõ ra nhưng tôi cũng hiểu mang máng rằng giữa thầy và các thầy đám kia khác nhau xa lắm. Những vị thầy đám tập trung cuộc sống họ vào việc cúng đám, lấy việc cúng kính làm nghề. Nhưng thầy tôi không bao giờ tỏ ý khinh miệt hay coi thường họ. Thầy tiếp xúc, trò chuyện, hỏi han đời sống, công việc của họ một cách vui vẻ, hài hòa. Sau mỗi khóa tụng, thầy cùng họ ngồi bàn và chia cắt vai trò của mỗi người trong khóa lễ sắp tới. Mỗi bữa ăn,

thầy và họ ngồi chung mâm, hòa hợp, bình đẳng. Chỉ có buổi tối là thầy được thỉnh vào nghỉ riêng ở *phương trượng* (phòng của vị trụ trì), còn họ cũng như vị trụ trì thì ngủ chung trên một cái sạp lớn dựng tạm bên hông chùa. Tôi cũng leo lên sạp mà ngủ chung với họ trong một cái mùng lớn đủ cho mười mấy người nằm. Tôi là con nít nên chỉ biết im lặng, nghe họ trò chuyện với nhau. Có nhiều câu chuyện họ dùng những tiếng lóng hay ẩn ngữ nên tôi chẳng hiểu họ nói gì. Có lúc tôi thoáng nghĩ, cuộc sống của họ vui vẻ hồn nhiên, dường như suốt đời chẳng có đại sự để theo đuổi. Công việc của họ hàng ngày là đi cúng. Thỉnh thoảng có đại lễ thì tập trung lại để cùng phô diễn nghệ thuật cúng kính của mình. Đàn tràng chầu tể giống như một cái sân khấu. Họ là những người nghệ sĩ trình diễn nghệ thuật. Sau khi trình diễn, những nghệ sĩ này nằm lăn trên sạp gỗ mà ngủ qua đêm để ngày hôm sau trình diễn tiếp. Nằm xuống nói chuyện băng quơ một lúc là ngủ ngon, không có vấn đề gì để phải thao thức, bận tâm. Nhưng cung cách trình diễn nghệ thuật của họ (tức là việc phúng tụng kinh chú) không phải là điều đơn giản, tầm thường như người ta nghĩ.

Ngoài thế tục, không phải ai cũng có thể trở thành ca sĩ, nhạc sĩ được. Trước hết phải có năng khiếu, kế đó là phải có sự học hỏi nghiên cứu để phát triển năng khiếu ấy và sau cùng, quan trọng nhất là phải có thời gian luyện tập để thành tựu trọn vẹn được cái tài năng bẩm sinh của mình.

Trên sân khấu, người có giọng hay thì hát giọng chính, người kém hay hơn thì hát phụ, hát bè. Ở phía cải lương, hát bội thì có kép chính, kép phụ. Nhưng ở một đàn tràng nghi lễ Phật giáo thì có hơi khác một chút. Dĩ nhiên trong ban kinh sư của một đại lễ, người ta cũng tuyển chọn, cung thỉnh những vị tăng có giọng hay nhất thì làm kép chính. Kép chính là vị tăng có đức, được tất cả các kinh sư nể mặt và chịu nép mình làm người phụ họa. Nhưng vị tăng có đức ấy cũng phải biết tất cả những lễ nghi, cũng như phải có giọng thì mới thực sự thu phục được ban kinh sư. Thầy tôi đi đâu cũng đóng vai kép chính là do lẽ đó. Nhưng ở đây, tôi chỉ muốn nói về cung cách phúng tụng, hay *trình diễn* nghệ thuật Phật giáo của các vị kinh sư mà người ta gọi là *thầy đàn* nói trên.

Âm nhạc Phật giáo Việt Nam quả là một công trình sáng tác công phu được kết tinh từ nhiều thế hệ tăng sĩ tài ba có năng khiếu âm nhạc lẫn nội lực tu tập. Chỗ nổi bật của nền âm nhạc này là những nhạc công tăng sĩ chỉ cần sử dụng những nhạc khí đơn giản (mà bây giờ người ta thấy có vẻ lạc hậu) nhưng trong sự phối hợp tinh luyện và hòa hợp các âm thanh trầm bổng của thanh nhạc (giọng người) và khí nhạc (tiếng nhạc cụ) họ có thể trình tấu những bản giao hưởng đặc dị, siêu thoát mà thế gian không thể có được. Nghi thức trai đàn chẩn tế tập trung tất cả các nhạc điệu của âm nhạc Phật giáo, trong đó có

*tụng, niệm, bạch, xướng, hô, thỉnh, đọc và tán.* Trong điệu tán còn chia ra làm *tán rơi, tán xấp, tán trạo, tán dẫn thỉnh*, v.v... Rồi trong các điệu tán đó còn chia thành nhiều thể khác nhau tùy theo số chữ, số câu của mỗi bài tán. Rất là phức tạp. Lúc đó tôi chỉ mới biết *tụng* và *niệm*, tức là tụng kinh theo tiếng mõ và đọc thầm hay đọc hơi nhỏ bài Niệm hương. Tuy nhiên, cũng nhờ vào đôi tai của một người chưa biết nhiều về âm nhạc Phật giáo, tôi có thể quan sát và lắng nghe được một cách khách quan những bản hợp tấu đa dạng mà các vị kinh sư đang trình bày.

Thầy tôi ngồi chính giữa, mặt hướng ra đường; sáu vị kinh sư ngồi hai hàng dọc hai bên thầy, mỗi bên ba vị đối mặt nhau. Tôi đứng hầu một bên thầy nên nhìn rất rõ từng vị kinh sư tán tụng theo khoa nghi. Họ phối hợp nhịp nhàng, phân công chặt chẽ mỗi người một nhiệm vụ. Nào linh, nào khánh, nào mõ, nào chuông, nào tang (đầu). Ngoài các nhạc khí trên, còn có trống, chập chĩa, sanh, đàn nhị, đàn cò ở bên ngoài phụ họa thêm. Vậy mà sáu kinh sư đã cùng thầy tôi tán tụng suốt hơn sáu tiếng đồng hồ bằng hơi, bằng miệng, không có máy vi âm, đều giọng tạo nên một bản đại hòa tấu lúc du dương, lúc hùng tráng, khiến tôi say mê lắng hồn vào đó với một cảm giác nhẹ nhàng, khinh khoái, bay bổng mà tâm trí vẫn trong sáng như kẻ vừa được tắm mát chứ không phải u mê quên bằng thực tại. Thứ âm nhạc này không làm đắm chìm người ta trong ảo

giác mê muội; nó cũng không kích động người ta bạo hành, mà cũng không khơi dậy trong họ những ham mê dục lạc. Nó giống như một con thuyền: trôi trên nước mà không ngập nước; hay như một tảng mây: lướt trên trời mà không vướng trời. Người lắng nghe dễ dàng bắt nhịp theo thứ âm thanh vi diệu mà qua đó, lòng họ bỗng dứt bật mọi thôi thúc bon chen và nổi háo hức phóng mình theo tham muốn thế tục; ở đó, chỉ có nổi vắng lặng, yên tĩnh và khinh an của tự tâm. Phật giáo là con đường giải thoát nên âm nhạc Phật giáo cũng là một phương tiện để giải thoát – nếu người ta hiểu giải thoát đúng như ý nghĩa của nó chứ không phải như là sự lẩn trốn, né tránh thực tại để tìm về một thế giới xa xôi nào trong mộng tưởng, hay trong ảo giác. Rõ ràng không phải ý vị giải thoát đó chỉ được cảm nhận qua ý nghĩa của kinh điển mà các vị kinh sư tụng đọc, nhưng chính nhờ ở cách thể mà âm thanh và tiết điệu của bài kinh được diễn ra. Lúc đó tôi không hiểu gì về Phật giáo mà chỉ biết thưởng thức một cách hồn nhiên, như một đứa trẻ nghe trình diễn một bản nhạc kỳ bí, huyền nhiệm với bao tiết tấu và nhịp điệu phức tạp thì sửng sốt, kinh ngạc. Nhưng càng lớn lên, tôi càng nhận thức rằng chỉ có những nghệ sĩ tài ba thực ngộ, có một quá trình tu tập dài trong cửa thiền mới có thể sáng tác được những bài lễ nhạc Phật giáo cao siêu thượng thừa như vậy. Bây giờ, các vị kinh sư ở chùa quê mà người ta gọi là *thầy đám* đó đã diễn tấu những bài



kinh với tất cả tâm tư, kỹ thuật và tài năng của họ. Tôi thấy rõ các vị ấy lắng mình trọn vẹn vào từng câu kinh, từ đầu khóa đến cuối khóa. Khi bước vào khóa lễ là họ không còn vương bận gì khác ở bên ngoài. (Như vậy, làm sao có thể nói rằng những người chuyên môn về ứng phó đạo tràng thì không thực hành thiền định? Vì thiền định là gì nếu không phải sự lắng tâm, gạt lọc tất cả những ô nhiễm của nội giới lẫn ngoại giới để nắm bắt được thực tại trọn vẹn ngay trong phút giây hiện tại này? Và làm sao có thể coi thường, khinh miệt những kẻ gọi là *thầy đăm* kia?).

Theo thầy nhiều khoa trai đàn chấn tế như vậy thì dù chưa học gì về nghi thức tán tụng, tôi cũng nghe quen được hơi giọng lên xuống của người tụng cũng như các nhịp phách trường canh hay nhịp chõi của các nhạc khí. Nhờ đó mà sau này, khi có dịp học về nghi lễ, tôi học rất nhanh, chỉ nghe qua là có thể lặp lại chính xác được. Nhưng mỗi người hiện diện trên đời hình như đều có một lối đi vạch sẵn cho mình. Mà con đường của tôi lúc ở thế tục đã không theo chân vài anh chị để đi vào ngành ca hát văn nghệ thì nay trong cửa thiền, bước chân của tôi cũng không mò mẫm theo con đường lễ nhạc ứng phó đạo tràng nói trên, dù rằng tôi có say mê và nhiều thầy cho rằng tôi có khiếu. Thầy tôi cũng không khuyến khích tôi học hay tập luyện về nghi lễ để rồi sau này sẽ bận bịu như thầy, không có thì giờ nghiên cứu kinh điển và các môn học khác. Nhưng có một

hôm, nhân lúc nói về nghi lễ, thầy dạy tôi rằng: “Trong đạo Phật, hay ở đời cũng vậy, cái gì cũng có nguyên lý và phép tắc riêng của nó. Nguyên lý phải học, phép tắc phải tập. Học tập cho thông thì mới đạt đến chỗ tột cùng của nó; không thông được thì vương vís mãi, không rời nó được. Giới luật cũng vậy thôi, kẻ nào không giữ gìn giới luật thì không thể giải thoát; nhưng giữ mãi không rời thì cũng không giải thoát.” Nghe thầy dạy như vậy, tôi chỉ hiểu mập mờ. Dù gì thì giữ giới cho tinh mật cũng là việc trước mắt, nên tôi không cần phải thắc mắc gì nhiều.

Ngày nọ, thầy giao chìa khóa phòng thầy cho tôi, nói rằng thầy cùng ban kinh sư của viện đi hành lễ ở Diên Khánh, hôm sau mới về. Nhiều ngày hầu hạ thầy không biết mệt mỏi mà tự dung đêm đó vắng thầy, tôi lại thấy trong lòng thoải mái vô cùng. Tôi thấy tôi được tự do, không ai kèm kẹp, nhất là có phòng riêng của thầy tạm thời làm phòng của mình một ngày một đêm. Buổi chiều, tôi ngồi trong phòng thầy học kinh và đọc sách, thích thú có được những giờ phút riêng tư. Buổi tối tôi mới kê Sáng vào vì Sáng ngủ chung với tôi dưới nền đất phòng thầy lâu nay. Bỗng dung lúc ấy với không khí tự do không bị ràng buộc gò bó bởi thầy, tôi nảy ý làm một điều gì đặc biệt, khác thường. Tôi lục trong tủ búp-phê của thầy, thấy có một thùng mì gói hiệu *Lá Bò Đẻ* chưa kịp đem cho, bèn bảo Sáng xuống bếp lấy hai cái thau, hai đũa, hai muống và một ít rau để

ăn mì. Nước sôi đã có sẵn trong bình thủy của thầy. Sáng hí hửng theo cửa sau của phòng thầy, xuống bếp ngay. Phòng thầy không có bàn ăn, chúng tôi đặt hai cái thau nhựa nhỏ dưới đất, lột bao mì bỏ vào một thau hai gói để ăn cho thỏa. Chế nước sôi vào thau mì xong, chúng tôi lấy đĩa đậy lại cho kín hơi, rồi ngồi chờ năm phút y như bên ngoài gói mì có chỉ dẫn. Đang ngồi sung sướng chờ đợi một bữa mì thịnh soạn, bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Tôi và Sáng giật mình, nghĩ chắc thầy quản chúng hay chú tiểu nào muốn tìm chúng tôi có việc gì. Tôi đáp lớn:

“Mô Phật, mở cửa ngay!”

Tôi bảo Sáng đem dẹp hai thau mì trong khi tôi ra mở cửa kéo tiếng gõ nghe gấp lắm. Tội nghiệp chú Sáng (nhỏ mà bị tôi ăn hiếp) phải bung hai cái thau đậy mì và nước sôi ra buồng sau. Chú cũng nghĩ như tôi rằng nếu ai đó chỉ gõ cửa để tìm thầy tôi thì không cần phải bung hai thau mì ra ngoài, mà chỉ cần giấu ở buồng sau là được rồi. Nhưng khi tôi mở cửa ra thì thấy thầy tôi đứng sờ sờ trước mặt. Tôi tái mặt chấp tay bái thầy, mở cửa lưới nhường lối cho thầy bước vào mà trong bụng hoảng hốt, lo sợ chẳng biết chú Sáng nhỏ kia đã dẹp hai thau mì chưa và dẹp tới đâu? Nếu chỉ giấu ở buồng sau thì thậm cấp chí nguy rồi, vì đây là thầy chứ chẳng phải khách tăng nào xa lạ! Thầy bước vào phòng, giao cái đĩa y hậu và áo dài cho tôi đem cất ở buồng sau. Thầy nói:

“Tưởng đâu phải ở lại nhưng thầy còn sớm có thể về được, nên thầy về luôn. Mấy đứa con ngủ hay sao mà thầy gọi lâu mới mở cửa?”

“Dạ tụi con đọc sách, tưởng các chú kia chọc phá nên không ra mở.”

Tôi mang áo của thầy xuống buồng, thấy Sáng cũng vừa giấu thau mì thứ hai xuống dưới gầm giường (cùng một chỗ với cái mền xanh trước kia mà tôi giấu!). Sáng le lưỡi. Tôi nói nhỏ:

“Tìm cách bung ra ngoài luôn chứ để ở đây bay mùi quá, thầy biết đó!”

Nhưng Sáng chưa kịp hành động gì thì thầy bước xuống hỏi:

“Gì đó?”

Sáng bấy giờ mới chấp tay bái thầy rồi lạnh miêng nói:

“Dạ, con định đi thay nước sôi cho thầy vì nước trong bình thủy gần hết rồi.”

Thầy có vẻ nghi ngờ, nhìn quanh căn buồng một thoáng rồi quay trở lên. Tôi và Sáng thở phào. Tôi đi lấy bình thủy nước sôi ở buồng trước đem ra buồng sau, trong khi Sáng bung lần lượt từng thau mì ra ngoài, bỏ đại trên bàn ăn của các chú tiểu. Khi chúng tôi trở lại, thầy đang ngồi nơi bàn, lại tính toán sổ sách chi thu của viện. Vậy là êm chuyện. Nhưng hai thau mì rất ngon, chưa kịp hưởng, không biết sẽ vào bụng ai, hay vẫn còn nằm đó mà nở toét loét tòe loe ra rồi!

Tưởng vậy là xong, nào ngờ ngày mai, khi tôi đang quét dọn thì thầy bước xuống buồng sau,

lôi thùng mì gói trong tủ ra, đưa tôi, bảo đem chia cho các chú tiểu cùng ăn. Khi lấy thùng mì ra, hẳn nhiên là thầy phải biết rằng có đũa nào đó khai thùng mì rồi. Thầy không la rầy tôi chuyện đó, nhưng thầy đã ngầm tỏ cho tôi biết là thầy biết chứ chẳng phải không. Dù rằng trước sau gì thầy cũng đem cho thùng mì đó, nhưng khi thầy chưa mang nó ra khỏi tủ và bảo tôi đem ra ngoài thì nó vẫn là sở hữu của thầy. Lấy lén, ăn lén (dù ăn chưa được), cũng là phạm tội cấp rồi. Giới luật chưa tinh nghiêm!

Vậy mà chúng tôi vẫn chưa chịu từ bỏ chuyện “*ăn vụng*”. Trong trí óc đơn sơ con nít của mình, chúng tôi nghĩ có ăn một miếng nhỏ cũng đâu có sao! Huống chi, đó là những thức ăn mà thầy tôi chưa bao giờ nhìn tới. Chẳng hạn như trong tủ búp-phê ở buồng sau của thầy, có hai lon *guigoz* đựng đầy mút rong. Mút rong là món rong biển mà người ta đem phơi khô thành từng bánh mỏng như bánh tráng. Rong khô trở thành màu tím, đem nấu canh ăn rất ngon, mát. Ở viện, các dì vải thường đem ram mút rong với dầu, nêm nước tương, bột ngọt, ớt bột. Món ấy ăn với cơm rất tuyệt. Mà ăn không còn tuyệt hơn. Hai lon *guigoz* mút rong trong tủ thầy không phải của dì vải làm, mà của những Phật tử nào đó dưới phố đem lên cúng. Bụng dạ thầy tôi chắc chắn là không thích hợp với món ram, chiên, có dầu, bột ngọt, ớt như thế. Vì không dùng được, thầy cũng quên không để ý đến. Hai cái lon cứ nằm đó hoài.

Một hôm đang dọn dẹp, tôi tò mò mở thử một lon, xem thứ gì mà cứ để hoài, choán hết chỗ trong tủ. Phát giác cả hai lon đều là mứt rong, món quý giá của người ăn chay, tôi sáng mắt, không kềm được thèm thuồng, bóc một miếng bỏ vào miệng. Ngậm. Phải, món này chỉ ngậm, nhấp nhẹ nhẹ trong lưỡi mới ngon. Mỏng le mỏng lét thì nhai làm gì dính cả răng, vừa mát ngon vừa dễ bị phát hiện! Vừa quét phòng, vừa ngậm một miếng, thú vị làm sao! Nhưng mứt hết nhanh quá, chưa thỏa mãn, lại đến bóc thêm miếng nữa. Sáng bước ngang hỏi gì vậy. Tôi đưa cái lon cho chú ấy, nói nhỏ mời mọc:

“Thử một miếng đi.”

“Cái này đó hả? Tôi biết rồi,” Sáng nói xong là tay bóc lúm, chẳng có vẻ gì là ngạc nhiên hay có ý muốn nhìn kỹ món hàng được mời cả.

Vậy có nghĩa là “*ông Phật con*” này đi trước tôi một bước rồi. Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì, biết trước biết sau gì cũng thế thôi. Miễn biết điều tương nhượng và chia sẻ với nhau là được rồi. Vậy là sự *chia sẻ* diễn ra đều đặn hơn. Mỗi ngày hai đứa đều có *ngậm mứt* rong cho vui miệng. Món ấy thật là tiện, không cần vận dụng đến quai hàm hay răng để rồi gây tiếng động chóp chép, rào rào. Mà càng ngậm càng ghiền. Mới ngậm đó lại muốn ngậm nữa, khó mà ngưng được. Nhưng cứ rút rĩa mãi mà không chịu bồi thêm thì núi cũng phải lở nói chi hai lon *guigoz!* Thấy mứt rong đã xọp xuống lưng lưng ở

cả hai lon, tôi bắt đầu lo, nói với Sáng:

“Chắc mình ngưng là vừa rồi, coi chừng thầy biết đó.”

Sáng gục gặc. Vậy là *đình chiến*. Nhưng ông Phật con ấy vì tên là Sáng nên có nhiều sáng kiến hay lắm. Ông cầm hai lon *guigoz* lên, xóc xóc mấy cái rồi đưa ngón tay vào xới xới cho mứt rong vun lên. Hai lon lưng trở thành hai lon đầy. Tài thật!

Buổi chiều cùng ngày, thầy gọi tôi vào phòng, bảo đem hai lon mứt rong xuống nhà bếp, muốn cho ai thì cho, thầy không dùng. Tôi nắm toàn quyền *sinh sát* trong tay cả hai lon mứt, vậy mà lúc ấy tự dưng tôi không còn muốn ăn nữa. Tôi đưa hết cho dì vải.

Hình như sự vụng trộm, mạo hiểm là kích thích tố cho mọi sinh hoạt của con người. Thiếu nó thì sự hân thưởng không còn thú vị nữa.



Một sáng nọ, tôi và Sung rủ nhau đi tắm giặt tại chùa Tĩnh hội. Tôi đã qua một lần bên ấy với thầy Châu nên biết tắm giặt ở bên ấy khỏe hơn, vì có nước máy, chứ tắm ở chùa Phước Điền thì phải xách nước giếng bằng cái thùng rất to, rất nặng, nước lại không được trong, buồng tắm thì chật chội, xa giếng. Đoạn đường từ viện qua chùa Tĩnh hội xa gấp đôi đoạn đường đến chùa Phước Điền dưới chân núi, nhưng buổi sáng trời mát mẻ,

đường đi lại ngoằn ngoèo đẹp mắt, nên chúng tôi không thấy mệt. Trước chúng tôi chừng chục bước, thầy quản chúng và một thầy khác cũng đang trên đường qua chùa Tĩnh hội để làm việc tại văn phòng Giáo hội Tĩnh. Hai thầy bước dài, đi nhanh nên chỉ một chốc là bỏ xa chúng tôi một đoạn. Đến một khoảng đường cong, khuất tầm mắt của mọi người, Sung móc trong túi ra một hộp quẹt, nói với tôi rằng:

“Anh Khang, em có cái quẹt nè.” (Trong các chú tiểu ở viện, chỉ có mình Sung là xưng *anh*, em với tôi; các chú kia thì xưng *chú* với tôi).

Vừa đi vừa quay qua, ngó cái hộp quẹt trên tay Sung, tôi nói:

“Thì sao? Có gì lạ đâu?”

Sung đề nghị:

“Mình đốt cái gì chơi đi. Còn có một cái diêm thôi à. Đốt một cái rồi vứt hộp diêm cho khỏe, bỏ trong túi hoài mệt quá à!”

“Thì vứt đi, có một cái diêm mà tiếc làm gì!”

“Vứt uổng, đốt cái gì chơi cho vui đi mà.”

Tôi chỉ tay vào một bụi cỏ nhỏ, nói không suy nghĩ:

“Thì đốt đại cái bụi cỏ này đi.”

Sung liền đặt cái xô của chú xuống một bên bụi cỏ nhỏ bên mé đường, sát vách núi. Trên đó chừng một thước là cây cỏ um tùm bao quanh khu tăng phòng trên chóp núi. Bụi cỏ chỗ xanh



chỗ vàng, thấp chừng hai gang tay nhưng rậm, mọc đơn lẻ một mình một cõi. Đốt một bụi cỏ chơi thì có hại gì đâu, tôi nghĩ vậy. Bụi cỏ này mà không đốt thì chủ nhật này, các thầy ở viện ra làm công tác, dọn sạch đường núi này, cũng phải mất công cuộc hay nhỏ nó mà thôi. Tôi đứng chờ Sung đốt. Cây diêm tốt lắm, chỉ quẹt một cái là cháy. Sung đưa lửa diêm vào gốc cỏ, lấy tay che gió một lúc để bảo đảm là lửa cháy bén lên; rồi không đợi lửa cháy hết bụi cỏ, Sung và tôi tiếp tục đi.

Đến chùa Tĩnh hội, Sung dẫn tôi vào dãy nhà tắm cũ của tăng chúng nơi đây. Nghe nói còn có nhiều nhà tắm và nhà vệ sinh khác ở các dãy tăng phòng mới cất nữa. Dãy nhà tắm cũ thì ít người sử dụng, nên việc tắm giặt có vẻ thoải mái hơn, khỏi phải chờ đợi. Chúng tôi cởi áo quần ra, chỉ mặc quần đùi, bỏ hết đồ dơ vào xô rồi lo giặt trước, sau đó mới vào buồng tắm, tắm chung. Trong buồng tắm có một hồ nước lớn ăn thông qua buồng tắm kế bên, tức là hai phòng tắm xài chung một hồ. Sung bày trò: nhảy luôn vào hồ nước mà tắm cho sướng. (Cài trò này về sau chúng tôi vẫn còn áp dụng nhiều lần khi bể nước lớn trong nhà tắm công cộng của viện có thể chứa đầy nước sau mùa hè. Bể nước đó chiều ngang một thước rưỡi, chiều dài hai thước rưỡi, chiều cao một thước, thật lý tưởng để bọn tiểu chúng tôi nhảy vào lặn hụp, sau đó xả hết nước dơ trong bể ra ngoài mà thay nước mới vào. Thật uổng công

các thầy lo tiết kiệm nước!). Trời nóng nực, nghe ý kiến của Sung cũng hay hay, tôi gật đầu đồng ý nhưng vẫn còn sợ bị phát giác. Tôi nói:

“Lỡ có ai vào tắm ở buồng kế bên, bắt gặp tụi mình nhày vào hồ là chết đó!”

“Không sao đâu, để em qua phòng bên đó, coi như anh một phòng, em một phòng, đâu có ai vô được mà biết!”

Nói rồi, Sung nhảy vào hồ, hụp xuống nước, lòn qua phía bên kia, cài cửa phòng tắm bên đó lại. Hai chúng tôi thay nhau nhảy vào hồ mà ngâm mình cho mát. Lâu lâu làm chuyện nghịch tặc một chút chắc không can gì. Buồng tắm là thế giới riêng tư có cửa đóng then cài, ai biết được ai bên trong và đang làm chuyện gì! Thôi thì mùa hè nóng nực rít rắm trong người, sẵn hồ nước trong mát, ta cứ trằm mình cho sáng khoái cuộc đời chay tịnh! Đang tắm thoải mái như vậy thì có tiếng gõ cửa, tôi rón rén chui ra khỏi hồ. Sung ở buồng bên kia, tôi ở lại buồng này, lên tiếng với người gõ cửa:

“Mô Phật, ai đó?”

Có tiếng bên ngoài nói lớn, chắc là của một thầy nào:

“Ai tắm mà lâu quá vậy? Cho người khác tắm với chớ!”

“Dạ, con ra liền!” tôi nói vậy rồi mới giật mình, chưa dám ra vội, vì hồ nước nãy giờ hai đứa nhày vào tắm đã dơ không lẽ để cho người khác vào tắm, dội nước lên đầu lên cổ, coi sao

được. Nhất là để các thầy tắm nước dơ của mình, tồn phước chết! Tôi bèn tháo cái nùi giẻ ở sát đáy hồ để xả nước ra. Nhưng cũng phải xả ra nhẹ, từ từ, kéo người ở ngoài có thể biết. Muốn vậy phải lấy chân chặn bót, cho nước tuôn ra từng chập. Bên kia, Sung cũng lấy gáo múc bót nước trong hồ, đổ tháo ra nền đất. Cạn hồ rồi, chúng tôi xả một ít nước từ vòi xuống để rửa sơ qua một lượt toàn thành hồ, sau đó mới đập nùi giẻ lại, cho nước chảy thật mạnh vào hồ. Đến lúc đó mới dám mở cửa bước ra. Nhưng vị thầy nào đó, nãy giờ chờ đợi lâu quá, đã đi đâu mất. Chắc là tìm qua dãy nhà tắm khác. Hú hồn! Tôi và Sung lo thu dọn đồ khô đồ ướt chuẩn bị ra về. Bỗng thấy Dũng và Kính chạy rần rật tới. Dũng gặp chúng tôi đi ngược chiều thì dừng lại, thở hắt hắt, nói:

“Cháy núi! Cháy nguyên cả một đám dưới dãy nhà mới. Quý thầy phải bỏ lớp, tập trung lại chữa cháy. Ghê quá!”

Tôi hoảng kinh, đoán rằng có thể ngọn lửa đó do Sung đốt chơi bụi cỏ khi nãy. Tôi định hỏi thêm cho chắc, nhưng chưa kịp mở miệng thì Kính nói thêm:

“Ui chao, mấy thầy nói bắt được ai đốt là đập cho một trận.”

Sung tái mặt chẳng nói được tiếng nào. Tôi hỏi:

“Vậy bây giờ đã hết cháy chưa?”

“Lúc tụi này đi ngang qua thì chữa gần xong rồi. Ngay chỗ khúc đường quanh gần tam

cấp lên nhà mới chớ đâu!”

Tôi giữ giọng bình thản nói với Sung:

“Thôi tội mình về mau, coi có phụ giúp mấy thầy được không.”

Sung nói giọng yếu xìu, mặt không còn chút máu:

“Đi.”

Dũng và Kính vào nhà tắm, tôi và Sung vội vã về viện. Vừa đi Sung vừa năn nỉ tôi:

“Đừng nói ai em đốt hết nghen. Em đâu có cố ý.”

“Đâu phải một mình chú có lỗi. Tôi cũng có lỗi. Lỗi tôi còn nặng hơn vì tôi xúi chú đốt bụi cỏ đó. Chấn chấn là không nói cho ai biết được. Thầy mà biết là cả hai đứa mình bị đòn xong còn bị đuổi về nhà nữa chứ chẳng phải chơi.”

Sung nghe vậy mới yên tâm, hoàn hồn, vì này giờ chú ấy cứ nghĩ là một mình chú làm, một mình chú chịu. Chú cũng sợ rằng tôi sẽ mét chuyệt đó với quý thầy.

Đi một đoạn đường đồi, tôi thấy khoảng núi bị cháy làm trống cả mặt trước của dãy tầng phòng trên cao. Từ phía trên nhà mới và dưới đường đồi bây giờ có thể nhìn thấy nhau rõ, không có cây cỏ gì ngăn che nữa. Một đám cháy lớn chứ chẳng phải vừa. Đám cháy đúng là bắt lửa từ bụi cỏ nhỏ mà chúng tôi đốt khi này chứ chẳng sai chạy vào đâu. Tôi và Sung đi ngang khoảng cháy còn nóng hực hơi lửa, vậy mà hai đứa như cảm thấy lạnh run. Một vài thầy hầy còn

dùng cành lá mà đập các đốm lửa nhỏ còn cháy đầu đó trên núi. Vài thầy khác rưới nước quanh khoảnh sân trước tầng phòng. Tôi và Sung đi khuất rồi mà chưa hết khiếp sợ.

Xế chiều, thầy tôi đứng từ hiên nhà khách nhìn ra khoảng núi bị cháy, buột miệng nói:

“Một đốm lửa sân hận nhỏ có thể đốt cháy cả rừng công đức.”

Đó là một câu trong kinh Phật. Dĩ nhiên thầy chẳng ám chỉ gì tôi hay Sung. Làm sao thầy biết được! Thầy chỉ thấy đám cháy mà nhớ tới một câu kinh Phật vậy thôi. Nhưng nghe thầy nói, tôi thấy nhột trong lòng lắm. Tôi tìm gặp Sung, nói:

“Chiều nay tui mình phải sám hối mới hết cái tội khi sáng.”

“Đừng, đừng có sám hối, vì làm như vậy mấy thầy biết đó. Lỡ mấy thầy hỏi tại sao sám hối thì sao?”

“Sám hối thâm thôi chứ ai bảo làm rộn lên bao giờ! Sẵn thời kinh công phu chiều có tụng Hồng Danh Bửu Sám, hai đũa sám hối luôn.”

Vậy đó mà chuyện đốt núi lửa được giữ kín giữa tôi và Sung, không ai khác biết đến. Đầu chùng một hai tuần thì cái chuyện khủng khiếp tưởng như không bao giờ quên cũng được mấy thầy và mọi người trên viện cho vào quên lãng, không nhắc tới nữa. Cỏ non lại đâm chồi mọc lên. Các cành khô lại từ từ nhú mầm. Vài tháng sau thì chỗ khoảnh cháy đó lại xanh um, không còn

dấu vết gì của một trận lửa xảy ra. Nhưng trong lòng tôi vẫn như còn bỏng cháy với nỗi ray rứt hối hận.



Một sáng chủ nhật nọ, thầy quản chúng có công tác đặc biệt cho bọn tiểu chúng tôi. Sau khi làm công tác thường nhật, chúng tôi tập trung tại phòng thầy quản chúng để nhận thêm công tác mới cho ngày chủ nhật đó. Tôi, Kính và Sung được cắt đi tưới cây và các chậu kiểng trước sân chùa. Có một cái vòi và cái bể nhỏ chứa nước ở bên trái lầu trống của chánh điện. Chúng tôi xả cho nước vào đây hồ rồi lấy xô xách đi tưới. Nước mùa hè khan hiếm, học tăng của viện phải đi tắm giặt xa nhưng các cây kiểng trước sân chùa thì phải tưới kéo bị chết khô.

Đang tưới mấy chậu kiểng dọc hai bên tam cấp dẫn lên dãy tiền điện, tôi bắt gặp một con rắn đang trườn chậm dưới chân chậu kiểng rồi núp dưới đó. Sợ các chú khác không thấy, bước qua bước lại rồi bị cắn, tôi báo cho các chú biết. Tôi là dân thành phố, lâu nay đâu có thấy con rắn thật bao giờ, nên trong lòng cũng hơi sợ. Nhưng Kính và Sung thì không chút sợ sệt. Không những không né tránh hay xua đuổi con rắn, các chú còn rình dẹp chậu kiểng qua một bên rồi lấy cái xô không, úp con rắn lại. Tôi la lên:

“Sao không đuổi nó chạy mà còn úp nó lại

làm gì?”

Kính nói:

“Bắt nó chơi.”

Sung phụ họa:

“Lấy dây cột nó lại.”

Rồi Sung đi tìm dây, Kính đứng giữ con rắn. Tôi thấy lo lo trong lòng mà chẳng biết nói sao. Chỉ một lát sau, Sung quay trở lại với một sợi dây ni-lông dài. Sung thắt một cái thòng lọng. kiểu thắt gút cổ chó, rồi bảo Kính hé miệng xô ra một tí. Con rắn thấy có đường liền ló đầu ra, Kính liền chặn cái xô lại, kèm chặt một khoảng ngang khúc đầu con rắn. Sung tức tốc tròng thòng lọng vào đầu rắn, xiết chặt cái gút lại. Sung nắm đầu sợi giây, kéo rắn chạy ra khoảng đất trống. Tôi la lên:

“Chơi gì kỳ cục vậy! Thả nó ra đi!”

Sung không nghe, cứ kéo con rắn chạy vòng vòng. Kính chạy đuổi theo, miệng cười toe toét có vẻ thích thú lắm. Con rắn bị lôi đi, đầu mình nó cạ trên nền đất trông thật tội nghiệp. Dù thấy con rắn có vẻ hiềm ác, tôi cũng không sao vui thú nhìn nó bị hành hạ như vậy. Nhưng tôi cũng không cản gì các chú ấy được. Lững thững, tôi bước theo nhìn các chú đùa giỡn với con rắn mà thấy buồn buồn trong lòng. Sung chạy được hai ba vòng thì Kính đòi kéo rắn. Chú này còn nghĩ ra cách chơi độc địa hơn Sung một bậc: chú không kéo con rắn chạy vòng vòng nữa mà nắm đầu giây qua tít con rắn một hồi – kiểu như các

tay cao bồi Mỹ quay giây trước khi phóng thòng lọng vào cỏ bò. Rồi Kính đem con rắn tới cái bể nước nhỏ, nhận nước con rắn. Tôi bắt mẫn la:

“Thôi, vừa vừa thôi, chơi gì ác quá vậy! Thả nó đi.”

Kính thấy tôi cứ lẻo đẻo theo sau đòi thả con rắn thì muốn chọc tức tôi thêm, lôi con rắn đi xềnh xệch xuống đường núi lởm chởm đá. Sung chạy theo đòi lại con rắn, nói rằng đã tới phiên chú. Kính xoay qua chọc tức Sung, kéo con rắn chạy thật nhanh ra xa cho Sung đuổi theo. Con rắn lăn lóc theo sức kéo nhanh của Kính. Sung đuổi kịp, nắm đầu giây kéo con rắn chạy trở về. Tôi ngồi ở bậc tam cấp bên trên nhìn xuống, thấy con rắn bị trầy sướt khắp mình. Khi hai chú ngừng lại một chút để nghỉ mệt thì con rắn cũng ngất ngư, chẳng buồn nhúc nhích nữa. Vừa lúc đó, có thầy Niệm từ chánh điện bước ra. Có lẽ nghe tiếng hò hét của chúng tôi nên ra xem thử chuyện gì xảy ra. Thầy hỏi tôi, tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện. Thầy gọi hai chú:

“Ê, chú gì đó? Thả con rắn đi.”

Sung, Kính ngó lên thấy mấy Niệm thì lại tiếp tục kéo con rắn chạy thêm một đoạn. Có lẽ các chú biết thầy ấy không đánh phạt các chú bao giờ nên chẳng sợ. Thấy lời mình chẳng hiệu lực, thầy cũng im luôn, và thầy ngồi đó với tôi, quan sát các chú chơi rắn. Chơi chán rồi, các chú đem thả con rắn ở một bụi rậm dưới chân núi rồi quay trở lên. Thầy Niệm chờ các chú lên, nói một câu



với giọng không được nghiêm khắc lắm, một câu mà các chú nghe xong cũng chỉ cười:

“Mấy chú này hoang quá. Kéo nó chạy như vậy thì chết con người ta rồi còn gì!”

Kính cười cười đáp:

“Đâu có chết, bạch thầy.”

Sung nói:

“Cho nó chết luôn cũng được, chứ không nó cắn mình sao thầy.”

Thầy nói:

“Đuôi nó đi xa được rồi. Hoang quá!”

Thầy nói nhỏ nhẹ như vậy thôi rồi quay vào. Chúng tôi tiếp tục tưới cây.

Đến chiều, tôi đang ngồi ôn bài trong giờ phóng tham thì thầy tôi gọi tôi vào Tổ đường bảo quỳ xuống. Tôi chẳng biết chuyện gì, nhưng cứ quỳ đó mà chờ thầy dạy. Thầy có vẻ giận. Rồi thầy thầy bảo Sáng chạy đi kêu Sung và Kính. Bảy giờ, tôi mới nhớ lại chuyện con rắn khi sáng. Mười phút sau, Kính và Sung có mặt tại Tổ đường. Lúc đó thầy mới lớn tiếng bảo cả ba chúng tôi nằm dài xuống nền đất.

“Hồi sáng các chú bắt rắn hành hạ, chơi đủ trò, có không?”

Kính và Sung đều run run nhận tội. Thầy hỏi tôi:

“Bộ chú không có hả?”

Tôi đáp:

“Bạch thầy, không.”

“Vậy chú có mặt suốt thời gian mấy chú kia

bắt rần, giỡn rần, phải không?”

Tôi đáp phải. Thầy tiếp:

“Sao không ngăn cản lại để cho các chú chơi hoang như vậy?”

Tôi chưa kịp nói thì thầy đã quát roi xuống. Thầy phạt tôi nặng nhất: năm roi. Kính và Sung mỗi chú ba roi. Cứ mỗi roi giáng xuống là Kính la đau, lấy tay xoa dứt lia lịa. Sung thì oằn mình, vạy vẹo như con trùn, khóc thét lên:

“Đau quá thầy ơi, đau quá thầy ơi!”

Tôi thì lâu nay vẫn lì đòn, nên thầy quát năm roi tôi cũng chỉ rung người lên một chút, bậm môi chịu trận, không rên không khóc. Nhưng trận đòn này, quả là oan ức cho tôi, tưởng chừng không sao chịu nổi. Thầy không cho tôi nói tiếng nào. Sau khi phạt đòn chúng tôi, thầy còn bắt ba đứa quỳ một cây nhang trước bàn thờ tổ. Không phân giải được sự việc, tôi bất mãn vô cùng. Buổi tối, lúc tôi vào quét dọn phòng, thầy hỏi:

“Con có biết tại sao thầy đánh con năm roi mà các chú kia chỉ ba roi không?”

Tôi biết đây là lúc có thể biện bạch cho mình được, nhưng tự dung tôi chẳng muốn nói gì. Cái bướng bỉnh con nít trong tôi nó xúi tôi làm vậy. Tôi đáp:

“Dạ không biết.”

Thầy im một lúc rồi nói:

“Giới thứ nhất của năm giới mà con đã thọ có nói rằng, không được tự mình giết hại, xúi người khác giết hại hoặc thấy kẻ khác giết hại mà

lòng mình vui theo. Chuyện các chú ấy làm, con vui theo, mà vui theo có nghĩa là giết hại bằng ý nghĩ. Trong ba nghiệp thân, miệng và ý thì ý đứng hàng đầu. Đó là lý do mà thầy phạt con nặng hơn các chú kia.”

“Con...” tôi định nói là chẳng những tôi không vui theo mà còn ngăn cản các chú ấy nữa. Nhưng tôi lại cứng họng, chẳng muốn nói nữa. Thấy tôi ngập ngừng rồi nín bặt, thầy nghĩ sao đó lại nói tiếp:

“Nếu con không có ý vui theo thì đáng ra con phải hết sức can ngăn các chú ấy. Can ngăn không thành có nghĩa là chưa hết lòng.”

Thầy nói như vậy thì tôi không còn gì để bàn cãi nữa. Phải, tôi đã không ngăn cản hết lòng. Nếu tôi nhả ra giựt sợi giây, hoặc thụi cho mỗi chú một đấm, có lẽ các chú đã chịu thả con rắn. Nhưng đánh lộn với các chú ấy, chắc lại mang cái lỗi ấu đả, làm kinh động chúng tăng, mất không khí hòa hợp trong chùa. Hơn nữa, làm chú tiểu mới xuất gia, tôi chưa hề nghĩ rằng mình có thể vung tay vung chân đấm đá ai, nói gì các chú tiểu đồng tu với mình.

Lời thầy dạy làm tôi chợt nhớ tới thầy Niệm. Khi sáng, các chú kia bắt rắn, thầy Niệm cũng có mặt, cũng can ngăn, y hết như tôi chứ chẳng khác chút nào. Vậy đó rồi thầy vào trong thừa lại với thầy tôi thế nào đó, mà cả tôi là người đứng ngoài cùng bị đòn oan. Bây giờ, nghe thầy tôi dạy rồi, tôi không còn mang mỗi bắt mẫn

trong lòng về cách xử phạt của thầy nữa. Nhưng với thầy Niệm, trong tôi hẳn còn chút mặc cảm gì đó. Tôi không phục. Điều này phải để trong bụng, không thể nói ra được. Sự bất kính của một chú tiểu đối với một vị tăng là điều không nên chút nào trong luật chùa, tôi học được điều đó trong bộ luật Sa-di. Tôi đã cố gắng rất nhiều để không ô nhiễm lòng bất kính đối với thầy ấy, nhưng thật khó. Tâm hồn trẻ thơ như miếng đất dẻo, cái gì nặng nề đặt lên cũng để lại dấu vết lâu dài. Tiếc thay thầy ấy đã khiến tôi trở thành một kẻ nhỏ mọn vì không quên được chuyện cũ trong một thời gian rất lâu.

Dù đã có những lúc tôi bị cuốn theo những trò vui hay sự nghịch ngợm của tuổi trẻ, nhưng rõ ràng là tôi đã dần dần khép mình vào giới luật của nhà Phật cũng như nội quy của viện một cách ngoan ngoãn và tương đối dễ dàng. Có lẽ đó cũng nhờ sự uốn nắn trực tiếp của thầy tôi, mà cũng có thể do vì cái tâm nhẹ dạ, hẹp hòi và rất ư cổ điển của tôi – cái tâm ham chuộng tự do, nhưng cũng sẵn sàng chết sống cho sự tuân thủ những qui ước, luật lệ.

## CHƯƠNG BẢY



Sự nghịch ngợm của một chú tiểu ở chùa đầu sao cũng có những giới hạn của nó. Khung cảnh nghiêm trang, yên tĩnh làm cho lòng người dịu xuống, và những lãng xãng chộn rộn của thể xác cũng nhờ vậy mà giảm bớt đi. Ngoài ra, việc ăn chay quanh năm suốt tháng cũng góp phần lớn trong việc nuôi dưỡng tâm tính hiền hòa, thuần hậu. Thầy dạy tôi cứ so sánh khuôn mặt và điệu bộ của những con thú ăn cỏ, ăn lá với những con thú ăn thịt, ăn cá, tất sẽ thấy vẻ hiền lành hay hung dữ được phản ánh chính từ miếng ăn, miếng

uống hàng ngày đó. Chưa kể đến việc trì tụng kinh chú, tham thiền, niệm Phật... những sinh hoạt tâm linh như vậy tác động rất mạnh mẽ vào tâm hồn và cuộc sống của một chú tiểu. Còn nữa, sự gần gũi, tiếp xúc mỗi ngày, mỗi giờ với những con người hiền đức, lại là một yếu tố quan trọng hàng đầu, giáo dục trực tiếp cho nếp sống của tiểu ấy.

Thế cho nên, có thể nói rằng, tôi được thuần hóa rất nhanh so với các chú tiểu khác nhờ ở chỗ mới vào chùa đã làm thị giả, thân cận thầy trong mọi sinh hoạt. Tính ý nghịch ngợm tuổi thơ nếu có thì cũng ít cơ hội để phát triển hoặc tiến đến hành động cụ thể. Cho nên cái *hoang* trở thành hoang ngầm. Như nước mạch chảy trong lòng đất, đào đất lên thì nước trào dâng. Mà tâm tôi là cái tâm rất cực đoan, nên tôi có thể trở thành con người rất giới hạnh, nhưng nếu không có người hướng đạo dẫn dắt con đường tốt đẹp chân chính, tôi cũng có thể trở thành một tên nghịch tặc hư đốn.

Có lẽ thầy tôi cũng đoán xét phần nào tâm tính của mỗi đệ tử nên cách dạy của thầy có những sai khác mà để ý lắm mới thấy được. Nhưng trong ba đệ tử nhỏ của thầy tôi hiện đang tu học tại viện Hải Đức này (tôi, Sung và Sáng), tôi thấy Sung là tội nghiệp nhất. Một lòng kính quý và thọ ơn giáo dưỡng của thầy, tôi không dám nghĩ rằng thầy tôi đã bắt công với Sung. Có lẽ thầy có lý do nào đó mà tôi không hiểu được.

Dù sao, trường hợp của Sung khiến mỗi khi nghĩ đến, tôi không sao khỏi thấy bùi ngùi trong lòng.

Sung và Sáng cùng tuổi với nhau, nhỏ hơn tôi hai tuổi. Khi tôi và Sáng chưa xuất gia thì Sung là đệ tử duy nhất của thầy tôi tại viện (hai đệ tử lớn của thầy đi học xa và hai đệ tử lớn khác đang ở chùa Diên Thọ tại Diên Khánh). Vậy mà Sung vẫn không được chọn làm thị giả hay quan tâm dạy dỗ như tôi và Sáng sau này. Hẳn nhiên là Sung phải cảm thấy bị thầy bỏ rơi, dù rằng không phải chú tiểu nào vào chùa cũng làm thị giả hay thân cận thầy. Nếu không có tôi và Sáng thì sự kiện Sung không được thầy quan tâm nhiều cũng là thường, có thể được coi như là thầy đối xử với Sung như đối xử với Dũng, Kính, hay các chú khác. Đàng này, tôi, Sáng và Sung cùng là huynh đệ đồng sư mà hai đứa gần thầy, còn một đứa nhỏ tuổi xuất gia trước lại bị thầy bỏ rơi thì chắc chắn là phải có vấn đề để mặc cảm. May là Sung lanh chanh, lóc chóc, đùa giỡn vô tư, không để bụng chuyện gì nên rồi cũng qua hết.

Có một thầy trong số những học tăng trẻ, thương mến Sung, chăm sóc Sung như tình anh em. Như vậy cũng tạm yên, coi như Sung cũng có chỗ nương tựa tình cảm. Một đứa bé xa gia đình vào chùa xuất gia tất phải cần tình thương của thầy bù đắp. Sung thiếu tình thương của thầy thì có một thầy học tăng chăm sóc cũng được an ủi phần nào.

Vậy đó mà chuyện không đơn giản. Tôi

phải xét việc mình để hiểu chuyện chung mà cũng không hiểu nổi. Nguyên do là trong luật có cấm hàng sa-di được kết thân hay sinh hoạt chung với hàng tỳ-kheo. (Tỳ-kheo là những vị từ hai mươi tuổi đã tiếp thọ đại giới, chính thức là tăng sĩ Phật giáo; Sa-di là những người mới xuất gia, tuổi từ bảy đến mười chín tuổi – có người lên tới hai mươi hay hai mươi lăm tuổi, tùy theo trình độ tu tập hay thời gian xuất gia lâu mau).

Lý do ngăn cấm này thường không được giải thích trong cuốn luật Sa-di (mà tôi học thuộc lòng), nhưng có thể hiểu được qua các bộ luật giải hoặc sự suy diễn của các vị thầy chuyên về luật học. Mà đã là suy diễn thì có thể có nhiều quan điểm, nhiều lối giải thích khác nhau, nhưng cách giải thích được nhiều người công nhận nhất là, vì hàng sa-di và tỳ-kheo có tuổi tác và sự thọ trì cấm giới khác biệt nhau, nên thường khiến sinh ra những quan điểm bất đồng, hoặc những ảnh hưởng hỗ tương lợi bất cập hại khi để họ chung sống, gần gũi nhau trong một phòng. Cũng có người giải thích dễ hiểu hơn rằng: vì các sa-di thân tâm chưa được thuần thực, chưa thực sự kiểm soát được những hoạt động cả khi thức lẫn khi ngủ của mình; đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng ồn ào, náo động, có thể gây phiền nhiễu cho các vị tỳ-kheo (điều này được chứng minh bằng chiếc mền xanh mà tôi giấu dưới giường gỗ). Chuyện tôi và Sáng ngủ trong phòng thầy là trường hợp đặc biệt được cho phép khi thiếu phòng hay thiếu



chỗ ngủ (giống như hồi xưa sa-di Rahula được Phật cho phép ngủ chung phòng với thầy là Sariputra khi phòng của Rahula bị khách tăng chiếm mất). Tôi không bị cấm và cũng không được giải thích gì về chuyện được phép ngủ trong phòng thầy. Tôi mới vào chùa, chưa học thông luật nên không làm sao hiểu nổi. Nhất là khi tôi bị thầy cấm chơi với các thầy học tăng trẻ của viện. Điều đó làm tôi khó hiểu nhất. Tôi nghĩ bụng: “Đáng lẽ mình chơi với người lớn, học được nhiều thứ, mau chững chạc, mau thành người lớn, thì thầy khuyến khích thêm mới phải. Sao thầy lại cấm? Để mình chơi với mấy chú tiểu loi chơi lóc chóc, mình sẽ dễ hư đốn hơn chứ?”

Đầu tiên của việc cấm đoán gặt gao cũng là do từ tôi. Một hôm, tôi theo thầy Châu đi tắm giặt. Khi về, ngang qua phòng khách, thầy tôi thấy được bèn gọi tôi đến để la rầy:

“Điệu thì chơi với điệu, không được chơi với mấy thầy, mấy chú lớn!”

Thầy không giải thích vì sao, chỉ nói vắn tắt như vậy. Thực ra, tôi mới mười một, mười hai tuổi, có dám “chơi” với mấy thầy đâu. Chẳng qua, thầy Châu đã dạy tôi giặt đồ, rồi từ đó, mỗi lần đi tắm giặt là ghé rủ tôi đi. Dần dần thầy ấy càng thương tôi thêm, lúc nào rảnh cũng tìm tôi mà trò chuyện, chiều đến giờ phóng tham thầy dắt tôi đi dạo núi hay lên tháp chuông, qua Kim Thân Phật Tổ để ngắm biển. Gần như giữa tôi và thầy Châu cũng đã có một thời khóa biểu thường

xuyên cho việc gặp gỡ hàng ngày, hàng tuần rồi. Vậy thầy tôi cảm là cảm cái việc chơi thân một cách đặc biệt đến nỗi có một thông lệ tiếp xúc, gặp gỡ kiểu đó, chứ bình thường thì bọn tiểu chúng tôi có thể ngồi chơi nói chuyện với mấy thầy năm ba phút cũng chẳng sao. Cái khó là tôi phải nói sao với thầy Châu để thầy ấy khỏi buồn và không trách thầy tôi. Buổi chiều vào giờ phóng tham, tôi không được thầy cho ra ngoài chơi như mọi hôm mà bắt ngồi tại phòng khách coi nhà, học bài. Thầy Châu thấy tôi không đến phòng để cùng đi dạo núi, liền xuống phòng khách tìm. Thấy thầy Châu đến gần, tôi đâm hoảng, sợ thầy tôi lại bắt gặp, cho rằng tôi không nghe lời thầy. Tôi nói thật nhỏ với thầy Châu:

“Thầy không cho con đi đâu hết. Bắt ngồi ở đây học thôi. Thầy cũng không cho con đi theo mấy thầy, nói chỉ được phép chơi với mấy điệu thôi. Thầy đừng... ngồi đây, con sợ bị la quá.”

Thầy Châu ngồi một lúc bên cạnh tôi rồi lắc đầu, quay đi. Tôi thấy tôi nghiệp thầy Châu quá mà chẳng biết làm sao. Một lúc sau, thầy tôi đi ngang, hỏi tôi rằng:

“Thầy Châu rủ con đi chơi phải không?”

“Dạ... con có nói là... con không được phép đi chơi nữa mà phải lo học.”

Thầy tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Không phải riêng mình con mà tất cả các điệu đều phải tuân theo điều luật này: không được kết thân, cặp kè với các chú và các thầy học

tăng ở viện. Thầy quản chúng sẽ nói rõ cho các điều nghe vào tối nay.”

Quả nhiên thầy tôi đã yêu cầu thầy quản chúng ngăn cấm chúng tôi việc giao du với các thầy học tăng trẻ ở viện. Buổi tối trong giờ dò kinh, thầy quản chúng dặn:

“Kể từ nay, tất cả các điều phải ngồi coi nhà và học tại chỗ qui định. Cấm tuyệt kết thân, đi chơi, hay lãng vãng vào phòng quý thầy nữa. Chú nào không nghe sẽ bị phạt mùi roi, quỳ một cây nhang.”

Lệnh đó đưa ra rồi, bọn tôi đều buồn. Cảm thấy có cái gì căng thẳng, mất tự nhiên trong cuộc sống. Gặp quý thầy học tăng đi ngang hay đến gần, chúng tôi cúi đầu ngó vào cuốn kinh, không dám cười đùa, chào hỏi như trước đây. Đôi lúc chúng tôi phải tìm cách né tránh để khỏi bị bắt tội là chơi với quý thầy. Mà chuyện cấm này làm cho Sung bơ vơ hơn. Lâu nay chú được thầy Long chăm sóc, giờ phải lo tránh né, trông thật tội nghiệp.

Tuy vậy, lệnh cấm cũng theo thời gian mà nói ra, không chặt chẽ, cứng nhắc như lúc đầu nữa. Cho nên, bọn tiểu chúng tôi dần dần lại “chơi” với quý thầy. Lẽ ấy thật là tự nhiên: chúng tôi là con nít, ai thương thì thương lại, ai chăm sóc thì thích gần gũi. Làm sao có thể cưỡng chống được sức hút của tình thương! Ở nhà thì có tình cảm cha mẹ, anh chị em. Vào chùa thì có tình thầy trò, nhưng thầy nghiêm khắc, bận bịu,

xa cách quá, không gần gũi thầy được. Vậy thì gần gũi những thầy trẻ, tuổi anh mình, để tìm chút hơi ấm thương yêu chứ. Có gì là lạ đâu! Dù sao, lệnh cấm cũng còn chút dư âm, chúng tôi không dám trái lệnh một cách công khai trắng trợn. Thầy quản chúng thì thông cảm, không bắt bẻ gì nên không sao. Miễn đừng làm gai mắt thầy tôi là được rồi.

Vậy là tôi lại có một thầy khác yêu thương mến, dịu dặt. Thầy ấy tên An. Thầy An học chương trình Chuyên khoa (nội điện) chứ không phải chương trình Phổ thông (ngoại điện) như thầy Châu. Hình như thầy tôi không tin tưởng nhiều ở mấy thầy theo đuổi chương trình Phổ thông, cho rằng mấy thầy ấy hướng ngoại, chạy theo đời nhiều, dễ sa ngã. Điển hình nhất là thầy Châu. Không biết thầy ấy đã làm gì, nhưng đã rời khỏi viện, đi đâu lúc nào tôi không biết. Tôi nghe nói lại là thầy Châu bị đuổi vì vi phạm trầm trọng nội quy và giới luật của viện. Có lẽ thầy tôi ngăn cấm tôi kịch liệt cũng vì người tôi theo là thầy Châu chẳng?

Thầy An chăm sóc tôi còn kỹ hơn thầy Châu, vì thầy còn lo tìm sách, mua tự điển cho tôi, dạy tôi học thêm chữ Hán v.v... chứ không phải chỉ dẫn đi chơi rảo rảo trên núi như thầy Châu. Nhưng tôi cũng chỉ giao thiệp với thầy An một cách lặng lẽ chứ không để cho thầy tôi biết. Một đạo nọ, viện có cơn dịch sốt, lây từ người này sang người kia. Bệnh xá tập nập người ra kẻ

vào. Người xin thuốc uống, kẻ xin xông và giã hơi, cắt lễ. Các thầy y tá đông y, tây y ở bệnh xá phải cực nhọc ngày đêm để lo cho bệnh nhân. Có người bị sốt nặng quá phải lấy xe viện đưa đi bác sĩ tư (bác sĩ riêng của Phật học viện). Tôi cũng không tránh khỏi bệnh sốt này. Ban đầu tôi được đưa vào bệnh xá. Xông, uống thuốc hai ngày rồi mà vẫn không thấy bớt. Thầy tôi có vào bệnh xá thăm tôi vào ngày đầu. Hai ngày kế tiếp thì thầy phải đi Diên Khánh để lo lễ trên đó. Thầy An giúp các thầy y tá chăm sóc tôi. Thầy An ngồi mãi bên tôi, lo thuốc lo nước, còn giặt đồ cho tôi nữa. Đến ngày thứ ba, thầy An đo nhiệt kế thấy tôi nóng đến bốn mươi độ thì hoảng kinh, yêu cầu thầy y tá đưa tôi đi bệnh viện. Thầy y tá không đưa đi, nói rằng chưa được phép của viện, nhất là của thầy tôi; hơn nữa, ở bệnh xá cũng có mấy người nóng bốn mươi độ mà rồi cũng trị hết được, không cần thiết phải đưa xuống bệnh viện hay đi bác sĩ riêng của viện. Thầy An nóng ruột, cứ sợ tôi sốt nặng mà chết vô duyên nên tự động chạy xuống nhà tôi, báo tin cho gia đình tôi biết, yêu cầu mẹ tôi lên viện đưa tôi về, không để trên viện mà chết oan uổng. Dĩ nhiên mẹ tôi nghe thầy An nói tôi bệnh nặng có thể chết thì phải thất kinh, lật đật lên viện thăm tôi, xin phép thầy quản chúng cho tôi về để gia đình chữa trị, lấy cớ rằng ở bệnh xá có đủ giường cũng như đủ người để chăm sóc cho nhiều người bệnh khác. Mặc dù thầy tôi đi vắng, thầy quản chúng cũng không

dám thay quyền để cho phép mẹ tôi đưa tôi về. Nhưng mẹ tôi nóng ruột, cứ năn nỉ hoài, cuối cùng thầy phải xiêu lòng, đồng ý. Thầy An liền công tôi xuống núi, đặt tôi trên chiếc xích-lô chờ sẵn. Mẹ tôi cảm ơn thầy An rồi đưa tôi về nhà.

Cái tính quân tử tàu được tôi áp dụng rất sớm trong cuộc sống dạy tôi rằng, đã lia bỏ gia đình đi xuất gia thì phải trao phó thân mạng mình cho chùa lo liệu, đừng để gia đình phải vướng bận nữa. Cho nên tôi thực sự không muốn để gia đình biết chuyện tôi bệnh nặng. Ngay cả khi mẹ tôi lên chùa lo thu xếp cho tôi về nhà, tôi cũng rất ái ngại và thầy mắc cỡ với các chú tiểu khác. Lúc thầy An công tôi rời bệnh xá thì Dũng và Sung cũng đang nằm bệnh trên hai cái giường gần đó. Tôi buồn bã mà cũng vừa chạnh lòng khi bỏ hai chú lại, dù rằng tôi có nằm đây thì cũng chẳng giúp gì được cho các chú. Gia đình Dũng ở xa, tận ngoài Huế. Gia đình Sung thì ở Diên Khánh. Tôi không thiếu tình thương của thầy, lại được thầy An lo lắng như tình anh em ruột, rồi còn được mẹ đưa về nhà chữa trị. Sự đầy đủ tình cảm đó làm cho tôi cảm thấy rằng hình như tôi chưa có được cái đồng mãnh của một người tu đơn độc dẫn thân vào gian khổ. Ngồi cùng mẹ trên chiếc xích-lô đi ngang xóm Xương, tôi cũng cảm thấy mắc cỡ khi thiên hạ nhìn mình. Hình ảnh một chú tiểu ngồi với mẹ có cái vẻ gì không được ổn cho lắm. Từ chùa về ngang phòng mạch bác sĩ Cao, mẹ đưa tôi vào khám, chích thuốc, mua thuốc rồi

mới đưa về nhà. Mới vài tháng rời gia đình mà tôi đã thấy có một khoảng cách ghê gớm giữa mình với người thân. Tôi nằm dưỡng bệnh trên giường, anh chị em tôi vào thăm mà tôi chẳng biết nói gì. Tôi chỉ trả lời khi có ai hỏi tới. Khung cảnh gia đình không còn thích hợp với tôi nữa. Nhưng bàn tay chăm sóc của mẹ ngọt ngào làm sao! Khuôn mặt lo âu của mẹ đáng thương làm sao! Chỉ có bóng mẹ mới làm tôi sung sướng tạm quên đi cơn bệnh đang hành hạ mình và cũng tạm quên đi những mặc cảm thua cuộc trong chuyến về nhà này. Tình mẹ muôn đời vẫn thế, có thể trù lấp mọi lý lẽ. Đến chiều thì ba tôi về. Ông ngồi nắm tay tôi thật lâu với vầng trán nhăn nhó. Tôi không biết ông đang lo nghĩ gì. Trước khi ngủ mê, tôi nhớ tôi đã mỉm cười với ông khi ông hôn lên trán tôi.

Hôm sau thì tôi hạ cơn sốt, có thể ngồi dậy đi vòng vòng trong nhà. Qua hôm kế tiếp thì tôi lành bệnh. Nhưng tôi phải đối đầu với một thử thách khác: sự rủ rờ của người anh lớn. Anh ấy vẫn ngoan cố nghĩ rằng chuyện tôi đi tu là không có lợi ích gì hết, có thể vì tôi bất mãn chuyện gì đó trong gia đình mà bỏ đi tu. Bây giờ thì mọi việc đã qua rồi, hãy trở về với gia đình, đừng chôn cuộc đời trong ngôi chùa tẻ lạnh buồn khổ. Nói vậy sợ chưa đủ sức thuyết phục tôi, anh còn đưa ra một viễn cảnh sáng sủa tươi vui cho tôi hăng hái trở về. Anh nói rằng anh đang thành lập một ban nhạc. Anh muốn ban nhạc này chỉ gồm

toàn anh chị em trong gia đình chứ không mời người ngoài vào. Tay đàn, tay ca đã đầy đủ, chỉ thiếu tay trống. Anh muốn tôi trở về làm tay trống của ban nhạc. Tôi ngồi im không nói gì. Xa nhà hai tháng, bây giờ tôi thật lúng túng chuyện nói năng với người nhà. Tôi thấy anh tôi xa lạ hơn là thầy An. Tôi thấy em tôi không thân thiết bằng chú Sung, chú Dũng. Vậy thì còn gì để nói? Tôi không mở miệng được. Thấy anh cố gắng hết sức để thuyết phục mình, tôi cảm động. Tôi biết anh thương tôi, sợ tôi phải chịu khổ nhọc trong chùa. Nhưng chắc chắn là tôi không thể bỏ tiếng chuông chùa để đi theo tiếng trống nhạc xập xình được. Tôi nghĩ vậy trong lòng mà chẳng nói được lời nào. Mẹ tôi biết được anh tôi rủ rê tôi về, bèn la rầy anh:

“Chuyện đi tu của em là do em quyết định, chẳng ai xúi dục mà cũng chẳng ai ngăn cấm. Ba mẹ còn không cản được thì mấy đứa con còn muốn nói lời ngon ngọt rủ rê gì em nữa đây? Để em yên tâm dưỡng bệnh chứ!” rồi mẹ dặt tay đưa tôi về phòng nghỉ.

Thoát nợ! Khởi cần phải nói lại lời nào với người anh đang quan tâm thương mến mà không hiểu gì về mộng ước của mình. Tôi vào phòng nằm nghỉ mà vẫn còn nghe tiếng anh tôi nói lớn bên ngoài:

“Ồ chùa có lợi ích gì đâu chứ! Nhà này tuy không khá giả nhưng đâu có thiếu cái gì mà phải đi tu. Vô chùa rồi gõ mõ tụng kinh, chẳng học



chẳng hành, ù ù cạc cạc, không biết chi về đời. Ba mẹ chiều nó, cho nó đi tu để rồi nó khổ cả đời cho mà xem!”

Rồi có tiếng mẹ tôi:

“Tụi bây là con Phật, có ăn học, mà đến chừng này tuổi vẫn chưa hiểu được sự quý giá của xuất gia. Có phải thiếu ăn thiếu mặc mới vào chùa tu đâu! Cũng không phải vô chùa thì chẳng học, chẳng hành. Tụi bây không biết là thầy Thiên Ân, thầy Nhất Hạnh, thầy Minh Châu... bao nhiêu là thầy giỏi đã đỗ tiến sĩ ở nước ngoài sao? Thời nay mà còn nghĩ rằng mấy ông thầy ở chùa không học không hành là quá lạc hậu đi rồi. Mà cho dù họ không có cái học ngoài đời đi nữa thì những hiểu biết Phật pháp và trình độ tu tập của họ cũng đủ làm thầy của thiên hạ rồi. Bao nhiêu cái bằng tiến sĩ có đem vào chùa thì cũng vất đi mà thôi!”

Tối hôm đó, ba mẹ tôi ngồi nói chuyện với tôi trong phòng của ông bà. Mẹ tôi nói:

“Con đường xuất gia của con là chân chính, đúng đắn, không anh chị nào của con làm được.”

Ba tôi tiếp lời mẹ:

“Chị Trang con vừa lấy bằng tiến sĩ văn chương tại Mỹ. Ba mẹ rất vui và hãnh diện với sự thành công của chị, nhưng ba mẹ có thể nói thật với con rằng, có một đứa con đậu tiến sĩ cũng chưa vui bằng có một đứa con đi tu theo Phật.”

Ba mẹ tôi nói chừng đó, tôi tưởng cũng quá đủ. Lời của ba mẹ làm tăng thêm niềm tin và sức

mạnh cho tôi để tiếp tục dần bước trên lộ trình xuất gia gian nan hãy còn dài trước mặt.

Ngày mai, mẹ tôi đưa tôi trở về chùa. Thầy tôi đã từ Diên Khánh về lại viện từ hai hôm trước, biết tôi theo mẹ về nhà mà không có phép của thầy, thầy không hài lòng. Mẹ con tôi phải quỳ lạy sám hối thầy. Mẹ tôi xin chịu hết lỗi về phần bà để xin thầy tha thứ, chấp thuận cho tôi trở về tiếp tục tu học. Nể tình ba mẹ tôi là chỗ quen biết lâu năm, cuối cùng thầy bỏ qua.

Chú Dũng, chú Sung cũng đã hết bệnh. Tôi gặp lại mấy chú mà thấy trong lòng vui mừng hơn là gặp anh chị em trong nhà mấy ngày trước. Chú Sung kể tôi nghe rằng, khi thầy tôi về thấy không có tôi, thầy đã trách thầy quản chúng, rồi lòi ra chuyện thầy An xuống nhà báo tin cho mẹ tôi v.v... Thầy bèn gọi thầy An xuống Tổ đường, bắt nằm dài xuống nền đất mà đánh hai chục roi rất nặng tay. Thầy tôi đã cấm thầy An gần gũi tôi hay bất cứ chú tiểu nào khác. Tôi nghe kể vậy thì thất kinh, không ngờ chuyện về của mình lại thành lớn chuyện như vậy. Nhưng tôi nghiệp nhất là thầy An, đã vì thương tôi, lo lắng cho tôi mà phải bị đòn. Thầy An cũng đã hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi rồi chứ đâu có nhỏ nhoi gì, vậy mà vẫn bị bắt nằm xuống phạt đòn thì quả là chuyện lớn. Lý do được thầy quản chúng giải thích rằng phải tập cho tôi tánh tự lập, bớt liên hệ với gia đình chùng nào tốt chùng nấy; hơn nữa, thầy An là học tăng, phải lo học, không có trách nhiệm

bao đồng chuyện bệnh của các chú tiểu (vốn đã có y tá của viện đảm trách); và học tăng cũng không được có những liên hệ với gia đình Phật tử ở ngoài nếu không phải là công tác do đại chúng cắt cử.

Nhân chuyện thầy An và tôi, lệnh cấm giao du giữa các chú tiểu và các thầy lại được *ban hành!* Vì lệnh cấm này nhắm vào tôi là chính, tôi hết sức giữ gìn, không dám tái phạm. Tôi phải né tránh thầy An khi thấy thầy ấy từ xa tiến tới. Nhưng thầy An cứ tìm tôi hoài. Có lần tôi nói với thầy ấy rằng tôi không dám gặp thầy ấy nữa vì có lệnh cấm. Thầy nói thầy có biết lệnh cấm ấy, nhưng chuyện cũ qua rồi, cứ tiếp xúc lại bình thường chứ sợ gì. Tôi không dám. Thấy không trở lại bình thường như trước được, thầy An cũng buồn và hình như là đem lòng giận trách tôi. Tháng sau, thầy ấy ghi danh tham dự khóa giảng sư Phú Lô Na tại Sài-gòn. Trước ngày lên đường, thầy tìm gặp tôi, xoa đầu tôi, tặng một vài cuốn sách, khuyên bảo mấy lời cuối cùng thật cảm động.

Trong thời gian mà lệnh cấm nói trên đang còn căng thẳng, có một vị thầy trẻ, cũng là học tăng của lớp chuyên khoa Phật học, cứ mỗi lần thấy tôi là cười, đến xoa đầu, hỏi han điều này điều nọ. Tôi chỉ trả lời cho có vậy thôi chứ tôi rất sợ thầy tôi bắt gặp, tưởng tôi muốn kết thân với hàng tỳ-kheo. Vị thầy trẻ này thấp người, chỉ cao hơn tôi chút xíu, trán cao và vồ, nét mặt thông

minh, vui tính. Một đôi lúc thấy tôi bị các chú tiểu khác chọc ghẹo, thầy bênh vực tôi với giọng rất hiền. Thầy để ý tôi đang học gì, rồi về phòng kiểm kinh sách đem cho tôi. Thầy còn mua một số sách giáo khoa, sách “Học làm người” cho tôi đọc. Tôi lo sợ thầy tôi bắt gặp, nhưng với lòng tốt và sự quan tâm của vị thầy trẻ này, tôi không khỏi cảm động, muốn quên luôn cả lệnh cấm. Dũng cho tôi biết thầy ấy tên là Lê Từ Vũ. Mấy thầy thân quen trong viện thường gọi đùa thầy là *Từ Dũ*. Ai chọc thì chọc, thầy ấy chỉ cười, nụ cười rất hiền và cởi mở. Nhưng bọn tiểu chúng tôi không gọi thầy ấy bằng tên tục như đã gọi một số thầy khác, mà gọi thầy ấy bằng pháp danh: thầy Thông Chánh.

Hôm ấy, thầy tôi đi vắng, bọn tiểu chúng tôi rủ nhau xuống gần chân núi, trên con đường phía Phường Cúi dẫn lên chánh điện, để chơi tạt lon, giựt cờ v.v... Chơi chán trò chơi này thì bày ra trò khác. Đang mải mê chơi với các bạn, tôi không thấy thầy Thông Chánh đang ngồi ở trên núi nhìn xuống quan sát mình. Lúc tôi ngồi nghỉ mệt, thầy mới ngoắc tôi. Biết thầy tôi đi vắng, tôi dạn dĩ đến ngồi bên thầy, trò chuyện. Thầy quan tâm đặc biệt đến việc tu học và nếp sống hàng ngày của tôi. Cuộc chuyện trò này khiến tôi càng quý mến thầy Thông Chánh nhiều hơn. Đang ngồi với thầy Thông Chánh, bỗng nghe cãi lộn bên dưới. Thông và Sung gây gỗ nhau. Thông cao lớn hơn cả tôi, Sung thì nhỏ tuổi nhỏ xác, nên bị

Thông đánh cho mấy cái là Sung xiềng liềng té, chẳng dám trả lại được. Sung vừa khóc, vừa thét lên:

“Mấy ông ăn hiếp tôi không à, không ai thương tôi hết. Tôi bỏ về nhà cho mà coi. Tôi không tu với mấy ông nữa đâu!”

Nói rồi, Sung bỏ chạy xuống núi. Các chú kia đứng yên đó, chẳng ai cản trở hay nói lời an ủi khuyên răn gì với Sung. Tôi ở trên thấy vậy thì bỏ thầy Thông Chánh, phóng nhanh, băng đường tắt có cây cỏ rậm và dốc cao để đuổi cho kịp Sung. Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi chạy nhanh trên dốc núi như vậy. Thầy Thông Chánh hoảng hốt la lên:

“Đừng có chạy như vậy té chết!”

Tôi bắt kể ai, cứ phóng theo, gần bắt kịp Sung, nhưng Sung lanh quá, hai ba lần tôi bắt được vạt áo của chú mà cú cũng vụt ra được mà chạy tiếp. Tôi đuổi không kịp, phải đứng lại nhìn theo. Sung chạy một lúc đến cái cổng sắt cũ phía Phường Củi, biết tôi không đuổi theo nữa, mới chịu ngừng, đứng vịn cổng sắt mà khóc. Tôi bước từ từ đến chỗ Sung định khuyên chú vài lời. Nhưng thấy tôi bước đến là Sung dợm chân muốn chạy tiếp. Tôi nói:

“Đừng chạy nữa Sung. Nói Sung nghe cái này nè. Mấy chú gây với Sung thì đánh nhau vậy thôi, rồi cũng hết chứ đâu có ai ghét Sung đâu!”

Sung vừa khóc tức tưởi vừa nói:

“Đâu có ai thương em đâu.”

Tôi nói:

“Có chứ. Sung nhỏ nhất viện, ai mà không thương.”

Sung lắc đầu nguây nguậy. Tôi tiến tới. Sung bỏ chạy. Tôi nói với theo:

“Ai cũng thương Sung hết. Ai cũng thương Sung...”

Rồi tôi ứa nước mắt. Tôi ám ức trong lòng là đã không giữ Sung lại được, không nói được với Sung niềm thương của tôi. Sung nghịch ngợm nhất trong bọn tiểu chúng tôi, nhưng cái nghịch ngợm tuổi thơ đó đưa bé trai nào lại chẳng có! Cái nghịch ngợm rất bình thường, có thể tha thứ được. Tiếc rằng, viện đông người quá mà Sung vẫn không tìm được tình thương cho chú. Tôi thâm trách thầy tôi đã lơ là việc dạy dỗ và nhất là thương yêu, chăm sóc Sung. Tôi cũng thâm trách lệnh cấm của thầy đã vô tình đẩy Sung vào tình trạng không còn chỗ nương tựa cho đời sống tình cảm của chú. Sung chạy về lúc ấy là chạy luôn về nhà, không bao giờ trở lại. Tôi đau lòng nhiều năm, không sao quên được hình ảnh một chú tiểu vừa chạy vừa khóc với ý nghĩ rằng không ai thương mình.

Khi tôi trở lại nửa đường thì thầy Thông Chánh bước xuống. Thấy tôi xúc động, thầy an ủi tôi:

“Nhân duyên xuất gia không phải cũng có được. Sung nó bị ba má bắt ép đi tu chứ tự nó đâu có muốn.”

“Thật hả thầy?”

“Thật. Chuyện của nó cả viện ai cũng biết. Ba nó ham tu lắm, tưởng rằng cho con đi tu thì con cũng ham như mình. Đâu phải vậy. Thôi đừng buồn nữa. Lần sau đừng chạy như vậy nguy hiểm lắm. Nếu nó không muốn tu nữa, mình có bắt kịp cũng đâu giữ nó lại được. Còn nếu nó quyết tâm tu thì có về nhà cũng quay trở lại. Nhưng chắc là không quyết tâm đâu. Người quyết tâm thì đâu có chuyện nhỏ mà bỏ cuộc, phải không?”

Tôi dạ. Nhưng trong lòng vẫn thấy thương cảm cho Sung. Tôi đã mất đi một người bạn nhỏ rồi.



Vào một ngày cuối tuần thầy Thông Chánh tìm gặp tôi ở phòng khách, rủ tôi đi Vườn Dừa chơi. Ở xóm Vườn Dừa có chùa Phổ Tế do mấy ni cô coi sóc. Cũng như dân trong xóm, chùa trồng rất nhiều dừa, đủ loại dừa. Dừa là nguồn lợi chính của chùa. thỉnh thoảng các sư cô cho chở dừa lên cúng dường Phật học viện và các chùa có đông tăng hay ni chúng. Các thầy ở viện đều có quen biết sư cô trụ trì ở đây. Nhân dịp nghỉ, thầy Thông Chánh rủ tôi xuống thăm chùa Phổ Tế - luôn tiện ăn dừa xiêm một bữa cho thỏa! Dĩ nhiên là tôi không dám đi chơi với thầy. Lệnh cấm hãy còn nóng hổi, chuyện thầy An bị đòn nặng của

thầy tôi hồi tháng trước hãy còn đậm nét, chưa phai nhòa, làm sao tôi dám liều lĩnh cãi lệnh thầy tôi lần nữa! Thầy Thông Chánh thấy tôi sợ sệt và từ chối mãi bèn hỏi:

“Nói thầy nghe con sợ gì? Tại sao?”

“Dạ... trước đây con đi tắm giặt với thầy Châu nên bị thầy con cấm. Sau đó còn thường lên chơi với thầy An cũng bị cấm. Thầy An bị thầy con đánh phạt nặng lắm, rồi cấm tuyệt giao du với mấy thầy, chỉ được chơi với các điệu thôi.”

“Thầy Châu và thầy An khác, thầy Thông Chánh này khác chứ!”

Tôi cười nhẹ, lắc đầu:

“Thầy con nói cấm chơi với bất cứ thầy nào.”

“Nhưng trong lòng con có muốn đi chơi với thầy không?”

Tôi ngập ngừng một lúc rồi đáp nhỏ:

“Dạ... muốn.”

“Vậy là được rồi. Đề thầy xin phép thầy giám sự cho con đi chơi với thầy ngày hôm nay, chứ quanh năm suốt tháng ngồi học một chỗ như vậy sao chịu nổi! Cũng phải có giải trí hay du ngoạn gì cho khuây khỏa chứ!”

Tôi nghe vậy thì thất kinh, cảm thầy Thông Chánh:

“Thôi, thầy đừng xin phép làm gì mất công, coi chừng cả thầy và con bị đòn hết đó!”

Thầy Thông Chánh mỉm cười, quay đi, hướng thẳng về phía phòng thầy tôi, gõ cửa:



“A Di Đà Phật, thầy có rảnh không, bạch thầy?”

Tôi xanh mặt mày, chạy trốn phía sau bàn thờ tổ, nhưng cũng nghe được tiếng thầy tôi từ trong phòng vọng ra:

“Ai vậy?”

“Dạ con, Thông Chánh đây.”

Im lặng một lúc. Có tiếng lách cách, rồi cửa phòng thầy tôi mở ra. Rồi cánh cửa lưới quen thuộc kêu lên. Tôi biết thầy tôi đã ra khỏi phòng.

“Sáng sớm mà có việc gì vậy?” thầy tôi hỏi.

“Dạ, con muốn xin phép thầy cho chú Khang đi chơi với con sáng nay cho khuây khỏa, thấy nó học hoài tội nghiệp quá!”

Núp phía sau bàn thờ, tôi nghe thầy Thông Chánh nói vậy thì run cầm cập. Nhưng tiếng thầy tôi vọng tới nghe rất vui vẻ chứ không có vẻ gì khó chịu.”

“Nó mới tu thì để nó lo học là phải rồi chứ chơi chi cho nhiều.”

“Dạ, nhưng lâu lâu cũng cho nó giải trí chút, thầy ạ.”

“Thầy tính dẫn nó đi đâu vậy?”

“Dạ qua chùa Phở Tế ăn dưa.”

“Sương quá há. Tôi bận quá có được đi chơi như vậy đâu. Đi chừng nào về?”

“Bạch thầy, chắc cũng xế chiều mới về tới.”

“Vậy đi chơi vui vẻ há.”

Thầy Thông Chánh chào quay đi thì thầy tôi gọi lại, nói nhỏ giọng:

“Thông Chánh có rảnh thì hướng dẫn cho nó học với nha. Nó sáng sủa học nhanh nhưng giao tiếp thì khờ khạo, nhẹ dạ lắm, chẳng phân biệt được người nào tốt, người nào xấu, ai nói gì cũng nghe, cũng tin. Nếu Thông Chánh giúp tôi dạy dỗ nó thì còn gì bằng. Tôi đâu có thì giờ để theo dõi nó hoài được.”

“Dạ, thầy đừng lo. Con kèm nó được mà.”

Nghe được lời trao đổi giữa hai thầy, tôi sung sướng muốn trào nước mắt. Thầy Thông Chánh đi tìm tôi. Chờ thầy tôi vào phòng rồi tôi mới dám chui ra để tìm lại thầy Thông Chánh. Thấy tôi, thầy Thông Chánh cười cười nói:

“Xin phép được rồi. Yên tâm chưa? Đi được chưa?”

Tôi cười sung sướng, chạy về phòng lấy chiếc áo năm thân mặc vào, cùng đi với thầy Thông Chánh xuống Vườn Dừa. Đây là lần đầu tiên tôi được phép đi chơi ra khỏi chùa với một vị học tăng của viện. Điểm đặc biệt nhất của chuyến đi này là “*đi chơi*” và đi chơi công khai, có sự đồng ý của thầy tôi – những lần trước tôi ra khỏi viện chỉ là theo thầy tôi đi chân té hay làm lễ.

Chúng tôi đón xe lam đi được một khoảng đường rồi cuốc bộ từ quốc lộ vào Vườn Dừa, tìm đến chùa Phổ Tế. Sư cô trụ trì đang phơi vỏ dừa ngoài sân, thấy chúng tôi vào thì lật đật đứng dậy chấp tay chào, mời vào phòng khách. Tôi ngồi im nghe thầy Thông Chánh nói chuyện với sư cô một lúc. Rồi thầy Thông Chánh đi vào vấn đề chính

của cuộc viếng thăm này là “*ăn dứa*”. Sư cô trụ trì vui vẻ đưa hai thầy trò tôi ra vườn, sai một thanh niên Phật tử leo lên cây dứa xiêm, chặt nguyên một buồng dứa xuống, đem vào phòng khách cho chúng tôi. Sư cô mời chúng tôi vào phòng khách dùng dứa. Thầy Thông Chánh không chịu, đòi ăn dứa ngoài vườn cho mát. Sư cô bèn sai mang dứa ra lại ngoài sân, còn đem đến cho chúng tôi con dao lớn để bổ dứa nữa. Sư cô định giúp chúng tôi, nhưng thầy Thông Chánh nói:

“Thôi, sư cô lo làm việc chùa đi, để chúng tôi tự lo lấy cho tự nhiên.”

Rồi thầy Thông Chánh bổ dứa ra cho thầy, cho tôi. Hai thầy trò ăn uống một bụng dứa no nê rồi mới về. Trước khi về, thầy Thông Chánh vào gọi tiền cho sư cô trụ trì. Sư cô từ chối nhưng thầy cứ đưa, nói là để mua nhang đèn cho chùa.

Rời Vườn Dừa, chúng tôi không về viện ngay mà đi thẳng xuống biển Nha Trang, ngồi hóng mát cho đến chiều. Chuyến đi ngày ấy thật vui, thoải mái. Từ đó, tôi và thầy Thông Chánh trở thành đôi thầy-trò huynh-đệ thân thiết. Thầy ấy dạy tôi học thêm chữ Hán, tiếng Anh, luật Sa-di, kiểm soát bài vở tôi mỗi ngày. Thầy bắt tôi học dữ lắm, nhưng ngày nào, tuần nào cũng có giờ giải trí. Có sự dẫn dắt của thầy Thông Chánh, tôi tiến bộ rất nhanh. Mã cũng từ khi tôi công khai thân cận thầy Thông Chánh, các chú tiểu khác cũng được giải tỏa lệnh cấm. Chú Dững

công khai theo thầy Viên, chú kính theo thầy Đức, chú Sáng theo thầy Thông Nghĩa v.v...

Nhân một lúc vui, tôi có hỏi thầy quản chúng tại sao thầy tôi cấm các chú tiểu giao du thân cận với hàng tỳ-kheo nhưng rồi cuối cùng lại cho phép tôi theo thầy Thông Chánh. Thầy quản chúng nói vắn gọn một câu:

“Vì thầy con tin tưởng thầy Thông Chánh.”

Tôi nghĩ quý thầy đi tu thì ai cũng tốt như nhau hết chứ sao lại tin người này không tin người kia. Tôi thắc mắc hỏi tiếp:

“Tại sao chỉ tin thầy Thông Chánh mà không tin những thầy khác?”

“Vì thầy Thông Chánh là học tăng học giỏi nhất viện, lại cũng là học tăng có hạnh kiểm hàng đầu của viện. Chỉ có vậy thôi.”

Té ra là vậy. Thầy tôi đâu muốn làm khó gì tôi. Chẳng qua, giới luật là cái cồng rào, đóng hay mở là tùy theo mặt khách mà thôi. Tôi thầm cảm tạ thầy đã chọn lựa và tặng tôi một vị hướng đạo tốt, có ảnh hưởng rất lớn trong việc tu học của tôi. Vị hướng đạo này không chỉ là một vị thầy, một người anh, mà còn là một người bạn thân thiết nhất của tôi suốt thời làm tiểu cho đến khi trưởng thành.

## CHƯƠNG TÁM

Phật học viện Hải Đức là trường đào tạo học tăng trong lứa tuổi và trình độ của thầy Châu, thầy An, thầy Thông Chánh... chứ không phải cho bọn tiểu loi chơi như chúng tôi. Vì vậy, tiểu ở viện chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Sung lại bỏ về, bây giờ chỉ còn Sang, Thỏa, Thiệt, Xuân, Dũng, Kính, Thông, Sáng và tôi. Chín người. Trong số chín người đó, chỉ có bốn là xin theo học lớp Sơ đẳng Phật học tại Phật học viện Linh Sơn. Việc tham gia lớp học Sơ đẳng này không bị bắt buộc. Các chú Sang, Xuân, Thỏa thì thuộc lứa tiểu lớn; còn Thiệt và Thông (tuy cũng lớn nhưng trình độ thấp ngang chúng tôi) thì không muốn đi. Cho nên, mỗi chiều vào giờ phóng tham, chỉ có bốn đứa chúng tôi (Dũng, Kính, Sáng và tôi) cùng cuộc bộ từ viện Hải Đức đến viện Linh Sơn ở Cầu Dừa. Hai viện cách nhau chừng bốn cây số. Đi bộ khoảng hơn nửa giờ thì tới nơi. Ngồi nghỉ mệt đâu chừng nửa giờ nữa thì đến giờ học.

Ngày đầu, thầy quản chúng đưa chúng tôi vào lớp, những ngày kế, chúng tôi tự động đi học. Nhưng Phật học viện Linh Sơn có gần một trăm chú tiểu với nhiều lứa tuổi khác nhau, từ năm sáu tuổi cho đến mười sáu mười bảy tuổi, nên trình độ học của các chú rất chênh lệch, khó có thể có

được một trình độ học thống nhất và hoàn hảo. Ban giám học Phật học viện đã chia các chú tiểu ở đây thành hai, ba lớp. Có môn học chung, có môn học riêng. Thầy quản chúng của viện Hải Đức đảm trách môn Lịch sử Phật giáo tại đây vào một tối trong tuần. Ngày thầy ấy dạy, bọn tiểu ở Hải Đức chúng tôi theo thầy đi, rồi theo thầy về; còn những ngày không có thầy, chúng tôi đến học rồi xin ở lại cho đến trời mờ sáng mới về lại Hải Đức. Nguyên do phải xin ở lại chẳng gì khác hơn là sợ ma. Phật học viện Linh Sơn nằm ở vùng quê, chung quanh là ruộng. Từ quốc lộ vào đến viện Linh Sơn cũng mất hơn một cây số trên một con đường ngoằn ngoèo không có điện đường mà chỉ có những bụi tre hay những bụi rậm um tùm. Lúc đi thì mặt trời sắp lặn, trời hãy còn sáng, chúng tôi đâu có sợ gì nhưng lúc về thì đã tám, chín giờ tối, con nít như chúng tôi thực tình là chẳng dám đi. *Rừng nào cọp nấy* thôi! Ở viện Hải Đức cũng có những khoảng núi rừng rậm rạp, rần rít, khí, sóc v.v... nhưng chúng tôi đã quen, không thấy sợ. Các chú tiểu ở Linh Sơn thì quen thuộc với cảnh đêm của vùng Cầu Dừa. Cũng may là mỗi tuần chúng tôi cũng chỉ học có ba đêm với các mô Hán văn, Luật Sa-di và Lịch sử Phật giáo. Một đêm theo thầy quản chúng về, hai đêm kia mới ở lại. Tuy vậy, cũng có lúc mặt trời lặn sớm hay vì chúng tôi đi hơi trễ nên mới ngang khúc đường ruộng gần viện Linh Sơn thì mặt trời đã lặn hẳn, đường đi mờ mờ mịt mịt, chúng tôi

phải nín thở niệm Phật, niệm thân chú mà bước.

Có lần, Sáng đi chậm quá cứ lọt mãi phía sau, chúng tôi đi một chặp lại phải đứng chờ; Kính và Dũng bực quá liền bàn nhỏ với tôi là hèn nhau chạy để Sáng sợ mà chạy theo cho mau. Lúc đầu tôi không đồng ý, nhưng thấy chuyện này cũng là trò vui chứ chẳng hại gì nên khi Kính và Dũng vừa la lên “Ma” rồi vụt chạy trước, tôi cũng chạy theo. Ba đứa vừa chạy vừa cười, vừa ngoái đầu nhìn lại coi Sáng thế nào. Nhưng ông Phật con có tên là Sáng này cũng lì lợm. Thấy bọn tôi bỏ chạy trước, ông hơi nhóm chân một chút, tính chạy theo rồi lại đổi ý, cố gắng giữ bình tĩnh, niệm “*Án ma ni bát di hồng*” mà thủng thỉnh bước. Kính và Dũng thấy chuyện dọa ma không kết quả (vì chữ “ma” hãy còn trừu tượng, khái quát quá thì phải!) nên đứng lại từ xa, gọi lên những hình ảnh rõ rệt hơn:

“Có ai ngồi trong bụi tre ngó ra kia!”

Ông Phật con chưa nao núng, vẫn bước từ từ, nhưng niệm chú dồn dập hơn:

“*Án ma ni bát di hồng, án ma ni bát di hồng...*”

Dũng bèn chêm vào thêm một câu:

“Có con ma ngồi dưới ruộng le lưỡi lên kia!”

Ông Phật con vẫn chưa chịu chạy, nhưng chân bước nhanh hơn một chút, miệng niệm thầy chú lia lịa:

“*Án ma ni bát di hồng, Án ma ni bát di*

hông, Án ma ni bát di hông...”

Kính lại thêm vào hình ảnh khác:

“Có bà già ẵm con khóc sau lưng kia!”

Ông Phật con dợm mình một chút, niệm thật to câu thần chú để trấn át sợ hãi, “ÁN MA NI BÁT DI HÔNG!”, nhưng rồi hình ảnh một mẹ già ẵm con chạy theo phía sau, đưa bàn nhăn nheo ra khều ngoắc, có vẻ ghê khiếp quá khiến ông Phật con không sao bình tâm nổi, bèn... chạy. Thần chú cũng rơi rớt theo bước chân thành thịch. Kính và Dũng thấy Sáng chạy thì khoái trá lắm, vừa vườì nắc nẻ vừa chạy mau hơn vào cổng viện Linh Sơn. Tôi cũng phải bật cười theo, không sao kèm nổi.

Đó là trời chỉ hơi mờ tối thôi mà còn vậy. Sau giờ học là chín giờ đêm rồi, làm sao chúng tôi dám về. Đành phải ngủ lại đêm với gần một trăm chú tiểu khác.

Chùa Linh Sơn vốn là ngôi chùa do thầy Như Ý làm trụ trì. Sau, thầy vận động một số thầy khác cùng thành lập một Phật học viện Sơ đẳng để nuôi dạy các chú tiểu. Từ đó, chùa Linh Sơn trở thành Phật học viện Linh Sơn; và thầy trụ trì nhận chức giám sự cho Phật học viện. Ngoài chánh điện và Tổ đường đường rộng lớn, viện Linh Sơn còn có dãy hậu tổ, trai đường dành cho cách thầy và các chú sa-di lớn tuổi, có ba phòng khách tầng nằm phía sau; bên trái chánh điện là một tịnh thất có gác của thầy giám sự; bên phải chánh điện, cách một khoảng sân là phòng học và



một dãy nhà nhỏ gồm hai phòng ngủ; đi sâu vào trong là nhà bếp và phòng ăn nhỏ cho các chú tiểu. Phía sau dãy hậu tổ là một dãy phòng dài chia làm nhiều gian, mỗi gian có bốn giường ngủ nhỏ ở bốn góc; các gian được ngăn cách bởi một vách tường, nhưng các vách đều được chia làm hai để chừa một cửa cái không có cánh nằm ở giữa. Như vậy, từ đầu dãy có thể nhìn tới cuối dãy, không gì ngăn ngại. Vị quản chúng có thể đi tuần tra dễ dàng qua lối đi ở giữa dãy phòng này.

Cách chú tiểu ở Linh Sơn quá đông, có nhiều chú hao hao giống nhau làm tôi lẫn lộn hoài. Có vài chú mới bốn, năm tuổi. Chú lớn nhất là mười lăm, mười sáu tuổi. Sau giờ học, tôi ngồi ở thềm chánh điện nhìn sinh hoạt của viện Linh Sơn, thấy chú này chạy ra chú kia chạy vô, kêu réo, chọc ghẹo, cười giỡn, nạt nộ, la khóc, thưa kiện nhau... thật là lằng xằng, rộn ràng đến nhức đầu. Thầy giám sự ở đây ắt phải có tình thương bao la và tính nhẫn nại kinh khiếp lắm mới có thể chịu đựng nổi cả trăm đứa bé *quần thảo* thầy suốt ngày đêm. Thầy cũng phải tài giỏi lắm mới đưa viện Linh Sơn với trăm chú tiểu đủ lứa, đủ thành phần con cháu xã hội vào nề nếp thiền môn. Nhìn qua, thấy các chú ra vào tấp nập, xem có vẻ như không trật tự, nhưng kỳ thực, những sinh hoạt của các chú đều nằm trong khuôn khổ cả rồi. Sinh hoạt ở Phật học viện nào cũng vậy, giống như một trại lính. Kỷ luật, nội quy rất gắt gao. Tên lính ba gai nhất cũng phải vào khuôn mà tên lính

hiền nhất, có khi cũng nổi máu ba gai, phá kỷ luật như ai vậy. Nhưng phạm nội quy, phá kỷ luật, đôi lúc lại là cái dễ thương nhất của con người trong một trường hợp và thời gian nào đó trong đời.

Đêm đầu tiên ở lại, đang ngồi quan sát các chú, bỗng nghe keng báo ba tiếng. Có một chú lớn hơn tôi vài tuổi—chắc là chịu trách nhiệm “*tiếp khách*” với chức tri khách hay chúng trưởng, phòng trưởng gì đó của một dãy phòng—đến mời chúng tôi vào phòng tăng để ngồi thiền niệm Phật trước khi ngủ. Chúng tôi theo chú ấy vào dãy phòng lớn nhất của chúng tôi tại đây. Nơi đó, chúng tôi được sắp xếp nhường cho chỗ ngủ—vì chúng tôi ngủ lại đêm phải chiếm mất chỗ ngủ của vài chú tiểu nơi đây. Dù sao chúng tôi cũng là “*khách tiểu*” nên được nhường cho hai cái giường. Như vậy, Kính và Dũng chung một giường, tôi và Sáng chung một giường (Dũng và Kính không thích Sáng, còn tôi và Sáng dù sao cũng có ngủ chung trong phòng thầy tôi ở viện Hải Đức rồi). Chẳng có mừng gì cả. Ban đầu thấy các chú nhường chỗ cho chúng tôi phải lau nền xi-măng mà nằm, chúng tôi cũng ái ngại. Nhưng sau đó mới biết rằng không phải chỉ hai chú nhường chỗ mới nằm đất mà nhiều chú khác cũng bỏ giường xuống đất mỗi đêm vì các chú thích nằm vậy cho mát; hoặc có chú biết phận mình ngủ mê hay té xuống đất nên đã dọn sẵn nền đất mà nằm để khỏi mất công té đi đâu nữa. Cho nên chuyện mừng mừng cũng chẳng phải ở viện thiếu

thôn gì. Chỉ tại các chú muốn vậy mà thôi. Có nhiều lý do để khỏi giăng mùng lắm: thứ nhất, lười biếng; thứ hai, mỗi chú chỉ được cái giường nhỏ, nằm xoay qua xoay lại là đứt giây mùng mà khi giăng lại thì đình mắt, giây thiếu (có chú khác ăn cắp đình và gỡ giây của mình rồi!); thứ ba, phòng đông người lại kín gió, ngủ trong mùng nực nội không chịu nổi; thứ tư, nếu ngủ có đái mế thì chỉ cần lau cái nền đất thôi, khỏi phải lau giường hay giặt mùng.

Tôi hỏi hai chú nằm dưới đất gần chỗ mình nằm:

“Mấy chú nhường mùng cho tụi tôi nên không có mùng hả?”

Một chú trả lời:

“Đâu có, trong kho còn dư mùng để dành cho khách nữa mà. Treo mùng chi cho mệt!”

“Nhưng muỗi cắn chết đó!”

Chú khác nói:

“Xí, ở đây có bao nhiêu muỗi đâu. Trăm người ngủ ngoài mùng, muỗi chia nhau mỗi con một người thì cũng đâu có sao!”

Chú kia lại thêm vào:

“Vớ lại tụi này giăng mùng cũng như không thôi, ngủ mê rồi tay chân cũng thò ra khỏi mùng cho muỗi đốt. Vậy giăng làm gì cho phiền chó!”

Tính kỹ tới mức đó thì tôi cũng chịu thua, còn ý kiến gì để mà bàn góp nữa.

Nhưng chuyện mà tôi chẳng bao giờ quên

được nơi mái viện Linh Sơn là trò chơi nghịch ngợm của các chú tiểu tại đây mà tôi chứng kiến trong một đêm ngủ lại.

Trò chơi này không biết có xảy ra thường xuyên không. Chỉ biết là vào một trong những đêm tôi ngủ lại, trò chơi đã diễn ra sau giờ tham thiền niệm Phật, tức là đã đến giờ chỉ tịnh (ngủ). Có lẽ trò chơi này chỉ được bày ra trong dãy phòng lớn cách xa phòng thầy giám sự và các vị trong ban lãnh đạo Phật học viện. Bọn “*khách tiểu*” chúng tôi lúc đầu chẳng hiểu gì, nhưng trò chơi cứ tái đi tái lại, nên khờ mầy cũng thành quen thôi.

Đêm ấy, sau giờ niệm Phật, chúng tôi nằm xuống, nói chuyện nho nhỏ đôi lời rồi ngủ. Bỗng thấy đèn thật sáng lên khắp dãy phòng. Đèn của các gian buồng bắt chung một công tắc nên chỉ cần bật một cái là có thể thấp sáng hết cả dãy. Tôi tưởng là vị quản chúng hay chúng trưởng vào phòng tuần tra gì đó. Nhưng một chú tiểu nằm dưới đất, kê giường nằm của tôi, vọt chồm lên nói nhỏ với tôi:

“Chuẩn bị nghe, khi nào đèn tắt thì xích sát vào vách chứ không thôi tụi nó *uỳnh* đó.”

Tôi chưa kịp mở miệng hỏi lại cho rõ thì đèn tắt cụp một cái, tối thui, chẳng thấy gì nữa. Cũng lúc đó, có tiếng thụi nhau nghe bình bịch, thùm thụp... thỉnh thoảng lại có tiếng la lên “ui chao!”, “ái da!”. Rồi nhiều tiếng chân chạy rần rật qua lại trong phòng. Tôi đẩy Sáng xích vào

góc tường rồi ngồi che ở ngoài để bảo vệ chú ấy. (Sáng là ông Phật con lúc nào cũng lim dim niệm Phật bắt ấn mà, cho nên không bảo vệ ông thì ông bị đòn oan tội nghiệp!). Đâu chừng hai, ba phút thì đèn bật sáng trở lại. Tôi chỉ kịp thấy mấy chú nằm gần nhất rút người lại, giả đờ nằm ngủ. Vị trí ai nấy giữ. Có vài chú lui về chỗ nằm của mình không kịp, đứng xó rợ giữa đường hoặc giả đờ chậm rãi đi ngang qua các gian buồng, miệng cười tủm tỉm. Rồi bỗng thấy mấy chú đâu từ cuối dãy cùng đi ngang, nhìn rõ từng mặt người ở mỗi gian. Tôi đoán là những chú này bày đầu và kiểm soát trò chơi. Các chú ấy đang đi một vòng để nhìn xem ai nằm chỗ nào, người mình muốn đánh đang nằm ở đâu. Các chú đi dần đến chỗ cái công tắc điện. Ở đó có hai chú khác đứng sẵn, chắc là để bảo vệ và kiểm soát cái công tắc khi muốn bắt đầu hay kết thúc trò chơi. Các chú đứng lại nói chuyện to nhỏ với nhau gì đó. Tôi hỏi Hưng—chú tiểu khi nãy báo tôi biết về trò chơi—để biết tình hình thế nào:

“Xong chưa vậy?”

“Chưa đâu. Mới thử thôi. Chút nữa còn ác liệt hơn nữa, kéo dài hơn nữa.”

Nghe vậy, tôi ngó qua Kính và Dũng, dặn nhỏ:

“Nếu đèn tắt, hai chú ngồi sát vô góc kia nghe, còn không thì qua đây, bốn đứa ngồi chung một góc này, chẳng ai đụng đến đâu. Đi lộn xộn ở ngoài mới bị đòn.”

Nhưng Kính và Dũng cứ cười cười, nói nhỏ với nhau gì đó, trông chú nào cũng có vẻ thích thú và sẵn sàng để tham gia trò chơi. Bỗng nghe cụp một cái. Đèn lại tắt, trong phòng tối như mực, vài tiếng la ó lên như sợ hãi, chắc là tiếng của các chú nhỏ nhất (bốn, năm tuổi). Các chú ấy thì chẳng ai đánh đập đâu, nhưng biết có chuyện đánh nhau xảy ra trong phòng, các chú la lên để khỏi bị đánh nhầm mà thôi. Tiếng chân người chạy. Tiếng đấm nhau nghe thành thịch. Và những tiếng “ai da”, “ui chao” lại vang lên. Tôi và Sáng cứ ngồi yên một góc. Các chú nằm đất hình như đã chạy đi đâu rồi, chẳng nghe thấy tiếng. Dũng và Kính cũng rút vào góc thủ thế hay sao mà tôi chẳng thấy động tĩnh gì phía bên giường của hai chú. Tôi cố nhướn mắt soi thủng bóng tối để ít nhất cũng nhìn thấy những gì xảy ra gần chỗ mình nhất mà vô hiệu. Tối quá. Tôi đưa tay sờ thử trong góc xem Sáng có còn ngồi đó không hay đã bị tha đi rồi. Còn. Ông Phật con hầy còn ngồi trong góc, chắc là đang lim dim niệm Phật cho tai qua nạn khỏi! Bỗng có người quơ tay đấm vào ngực tôi. “Bịch, bịch”. Tôi lấy hai cánh tay ôm che lấy mặt và phàn trước ngực. “Bịch, bịch”, lại đấm nữa, thấu trên lưng tôi. Tôi hơi ngửa người ra sau, vung tay loạn xạ, đấm về phía trước. “Hự!”. Hình như trúng ai đó. Kẻ trước mặt chắc là bỏ chạy rồi, nhưng một người khác, rồi một người khác nữa xông vào, một kẻ chụp lấy chân tôi mà kéo, một kẻ đấm thành thịch trên

đầu, trên vai, trên lưng tôi. Cha! Đến nước này thì chắc là không cần phải nhịn nữa rồi. Tôi ráng chịu đòn, quờ quạng một lúc mới bắt được hai tay vào thành giường, tung mạnh hai chân về phía trước. Rầm! Nghe như tiếng có người té ngựa thì phải. Nhưng một người khác hãy còn xông vào đấm tôi. Lạ thiệt! Tôi đứng dậy, vừa gạt vừa đỡ lung tung, hướng về phía có hai cánh tay hăng hái vung về phía mình, một tay che ngang mặt, một tay đấm thẳng. Đấm theo kiểu các võ sĩ quyền anh. Đấm thẳng, chẳng quơ quào làm gì yếu lắm. Hự, hự. Đối thủ chịu không nổi, rút lui ngay. Tôi vội lui về phía góc giường, lại đưa tay sờ vào trong, kiểm tra ông Phật con còn ngồi đó không. Không! Chết rồi, ông Phật bị khiêng đi rồi! Tôi hốt hoảng kêu lên:

“Sáng! Sáng! Chú đâu rồi?”

Vừa lúc đó thì đèn lại bật lên, chói cả mắt. Tôi đảo mắt nhìn quanh thật nhanh trên giường mình và giường kế bên của Dũng và Kính. Chẳng thấy ai cả. Nhưng ông Phật con tên là Sáng kia thì đang đứng ở lối đi chính, tức là phía đầu giường tôi, hai mắt ông nhắm nghiền, hai tay quơ hung hỏ về phía trước như hai cặp chong chóng. Đèn bật lên rồi, chiến tranh đã kết thúc rồi, mà ông hãy còn nhắm mắt, quơ tay, miệng cười rất vui như thể chẳng còn gì trên đời vui bằng. Tôi kêu lớn:

“Sáng!”

Sáng giật mình mở mắt ra, thấy thiên hạ

chung quanh ai cũng đã “*ngưng chiến*” hết rồi thì mắc cỡ, chạy về lại chỗ nằm. Miệng hãy còn cười khoái trá. Một phút sau, Dũng và Kính mới khom người chạy về đến chỗ nằm, leo nhanh lên giường giả đồ nằm ngủ. Chắc là hai cậu đi *chinh chiến* ở phương xa mới về tới. Và chắc là có thầy nào nghe ồn, xuống kiểm tra. Cả phòng im phăng phắc. Có tiếng thầy la ở đầu dãy phòng. Tôi nằm xuống mà trong lòng hãy còn bàng hoàng. Té ra trận chiến trong cõi u u minh minh này lại lôi kéo được cả ông Phật con tham gia. Chẳng qua đó là một trò chơi thôi mà. Trò chơi thì phải vui, phải tích cực tham dự, ai đả mìn chẳng biết; trò chơi nó vô tư như vậy đó, đâu phải vì thù hận ganh ghét gì nhau đâu, chơi xong thì ngủ, có gì mà bận tâm chứ! Có tôi mới là kẻ lạc hậu chỉ biết thu vào một góc để tự vệ mà thôi. Tôi nằm im ngấm lại chuyện đã qua, bật cười một mình.



Thấy chúng tôi đi học xa mỗi ngày cực nhọc, thầy tôi đề nghị ban giám học Phật học viện Hải Đức tổ chức thêm một lớp sơ đẳng Phật học có chương trình tương đương với chương trình của Phật học viện Linh Sơn. Như vậy, dù chúng tôi không đến Phật học viện Linh Sơn để học mỗi ngày, vẫn có hồ sơ học bạ do Phật học viện Linh Sơn cấp nếu hoàn tất chương trình của lớp. Lớp chỉ có bốn môn chính là Lịch sử Phật giáo, Giáo



lý Phổ thông, Phật học Sơ đẳng Giáo khoa thư (bằng chữ Hán) và Bạch thoại (tiếng Phổ thông Trung Hoa). Thành phần học tăng của lớp này không nhiều, chỉ loanh quanh các chú tiểu ở viện Hải Đức và các chùa lân cận, tất cả khoảng mười lăm, mười sáu người. Lúc ấy ở viện có thêm bốn chú mới vào, hơi lớn tuổi, là Tâm, Hải, Lâm, Minh. Ở chùa Phước Điền lên học có hai chú là Đạo và Cửu. Chùa Tĩnh hội qua học có chú Thân và chú Tùng.

Phòng học của viện không có giờ trống cho lớp chúng tôi sử dụng vì vậy thầy quản chúng đã huy động bọn tiểu chúng tôi dọn cái nhà tôn (vốn là nhà kho, chứa những vật linh tinh để trang hoàng cho các đại lễ) ở gần tháp chuông cũ mà làm phòng học. Nhờ có nhiều cửa sổ, và cũng nhờ nằm ở chỗ thoáng trên núi, phòng học được mát mẻ chứ không nóng bức như những nhà tôn thường.

Tôi hăng say tham dự lớp học, càng học càng thấy hứng thú. Lại có sự hướng dẫn tận tình của thầy Thông Chánh, tôi học vượt hơn và đi trước chương trình của lớp học. Vì vậy mà tháng nào tôi cũng đứng đầu lớp. Thầy tôi biết được thì hài lòng lắm.

Nhưng có người không thích, hay có thể nói là người ấy ganh tỵ đối với việc tu học của tôi. Ông ấy tên là Túy, làm việc trong văn phòng giám học của trường Võ Tánh, thường có mặt mỗi tuần một ngày để phụ giúp thầy tôi làm sổ

sách cho viện Hải Đức; nghe thầy tôi nói về tôi cũng như khen tôi có chí xuất gia, dám trốn nhà để đòi đi tu, ông nói:

“À, thì ra chú ấy là con của ông bà Đàn sao” vừa nói ông vừa cười mĩa mai.

Ở đời ông không dám tranh giành hay ganh tị gì với địa vị của ba tôi, nhưng đối với việc đạo, ông muốn ông và gia đình phải vượt trội hơn những phật-tử khác thì phải. Ông không có đứa con nào xin đi tu cả, mà có bắt buộc chúng đi tu chúng cũng không chịu. Ba mẹ tôi vừa có địa vị ngoài xã hội, trong đạo lại được nhiều Tăng Ni quý mến, đã vậy còn có một đứa con đi tu được thầy khen ngợi, ông không kèm được chút tị hiềm nhỏ mọn của một người đàn ông công chức cấp thấp vốn có cái miệng nhỏ và đôi môi thật mỏng, khi nói thì vụng vạo như cố gắng phân trần về cuộc đời khổ lụy của mình. Ông nói:

“Chú ấy đi tu đâu có gì hay đâu thầy. Con biết chú ấy rành lắm. Hồ sơ, học bạ của chú con nắm hết mà thầy. Ôi chao, chú này hoang nghịch lắm thầy ơi. Cứ trốn học rồi đội sổ hoài, học đâu có nổi. Con nghĩ chú ấy chán học quá nên đòi đi tu chứ có phải là có chí hướng xuất gia gì đâu!”

“Thầy tôi cười nói:

“Đừng có lo. Đâu phải không thích học thì vào chùa để rồi khỏi học. Ở chùa còn học nhiều hơn gấp bội mà học suốt cả đời nữa kia. Chương trình học của các chú, các thầy trẻ, lúc nào cũng gấp đôi những người ngoài xã hội. Ai nghĩ rằng

vào chùa để khỏi đi học là lắm to đó bác. Sau này khi hoàn tất khóa Sơ đẳng Phật học rồi, chú ấy sẽ vào Phật học viện Trung đẳng, ở đó chú sẽ vừa đi học văn hóa ở ngoài như bao học sinh khác mà cũng vừa học chương trình Phật học trong viện nữa. Sáng thì học trường đời, chiều thì học trường đạo. Có khỏi học được đâu. Nhưng tôi nghe các thầy báo cáo là chú ấy học giỏi lắm mà, tháng nào cũng đứng đầu lớp. Mới đi tu mà vậy là sáng lắm.”

“Nhưng... ai đi tu con còn thấy quý chứ chú ấy đi tu con thấy nghi nghi cái gì đó. Hình như là học dở quá, chán quá mới đòi đi tu cho thoát nợ vậy thôi.”

Thầy bật cười nói:

“Những người có duyên với đạo thì thường khi không có duyên với đời. Cũng trường học, cũng giáo sư, cũng bạn bè, nhưng khung cảnh học đường ở đời có thể không làm cho chú ấy thích. Nếu thực sự chú ấy là một đứa bé không có tâm hiếu học thì vào đây chú ấy sẽ không muốn học, có học cũng học dở chứ không giỏi được. Đàng này, thực tế cho thấy trái ngược. Bác đừng có lo mà, chú ấy không những có khả năng tu tập hạnh kiểm rất tốt mà còn siêng năng thích thú việc học hành nữa là khác.”

Thầy tôi đã nói vậy mà ông Túy vẫn chưa vừa lòng, cứ đĩnh ninh một giọng là tôi chỉ muốn trốn học nên vào chùa. Thấy vậy, thầy Tín, một thầy học tăng của viện cũng ngồi trực tại phòng

khách, đâm bực, bèn mạn phép lên tiếng:

“Cái vòng lẩn quẩn của thế gian không phải ai cũng thích đi vào đâu bác ạ. Cho dù nó là đũa lười biếng, lêu lổng ngoài đời, nhưng khi nó quyết tâm chọn con đường xuất gia rồi thì có thể coi như nó đã có chí hướng, có cách chọn lựa khác thường của nó. Cách chọn lựa đó là cách chọn lựa khôn ngoan, hợp với đạo mà không phải rằng ai cũng có thể có được đâu. Nếu bác học đạo lâu năm, bác sẽ thấy rằng thực ra cả thế gian này cũng cần phải bỏ quách cho xong chứ nói chi chuyện bỏ học, bỏ trường!”

Bấy giờ ông Túy mới cười bẽn lễn mà im luôn. Thầy Tín đã kể lại cho tôi nghe cuộc nói chuyện tại phòng khách hôm đó. Thầy ấy khuyên tôi đừng để ý chi chuyện ganh tị nhỏ nhen của người đời, cứ hết lòng tu học là được rồi. Thực ra tôi cũng chẳng có thì giờ và tâm trí để quan tâm chuyện đó. Tôi có nhiều bài vở để học lúc ấy. Nhất là những bài mà thầy Thông Chánh kèm dạy thêm cho tôi ngoài chương trình lớp học.

Tháng sau, thầy tôi cho cả lớp học biết trước rằng theo chương trình giáo dục của Giáo hội trung ương đề ra, sẽ có nhiều Phật học viện Trung đẳng của các tỉnh đồng loạt khai giảng vào tháng chín năm nay, tức là còn khoảng bảy tháng nữa. Điều kiện nhập học là trình độ trung học đệ nhất cấp, học xong hai thời kinh công phu, giáo lý phổ thông cơ bản và ít nhất là hai cuốn luật tiêu. Các chú tiêu tốt nghiệp Phật học viện Sơ

đăng thì được chuyển thẳng lên Phật học viện Trung đẳng, không cần phải qua kỳ thi khảo hạch. Nghe vậy, lớp học chúng tôi mừng khắp khởi, chú nào chú nấy hăng say lo học để được thầy tôi lập danh sách chuyển trường. Có thể nói rằng lớp tôi là một lớp học “*cấp tốc*”. Chương trình Sơ đẳng Phật học nếu học kỹ thì phải hết bốn năm, còn rút ngắn thì cũng phải hai năm; đăng này, lớp chúng tôi chỉ rút gọn trong vòng nửa năm là lấy chứng chỉ tốt nghiệp Sơ đẳng của Phật học viện Linh Sơn để được chuyển đi.

Chương trình học như vậy đã bao hết thì giờ của tôi trong ngày khiến tôi và thầy Thông Chánh chỉ rảnh có giờ phóng tham để thầy dạy tôi học thêm chữ Hán và các giáo lý phổ thông ngoài chương trình của lớp. Chuyện đưa tôi đi chơi cuối tuần hay đi phố mua sách đã phải giảm xuống, lâu lắm mới có một dịp.

Loay hoay bận rộn với chuyện học hành, tôi gần như quên mất ngày tháng trôi qua rất nhanh. Đến khi mẹ tôi mang đến cho tôi một gói quà nhỏ, một tấm thiệp và một bài thơ, tôi mới giật mình biết rằng tôi đã xuất gia được một năm.

Mẹ tôi đem quà cho tôi mà không có thì giờ nói được gì với tôi cả. Hình như mẹ lên viện từ sáng sớm nhưng không gặp tôi được, mẹ thăm quý thầy, rồi xuống bếp phụ giúp các dì vải, ở lại chơi suốt ngày để chờ có dịp gặp tôi. Ban ngày tôi bận học bài, coi nhà, rồi xế chiều tôi lại có giờ học trong lớp. Khi tôi tan lớp thì mẹ sắp phải sửa

rời viện để về, chỉ nói một câu ngắn gọn:

“Con xuất gia được một năm rồi đó. Mẹ mua quà cho con để kỷ niệm.”

Tôi cầm gói quà nhỏ của mẹ, chẳng biết nói gì. Tôi chỉ cười rồi ngồi yên đó. Mẹ tôi cũng ngồi yên một lúc rồi cáo từ mà về. Tôi không dám đưa mẹ tôi đi ra xa khỏi khu vực phòng khách vì có thầy tôi ngồi ở đó. Chờ mẹ đi khuất sau dãy Tổ đường, tôi mới đem cất tạm gói quà vào va-li rồi đi quanh đường khác, xuống dãy nhà bếp, nhìn qua con đường Hoàng hôn: dáng mẹ tôi với chiếc áo dài lam ẩn hiện giữa những hàng cây rợp bóng.

Từ ngày tôi xuất gia, mẹ tôi đã cất hết những chiếc áo dài với hàng lụa tốt và màu sắc rực rỡ. Bà còn ăn chay, tụng niệm nhiều, sống đơn giản hơn, để âm thầm chia sẻ với những khổ nhọc của đứa con trai nhỏ ở chùa. Ba tôi trong một lúc xúc cảm ngồi bên tôi, đã cho tôi biết như vậy.

Mẹ tôi bước từng bước chậm trên con đường ngập nắng hoàng hôn. Xưa nay bà vốn vậy, đi đứng lúc nào cũng chậm rãi, thông thả, như một kẻ suốt đời nhàn du qua cuộc dâu bể của trần gian. Tôi nhìn theo dáng mẹ mà thấy băng khuâng trong lòng. Tại sao tôi lại không nói được với mẹ lời nào nhỉ? Phải chăng tôi đã trở thành một chú tiểu và không còn là đứa con của mẹ nữa sao? Lâu lâu mẹ mới lên viện một lần, vậy mà lần gặp gỡ chiều nay, chỉ là để nhìn tôi, trao cho tôi

món quà nhỏ ấy thôi. Tôi thấy tôi nghiệp cho mẹ quá. Dù rằng mẹ còn có mười ba đứa con khác để biểu lộ thương yêu, nhưng thiếu sự biểu lộ thương yêu một cách bình thường đối với tôi, chắc mẹ cũng buồn, cũng khó chịu trong lòng.

Chờ mẹ khuất hẳn ở cuối con đường đời, tôi mới xoay qua lo việc dọn cháo chiều cho thầy. Sau đó thì đến giờ ăn cơm của bọn tiểu chúng tôi. Không có thời gian rảnh nào để tôi mở gói quà của mẹ. Sau giờ ăn là giờ phóng tham, tôi phải đến phòng thầy Thông Chánh để lo trả bài và nghe giảng bài mới. Xong giờ học này, tôi lại có lớp tối gần hai tiếng đồng hồ. Tan lớp, tôi trở về phòng mới nhớ sự lại gói quà chưa mở ra của mẹ. Không có phòng riêng, tôi mang gói quà ra cột cờ trước chánh điện, nơi có hai ngọn đèn vàng rất sáng từ hai bên lối đi rọi đến. Tôi run run mở gói quà được gói rất đẹp và cẩn thận do chính tay mẹ. Dưới lớp giấy bao là một cái bì thư nhỏ, bên trong là một tấm thiệp nhỏ không hình ảnh, mà là một bài thơ, phía dưới ghi rõ ngày xuất gia của tôi cũng như ngày kỷ niệm của năm nay. Món còn lại là cái hộp giấy mà tôi đoán là bánh hay kẹo gì đó. Tôi mở ra xem. Tôi đoán không sai. Bánh dẻo. Một hộp bánh dẻo, loại bánh mà người ta thường bày bán vào dịp Tết Trung Thu. Chắc mẹ tôi cũng đắn đo suy nghĩ trước khi chọn quà cho tôi. Mua quà cho thầy tu rất khó, ngoài chuyện mua trà, sách vở, tranh, bút... chẳng biết mua gì khác hơn. Thầy tu là kẻ từ bỏ thế gian mà,

vậy thì có món quà nào của thế gian làm cho họ vui đâu! Huống chi ở Phật học viện này mỗi người đều có tiêu chuẩn cơm ăn áo mặc nhà ở, v.v... hàng tháng, hàng năm rất đầy đủ, biết biểu tặng cái gì cho vừa lòng họ! Cũng may tôi là ông thầy tu rất nhỏ nên việc mua quà của mẹ không đến nỗi quá khó. Mẹ mua cho tôi hộp bánh dẻo. Thực tế vậy thôi! Con nít mà, tu rất quý, nhưng ăn cũng quan trọng lắm! Hộp bánh dẻo *Bảo Hiên Rồng Vàng* rất thơm. Người cũng đã thấy thèm rồi nói chi cắn từng miếng nhỏ mà nhai, dẻo ơi là dẻo!

Nhưng tôi không ăn vội, tôi đọc tám thiệp có chép bài thơ của mẹ cái đã. Mẹ tôi là thi sĩ mà. Bà làm thơ từ năm mười bốn tuổi, đã cùng dì Mộng Tuyết, dì Thụy An kết nghĩa chị em thành ba nữ sĩ của ba miền (nữ sĩ Thụy An miền Bắc, nữ sĩ Mộng Tuyết miền Nam, mẹ tôi, Trinh Tiên, miền Trung). Thơ bà đã in thành tập, phát hành rộng rãi, nhất là tập thơ đạo có tên *Hương Đạo Hạnh* đã được giới tu sĩ và cư sĩ đón nhận nồng nhiệt. Bà làm thơ tặng các chùa, các thầy, các sư cô, tặng những dì vải, tặng chú Đông làm công quả, tặng con mèo ăn chay, tặng những cánh phong lan của viện. Nơi nào có người tu, nơi đó có mặt mẹ, nơi nào có mặt mẹ, nơi đó có thơ. Vậy thì làm sao bà có thể thiếu được một bài thơ cho đứa con trai nhỏ nhân ngày kỷ niệm một năm xuất gia của nó chứ! Bài thơ có tựa đề “**Chiều Thu Thăm Con Ở Chùa**”:



*“Đôi mùa thu trái lá  
Non tây hút mặt trời  
Sương lành thấu nắng ngã  
Chương chùa ngân chơi vui...*

*Dưới thấp bước lên cao  
Me để thành phố lại  
Bỏ sắc đời hư hao  
Quên chuyện đời khôn dại...*

*Bằng hai bàn tay không  
Me ôm đầy tâm niệm  
Khuyên con luyện chí đồng  
Me quỳ dâng mặt nguyện...*

*Trở về cao xuống thấp  
Sương sớm lá thu vàng  
Trên đời như nai nhỏ  
Áo nhật bình màu lam.”*

Dù tôi có mặc đồ tây hay khoác áo nhật bình màu lam, trong mắt mẹ, tôi vẫn là một con nai nhỏ, đứng trên đồi đồi mắt nhìn theo dáng mẹ khuất dần ở xa.

Ngày hôm sau, trong bốn cái bánh dẻo, tôi đem biếu thầy Thông Chánh một cái, chia cho các chú tiểu hai cái, và ích kỷ giữ lại một cái cho riêng mình để ít nhất cũng ăn một cách trân trọng mà đáp lại tấm lòng của mẹ. Mẹ tôi thường thi vị hóa cả những cái rất tầm thường hàng ngày. Tôi

## VĨNH HẢO

nghĩ chắc bà cũng muốn tôi ăn cái bánh dẻo để tự nhắc mình trau luyện ý chí cho bền dẻo mà tu học. Chỉ trong ngày ấy thì bánh hết. Nhưng bài thơ và sự khích lệ ý vị của mẹ thì còn mãi.



## CHƯƠNG CHÍN



Đang tu học yên ổn và vui vẻ với bạn học cùng lớp cũng như dưới sự hướng dẫn tận tình của thầy Thông Chánh, bỗng có tin là tôi phải cùng chú Thiết theo thầy tôi và một thầy học tăng trẻ khác qua ở chùa Linh Phong. Chùa này cũng ở trên đỉnh đồi Trại Thủy, nhưng nằm trên cánh khác của ngọn đồi. Theo địa lý thì đồi Trại Thủy có hình thù của một con dơi. Chánh điện Hải Đức nằm trên đầu dơi, còn chùa Linh Phong mà chúng tôi sắp đến thì nằm ở cánh phải. Cánh phải này đâm ra phía Mả Vòng, sát với quốc lộ số I. Như vậy, từ quốc lộ rẽ vào con đường đưa đến cổng chính Phật học viện Hải Đức, người ta phải đi ngang chùa Linh Phong. Đã có nhiều lần đi ngang

đây, nhìn thấy ngôi chùa Linh Phong này từ xa, trên núi cao, tôi không để ý lắm. Không ngờ nay tôi trở thành một chú tiểu của chùa đó.

Nguyên xưa kia, trên trăm năm trước, ngôi chùa này còn là một ngôi miếu thờ Quan Công do một số người Hoa lập nên. Sau, có một vị sư già pháp hiệu là Phổ Tế từ Huế vào, nhận lời trụ trì và cải đổi ngôi miếu thành ngôi chùa, đặt tên là *Linh Phong Cổ Tự*. Nhưng người ta vẫn quen gọi chùa này là *chùa Núi* cho gọn thay vì gọi bằng cái tên dài dòng mà Hòa thượng Phổ Tế đặt cho. Sau mấy mươi năm trụ trì, Hòa Thượng Phổ Tế cất một thiền thất gần chùa rồi ẩn tu, không tiếp xúc tục khách nữa. Ngôi chùa vì vậy thiếu người trông nom. Các phật-tử người Hoa không mời được thầy về thay thế vị hòa thượng già, bèn nhờ cậy phật-tử Việt tại đại phương xóm Xưởng, tức xóm nhà nằm giữa chùa Núi và Phật học viện Hải Đức. Những phật-tử này cử người lên viện thỉnh cho được thầy tôi sang trụ trì. Vì đang bận lo nhiều Phật sự ở viện cũng như nhiều chùa khác nên tuy nhận lời, thầy tôi không có mặt thường xuyên tại chùa Linh Phong được. Đó là lý do thầy tôi đem theo một thầy học tăng trẻ và hai chú tiểu để phụ giúp trông coi công việc của chùa.

Đã sống ở viện yên ổn, chẳng ai muốn dời qua sống tại một ngôi chùa nhỏ bao giờ. Nhưng thầy học tăng trẻ kia vì ở ngoài Huế mới vào chưa có chỗ ở ổn định, nên nghe nói thầy tôi mới nhận chùa liền xin đi theo. Còn chú Thiệt là một

chú tiểu ngoài Phú Yên vào, học cùng lớp tôi, xin đi theo vì muốn có thay đổi. Chỉ có tôi là không tự chọn chuyện đến chùa Linh Phong này; tóm lại, tôi bị thầy tôi chỉ định.

Tôi thực tình là không muốn đi, nhưng làm sai dám cãi lệnh thầy. Tôi có hơi bất mãn trong lòng khi thầy tôi quyết định đưa tôi sang một ngôi chùa nhỏ, bắt đầu một cuộc sống mới với những sinh hoạt tuy rằng cũng tu cũng học, nhưng không gian có vẻ như thu hẹp lại ở mọi chiều khiến cho tâm hồn trở nên nhỏ bé, tù túng, rất khó chịu.

Ngày rời viện để qua chùa Linh Phong, tôi muốn khóc. Tôi có cảm giác như bị lưu đày. Thầy Thông Chánh an ủi:

“Bên đó bên này có xa gì nhau đâu, cũng cùng trên một núi thôi mà!”

Mỗi chiều vào giờ phóng tham, thầy Thông Chánh từ viện qua chùa Linh Phong để dạy kèm cho tôi. Dù sao thầy Thông Chánh cũng được tự do hơn tôi nên thầy phải tìm đến trò để dạy chứ không phải ngược lại như thường lệ.

Ngày đầu tiên đến chùa Linh Phong, thầy trò chúng tôi bốn người lo dọn dẹp, quét tước suốt ngày. Đến tối thì chỉ có thầy tôi là có chiếc giường sắt nhỏ để nghỉ đêm, còn thầy học tăng kia (pháp danh là Trùng Hùng) ngủ trên bộ ván gỗ. Chú Thiệt và tôi thì treo mình ngủ dưới đất. Lúc đó chưa có dãy Đông nên bốn thầy trò tập trung ngủ tại nhà Tây. Điện của nhà Tây cũng

chưa hắt hay đã bị cháy bóng rồi nên phải thắp đèn dầu đêm ấy. Đêm buông xuống thì tối mịt tối mờ, y như ở nhà quê vậy. Ở mặt trước của chùa có bốn cây me cổ thụ trên trăm tuổi, ban ngày thì tỏa bóng mát rất lý tưởng, nhưng ban đêm có bước ra ngoài để tiểu tiện thì cũng phải rùng mình, kinh sợ cái dáng hùng vĩ mà âm u của chúng. Tưởng cũng cần nói thêm ở đây một chuyện không được thơ mộng nhưng lại là nét đặc biệt không thể bỏ qua của chùa Linh Phong: chùa không có cầu tiêu. Có lẽ vì xưa kia, nơi đây chỉ là một cái miếu thờ Quan Thánh của người Hoa, lâu lâu người ta mới thắp nhang, xin xăm, xong chuyện thì về nhà, có ăn uống hay ở chơi lâu đầu mà nghĩ đến chuyện “lớn”. Đến khi thỉnh được Hòa thượng Phổ Tế, người ta cũng không nghĩ đến chuyện xây cầu tiêu, vì Hòa thượng có ăn uống bao nhiêu đâu, lại sống đơn giản nữa, chẳng bao giờ đòi hỏi gì hết, nên người ta cũng lờ luôn chuyện xây cái cầu tiêu tiêu chuẩn. Như vậy, đã hơn trăm năm rồi, nơi đây không có cầu tiêu. Nhấn mạnh điều đó để tự an ủi rằng không phải chỉ có thầy trò chúng tôi mới chịu cái thiệt thòi, bất hạnh này.

Ngày đầu, tôi thắc mắc là cầu tiêu ở đâu. Tôi hỏi chú Thiệt, chú bảo tôi đi theo chú xuống ngõ bếp. Tôi tưởng cầu tiêu nằm phía sau nhà bếp, không ngờ đến ngang cửa bếp, chú lôi ta từ trong góc một cái cuốc, đưa tôi, nói tỉnh bơ:

“Cầu tiêu nè!”

Vậy mà thằng bé ít khi bị chê là ngu độn như tôi cũng không hiểu nổi, cứ hỏi:

“Là sao?”

Chú Thiệt cười ngặt nghẽo một lúc mới giải thích cho tôi hiểu. Té ra là vậy! Phải cuốc đất lên, làm một cái lỗ vừa phải đầu đó ngoài núi, nơi chỗ khuất, xong việc thì lấp đất lại, kiểu như mèo vậy. Khổ nổi, dù chung quanh chẳng ai dòm ngó, cũng có cảm giác xấu hổ khó chịu, chẳng sao thoải mái được. Chuyện “*đi ngoài*” lâu nay đã là chuyện phiền, bây giờ lại càng phiền hơn.

Cầu tiêu là cái quan trọng, thiết yếu nhất mà người ta còn không chịu xây nói gì là cái buồng tắm. Cho nên, thường thường, chúng tôi phải chờ đến tối mới xách nước ra sau hiên bếp mà tắm. Chẳng có vách che, nhiều khi gió núi thổi mạnh run mà cũng đành chịu.

Vài hôm sau, có Phật tử dưới xóm lên đào một cái hố lớn phía sau núi để làm cầu tiêu cho chùa. Trên miệng hố, người ta có bắc ngang một tấm ván dày. Cầu tiêu đơn giản như vậy thôi nhưng dù sau cũng thơm tắt và có vẻ ổn định hơn là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Quanh miệng hố hãy còn um tùm cây cỏ, như vậy cũng đỡ, không bị mang tiếng là trắng trợn. Tuy nhiên, con đường dẫn từ nhà bếp ra đến cầu tiêu đã chiến này thì ngoằn ngoèo, người đi dễ bị lạc vào ban đêm. Cũng từ cái ngoằn ngoèo, nó khiến người ta bước đến cầu tiêu một cách đột ngột. Nghĩa là nếu có ai ngồi sẵn

nơi đó thì người đến sau chẳng làm sao mà biết được. Thậm chí người ngồi sẵn nơi đó cũng chẳng biết là có một người khác đang tiến về phía mình. Đang bước vòng qua vòng lại theo con đường bỗng dừng một cái: tới cầu tiêu. Nếu đã có người thì “A!” lên một tiếng, người kia cũng “A!” một tiếng, kẻ lật đật quay lưng, người đỏ mặt đỏ mày lo ần nấp, che giấu cái đồ mà ai cũng có. Lỡ một lần như vậy rồi nên thầy Trùng Hùng dặn chúng tôi:

“Lần sau có ra cầu tiêu phải nhớ tăng hắng mấy tiếng trước cho người ta biết. Đừng có làm thình lủi lủi mà đi như vậy. Xón xa xón xác chẳng chịu ngó trước ngó sau gì hết!”

Dù đã dặn dò kỹ như vậy, thầy Trùng Hùng cũng chưa yên tâm. Mỗi lần *có việc* phải ra cầu tiêu, thầy luôn mang theo một tờ báo. Lỡ có ai lò mò ra cầu tiêu khi thầy đang có mặt ở đó thì thầy vừa tăng hắng vừa mở báo ra mà che. Trông thì có vẻ như đang thông thả đọc báo vậy thôi chứ thực ra ai mà muốn ngồi lâu nơi đó! Sau này, mỗi lần thầy Trùng Hùng đi *có việc* mà tôi có hỏi tới thì chú Thiệt trả lời rằng:

“Thầy đi đọc báo rồi.”

Chú Thiệt lớn hơn tôi ba, bốn tuổi, lại là dân nhà quê đã quen việc ruộng rẫy nên biết rất nhiều việc từ lớn đến nhỏ trong chùa, ngay cả việc bếp núc là việc mà tôi cứ đinh ninh phải là việc của những người đàn bà. Ngày đầu tiên, chúng tôi lo dọn dẹp, có mấy cô phật-tử dưới



xóm lên nấu cơm và thức ăn. Qua hôm sau, mấy cô không lên nữa, chú Thiệt xắn tay nấu cơm. Thầy Trùng Hùng thì nấu thức ăn, kho đậu hủ, xào cải với nấm rơm, nấu canh khổ qua, đủ món cả, ăn rất ngon. Thầy Trùng Hùng chỉ nấu một lần, sau đó thì giao cho chú Thiệt và tôi phụ trách luôn chuyện bếp núc hàng ngày. Giao chú Thiệt thì không sao, giao tôi thì tôi chết cứng. May sao chú Thiệt cũng vui vẻ làm hết. Được ngồi khác ngưỡng mộ sự lịch lãm của mình cũng là một niềm vui lớn của con người mà.

Đến giờ nấu cơm, tôi xuống bếp theo chú Thiệt mà chỉ đứng lớ ngớ chứ chẳng biết làm gì. Tôi hỏi chú Thiệt:

“Sao chú biết nấu cơm hay vậy? Tôi không biết nấu cơm chú à.”

“Không sao, để tui nấu, chú làm việc khác, phụ lật rau, rửa rau được rồi.”

Chú nói vậy tôi mới an tâm. Nhưng chừng một tuần lễ sau thì chú Thiệt đậm mạnh—chắc thấy rằng không biết gì như tôi thì sướng quá—rồi chú thưa với thầy Trùng Hùng rằng chuyện nấu ăn phải chia phần chứ chú không chịu nấu hoài. Sau tuần đầu, thầy tôi chỉ có mặt tại chùa Linh Phong vào mỗi chủ nhật, nên bao nhiêu việc ở chùa đều do thầy Trùng Hùng quyết định. Thầy Trùng Hùng nghe chú Thiệt đề nghị hợp lý quá, chấp nhận ngay. Vậy là chia phần, chú Thiệt nấu một ngày, tôi nấu một ngày. Trong sự quyết định của thầy Trùng Hùng cũng như chú Thiệt, tôi

thấy cái vẻ cay cú hiểm ác muốn hành hạ tôi cho bỏ ghét chứ chẳng phải bình thường. Họ biết tôi rất khổ sở khi phải chịu trách nhiệm loay hoay một mình dưới bếp để lo ba bữa ăn trong một ngày. Nếu họ muốn tập cho tôi nấu thì cũng phải hướng dẫn tôi nấu tận tình và cần một thời gian cho tôi thực tập chứ đâu phải đột ngột quyết định chia phiên như vậy. Hẳn là họ mong đợi tôi ôm nôi xoong mà khóc dưới bếp mới hả dạ!

Điều khổ thêm cho tôi là vào buổi sáng đầu tiên đến phiên tôi nấu, thầy tôi từ viện qua chùa Linh Phong thật sớm. Có lẽ ngày ấy thầy tôi rảnh việc bên viện. Thấy thầy qua, tôi càng lo sợ hơn, vì buổi điểm tâm đầu tiên do tôi dọn sẽ có thầy tôi thưởng thức nữa. Nhưng tôi đã nấu xong rồi, chẳng biết làm sao khác hơn. Tôi cứ dọn. Món này đối với tôi thì khỏe lắm, không tốn nhiều thời gian, lại ngon nữa: cơm chiên. Chỉ khổ là thầy tôi sẽ không dùng được. Cơm hôm qua chú Thiệt nấu còn dư (một phần do tôi cố ý ăn ít lại một chút để có cơm thừa), hôm nay tôi đem chiên lại mà ăn. Món cơm này kể ra thì chẳng khó khăn gì. Bắt chảo dầu lên, chờ sôi. Thay vì khủ tỏi, khủ hành như ở nhà thờ khủ “*ba-rô*” (chú Thiệt đọc như vậy. Tiếng Pháp là *boireau*, giống như hành lá nhưng củ và lá lớn hơn nhiều. Ở chùa dùng *boireau* thay hành tỏi là những thứ bị kiêng). Sau đó đổ cơm vào, xào, xáo, trộn qua trộn lại sao cho cơm thấm dầu đều hết rồi nêm muối, bột ngọt, tiêu. Lại trộn đều. Để một lúc cho cháy dòn tí xíu

dưới đáy chảo càng ngon. Vậy là xong.

Cơm dọn lên bàn rồi, thầy Trùng Hùng hỏi tôi trong lúc thầy tôi và chú Thiết đang lo dọn dẹp gì đó trên chánh điện:

“Chỉ vậy thôi sao?”

“Buổi sáng không ăn cũng được mà thầy. Có cơm chiên là quý rồi.”

Thầy Trùng Hùng khựng một lúc rồi nói:

“Bữa nay có thầy trụ trì qua mà nấu vậy đó hả, rồi thầy trụ trì dùng cái gì? Cơm thừa mà dám mời thầy sao?”

“Con nấu xong rồi thầy trụ trì mới qua. Con đâu có ý dọn cơm chiên mời thầy. Bây giờ đâu biết nấu gì khác để dọn!”

“Tao đập chết bây giờ, mi nói ngang ngạnh như vậy đó hả?”

Tôi lặng thinh quay xuống bếp, nhưng cũng không giấu được vẻ bực mình quạu quọ của mình trên nét mặt. Thầy Trùng Hùng bước theo, nói:

“Nấu liền một cơm trắng nhỏ đi, rồi đồ ăn để tao nấu.”

Những tiếng “*tao, mi*” hằn học của thầy Trùng Hùng như làm tổn thương cái khối đạo tình đẹp đẽ nguyên vẹn mà tôi có được đối với đồng đạo kể từ khi bước chân vào chùa. Tôi lấy cái xoong nhỏ, vào kho đong gạo thì thầy tôi từ chánh điện bước xuống nhà Tây, ngồi vào bàn ăn. Thầy Trùng Hùng thưa:

“Bạch thầy, vì không biết thầy qua sớm nên chú Khang chỉ chiên cơm thôi chứ chẳng nấu gì.

Con bảo chú nấu cơm trắng để mời thầy. Chú đang nấu dưới bếp, thỉnh thoảng chờ thêm một lúc.”

Thầy tôi vui vẻ nói:

“Đâu có cần phải nấu chi nữa. Cơm chiên như vậy được rồi. Có chi ăn nấy cho khỏe. Điềm tâm mà bày vẽ chi nhiều. Kêu chú ấy lên ăn đi, đừng nấu nữa.”

Chú Thiệt vội xuống gọi tôi. May là tôi chưa vo gạo. Tôi theo chú Thiệt ngồi vào bàn ăn. Thầy tôi bung chén cơm chiên hỏi:

“Cơm ai chiên vậy?”

Thầy Trùng Hùng đáp:

“Bạch thầy, chú Khang chiên đó. Hôm nay đến phiên chú nấu. Con chia phiên cho hai chú mỗi chú nấu một ngày.”

Thầy tôi cười, có vẻ như không chú ý lời thầy Trùng Hùng, quay qua hỏi tôi:

“Con cũng biết chiên cơm nữa hả? Cơm chiên này lâu lâu ăn một lần thì được, đừng chiên cơm thường xuyên ăn không tốt đâu.”

Rồi thầy tôi ăn ngon miệng. Tôi nhìn thầy mà ứa nước mắt. Thầy tôi không bao giờ ăn cơm chiên. Thầy cũ ăn những món có nhiều dầu. Lỡ có ăn vào là thầy bị đau bụng, khó tiêu. Bên viện, các dì vào phải nấu riêng thức ăn cho thầy tôi chứ không nấu theo thức ăn của đại chúng. Nấu ăn cho thầy tôi, các dì vải không dùng bột ngọt, dầu ăn, đường cát, tiêu, ớt, v.v... Cơm hay thức ăn dọn cho thầy tôi cũng chẳng ai dám dọn cơm thừa hay thức ăn để cách đêm, vì mỗi lần thầy tôi ăn

vào những món ăn như vậy là lâm bệnh mấy ngày. Vậy mà bây giờ thầy ngồi vào bàn, tự bới com lấy, ăn một cách ngon lành cái món com chiên đơn sơ mà nhiều *độc tố* do tôi nấu.

Sau bữa ăn, tôi đang rửa chén thì thầy Trùng Hùng xuống chỉ mặt tôi nói:

“Từ nay về sau không bao giờ chiên com nữa nghe chưa. Com có dư thì hai chú ăn đi, không được dọn cho mấy thầy.”

Trưa đến, tôi lại phải xuống bếp, hì hục nấu com một mình. Quá là một cực hình cho tôi mà chẳng ai hiểu thấu. Không, chắc là có hai người hiểu thấu chứ, đó là thầy Trùng Hùng và chú Thiệt. Hai người đó biết rõ là tôi xuống bếp nấu ăn sẽ hư sự vì tôi thật là chưa biết nấu ăn. Vo gạo xong, tôi đổ nước vào đây nôi rồi lo chụm lửa. Khổ nhất là đun củi sao cho cháy. Tuần trước còn nấu bằng lò dầu hỏa nhưng thầy Trùng Hùng bày ra chuyện nấu bằng lò củi cho đỡ tốn kém—củi mua rẻ tiền mà cũng có thể gom được đàng sau núi. Hồi mới bắt đầu nấu bằng lò củi, chú Thiệt đã đun củi bằng cách đổ vào một ít dầu hỏa trước khi châm lửa. Thầy Trùng Hùng biết được liền quở:

“Không được dùng dầu hỏa mà nhen lửa! Tao bảo nấu củi là để đỡ tốn dầu hỏa mà mi còn lấy dầu hỏa rưới vào củi, vậy sao gọi là tiết kiệm được!”

“Con rưới có chút xí cho dễ bắt lửa thôi mà!” chú Thiệt phân bua.

“Cũng không được nữa. Củi khô, chụm là phải cháy, cần gì dầu hỏa!”

Lần sau, không có dầu hỏa chú Thiệt vẫn nhen được lò củi một các dễ dàng vì chú thay dầu hỏa bằng sáp vụn lấy từ đèn cầy chảy ra. Ở chùa thì sáp vụn đâu có thiếu. Ngày nào cũng thắp đèn cầy cúng Phật mà. Nhưng thầy Trùng Hùng biết được lại là:

“Không được xài sáp vụn!”

Chú Thiệt không giấu được vẻ bực mình, hỏi lại:

“Sao vậy thầy? Sáp vụn không xài để đem đi đổ hết à?”

“Đừng có hỏi. Để dành sáp đó cho tao. Ngoài Huế người ta gom sáp đó lại thành kí mà bán chứ chẳng ai lai đi nhen lửa như mi cả.”

Vậy là dầu hỏa hay sáp vụn đều bị cấm trước khi đến lượt tôi nấu cơm. Thực ra không có dầu hỏa hay sáp vụn, chú Thiệt vẫn cứ nhúm củi cháy được như thường vì chú biết cách. Lúc chưa đi tu chú ấy còn biết nhúm lửa bằng lá hay rơm khô nữa kia, nói chi củi. Chỉ khổ là khổ cho tôi thôi. Tôi xé một mớ giấy báo, vùi dưới củi rồi đốt, chỉ thấy khói lên mù mịt; khi lửa bén được thì bùng lên một cái, cháy rụi hết giấy báo, củi vẫn nằm ì ra đó, chưa cháy được lớp vỏ khô bên ngoài. Loay hoay một lúc lâu mà không nhen được lò, tôi vừa quạu vừa tức thầy Trùng Hùng và chú Thiệt cố tình bức hiếp tôi. Cho dù tôi xuất gia với một chí nguyện kiên cường thì tôi vẫn cứ

là một đũa con nít, bị ép quá thì cũng khóc thôi. Chẳng biết phải làm sao, tôi ngồi thừ ra một chập. Chợt nghĩ đến bữa cơm phải dọn vào trưa nay, tôi thấy trong lòng bấn loạn lên. Tôi lú quúu nhét thêm giấy báo vào lò, lại môi lửa đốt. Vẫn là khói. Nước mắt tôi chảy ròng ròng. Bỗng thầy tôi xuất hiện. Tôi đứng dậy khi thầy bước vào bếp.

“Khóc hả?”

“Bạch thầy không phải. Tại khói cay mắt.”

“Con mới nấu cơm lần đầu, phải không?”

“Dạ.”

Thầy tôi xắn tay áo, ngồi khom xuống, kéo hết mấy nhánh củi ra khỏi bếp lò. Đưa một khúc củi lên nhìn, thầy nói:

“Củi này chưa được khô. Nhen khó bắt lửa lắm. Chỉ lên khói thôi.”

Rồi thầy soạn đồng củi nhỏ chắt đồng trong góc bếp, lòi ra một ít nhánh. Lấy từng khúc củi gõ thử lên đá để xem củi đã khô chưa. Thầy dạy tôi cách sắp củi vào lò, đan vào nhau, chừa khoảng trống ở dưới cho thông hơi. Từ khoảng trống đó, thầy đưa giấy môi lửa vào. Củi bắt lửa dễ dàng, cháy phừng phực. Thầy xoay qua nhen lửa cho lò khác. Tôi chú ý học cách thầy làm. Hai lò đã cháy cả rồi, thầy bảo tôi bắt nồi cơm và xoong nước để nấu canh lên. Xoong nước nấu canh thì chẳng sao. Chỉ có nồi gạo thì thầy chắt bớt nước, nói rằng nhiều quá. Vậy mà tôi cứ tưởng đổ vào bao nhiêu nước cũng được! Thầy tôi nói:

“Nước nấu cơm căn cứ theo mực gạo mà đong. Mực nước cao hơn mực gạo hai lóng tay là vừa. Nhưng cũng tùy theo gạo mới gạo cũ nữa. Gạo mới thì ít nước lại một chút, chừng một lóng tay thôi.”

Thầy dạy tôi vậy nhưng rồi tự tay thầy nấu hết, từ nồi cơm đến xoong canh rau, đến món tàu hũ kho. Vừa nấu thầy vừa giải thích cho tôi rõ. Hai thầy trò đang lui hui dưới bếp thì thầy Trùng Hùng bước xuống. Thấy thầy tôi đang nêm nếm thức ăn, thầy Trùng Hùng cười bẽn lễn:

“Thầy để chú ấy nấu cho quen chứ thầy làm vậy chú ý lại. Con chia phần chú ấy là để tập cho chú đó.”

Thầy tôi chỉ cười, nói:

“Cũng tùy theo chuyện mà chọn cách dạy, cách tập. Không phải muốn một người mau biết bơi cứ đem thả họ xuống chỗ nước sâu rồi mình bỏ đi hết là tức khắc người ấy sẽ biết bơi. Phải có dạy, có giải thích, rồi phải có thời gian cho họ thực tập nữa chứ.”

“Lúc ở nhà, chín mười tuổi con đã biết nấu cơm rồi. Chú Khang mười hai, mười ba đâu còn nhỏ nữa, bạch thầy.”

“Thì tôi cũng vậy thôi. Nhưng mình ở nhà quê thì khác. Người ở phố có khi có gia đình, có con cái cả rồi cũng chưa chắc là họ biết nấu cơm bằng lò củi!”

Thầy Trùng Hùng cười thẹn:

“Thôi thầy lên nghỉ để con nấu cho chú ấy.”



Thầy tôi đáp:

“Xong hết rồi. Bày cho chú nấu vậy thôi chứ tôi đâu có nấu gì.”

Thầy tôi quay lên Tổ đường. Chờ thầy tôi đi khuất, thầy Trùng Hùng la:

“Sao để cho thầy trụ trì nấu vậy? Điều ở chùa gì mà vô tích sự!”

Nói rồi thầy Trùng Hùng bỏ đi. Tôi ngồi lại một mình dưới bếp, thầm cảm ơn những cử chỉ tế nhị của thầy tôi. Và tự dung, trong lòng tôi nảy sinh sự bất phục đối với thầy Trùng Hùng. Lẽ ra, theo luật Sa-di mà tôi học thì tôi không được bất bình hay khinh ghét các thầy tỳ-kheo; nhưng cái tính con nít của tôi nó vậy: nhìn mọi thứ ở bề ngoài thì được, nhìn nổi bất bình bên trong thì không. Con nít nhạy bén lắm chứ. Người nào đáng phục thì phục, người nào không đáng phục thì không thể phục. Đành làm một chú tiểu bướng bỉnh (ngâm) vậy!



Chiều hôm ấy, thầy tôi lại tiếp tục xuống bếp dạy tôi nấu ăn. Thầy bảo tôi làm cho thầy coi, cái gì chưa được thì thầy chỉ thêm. Đối phó với nồi cơm hơi nhão như thế nào, nồi cơm bị sũng như thế nào, thầy cũng dạy tôi biết cận kề. Đầu tiên, gắp củi ướm không nhúm được lò, thầy lấy chai đèn dầu nhỏ của nhà bếp, rưới một ít dầu lên củi, rồi đốt. Lửa cháy bén dễ dàng. Tôi thưa:

“Tại thầy Trùng Hùng cấm tụi con xài dầu hỏa như vậy nên con không dám.”

“Tiết kiệm hả?”

“Dạ, con nghĩ là vậy.”

“Tiết kiệm là tốt! Tất cả vật sản của Tam bảo đều như vậy hết. Giữ gìn từng chút một, không phung phí, đó là tỏ ý trân trọng vật phẩm cúng dường của bá tánh đem đến. Nhưng lúc cần thiết cũng phải xài chứ! Bo bo giữ của cũng là một loại phiền não tệ hại mà người tu cần phải tránh. Có thấy này giờ con nhen lò lửa không cháy không? Trong trường hợp này mà cứ lo tiết kiệm thì vừa hao hơi tổn sức, vừa tốn thì giờ nữa. Đàng nào lợi hơn? Chịu tốn một chút dầu hỏa đi. Tại sao phải chịu nhọc để giữ gìn chút dầu chứ!”

Sau giờ cơm, tôi đang rửa chén thì thầy Trùng Hùng bước xuống nói:

“Mấy cái đít nồi cả tuần nay đen thui hết rồi. Chùi cho sạch như lúc mới mua về cho tao coi. Kêu thằng Thiệt xuống phụ một tay. Đáng lẽ mỗi lần nấu xong là mỗi lần chùi cho trắng chứ không để ngày này qua ngày kia như vậy. Tụi bây ở không làm chi để rồi phá, lo kiếm việc này việc nọ mà làm.”

Tôi không đi gọi chú Thiệt phụ giúp mà tự động lấy mấy cái vỏ dừa lo chùi đít nồi. Chùi đến mỏi cả tay mà nồi vẫn cứ đen. Một lúc sau thì chú Thiệt xuống, lần bầu trong miệng:

“Bữa nay đâu phải phiền tôi rửa chén đâu mà bắt tôi chùi nồi!”

“Tôi đâu có bắt chú chùi.”

“Thì ông bắt đó. Mệt!”

Hai đứa tôi hì hục chùi, cạy, chà dít nồi trên cát, đủ thứ cách cho trắng nồi nhưng chỉ đỡ được phần nào thôi. Thầy tôi nghe tiếng động rọt rẹt ngoài hiên bếp thì bước xuống xem. Thấy chúng tôi chùi nồi thầy cười hỏi:

“Chùi chi vậy?”

Chú Thiệt đáp nhanh:

“Dạ thầy Trùng Hùng bảo chùi cho trắng thiệt trắng như lúc mới mua về.”

Thầy tôi cười nói:

“Nồi nấu bằng củi thì phải đen, mắc chi phải chùi. Chùi xong lại nấu đen nữa có phải là toi công không! Bỏ đó đi. Ăn xong rửa nồi rồi đem úp. Đừng có bày chuyện đó.”

Thầy Trùng Hùng nghe được bước xuống chữa ngay:

“Dạ, con bảo mấy chú chùi cho sạch ngó đẹp mắt hơn chứ nồi đen điu thấy ghê quá. Mà nồi của chùa mình là nồi mới mua chứ đâu phải là nồi xài lâu năm như người ta.”

“Trước khi cũ cũng đã là mới chứ! Có gì mới hoài đâu.”

Thầy Trùng Hùng chưa chịu thua:

“Vớ lại con cũng muốn tập cho các chú làm việc chứ không thôi các chú ở không chẳng có chi làm.”

Thầy tôi lúc này mới nghiêm giọng nói:

“Làm việc suốt ngày thì còn giờ đâu mà

học. Phải cho mấy chú học chứ.”

“Hồi mới vào tu, con nhớ con đâu có được sướng như mấy chú bây giờ.”

“Điều đó không có nghĩa là phải bắt mấy chú khổ cho giống mình ngày xưa. Hồi xưa mình khổ thì bây giờ phải cầu mong cho mấy chú được sướng.”

“Sướng quá thì tu đâu có thành công, bạch thầy?”

“Khổ cũng không phải là cách để thành công. Thực ra hồi xưa mấy chú tiêu bị khổ sở, thiếu thốn vật chất là vì chùa quá nghèo hoặc không mấy quan tâm về tài chánh nên để các chú phải gánh. Các chú cũng không có trường lớp, ở chùa dạy chi biết nấy. Lâu lâu mới học được dăm ba chữ. Thời giờ rảnh rang, các chú phải lo làm việc chùa, hết việc này đến việc nọ. Nhất là các chùa nhà quê có ruộng có rẫy, công việc chẳng bao giờ ngớt. Bây giờ thì khác rồi. Giáo hội có chương trình đào tạo các chú ở các Phật học viện, lấy chuyện tu học làm chánh, kinh tế cũng có Giáo hội nâng đỡ, các chú chỉ có bốn phận là chú tâm học hành chứ đâu có ở không nữa mà thầy lo kiếm việc. Một điều nữa, hoàn cảnh các chùa ở Nha Trang này không giống các chùa ngoài Huế đâu. Thầy lưu ý một chút thì thấy sự sai khác. Rồi sau này, nếu có dịp vào Sài-gòn nữa, thầy sẽ thấy Sài-gòn cũng rất khác xa Nha Trang. Đem nếp sống của tăng sĩ Huế mà áp dụng cho tăng sĩ Nha Trang e có chỗ không ổn. Tôi không nói vấn đề

giới luật, tôi chỉ muốn nói về nếp sinh hoạt hàng ngày mà thôi. Phải đi nhiều, sống nhiều, mở mắt ra mà nhìn những thực tế đó mới được.”

Thầy tôi nói rồi bỏ lên nhà trên. Thầy Trùng Hùng vẫn đứng đó, cười thẹn rồi nói với tôi và chú Thiệt:

“Thầy trụ trì tiến bộ quá, tao còn trẻ mà theo không kịp.”

Khi chúng tôi rời bếp để ra sân trước thì thầy tôi đã mặc áo thông y vào (thông y là loại áo mặc ra đường của các thầy tu Phật giáo tại Việt Nam, khác với hậu y ca-sa là loại y phục mặc khi làm lễ). Thầy dặn chúng tôi khi nào tưới cây thì nhớ tưới mấy cây bồ đề của thầy mới trồng. Rồi thầy rời chùa Linh Phong để về viện. Chúng tôi đưa thầy ra cổng tam quan. Thầy Trùng Hùng và chú Thiệt quay vào khi thầy bước xuống tam cấp. Tôi đứng lại nhìn theo dáng thầy một lúc. Tôi mừng rằng tôi đã chọn được một vị thầy khả kính, độ lượng để nương theo mà tu học. Nếu chẳng may tôi chọn lầm một vị thầy có tính ý y như thầy Trùng Hùng thì chắc là... tôi bỏ tu sớm.

Thầy tôi vừa đến những bậc cấp cuối cùng để bước xuống đường thì thầy Thông Chánh từ bên viện cũng vừa mới qua. Hai thầy gặp nhau dưới chân núi, đứng lại nói chuyện với nhau một lúc. Tôi ngồi đó chờ thầy Thông Chánh lên.

Đường lên chùa Linh Phong có hai lối đi bằng tam cấp: một lối là tam cấp thẳng đứng xây

bằng đá, trên hai trăm bậc dẫn từ cổng nhỏ dưới núi đi thẳng lên tam quan; một lối là tam cấp đi vòng xây bằng xi-măng, gồm khoảng hai trăm năm chục bậc cấp, đi vòng qua phía phải của cổng tam quan, ngang qua thiên thất của Hòa thượng Phổ Tế, vào đến sân chùa. Thầy Thông Chánh đi dốc thẳng cũng phải mất bốn phút không nghỉ mới tới được chỗ tôi ngồi. Tới nơi, thầy cũng phải thở dốc. Tôi nói thầy ngồi ngoài cổng tam quan cho mát, tôi vào mang nước ra cho thầy. Tôi đang rót nước lạnh định đem ra mời thầy Thông Chánh thì thầy Trùng Hùng chặn lại hỏi:

“Nãy giờ đi đâu, sao không ngồi luôn ngoài đó ngó xe ngó cộ chạy qua chạy lại cho sướng?”

Tôi định bỏ đi không trả lời nhưng biết vậy là vô phép, tôi đứng lại đáp:

“Con mang nước ra cho thầy Thông Chánh, đang đợi con ở ngoài.”

“Thầy ấy qua chơi hay có việc gì không?”

“Dạ qua dạy con học.”

“Tại sao có lớp học rồi mà còn học thêm chi nữa? Bộ chương trình của lớp học không đủ để dạy chú à?”

Tôi thực là cứng họng, chẳng biết phải nói sao cho thầy ấy hiểu. Vừa lúc đó, thầy Thông Chánh bước vào. Thầy Trùng Hùng thấy thầy Thông Chánh thì đứng dậy chấp tay xá. Thầy Thông Chánh cũng chấp tay xá lại. Hai thầy chào nhau vui vẻ. Thầy Trùng Hùng có vẻ kính nể thầy

Thông Chánh lắm, vì dù sao thầy Thông Chánh cũng là vị trưởng lớp xuất sắc (trong khi thầy Trùng Hùng chỉ mới là học tăng dự thính đang cố gắng được vào chính thức). Thầy Trùng Hùng cười giả lả:

“Mộ Phật, thầy qua chơi hả? Có thầy ghé chơi chùa nhỏ này thật là đại phúc đó nghen.”

“Khách sáo dữ vậy thầy, tôi qua hướng dẫn chứ Khang chút bài học thôi. Xin phép thầy nghe, tại tôi phải về lại viện, không ở lâu được.”

Nói rồi, thầy Thông Chánh kéo tôi ra ngoài tam quan, định giảng bài mới cho tôi học. Nhưng lòng tôi không được vui, tôi xin thầy Thông Chánh cho nghỉ, rồi tôi kể chuyện sinh hoạt của chùa Linh Phong cho thầy Thông Chánh nghe. Thầy Thông Chánh tỏ vẻ lo ngại cho việc tu học của tôi. Thầy cho tôi biết chút ít lai lịch của thầy Trùng Hùng mà thầy được nghe kể lại từ một thầy khác cùng quê với thầy Trùng Hùng.

Đại khái là thầy Trùng Hùng cũng mới xuất gia đâu chừng bảy, tám năm trước. Cứ nghe giọng tụng kinh, nghi thức hành lễ, phong cách nói năng đi đứng của thầy thì cũng phần nào đoán được phần nào thời gian ở chùa của thầy rồi. Bảy, tám năm so với tôi thì kể như là lâu lắm. Nhưng với tuổi ba mươi của thầy Trùng Hùng thì bảy, tám năm xuất gia chỉ chứng tỏ rằng thầy mới xuất gia và đã xuất gia vào lúc hai mươi ba tuổi, cái tuổi mà những chàng thanh niên thế tục không nhiều thì ít đã thâm nhiễm mùi tục lụy và đã quen

thuộc với những sinh hoạt thế gian. Thế gian cũng như cửa đạo đều có những lối sinh hoạt riêng mà khi người ta đã quen nếp ở mặt này thì khó mà bắt nhịp được với mặt kia. Khi xuất gia, thầy Trùng Hùng xin vào ngôi chùa lớn, đẹp nổi tiếng ở Huế: chùa Từ Hiếu. Đây là ngôi chùa mà năm xưa còn bé, thầy được cha mẹ mang vào để làm lễ quy y nên bây giờ xin xuất gia ở chùa này thì cũng hợp lý; và pháp danh thầy có được hôm nay (Trùng Hùng) cũng là pháp danh được ghi trong phái quy y thuở nhỏ. Nhưng thầy Trùng Hùng luôn luôn hãnh diện với nơi chốn xuất gia cũng như pháp danh của mình. Thầy nói rằng muốn thành chú tiểu xuất sắc, có hạnh kiểm thì phải vào chùa Từ Hiếu; rằng chỉ có chùa Từ Hiếu với những sinh hoạt nề nếp cổ truyền của cả trăm năm trước để lại mới đào tạo nên những cao tăng kiệt xuất cho Giáo hội; rằng những người xuất gia ở chùa Từ Hiếu từ trên xuống dưới đều làm ruộng, làm rẫy, cực nhọc quanh năm suốt tháng, ăn uống kham khổ, học ít tu nhiều, gần gũi đạo hơi là những người ở chùa khác; rằng điển hình như thầy Nhất Hạnh, một tăng sĩ sáng chói của Phật giáo, cũng xuất thân từ chùa Từ Hiếu này. Cho nên, không thể trách được rằng tại sao thầy Trùng Hùng lại muốn chú Thiệt và tôi phải khổ. Thầy cho rằng phải khổ mới tu được. Quan niệm này làm tôi nhớ đến câu nói của ông Bộ (chồng bà vú nuôi Ba Ngôi) trước đây, rằng “*tu thì phải hành*, hành là hành hạ xác thân chứ không chỉ



khác”. Thầy Thông Chánh nói, chỉ vì thầy Trùng Hùng bị ảnh hưởng nếp sinh hoạt của chùa Từ Hiếu mà thôi, sống ở Nha Trang một thời gian có lẽ thầy ấy sẽ thay đổi. Thầy khuyên tôi cứ ản nhẫn, coi thời gian sống gần thầy Trùng Hùng như là thời gian thực tập hạnh nhẫn nhục vậy.

Tôi “dạ” nhưng trong lòng cũng không sao ngăn được ý nghĩ rằng sở dĩ thầy Trùng Hùng muốn hành hạ chúng tôi là vì muốn trả thù thầy thôi. Không phải tự nhiên mà tôi nghĩ ra điều ấy. Chỉ Thiệt nói với tôi đây. Chú Thiệt có người anh em ruột tên là Giải, đang là học tăng ở viện Hải Đức. Có lẽ chú Thiệt cũng kể lể sao đó về tình hình sinh hoạt ở chùa Linh Phong cho thầy Giải nghe, nên thầy ấy mới đưa ra nhận xét như vậy. Rằng có lẽ hồi thầy Trùng Hùng đi tu bị lớp đàn anh hành hạ quá nên bây giờ hành hạ lại lớp đàn em khác cho huề. Điều này nếu nhắm vào một thầy khác chắc tôi không dám tin. Nhưng đem áp dụng riêng cho trường hợp thầy Trùng Hùng thì tôi phải tin một cách mạnh mẽ, không cần xét lại.

*(lược bỏ một số đoạn từ bản gốc)...*

Tôi cố gắng không quan tâm những điều nhỏ nhặt để cho tâm nhẹ nhàng mà tu học. Sự nỗ lực của tôi trong giai đoạn sống ở chùa Linh Phong không phải là sự phấn đấu để vượt qua những cực khổ của đời sống vật chất, mà chính là sự phấn đấu để lòng mình không bị vương bận hay tiêm nhiễm những cái tầm thường nhỏ nhen mà hoàn cảnh chung quanh cố tình khơi động.

## CHƯƠNG MƯỜI

Đôi khi tôi có cảm nghĩ rằng thầy tôi đã bất công khi đưa tôi sang chùa Linh Phong để sống với một vị thầy trẻ rất ư cổ hủ, lạc hậu. Tôi biết mẹ tôi cũng buồn khi thấy tôi không còn được ở viện Hải Đức nữa. Trước kia mẹ không có ý cho tôi xuất gia tại viện Hải Đức, nhưng khi tôi đã được xuất gia ở viện, được gần gũi tu học bên thầy, được ăn học, sinh hoạt và hưởng mọi qui chế tiêu chuẩn như một học tăng của viện, mẹ tôi thấy là không còn chỗ nào tốt khiến mẹ yên tâm hơn là nơi này cả.

Bây giờ, các chú Dũng, Kính, Sáng v.v... nhõn như bên viện, hằng ngày ôm kinh, ôm sách ngồi học, ăn uống đã có các dì nấu, đến giờ phóng tham thì đi dạo núi hóng mát... còn tôi và chú Thiệt thì sống trong một thế giới âm u, hắc ám. Cho dù có học đòi sự rộng lượng cao cả đến mức nào đi nữa, tôi vẫn thấy rằng tôi và chú Thiệt đang bị thiệt thòi. Con nít chúng tôi hay so đo phân bì lắm. Nếu hoàn cảnh bắt buộc phải chịu thì cũng phải chịu, nhưng làm sao khỏi tủi thân và thèm muốn được trở về với khu viện Hải Đức đẹp đẽ, khoáng khoáng kia! Sự khác nhau giữa hai nơi trên cùng một dãy núi, mẹ tôi cũng thấy rất

rõ. Chắc chắn là bà phải se lòng khi thấy đứa con trai nhỏ của mình phải xa thầy sớm, bỏ nơi rộng lớn, tiện nghi để về sống trong thế giới nhỏ hẹp, ít người, thiếu thốn mọi bề mà rồi phải đặt mình dưới sự hướng dẫn của một học tăng dự thính vốn không được xuất sắc gì lắm. Nhưng sự khác biệt giữa viện Hải Đức và chùa Linh Phong không phải chỉ ở vấn đề khổ nhọc vật chất mà còn ở phần tinh thần nữa. Đâu phải chỉ người lớn mới biết hân thưởng những niềm vui tinh thần, còn con nít thì không! Và đâu là chỗ cách biệt giữa vật chất và tinh thần khi bầu không gian nơi tôi sống bị thu hẹp lại và tôi cảm thấy buồn tẻ, trống vắng, ử dột trong lòng? Ở viện, tôi có thể nhìn thấy biển Nha Trang mỗi chiều khi đi dạo lên tháp chuông hay qua Kim Thân Phật Tổ. Nơi chùa Linh Phong, dù cũng cùng trên núi, vậy mà chỉ thấy được một khoảnh phố phía bên trái, một khoảnh gia cư phía bên phải và một khoảnh đồng trống bị cắt đôi bởi một vại cao ốc đồ sộ phía mặt tiền. Vào mùa xuân, cây cỏ um tùm bao phủ quanh ven núi, tôi đứng trong sân chùa chỉ nhìn thấy được những cây táo nhọn vươn lên, đan kết thành một hàng rào rậm rịt. Thế giới của ngôi chùa này là vậy, không gian bít bùng, y như một hải đảo nhỏ - không, hải đảo còn đỡ hơn nhiều vì có thể nhìn thấy trời cao nước rộng. Đã vậy, tôi còn phải sống dưới sự kiểm soát quá đáng với những tư tưởng và quan niệm lỗi thời của thầy Trùng Hùng. Thầy ấy mang cả thế giới khôn

thước, kiểu cách của cổ đồ vào đây, áp dụng vào ngôi chùa nhỏ này, buộc tôi phải lặn hụp theo. Suốt ngày tôi và chú Thiệt phải làm việc trong chùa, hết việc này đến việc khác. Thầy ấy cứ ngồi một chỗ mà sáng tạo ra công việc cho chúng tôi làm, dù thầy tôi đã có lần nhắc rằng chúng tôi cần có thời giờ học hành. Một số sách thầy Thông Chánh tặng tôi để đọc và học thêm, thầy Trùng Hùng tịch thu hết, bảo rằng trong luật dạy không được đọc, học các sách vở bên ngoài, chỉ được đọc kinh Phật thôi, khi nào có đủ trình độ Phật Pháp rồi mới được nghiên cứu học thêm sách ngoài. Điều ấy cũng đúng phần nào cho hoàn cảnh những chú tiểu ở thời đại xa xưa, khi mà vốn liếng kiến thức của người Tàu cũng như người Việt ta chỉ vốn vẹn trong *Tứ Thư, Ngũ Kinh, Luận Ngữ* v.v... Thầy ấy cũng đâm ra đố kỵ thầy Thông Chánh, có lẽ vì mang mặc cảm thua sút. Thầy cấm tôi rời khỏi chùa một bước ngoại trừ khi qua viện học. Sự cấm đoán này hẳn là nhắm vào việc tôi qua viện để thầy Thông Chánh dạy kèm. Thời gian đầu, thầy Thông Chánh đích thân qua chùa Linh Phong dạy tôi, nhưng vào dịp an cư kiết hạ, thầy Thông Chánh không rời viện được, tôi phải xin phép sang viện để học thêm mỗi chiều. Thầy Trùng Hùng không thích chuyện tôi học thêm với thầy Thông Chánh từ lâu. Sẵn dịp an cư kiết hạ (thường thường là chư tăng ni các chùa cấm túc trọn ba tháng không rời chùa), thầy cấm tôi luôn. Tôi nói:

“Thầy con có nhờ thầy Thông Chánh dạy kèm thêm cho con.”

“Lúc đó chưa có lớp học, phải không? Cho nên mới nhờ dạy kèm. Bây giờ đã có lớp học thì còn học thêm gì nữa! Để thời giờ mà làm công quả trong chùa, lo tu nữa chứ!”

“Nếu thầy không cho con đi thì cũng để con qua gặp thầy Thông Chánh nói lý do tại sao, không thôi thầy ấy đợi con bên viện.”

“Không cần. Mai có giờ học thì qua nói với thầy Thông Chánh luôn. Bây giờ cứ ở nhà, không đi đâu hết.”

Trong những chuyện cảm đoán của thầy Trùng Hùng, tôi bất mãn nhất là những chuyện liên quan đến việc học. Thầy ấy luôn chủ trương rằng học nhiều thì loạn tâm, không tu được, không định được. Nghe ai nhắc đến chuyện học, thầy cười khinh khỉnh. Thực ra, thái độ khinh bạc đối với kiến thức sau này tôi cũng đọc thấy từ một số truyện tích trong kinh sách hay tiểu sử các vị Thiền sư đắc đạo. Nhưng các vị ấy là những kẻ đã đứng ở ngoài và ở trên những tầm thường của cuộc đời. Trên đỉnh cao chót vót của trí tuệ siêu việt, họ nhìn những kiến thức của thế gian như là miếng giẻ rách. Ở đây, thầy Trùng Hùng đã thu lượm được gì và đứng ở vị thế nào để tỏ thái độ khinh miệt tri thức như thế? Phong cách giác ngộ không phải là điều có thể học đòi, bắt chước mà giống được. Tôi nhớ hồi còn ở nhà, tôi đã từng chán ghét việc mài ghế nhà trường. Nhưng đó là

sự chán ghét tự nhiên của một đứa con nít ham chơi, hoặc ham hưởng thụ thiên nhiên và cuộc sống chứ không phải là sự khinh miệt lỗ bịch tầm phào của một tâm hồn, một trí óc rộng tuếch, khi biết được chút ít gì thì bám chặt lấy, coi như là chân lý. Cái đầu óc địa phương hẹp hòi mà nhiều người dân cố đô mắc phải là thường tự cho rằng cái gì thuộc về xứ mình cũng đều nên thơ, độc đáo, tuyệt hảo cả. Tôi không bao giờ quên rằng mình vốn gốc người Huế khi có nhận xét trên. Ở một khía cạnh tâm lý thông thường nào đó, hẳn là tôi phải dành nhiều cảm tình cho người Huế, nhưng quả là tôi không thể chịu nổi một đầu óc thủ cựu, một tâm hồn cứng nhắc như một khúc gỗ, như một viên ngói, một khối sắt như thế được.

Tôi nói ý nghĩ đó cho thầy Thông Chánh nghe khi thầy đến gặp tôi trước giờ học. Thầy lại khuyên tôi cố gắng chịu đựng thêm một thời gian nữa, vì tôi đã sắp rời Nha Trang để nhập học khóa Trung Đẳng Phổ Thông của Phật học viện Quảng Nam ở Hội An. Tôi than:

“Có khi con tưởng chừng là một ngày cũng không chịu đựng được nữa!”

Thầy Thông Chánh an ủi, khích lệ tôi:

“Hãy xem đó như những thử thách cho bước đầu xuất gia của mình. Có lẽ thầy giám sự muốn chú tập sống quen với mọi hoàn cảnh trước khi rời thầy để đi học xa đó. Sau này không có thầy, không có người thân bên cạnh, sống ở xứ

xa, làm sao chú chịu nổi nếu bây giờ không luyện tập cho chí nguyện kiên cường, sắc bén? Im lặng và nhẫn nại. Đừng để cho những cái tầm thường làm cho ý nghĩ mình trở nên tầm thường.”

Cũng nhờ những lời khuyên nhắc của thầy Thông Chánh, tôi đã cố gắng kiểm điểm tâm mình, sửa đổi cho nó tốt đẹp hơn, hay ít nhất cũng giữ cho nó không trở nên nhỏ mọn, thấp hèn. Tôi tập từng bước sự cởi mở và buông xả những tâm niệm thù hằn, ganh tị, ngạo mạn cũng như những ý nghĩ và lời nói bài xích, chê bai kẻ khác. Khi thầy Trùng Hùng làm điều gì khiến tôi bất bình, tôi tự chế mình bằng một câu niệm Phật vang mạnh trong lòng. Có khi tôi phải mượn ý nghĩ rằng thầy ấy là người anh lớn của tôi để khơi dậy lòng thương trong tôi. Hai tháng sau, tôi không thấy ghét thầy Trùng Hùng nữa. Nhưng vẫn không sao thương quý thầy ấy như đã từng thương quý những vị thầy khác.

Cho đến một hôm, sau nửa giờ ngồi thiền vào giấc khuya, tôi ngồi yên trên giường lắng nghe tiếng tụng kinh của thầy Trùng Hùng, bất chợt tâm tôi nở ra như một cánh hoa. Tôi thấy quanh tôi cái gì cũng đáng thương, cũng dễ thương hết. Nhất là tiếng tụng kinh của thầy Trùng Hùng, nó mang cái vẻ bi thiết rất tội nghiệp của kiếp người khổ lụy. Tôi nghe tiếng ấy mà trong lòng quặn lên một mối xúc cảm kỳ lạ. Tôi thấy thương mọi người, thương tất cả, kể cả thầy Trùng Hùng, người đã từng gây cho tôi bao

nổi bực mình, bất mãn.

Trạng thái ấy không phải là một trạng thái miên viễn. Nó xuất hiện nhất thời, lưu lại trong tôi một thời gian rồi phai nhòa. Nhưng ít nhất, tôi đã có thể thương yêu được thầy Trùng Hùng rồi. Tôi kể lại kinh nghiệm tâm linh đó cho thầy Thông Chánh nghe, thầy ấy mừng cho tôi, khích lệ tôi thường xuyên tọa thiền hay niệm Phật để tâm càng lúc càng mở rộng hơn. Tôi theo đó mà thực hành, nhưng phải ba năm sau tôi mới nhận ra được những khúc mắc cũng như những cái vi tế của bản ngã mình.

Tình thương chân thật thì không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian. Cũng không nằm trong sự ly cách giữa những cái bản ngã với nhau. Nếu còn thấy kẻ thù để thương yêu và tha thứ thì tâm hãy còn nhỏ hẹp, đó chỉ là sự khóa lấp cái bản ngã thấp hèn của mình mà thôi.



Hồ sơ học bạ của lớp tôi được ghép chung với học bạ của lớp Sơ đẳng Phật học tại Phật học viện Linh Sơn. Danh sách những chú tiểu sẽ lên đường đi Quảng Nam là mười hai người. Tôi ngỡ là toàn bộ lớp tôi sẽ chuyển đi Quảng Nam để học lớp Trung đẳng Phật học ngoài ấy. Nhưng không phải vậy. Lớp tôi chỉ có năm người. Số còn lại hoặc chuyển đến một trường khác có trình độ cao hơn như trường hợp chú Tâm; hoặc chuyển đến



một trường Trung đẳng Chuyên khoa Phật học thay vì Trung đẳng Phổ thông như trường hợp chú Thân, chú Đạo; hoặc không muốn đi xa như chú Dũng, chú Kính; hoặc chưa đủ tiêu chuẩn để được chuyển đi như các chú Hải và Thông. Các chú ở Phật học viện Linh Sơn cũng chỉ được tuyển đi bảy chú trong số gần cả trăm chú của Phật học viện. Nhiều chú ở Phật học viện Linh Sơn không muốn đi học xa không phải vì chưa hội đủ điều kiện nhập học mà vì các chú không muốn xa gia đình.

Riêng tôi, đi xa là điều rất hấp dẫn. Tôi mê cái đẹp của bãi biển Nha Trang với nước biển trời cao ôm ấp bờ cát trắng, của ngọn đồi Trại Thủy với Hải Đức thơ mộng nép mình giữa cây cỏ xanh um, nhưng điều đó không ngăn cản được ước muốn đi xa, tìm đến những vòm trời mới lạ. Tôi mập mờ cảm thấy vòm trời mới lạ ấy dường như không phải là vòm trời bên ngoài, ở Nha Trang hay ở Quảng Nam, mà ở trong tôi, nhưng nó có vẻ như chỉ muốn được phơi bày từ sự phản ảnh của một không gian mênh mông bát ngát. Cho nên, khi loay hoay thu xếp hành lý cá nhân, tôi có thể lắng nghe được một nỗi rộn rã kỳ thú đang rung chuyển trong tận cùng tâm thức mình.

Tháng cuối cùng tôi sắp rời Nha Trang, thầy Thông Chánh đề nghị thầy tôi cho tôi được trở về lại viện Hải Đức. Thầy tôi đồng ý. Có lẽ thầy Thông Chánh muốn tôi được gần gũi thầy tôi để thu thập thêm kinh nghiệm, hiểu biết và nhất

là tâm lượng khoáng đạt—cái mà thầy Trùng Hùng không thể dạy được—để làm món hành trang cần thiết cho tâm tư tôi trước khi lên đường.

Khi tôi chào thầy Trùng Hùng để về viện, thầy ấy không muốn nhìn mặt tôi. Cũng may có thầy Thông Chánh nói mấy lời, thầy ấy mới vui vẻ chúc mừng tôi được đi học xa. Tôi đi thì chùa cũng không vắng thiếu gì. Đã có thêm hai chú mới vào. Một chú tên Lâm, ngang tuổi chú Thiệt, một chú tên Đạo, nhỏ hơn tôi hai tuổi. Các chú đưa tôi ra cổng tam quan. Chú Thiệt nói nay mai chú cũng sẽ về lại viện chờ ngày rời Nha Trang.

Cùng thầy Thông Chánh xách hành lý xuống núi, trong tôi bỗng dựng nảy sinh một mối tri ân sâu đậm đối với ngôi chùa cổ bỏ lại sau lưng. Vâng, dù thế nào đi nữa, tôi cũng không thể phủ nhận được rằng, gần sáu tháng sống ở đây, tôi cũng đã học được khá nhiều điều hay mà nếu cứ ở viện tôi sẽ không bao giờ có được: tôi đã biết nấu cơm và một vài món ăn đơn giản; ngoài ra, tôi còn học được cách chịu đựng những bất bình trong cuộc sống. Như vậy, tôi không trở về viện với hai tay không, mà trở về như kẻ tốt nghiệp một lớp huấn nhục cơ bản nào đó. Tôi quay mặt nhìn ngôi cổ tự Linh Phong với một thoáng biết ơn.

Những ngày sắp đi, bọn tiểu chúng tôi thật rộn ràng, lo sắp đặt, mơ tưởng đủ thứ, mà bàn tán về nơi sắp đến cũng nhiều. Thầy Thông Chánh quê ở Đại Lộc, Quảng Nam nên thầy biết rõ về

cảnh sống ngoài ấy. Thầy kể sơ tôi nghe về những thắng cảnh của Quảng Nam, đặc biệt là Ngũ Hành Sơn ở Non Nước. Nghe thầy kể, tôi mê lắm. Ngũ Hành Sơn là năm ngọn núi nằm sát bờ biển. Nội nghe chừng ấy không tôi đã thấy trong lòng xao xuyến, bồi hồi. Nhưng một thầy học tăng khác cũng quê Quảng Nam, biết rõ nơi tôi sắp đến, đã nói rằng:

“Ôi chà, cái xứ đó các chú đến thì chỉ bóc cát mà ăn thôi. Đất đai cằn cỗi, cỏ mọc không lên. Khổ tới nơi rồi các chú ơi! Ai lại chọn sa mạc mà làm Phật học viện bao giờ!”

Thầy Thông Chánh cười nói:

“Thầy nói phóng đại quá làm các chú sợ. Hồi xưa khác, bây giờ khác chứ! Có chỗ học được là tốt rồi, phải không?”

Tôi không trả lời các thầy. Nhưng trong lòng tôi quả nhiên là không sợ hãi sự khổ nhọc. Dường như sự khổ nhọc khó khăn ở một mặt nào đó cũng có dáng vẻ lôi cuốn mê hoặc của nó. Chẳng biết tôi cảm nhận được điều đó từ lúc nào. Phải chăng từ mấy tháng sống ở chùa Linh Phong? Chẳng rõ. Chỉ thấy rằng tôi rất tự tin khi hướng về vùng đất mà người ta mô tả là cằn khô, hiu quạnh đó.

Ngày cuối cùng ở Nha Trang, tôi về thăm gia đình. Tôi ở lại ăn cơm chay với ba mẹ tôi hôm ấy. Mẹ tôi đã mua sắm thứ này thứ nọ cho tôi mang theo ra xứ Quảng. Nhưng tôi chỉ muốn mang theo một va-li hành lý thật gọn nên đã bỏ

lại bớt những vật dụng mẹ tôi sắm. Mẹ còn dúi tôi một phong bì đựng tiền nữa. Tôi không nhận. Lâu nay tôi vẫn khư khư cho rằng đã xuất gia rồi thì không những không phụ thuộc gia đình về mặt tình cảm mà cũng không làm phiền gia đình về mặt tài chánh nữa. Huống chi đã gần hai năm quen với nếp sống vốn không có nhiều nhu cầu trong cửa chùa, tôi không thấy cần thiết phải có tiền mang theo. Tôi cũng nghĩ rằng nếu mẹ giữ lại số tiền ấy thì cũng đỡ nhọc cho mẹ, cho gia đình phần nào hay phần nấy. Tôi nhét cái phong bì lại trên tay mẹ. Mẹ tôi nói:

“Sao vậy? Con mang theo để lỡ có khi cần mua sách hay thứ gì cần thiết chứ?”

“Con đã sắm đầy đủ hết rồi. Tiền này mẹ cất đi. Viện cũng có cho tiền tui con đó mẹ.”

Tôi nói vậy thôi chứ viện đâu có cho tiền bạc gì. Mẹ tôi cầm cái phong bì trên tay mà mặt buồn rười rượi. Lúc ấy tôi chưa hiểu được nỗi buồn đó của mẹ. Tôi cứ nghĩ tôi không nhận tiền thì mẹ đỡ tốn, mẹ phải vui. Vậy mà mẹ lại buồn. Đến khi từ giã gia đình để trở về viện, mẹ tôi đưa tôi cái túi xách nhỏ có đựng vài món của mẹ mua cho tôi mang theo; tôi nhìn lại thấy chẳng có gì nhiều, vì tôi đã bỏ lại hơn một nửa. Gói đồ quá ít cho một đứa con đi xa, có lẽ đã làm mẹ ấy nấy, không yên lòng. Ba tôi ôm hôn tôi, rồi nắn nắn đôi vai tôi như ông vẫn thường làm vậy với các con. Mấy đứa em tôi cũng chạy đến nắm tay tôi lắc lắc. Một đứa nhón lên hôn má tôi. Riêng mẹ

tôi từ lúc tôi vào chùa rồi, bà không còn biểu lộ tình mẫu tử của bà theo cung cách xúc chạm như thế nữa. Mẹ chỉ bước theo tôi, đưa tôi ra cửa. Ngay lúc đó tôi mới giật mình biết rằng kể từ khi tôi xuất gia, mẹ đã mất cơ hội để chăm sóc tôi tận tình như đã chăm sóc anh chị em tôi ở nhà. Bây giờ tôi lại đi xa, mẹ còn khó có cơ hội ấy hơn. Thực ra, nuôi con thì phải tốn kém vì con. Đứa con mà không bao giờ xin tiền, làm nũng, hay đòi hỏi mẹ chăm sóc, thì không phải là đứa con ngoan. Đó là đứa con bất bình thường, chặn đứng nguồn thương yêu đang tuôn chảy bất tận từ mẹ. Sự thương yêu của mẹ là phải có chăm sóc, tung tiu, cho quà, hao tốn. Mẹ cho con được cái chi mẹ sung sướng lắm, dù sự cho đó làm tốn kém túi tiền của mẹ. Hơn cả năm nay, mẹ tôi đâu mua sắm được cái gì cho tôi, vì ở chùa đã lo hết rồi, mà cũng vì tôi không bao giờ chịu đòi quà hay xin xỏ gì nơi mẹ cả. Bây giờ tôi đi xa, mẹ túm vén một ít tiền cho tôi, tôi cũng từ chối luôn. Vậy là tôi chẳng thương, chẳng hiểu mẹ rồi. Mẹ muốn được tốn kém chút gì đó cho tôi mà. Tôi đến ngang cửa rồi thì quay lại, nói nhỏ với mẹ:

“Mẹ cho con tiền đi. Chắc có khi con cần tới.”

“Phải rồi, con nên đem theo tiền. Dù viện cho rồi cũng mang thêm để rủi khi bệnh hoạn đau ốm nữa, đâu có mẹ hay có thầy bên cạnh để lo cho con.”

Mẹ tôi vui mừng đưa ngay cái phong bì

đựng tiền cho tôi. Tôi thấy rõ là mẹ sung sướng hơn lúc nãy nhiều. Thấy mẹ sung sướng đưa tiền cho mình, tôi ứa nước mắt. Nếu không nhận số tiền đó của mẹ, chắc là một ngày nào đó, tôi sẽ ân hận, đau khổ vì đã không chịu làm nũng, vùi quạ để chứng tỏ mình là một đứa con của mẹ.

Tôi về đến viện vào giờ cơm. Tính xuống bếp lấy phần cơm của mình thì thầy Thông Chánh đến kéo tôi đi, nói rằng:

“Đề bụng đói đi, đừng ăn. Tối nay mình ăn món đặc biệt đề đãi chú mi lên đường.”

Rồi tôi theo thầy ấy đi dạo núi, qua Kim Thân Phật Tổ để ngắm biển và phố Nha Trang lúc hoàng hôn. Biển Nha Trang nhìn xa chỉ thấy một vệt xanh dài bất động và tĩnh lặng. Âm thanh của sóng nước không vọng đến nơi chúng tôi ngồi được, nhưng gió biển thì lồng lộng thốc đến từng cơn. Từ đồi cao này, chúng tôi cũng chỉ thấy những dãy phố, những tòa nhà cao vươn lên trong im lặng. Bao náo nhiệt của phố thị đều bị bỏ lại bên dưới. Người ta đã nhìn ngắm Nha Trang trong vẻ động, ít có ai ngắm được vẻ tĩnh của nó như chúng tôi trên đỉnh đồi này. Trong tĩnh lặng, không gian trở nên mênh mông hơn. Trong mênh mông, cái đẹp trở nên tuyệt hảo hơn. Nhưng dù nhìn từ xa hay gần, dù trong vẻ tĩnh hay vẻ động, cái bao la bát ngát của biển cũng luôn cuốn hút hay kích động con người lao vào cuộc tìm hiểu cái vô tận của vũ trụ hay cái sâu thẳm của thế giới tâm linh. Cứ nhìn biển, nhìn trời là lòng tôi xao

động, muốn phóng lên, muốn lao vào đến chỗ tận cùng bờ mé của chúng.

Trời chưa tắt nắng hắt các thuyền chài đã lo thấp đèn lên. Những con thuyền nhấp nhô theo sóng nước khiến cho các ngọn đèn lúc ẩn lúc hiện, lúc sáng lúc nhòa, như những vì sao rơi xuống mặt biển. Trời càng tối, đèn thấp lên càng nhiều, cơ hồ giăng khắp mặt nước, kéo một vạch ngang vàng chóa phân chia góc biển với chân trời. Nếu không có chuỗi đèn chài đó, hẳn người ta sẽ không phân định được đâu là ranh giới của biển và trời trong màn đêm dày đặc kia.

Rời Kim Thân về viện, lòng tôi nôn nả đánh nhịp theo bước chân. Tôi biết mình sắp rời khung cảnh nên thơ này rồi. Vừa tiệc nuôi, vừa hăm hở muốn đi xa, tim tôi như bán loạn từng lúc. Tôi biết sẽ lâu lắm tôi mới có thể tìm lại được những giây phút êm đềm thú vị như hôm nay. Ở Hội An cũng có biển, cửa Đại, thầy Thông Chánh cho tôi biết như vậy; nhưng chắc chắn Phật học viện Quảng Nam không nằm ở trên núi như viện Hải Đức và Kim Thân Phật Tổ.

Hôm qua đã có một tiệc nhỏ để tiễn đưa chúng tôi lên đường, do các chú trong lớp học tổ chức. Hôm nay, thầy Thông Chánh đái tôi. Tôi khá đói bụng sau khi qua Kim Thân Phật Tổ để ngắm biển với thầy Thông Chánh. Về tới viện, thầy bảo tôi ngồi chờ nơi tháp chuông cũ để thầy xuống bếp lấy thức ăn. Nơi đây, hai năm trước, vào ngày đầu tiên xuất gia, tôi và hai chú Dững,

Sung, hái trộm thanh long... Tôi ngồi yên một lúc, bỗng thấy trong lòng quặn lên một mối thương tâm đối với Sung và Dũng. Sung bây giờ không còn ở chùa nữa, còn Dũng thì vì không được thầy quản chúng cho phép đi học xa. Các chú đều xuất gia trước tôi nhưng chú nào cũng thiệt thòi hơn tôi cả. Vậy ra, trong chuyện xuất gia, cũng có sự may mắn và bất hạnh nữa.

Đâu chừng mười phút sau, thầy Thông Chánh trở lại với một giỏ xách nhỏ. Không cần bàn ghế hay chén bát gì, chúng tôi ngồi ăn tại tháp chuông cho mát. Thức ăn đơn giản nhưng khá ngon miệng: bánh mì nhét đậu hủ kho. Tôi hỏi ở đâu thầy có món đậu kho ngon vậy. Thầy nói thầy đã gởi tiền nhờ dì Bảy dưới bếp mua đậu để làm món đó, còn bánh mì thì mua ở lò bánh Tân An gần Ty Thông Tin nên bánh giòn thơm, ăn rất ngon. Thầy một ổ lớn, tôi một ổ lớn, xé ổ bánh bằng tay rồi cũng bằng tay, bóc đậu hủ bỏ vào, tiện lợi, khỏi cần muông đũa chi cho mệt. Hai thầy trò vừa ăn vừa trò chuyện dưới bóng trăng mờ. Nước uống thì có một ca nước đậu xanh nấu để bên cạnh. Món này không kể đến trong thực đơn mà thầy ấy đãi tôi, vì từ lúc về viện, tôi nào tôi và thầy Thông Chánh cũng uống nước đậu xanh này cho giải nhiệt. Xong món bánh mì thì tới món kẹo mè xừng. Tôi ăn bánh mì rất ngon miệng nhưng tới món kẹo đáng ra là phải ngọt ngào trơn tuột này thì tôi đâm ghen nơi cổ họng. Tôi biết thầy Thông Chánh không có tiền để đãi



tôi thịnh soạn hơn. Những món thầy đãi chắc là cũng cố gắng lắm mới có được. Làm học tăng ở viện Hải Đức, ngoài ba bữa cơm hàng ngày, mỗi năm được phân phát một ít tiền vào dịp lễ Vu Lan, dịp Tết, còn ngoài ra đều tự túc. Có người được gia đình tiếp tế thêm mới đủ tiền mua sách vở. Gia đình thầy Thông Chánh ở tận Quảng Nam, thầy lại không thích nhờ vả đến. Như vậy, bữa ăn đơn sơ cuối cùng thầy đãi tôi, chắc cũng dốc gần hết túi tiền của thầy rồi. Thương quý và xúc động trước tấm chân tình của thầy, tôi ứa lệ. Trong bóng tối dật dờ của mảnh trăng non, thầy ấy không biết tôi khóc. Thầy vẫn cười nói. Chưa bao giờ tôi thấy thầy ấy buồn, ngay cả vào lúc sắp chia tay như bây giờ.

Trước khi chia tay ai về phòng này, thầy Thông Chánh nhắc tôi xuống lạy thầy bốn sư trước giờ tọa thiền và chỉ tịnh vì sáng mai tôi phải lên đường sớm, có thể không có cơ hội để nghe thầy bốn sư chỉ dạy lần chót. Tôi xuống phòng mặc áo tràng vào, rồi đến gõ cửa phòng thầy. Thầy tôi đang ngồi ở bàn viết. Tôi vào lạy rồi chấp tay thưa:

“Bạch thầy, ngày mai con đi học xa, xin thầy chỉ bảo con.”

Tôi chỉ nói được mấy lời ngắn ngủi như vậy. Thầy tôi gật gù nói:

“Thượng Tọa Chơn Phát, Giám viện Phật học viện Quảng Nam khi xưa là bạn học của thầy. Thầy ấy rất giỏi, giới luật nghiêm minh, xứng

đáng là minh sư cho đồ chúng noi theo mà tu học. Xa thầy, con phải biết nương học thầy ấy thì hạnh kiểm mới toàn vẹn, học lực mới tiến xa. Xem thầy ấy như thầy của con vậy. Nhớ chưa? Còn nữa, mấy anh em cùng đi với nhau, phải giúp đỡ đùm bọc nhau, nhắc nhở nhau tu học...”

Tôi vâng dạ rồi đánh lễ thầy ba lạy. Khi tôi lui ra đến cửa, thầy gọi lại, nói:

“Chuyện tu tập cũng giống như học hành, không tiến tức là lùi.”

Tôi lại vâng dạ rồi xá thầy, lui ra, nhưng thầy đứng dậy, bước theo tôi đến cửa phòng, xoa đầu tôi, nói:

“Phải tiến thẳng về phía trước, đừng quay lại. Quanh quẩn mãi bên thầy thì không bao giờ sáng mắt ra được.”

Tôi đó ngủ chung phòng với các chú tiểu, tôi chợp mắt không được, cứ nhớ mãi những lời thầy dặn dò. Chú Sáng cũng không ngủ được, thức đêm trò chuyện với thầy Thông Nghĩa ở hiên chánh điện. Thầy Thông Nghĩa là huynh đệ đồng sư của thầy Thông Chánh, thương và kèm dạy cho Sáng y như thầy Thông Chánh đã kèm dạy tôi. Chú Sương, chú Thiệt thì ngủ ngon lành, vô tư như chẳng gì xảy đến.

Tôi nằm trần trở mãi đến ba giờ rưỡi khuya, khi tiếng keng báo chúng gõ vang từ lối trai đường. Sau ba câu niệm Phật lớn tiếng cùng cả trăm người trên viện, tôi rời giường đi rửa mặt rồi vào mặc áo, chuẩn bị lên đường. Thầy Thông

Chánh có mặt ngay khi tôi đang xách va-li tiến về hướng Tổ đường. Thầy xách va-li cho tôi, bảo tôi vào phòng thầy bốn sư chào từ giã. Các chú Sáng, Sướng, Thiệt vẫn còn lảng xảng thu xếp đồ đạc trong phòng. Tôi vào một mình. Thầy tôi vừa tọa thiền xong, đang ngồi ở bàn viết. Tôi vào thì thầy trao cho một phong bì, nói:

“Thầy cho con để mua sách vở học. Khi nào cần gì thì viết thư về cho thầy để thầy gửi thêm. Nhớ lời thầy dặn, dù ở đâu cũng phải nương những vị minh sư mà tu học, không theo tà sư hay bạn bè xấu.”

Tôi xúc động nhưng kềm chế, không dám biểu lộ. Thầy tôi không thích con trai mà ủy mị. Đã có lần thầy trách tôi mềm yếu như con gái, cho là tôi bị ảnh hưởng từ các tiểu ni hay các sư cô trong thời gian theo học kinh và tụng kinh ở chùa sư nữ. Lạy thầy xong là tôi lui ra ngay. Thầy bước theo, đưa tôi ra ngoài phòng khách, nơi đó có thầy Thông Chánh đứng chờ.

Viện thuê bao nguyên một chiếc xe đò chở chúng tôi đi từ Nha Trang ra tận Phật học viện. Nhưng xe vào đến viện Hải Đức rất bất tiện, vì vậy địa điểm được chọn để chúng tôi tập trung là chùa Tỉnh Hội. Bảy chú từ Phật học viện Linh Sơn cũng đi xe lam từ Cầu Dứa xuống. Lốp tôi thì bốn người ở viện Hải Đức, một người ở chùa Phước Điền cùng đi bộ đến chùa Tỉnh Hội. Mạnh ai nấy đi, miễn sao đến trước sáu giờ sáng là được. Thầy Thông Chánh xách hành lý đưa tôi đi

bằng con đường Hoàng hôn quen thuộc. Thầy đưa tôi đến tận xe, leo lên ngồi với tôi một lúc.

Trên xe cũng náo nhiệt lắm, có mười hai chú tiểu cùng một số người thân đưa đón thôi mà ồn như cái chợ. Thân nhân các chú đến đó, dặn dò, khuyên nhủ, khóc lóc cũng có. Tôi chỉ có thầy Thông Chánh như là người thân vào giây phút chia tay đó. Thầy cứ ngồi cười, lâu lâu nắm tay tôi lắc lắc. Thầy vẫn vậy, không biết buồn là gì.

Đến giờ xe sắp chạy bỗng thấy mẹ tôi xuất hiện. Tôi không kịp nói gì với mẹ, chỉ ngồi trên xe, nhìn bà từ khung cửa sổ. Thầy Thông Chánh chạy đến bắt tay tôi lần cuối trước khi xe chạy. Rồi thầy đứng lại gần chỗ mẹ tôi và những bà mẹ của những chú tiểu khác. Tình huynh đệ giữa tôi và thầy ấy đã được biểu lộ bằng một cái xiết tay. Nhưng tình mẫu tử thì không. Mẹ tôi chỉ đứng nhìn theo, rồi đưa một tay lên vẫy. Tôi đưa tay vẫy lại. Bóng mẹ và những người đưa tiễn nhòa dần trong màn sương sớm.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Xe chúng tôi đi không phải chỉ có mười hai chú tiểu mà còn có thầy Thiện Đức (giữ chức Giám luật) thay mặt Phật học viện Linh Sơn, đưa chúng tôi đi nhập học Phật học viện Trung đẳng. Ngoài ra còn có chú Tâm Hạnh (ở Phan Rang ra), chú Tâm (ở viện Hải Đức) theo xe để ra Đà Nẵng nhập học Phật học viện Trung Đẳng Phổ Đà.

Tôi được biết chú Tâm Hạnh vào thời gian này. Chú ấy là đệ tử lớn nhất trong số các đệ tử xuất gia của thầy tôi. Chú đã mười tám tuổi và đã thọ Sa-di thập giới (kể theo giới pháp, Sa-di có hai bậc: Sa-di ngũ giới và Sa-di thập giới), trên chúng tôi một bậc, nghĩa là chú ấy giữ mười giới chứ không phải năm giới như bọn tiểu chúng tôi. Chú ấy còn là bạn học cùng lớp của một người anh ruột tôi, đã có đôi lần ghé nhà tôi lúc tôi chưa xuất gia, cho nên chuyện kết thân giữa tôi và chú cũng khá nhanh chóng. Rất tiếc là chỉ trong một thời gian ngắn trên chuyến xe.

Vì xe đã được viện thuê bao nguyên chuyến từ Nha Trang ra Đà Nẵng nên tài xế không dừng lại rước khách giữa đường. Xe chạy khá nhanh, đến khoảng bốn giờ chiều đã đến Phật học viện Phổ Đà. Chú Tâm Hạnh và chú Tâm nhập học ở đây, nhưng thầy Thiện Đức và toàn bộ bọn tiểu

chúng tôi cũng phải xuống xe—vì theo hợp đồng thì tài xế không có bổn phận đưa chúng tôi đi Hội An. Loay hoay buổi chiều không thuê được xe đi Hội An, thầy Thiện Đức xin phép ban giám đốc Phật học viện Phổ Đà cho chúng tôi nghỉ lại một đêm tại đây trước khi đi Hội An vào buổi sáng kế tiếp.

Đường dẫn vào Phật học viện Quảng Nam, hai bên là đồng ruộng mênh mông. Khúc đường ngang ruộng trở thành như con đê, hay có thể nói chính con đê của ruộng đã trở thành con lộ chính của vùng này thì đúng hơn. Tre trồng dày đặc ở những khoảng có nhà cửa. Chỉ có những khoảng ấy là có bóng mát dễ chịu. Qua khỏi khu nghĩa trang Tin Lành, chúng tôi đã có thể nhìn thấy Phật học viện từ xa.

Phật học viện Quảng Nam được thành lập tại chùa Long Tuyên do Thượng tọa Thích Chơn Phát trụ trì. Với ý nguyện giáo dục học tăng trẻ, Thượng tọa biến ngôi chùa Long Tuyên thành Phật học viện để góp phần chung lo việc đào tạo tăng tài cho Giáo hội. Như vậy, đối với chùa Long Tuyên, Thượng tọa là trụ trì; đối với Phật học viện, Thượng tọa là giám viện. Chùa Long Tuyên có nhiều cây cao, đem lại màu sắc tươi xanh và bóng rợp an lành cho cả khu đất rộng lớn. Có điều, gần hai dặm vuông vây hết mặt phải và chính diện của ngôi chùa là mộ địa. Như vậy, có thể nói, Phật học viện Quảng Nam như một

hải đảo xanh um nổi lên giữa một đại dương mỗ mả và cát trắng. Những ngôi mộ cái lớn cái nhỏ, cái cũ cái mới, chen chằng chịt, san sát nhau, có vẻ như vô trật tự. Nghe đâu quá nửa dân Hội An và các xã lân cận đều đem chôn người thân của họ ở khu nghĩa địa vô danh không có tường rào này. Còn phía sau lưng chùa là một trại lính đồn trú trên bãi cát rộng. Trước kia đồn này do một tiểu đoàn lính Bạch Mã của quân đội Đại Hàn đóng quân, nay giao lại cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chùa và trại lính này cách nhau một con đường nhựa; con đường này dẫn đến Ngũ Hành Sơn Non Nước và có thể thông đến Đà Nẵng. Tuy nhiên, lâu lâu mới có một đoàn công-voa sử dụng con đường ấy. Tuyến đường ngắn và tiện lợi nhất cho Hội An – Non Nước là con đường nhựa này, vậy mà người ta đã phải chọn con đường dài gấp ba lần hơn bằng cách chạy vòng đến ĐÀ NẴNG qua ngã Vĩnh Điện (Điện Bàn) rồi từ Đà Nẵng mới chạy về Non Nước qua ngã cầu Đà Lách. Lý do là tuy con đường hãy còn sờ sờ ra đó, nhưng đã bị cắt từ lâu vì mất an ninh—xe cộ chạy trên đường ấy thường bị chặn lại bởi các du kích quân cộng sản. Bên trái của chùa, từ ngoài nhìn vào, là đất của xã Cẩm Hà. Xã này đất rộng người thưa. Đất đai ở đây là loại đất pha cát, thứ cát trắng y hệt như cát ở bãi biển, nên có trồng trọt gì người ta cũng phải bón phân đầy đủ thì cây mới mọc nổi. Nếu diển tả theo kiểu người đời thì đây là vùng đất mà *chó ăn đá, gà ăn muối*.

Chùa Long Tuyên tọa lạc trên vùng giáp ranh giữa xã Cẩm Hà và thị xã Hội An. Buổi tối, từ sân chùa nhìn về hướng đông nam, tôi có thể nhìn thấy điện đèn phố Hội ánh lên từng luồng sáng sau những rặng cây cao rậm của trường Trần Quý Cáp.

Chùa Long Tuyên được khai sơn gần bảy mươi năm trước bởi Hòa thượng Phổ Thoại, bôn sư của Thượng tọa Chơn Phát. Cứ nhìn mái ngói tường vôi phủ đầy rêu mốc cũng đủ thấy vết tích của thời gian lướt qua nơi đây. Có những đám rêu ở mé tường phía tây chính điện còn nở những cành hoa nhỏ xinh xắn màu vàng nhạt như màu lá úa. Mé tường phía bắc tức là phía hậu tổ, sau chính điện, có những đường nứt có thể lọt ánh sáng bên ngoài vào. Từ chỗ nứt này, người ta biết tường vách không xây bằng xi măng mà là thứ hồ trộn thế nào đó theo cách thức hồi xưa, bám vào chỉ thấy vôi trắng rớt từng nhúm bột nhỏ trên tay. Chính điện của chùa và dãy hậu tổ nối liền với nhau, nằm độc lập trên nền cao ở khoảng đất trung tâm của chùa. Một dãy nhà gồm ba phòng lớn mới xây ở phía trái của chính điện; trong ba phòng ấy, chỉ có một phòng được sử dụng làm tăng phòng, hai phòng còn lại là phòng học. Như vậy, từ cổng tam quan bước vào, dãy phòng học xuất hiện trước nhất ở phía trái rồi mới đến chính điện, cũng phía trái. Đối diện chính điện là tháp Đa Bảo, một ngôi tháp cổ bám đầy rêu. Ngôi tháp xây thật đẹp, có tam cấp bước lên từ hai phía.



Tầng dưới thiết trí tôn tượng đức Địa Tàng Bồ Tát và bàn thờ cô hồn, tầng trên thờ đức Phật Đa Bảo. Ngôi tháp Đa Bảo này làm tầng vẻ đẹp cổ kính của toàn thể cảnh chùa. Qua khỏi chính điện và bảo tháp là dãy Tổ đường và trai đường nằm theo chiều ngang. Tổ đường thờ đức Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma và Tổ Phổ Thoại khai sơn chùa. Phía sau Tổ đường là dãy tầng phòng gồm hai, ba phòng nhỏ, dành cho các thầy trong ban giám đốc của Phật học viện. Bên trái Tổ đường là phòng khác và phòng riêng của Thượng tọa giám viện. Bên phải Tổ đường là văn phòng của Phật học viện. Nối đuôi văn phòng là một dãy tầng phòng khác. Dãy này gồm một phòng lớn, một phòng nhỏ. Phòng lớn dành cho học tăng, phòng nhỏ dành cho các chú sa-di thường trú của chùa (tức là các chú đệ tử của Thượng tọa giám viện mà không tham dự chương trình của Phật học viện). Dãy tầng phòng này được nối với dãy Tổ đường bằng một gian nhà tôn, trước kia làm kho chứa, nay được trưng dụng làm phòng ngủ tạm thời cho những học tăng đến sau. Bên trái, nối đuôi với phòng Thượng tọa giám viện và dãy Tổ đường là khu bếp. Khu bếp khá rộng lớn, nhiều phòng. Có hai dì vải già lụm khum lo việc nấu nướng. Ở khu bếp, ngoài phòng ăn nhỏ dành cho Phật tử và một dãy bếp lò biệt lập, còn có phòng ngủ dành riêng cho các dì vải và một phòng lớn là nơi sản xuất đèn cây và nhang để vừa có nhang đèn cúng Phật vừa bán ra ngoài mà giúp thêm phần tài chánh

cho chùa. Giếng nước và dãy nhà tắm thì ở sau lưng Tổ đường. Dãy nhà vệ sinh nằm xa ở phía góc trái của khu bếp. Còn lại là đất vườn hơn năm mẫu tây bao bọc các dãy nhà. Nghe nói chùa còn có hơn mười mẫu ruộng và hai mẫu đất vườn khác nằm ngoài khuôn viên chùa; nhưng số ruộng đất ấy, Thượng tọa giám viện đã cho người khác canh tác, sau mỗi vụ gặt, người ta mang lúa vào cúng chùa, bao nhiêu cũng được, tùy hỷ, không có số lượng nhất định. Thượng tọa chủ trương học tăng cần thì giờ tu học, khỏi phải làm lụng vất vả hàng ngày, phần tài chánh sẽ do chùa đài thọ, giáo hội địa phương cũng như trung ương tiếp trợ thêm.

Khi chúng tôi mang hành lý vào sân chùa, các chú ở các tỉnh đến sớm hơn, túa ra nhìn. Có chú la to: “Mô Phật, có thêm tân binh nữa kìa!” rồi cười ồ ồ. Nụ cười có vẻ chế giễu chúng tôi sao lại chui đầu vào Phật học viện nghèo khổ này. Chúng tôi chỉ biết im lặng theo thầy Thiện Đức vào đánh lễ Thượng tọa giám viện. Thượng tọa tuổi trạc năm mươi, vóc người cao lớn, dáng đi hiên ngang như sư tử. Mũi cao, miệng rộng, giọng nói mạnh và ấm. Có điều Thượng tọa phải đeo cặp kính thật dày vì cận quá nặng, hình như khoảng bảy, tám độ. Mỗi lần đọc sách, Thượng tọa phải đưa chữ sát vào mắt mới đọc được. Vậy mà nghe nói, với cặp mắt yếu đó, mỗi năm Thượng tọa đều tụng đọc trọn bộ kinh *Đại Bát Nhã* bằng chữ Hán vào ba tháng an cư (kinh này

gồm sáu trăm quyển, mỗi quyển từ 5 đến 6 trang, in thành 3 tập trong Đại Tạng Kinh, mỗi tập trên một ngàn trang, mỗi trang khoảng 1500 chữ Hán nhỏ chi chít).

Thượng tọa bảo thầy quản chúng của Phật học viện sắp xếp chỗ ngủ cho chúng tôi. Thầy Thiện Đức giao chúng tôi cho Phật học viện rồi thì hết trách nhiệm, liền đón xe ra Đà Nẵng để về lại Nha Trang. Nguyên buổi chiều đó, thầy quản chúng cố gắng lắm mà vẫn không sao sắp đặt nổi chỗ ăn ở cho bọn tôi. Chúng tôi đành phải nằm tạm trong phòng học một đêm. Nhưng qua những ngày kế tiếp, những chú tiểu từ các tỉnh, các quận lân cận hãy còn tiếp tục tựu về, chỗ ăn ở không sao giải quyết thỏa đáng được. Vậy là phải ráng chờ đến sau ngày thi khảo hạch. Thầy quản chúng cho biết số lượng học tăng tựu về đây đã tới số trăm, nhưng sau kỳ thi có lẽ chỉ còn lại phân nửa. Mặt khác, nhờ nguồn thông tin trao đổi mau chóng giữa các chú tiểu từ nhiều tỉnh mang đến, một số tăng hơi lớn tuổi dự tính xin nhập học tại đây, đã đổi ý, tức tốc đón xe vào các Phật học viện khác như Phật học viện Vĩnh Bình, Phật học viện Nguyên Hương (Phan Thiết), Phật học viện Phổ Đà (Đã Nẵng) v.v... để xin thi vào các nơi ấy. Chẳng biết chuyện thay đổi của các chú có thành công hay không, chỉ nghe thầy quản chúng vừa cười vừa nói rằng:

“Chỉ tại các chú ăn cơm nước tương lại thiếu chỗ ngủ mấy ngày nên thất kinh mà bỏ đi

đây thôi.”

Có lẽ thầy quản chúng cũng nói đúng phần nào. Ở đây có mấy lu nước tương thật lớn do các dì vải tự làm lấy, lu nào cũng quây muối mặn chất để tránh bị mốc và cũng để bớt “hao”. Học tăng ở ạt từ các tỉnh kéo đến, đông ngoài sức trữ liệu của viện, khiến Thượng tọa giám viện xoay trở không kịp. Thương tọa cứ cho tiền đi chợ liên tu hai, ba tuần để nấu những món ăn rất đậm bạc cho những người vốn chấp nhận chuyện đậm bạc, vậy mà vẫn không sao chịu thấu. Hết tiền chợ! Gạo thóc thì hãy còn đây, nhưng tiền quỹ phải cạn thôi. Không lẽ tất cả tiền quỹ phải dồn vào tiền chợ? Cho nên, đành cho ăn nước tương tạm thời cho đến ngày khai giảng. Nhưng nói ăn cơm với nước tương thì cũng hơi quá đáng. Thực ra, các dì vải cũng cố gắng lượm lật đầu đó trái bầu, trái bí trong vườn, hoặc mua rất rẻ ở vườn nhà người ta, để đem nấu canh cho cả viện ăn. Mỗi ngày ba bữa ăn thì có một bữa canh, thường là bữa trưa. Bữa điểm tâm có cháo trắng, cũng ăn với nước tương. Bữa ăn chiều thì có cơm trắng, cũng là chan tương. Món canh chỉ đặc biệt cho bữa ăn trưa thôi, vì vậy cứ nói gọn là ăn cơm nước tương. Món canh nấu kể cũng khá đơn giản: bí cắt hơi dày, dày bằng ngón tay cái, thò hết vào nồi nước đang sôi, rồi bỏ muối vào, quây vài cái. Vậy là xong, đã có nồi canh cho mấy chục miệng ăn rồi đó. Trên bàn ăn, cứ bốn chú tiểu thì được dọn một thau cơm, một thau canh, hai chén

nước tương (thứ nước tương được dì vãi cố tình bỏ thêm muối này thì dọn nhiều cũng không sợ hao hụt gì; chú nào xón xa xón xác không chịu ném trước mà chan đại một muống vô chén cơm thì thế nào cũng trầy lưỡi! Có chú đã than: “Sao tương gì mà mặn vô hậu vậy kìa!” Chú khác nói: “Có hậu đó chứ sao lại vô hậu! Cái hậu mặn của nó kéo dài đến bữa ăn kế tiếp kia mà!”). Cơm nước như vậy ăn chừng ba ngày thì dù có anh hùng cách mấy cũng thấy ngán ngẩm, nói chi hai ba tuần hay phải chịu luôn hết bốn năm học! Vậy là các chú rút lui bớt. Thầy quản chúng tinh ý lắm mới đưa ra nhận xét rất thực tế đó. Cũng may là bọn chú tiểu thuộc Phật học viện Linh Sơn Nha Trang chuyển ra không chú nào bỏ đi. Nhưng tiếng than thở cũng vang lên không ngớt từ đám chú tiểu Nha Trang này. Có chú còn không ăn cơm của viện, cứ mua mì gói về nấu ăn riêng. Sẵn tiền gia đình cho để đi học xa, các chú xin phép xuống phố Hội An mua sách vở, luôn tiện mua mì gói, bột ngọt (để thêm vào thau canh bí và chén nước tương cho đỡ gắt), đường, cùng đủ thứ thực phẩm xa xỉ khác như bánh, kẹo, bánh tráng, v.v... Trước khi khởi hành rời Nha Trang, tiền bạc của chúng tôi đã bị gom lại giao cho thầy Thiện Đức, ghi một giấy kê khai mỗi người có bao nhiêu. Đến đây, thầy Thiện Đức đã giao trọn số tiền và giấy kê khai ấy cho thầy quản chúng ở đây rồi. Làm vậy để các chú bớt tiêu xài phung phí, vì mỗi lần muốn mua gì phải đến gặp thầy quản

chúng, đưa ra lý do hợp lý, chính đáng để xin rút một khoản tiền vừa đủ với nhu cầu kê khai. Nhưng thấy quản chúng ở đây lại là một nhà sư dễ dãi, vui tính, có máu nghệ sĩ, thấy các chú thưa trình tội nghiệp quá, nên xin rút bao nhiêu là thầy đưa bấy nhiêu. Rút càng nhanh càng tốt, thầy khỏi phải bận tâm chuyện tiền bạc nữa. Cho nên, trong vòng vài tuần lễ đầu là số tiền gửi nơi thầy quản chúng đã không còn. Đó là chưa kể các chú xin riêng cha mẹ lúc xe sắp chạy. Các bà mẹ này thương con còn bé bỏng mà phải đi học xa, sợ tiền bị kiểm soát khó rút được, con mình phải chịu thiếu thốn nên cứ dúi thêm cho các chú. Vậy là tiền nỏ tiền chìm gì cũng sạch trong vòng chưa đầy tháng. Vào tuần thứ tư thì các chú đã viết thư ào ào về Nha Trang xin tiếp viện. Viết thẳng về nhà chứ đâu cần viết về chùa làm gì! Không biết chú Sáng thế nào chứ tôi thì không viết thư xin tiền. Tôi chỉ viết thư về thăm và kể sơ sinh hoạt ở đây cho thầy và gia đình tôi biết. Tôi cũng không tả oán cảnh nghèo khổ của Phật học viện vì trong luật có dạy một phần, phần khác vì tự tâm tôi không muốn gia đình phải vướng bận bất cứ điều gì về tôi nữa. Tuy nhiên, dù đã tỏ ra cứng rắn, sẵn sàng chịu đựng hoàn cảnh mới, tôi vẫn không sao kèm được ước muốn có chủ quyền với món tiền nhỏ trên một ngàn đồng của thầy bốn sư và ba mẹ tôi cho. Cũng phải mua sắm tập vở, giấy bút để học chữ, hướng chi, ở phố cũng có nhiều thứ đồ ngọt hấp dẫn có thể bù đắp vào lượng ca-lô-ri cần

thiệt hàng ngày. Ăn cơm nước tương mãi tôi cũng thèm ngọt như ai thôi. Vì vậy, khi thầy quản chúng thắc mắc gọi tôi lên phòng thầy, hỏi tại sao không thấy đá động gì đến số tiền gởi gắm như các chú kia, tôi liền xin rút một ít. Thầy nói:

“Sao không rút hết luôn đi?”

“Dạ... thầy có cho phép rút hết không?”

“Sao không! Với ai chứ với chú thì tôi cho rút hết một lần cũng được. Đây, coi nào, số nợ của chú đâu rồi, nè, chú Vĩnh Khang phải không, pháp danh Tâm Quang, phải không? Ừ, một ngàn hai trăm đồng. Chú cầm luôn đi. Sao mà thiệt thà quá. Mấy chú kia xài hết tiền từ lâu rồi. Bộ chú không thèm mì gói hả?”

Tôi cầm tiền, rủ chú Sáng cùng đi phố, có chú Tường là dân địa phương dẫn đường.

Trong cái nhìn của tôi lúc đó, phố Hội An là một thành phố cổ, nhỏ hẹp, không có gì đặc biệt, đi quanh vài con đường chính Nguyễn Thái Học, Cường Để và đường Bồ Sông là muốn hết phố rồi. Lúc trở về, chú Tường đưa chúng tôi ngang Chùa Cầu, một thắng cảnh nổi tiếng của Hội An mà ai đến phố này cũng muốn tìm thăm cho biết. Hai đầu cầu có hai con khỉ và hai con chó bằng đá ngồi hai bên như giữ cửa. Cầu bằng ván hơi cong, có lợp mái ngói bên trên, chiều dài của cầu chừng hai mươi thước, bề ngang chừng ba thước, chưa kể hai lối đi dành riêng cho người đi bộ cặp hai bên. Bước đến hai đầu cầu, nếu không để ý có thể bị giật mình khi thấy hai con

khỉ và hai con chó giương đôi mắt thao láo như nhìn chòng chọc vào người đi đường. Chùa nằm phía bên phải cây cầu trên đường về của chúng tôi. Chùa có ba gian, cửa đóng im ỉm, bên trong âm u, chẳng thấy được gì ngoài cảm giác rờn rợn nổi trên thịt da. Gọi là chùa vì kiến trúc giống như một ngôi chùa Nhật Bản, chứ thực ra không phải chùa thờ Phật mà chỉ là một cái miếu, một cái đền, hay thần xã của Nhật Bản thì đúng hơn. Nghe nói hồi xưa một thầy địa lý người Nhật qua xem địa hình địa vật sao đó mà vận động chính phủ Nhật cho trấn gươm và yểm bùa nơi đây để chặn đứng long mạch, không cho khởi phát tại đất Việt – cũng có người nói thực ra để chặn cho con giao long khởi cựa quây sanh ra động đất triền miên ở Nhật Bản. Chùa được xây lên để thờ gươm thần và bùa yểm từ đó.

Nhà cửa ở đây có nhiều kiểu kiến trúc khác nhau, nhiều căn rất mới chen vào những ngôi nhà thật xưa phủ đầy rêu. Cái thì cao, cái thì thấp, cái thụt vào, cái nhô ra, nhìn qua thấy có vẻ lộn xộn, chẳng thứ lớp gì cả. Nhưng có lẽ đó cũng là nét đặc trưng của thành phố cổ này. Hầu hết phố Hội An là những căn nhà lợp ngói rất xưa—những mái ngói đã mất đi màu đỏ cổ hữu, chỉ giữ lại một màu rêu thật sẫm hoặc đen—nên vẻ duyên dáng một cách cô kính của Hội An vẫn như còn đó với thời gian.

Chuyên đi phố đó, tôi chẳng mua sắm gì nhiều, một ít tập vở, bút mực, một cái ca nhựa,



một chiếc đèn dầu bóng hột vịt (Phật học viện nằm xa thành phố nên không có điện, mỗi học tăng chỉ được phép thắp một đèn dầu nhỏ cho đỡ tối) và một gói kẹo đậu phụng thật lớn. Gói kẹo đem về, đãi bạn bè chưa đầy năm phút đã hết sạch, nhưng vui. Có được chút chất ngọt vào người, tôi thấy tinh thần cũng tỉnh táo lên. Làm tiêu ở một Phật học viện nghèo thì lâu lâu cũng phải tự thưởng mình một chút quà vật như vậy mới có sức mà tu học được.



Đáng lý bọn tiểu Nha Trang chúng tôi khỏi phải qua kỳ thi khảo hạch, vì đã có chứng chỉ tốt nghiệp và thư giới thiệu của Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn gửi đến. Nhưng Thượng tọa giám viện sợ các chú khác phân bì, đã đề nghị chúng tôi tham dự kỳ thi cho được công bình. Vậy là thi. Đề thi không khó lắm, đều là những bài học kinh luật và giáo lý căn bản mà chúng tôi đã học qua ở Nha Trang. Mười hai chú Nha Trang (ở viện gọi chúng tôi là *các chú Nha Trang* cho gọn và dễ phân biệt trong thời gian đầu) đều qua được kỳ thi khảo hạch dễ dàng. Một số chú ở các tỉnh không đủ điểm phải ra về; có chú vì hoàn cảnh sao đó, sau khi năn nỉ hết lời, đã được phép ở lại học. Đến ngày khai giảng, tổng số tăng sinh của Phật học viện là bốn mươi sáu người. Mọi người đều đã được ổn định chỗ ăn ở. Mỗi phòng tăng

lớn chứa từ mười lăm đến hai chục cái giường, đặt san sát nhau y như ở một bệnh viện nghèo. Nhưng chẳng sao, chúng tôi không quan tâm chuyện đó lắm. Tuổi trẻ ăn thì kén chọn chứ ngủ thì khó khăn gì, nằm đâu cũng ngon giấc được cả—nhất là ở chùa Long Tuyên này, đặc biệt không có muỗi; có lẽ vì khoảng khoát, có gió thổi lồng lộng suốt ngày đêm như ở bãi biển. Tăng sinh được chia làm hai chúng: chúng Ca Diếp và chúng A Nan. Chữ *chúng* là một thuật ngữ của Phật giáo dành để chỉ một tập thể tỳ kheo gồm bốn vị trở lên. Ở đây, chữ *chúng* được dùng cho các chú tiểu, hiểu như là nhóm, tổ, đoàn. Ca Diếp và A Nan là tên của hai vị Sơ và Nhị Tổ của Thiền tông theo truyền thuyết Trung Hoa. Ca Diếp là vị đại đệ tử của Phật, nổi tiếng với danh xưng đầu đà (khổ hạnh) đệ nhất; A Nan là em họ của Phật, nổi tiếng đa văn (học rộng, nghe nhiều) đệ nhất. Lấy tên các vị này để đặt cho hai chúng là ý muốn nêu gương cho học tăng. Mỗi chúng bầu một vị sa-di lớn tuổi làm chúng trưởng, một vị làm chúng phó (đặc biệt trong khóa học của chúng tôi có bốn vị có tuổi trên hai mươi). Theo sự đề nghị của Thượng tọa giám viện, thầy quản chúng đã chia nhóm tiểu Nha Trang chúng tôi làm hai: một nửa lọt vào chúng Ca Diếp, một nửa còn lại thuộc chúng A Nan. Tôi và Sáng cùng ở chúng Ca Diếp.

Chương trình học ở viện không nặng nề gì lắm nhưng chiếm mất hết thì giờ trong ngày của

chúng tôi. Buổi khuya, giống như hầu hết các chùa khác tại Việt Nam, ba giờ rưỡi là keng báo thức, toàn bộ tăng chúng cùng thức dậy ngồi niệm Phật hay tọa thiền ngay trên giường ngủ của mình nửa giờ đồng hồ. Bốn giờ thì một chúng tụng kinh (công phu khuya), một chúng ở dưới lo học, thay phiên mỗi chúng một ngày. Chúng nào tụng kinh thì đảm trách bốn khóa lễ từ sáng đến tối (bao gồm hai thời thỉnh đại hồng chung và các thời kinh công phu khuya, cúng ngộ, công phu chiều và tịnh độ); chúng nào *trị nhật* (tức là ban trực trong ngày) thì đảm trách mọi công tác trong ngày đó (bao gồm quét dọn chính điện, sân, các dãy nhà và phòng học, chùi rửa và làm vệ sinh nhà cầu, tưới cây kiếng và vườn rau, đổ nước vào bồn nước của ban giám đốc, nhà tiêu và nhà bếp, dọn cơm cho đại chúng v.v...). Sự phân chia rất công bình, cứ ngày hôm nay tụng kinh thì ngày sau lo làm công tác vệ sinh. Khi chúng kia tụng kinh hay làm công tác thì chúng này có giờ học bài và ngược lại. Năm giờ sáng thì khóa lễ công phu khuya chấm dứt. Từ năm giờ đến sáu giờ sáng có được một giờ trống để học bài. Sáu giờ là giờ chấp tác (tức là làm công tác trong chùa, giờ này chỉ dành cho chúng nào nằm trong ban trị nhật, riêng chúng nào tụng kinh thì lại được thêm một giờ để ôn bài). Sáu giờ rưỡi là giờ điếm tâm với cháo sáng. Sáu giờ bốn lăm là giờ tập trung trước sân để cùng đi bộ đến trường Bồ Đề (ở phố Hội An, cách viện khoảng ba cây số). Thượng tọa

giám viện không cho phép chúng tôi mạnh ai nấy đi, mà bắt phải xếp thành một hàng dọc đi từ viện đến thẳng trường. Có các chúng trưởng kiểm soát kỷ luật. Không ai được đi riêng, không ai được đùa giỡn trên đường đi, cũng không ai trốn học được vì trước khi đi và khi về đến viện, đều có điểm danh và báo cáo của các chúng trưởng lên thầy quản chúng. Bảy giờ rưỡi sáng chúng tôi bắt đầu vào lớp ở trường Bồ Đề, học cho tới mười một giờ rưỡi tan học, cùng xếp hàng để trở về viện. Về tới viện, chúng tôi chỉ kịp nghỉ ngơi đâu chừng mười lăm phút là đến giờ cúng Ngọ và thọ trai. Sau giờ cơm, được ngủ từ một giờ đến hai giờ thì được báo thức với ba hồi keng. Hai giờ rưỡi có lớp học của viện kéo dài đến bốn giờ hoặc bốn giờ rưỡi, tùy môn học. Tan học là khóa lễ công phu chiều. Sau công phu chiều là giờ tiểu thực (tức bữa ăn chiều—gọi là “tiểu thực” vì đúng theo sinh hoạt truyền thống nguyên thủy, tăng sĩ chỉ ăn ngày một bữa vào buổi trưa; theo truyền thống Bắc tông ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản v.v.... tăng sĩ không đi khát thực mà tự túc canh tác, làm ruộng vườn hoặc các ngành sản xuất thủ công nghiệp khác nên uyển chuyển cho phép ăn thêm buổi sáng và buổi chiều để đủ sức làm việc; nhưng hai buổi ăn thêm đó đều là phụ nên gọi là *điểm tâm* và *tiểu thực*, tức là chỉ ăn qua loa, ăn nhẹ). Sau giờ tiểu thực là một giờ đồng hồ phóng tham, thời gian rảnh rỗi thực sự, không phải làm gì hết. Đến tám giờ tối là khóa lễ Tịnh

Độ. Chín giờ rưỡi là giờ tọa thiền niệm Phật và mười giờ, toàn bộ tăng chúng đều phải tắt đèn mà ngủ. Như vậy, giờ giấc ở viện rất sát sao, khó lòng có thì giờ dư để chúng tôi làm việc gì khác. Ngoài hai ngày cuối tuần không có lớp (nhưng vẫn có công tác trị nhật và tụng kinh), chúng tôi phải vận dụng tất cả thời gian trống trong ngày để lo thanh toán bài vở của cả hai chương trình (*ngoại điển*, chương trình văn hóa phổ thông ngoài đời, và *nội điển*, chương trình chuyên khoa Phật học của viện).

Tháng đầu chưa quen, việc học việc làm chạy chưa đều, thấy cũng hơi vất vả. Bài học dồn dập, tôi chỉ biết lo cắm cúi mà học. Tôi cũng quên để ý rằng trong tôi đã không còn những ý tưởng giang hồ phiêu lưu, chán ngán với việc học như hồi chưa xuất gia nữa. Trước mắt tôi là bài vở, là những cuốn sách hay để đọc thêm, tôi ngấu nghiến, nghiền ngẫm, siêng năng như con mọt gặm gỗ. Kết quả là ngay tháng đầu tôi đứng hạng nhất ở lớp ngoại điển lẫn lớp nội điển. Cứ theo đà đó, dù vào những tháng kế tiếp tôi có hơi lơ là việc học, bảng xếp hạng của tôi ở cả hai trường vẫn giữ nguyên một mực hạng nhất, chẳng thay đổi suốt cả năm. Chú Sáng cũng theo tôi sát nút ở lớp nội điển của viện. Tháng đầu Sáng xếp hạng sáu hay bảy gì đó. Đến tháng thứ hai, Sáng lên hạng năm. Qua tháng thứ ba thì Sáng xếp hạng nhì. Cứ thế, tôi hạng nhất, Sáng hạng nhì, hai huynh đệ dẫn đầu lớp dài dài.

Tôi nói tôi hơi lơ là việc học ở những tháng kế tiếp chẳng phải tôi biếng học ham chơi gì. Chẳng qua tôi có những đam mê khác mà thôi. Thứ nhất là đam mê đọc sách. Thứ hai là đam mê tọa thiền.

Vào những tháng sau, có thể một phần do ý lại sức học của mình, tôi đã dành nhiều thì giờ cho việc đọc sách thay vì học bài. Đã có lúc tôi bị chấm zéro ở một môn học thuộc lòng nào đó (như Sử-địa, Sinh vật...) vì không thuộc bài hoặc không làm bài tập, nhưng điểm cao tôi đa ở các môn khác vẫn cứ vớt được tôi, khiến tôi vẫn giữ được hạng nhất. Các môn như Đại số, Hình học, Lý-hóa, cột điểm của tôi lúc nào cũng nhiều hơn bạn cùng lớp. Những điểm ấy có khi là điểm từ *toán chạy*, có khi là điểm của một cái giọng tay trả lời đúng trong khi cả lớp ngồi im thin thít. Những điểm kiếm thêm ấy, lúc nào cũng là hai mươi, trăm phần trăm. Điểm luận văn của tôi cũng dẫn đầu lớp với số điểm khá cao. Các bài luận của tôi thường được đọc lên cho cả lớp nghe. Giáo sư Luận văn có khi còn trích câu hay đoạn văn hay trong bài của tôi, bắt cả lớp phải ghi vào tập. Thành công dễ dàng trong nhiều tháng như vậy, tôi đâm nhìn việc học như trò chơi. Trong khi các chú khác học bài, làm bài của trường lớp, tôi lấy sách đọc. Số sách của tôi càng lúc càng tăng. Đó là những sách bàn về văn chương, các loại sách *Học làm người*, và đặc biệt là một số sách về Thiền học, tư tưởng Phật giáo. Thỉnh

thoảng tôi cũng mua vài cuốn tiểu thuyết hay truyện ngắn nổi tiếng của Việt Nam hay ngoại quốc thích hợp cho lứa tuổi của tôi, cũng như thích hợp cho người ở chùa. Tôi thích nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Lê Tất Điều, Võ Hồng, Doãn Quốc Sỹ, Léon Tolstoi và Victor Hugo từ dạo ấy. Dần dần, trình độ khá hơn, tôi mạo hiểm lên mua các loại sách của những nhà văn nhà thơ Việt Nam như Xuân Diệu, Huy Cận, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Hoàng... và các nhà văn ngoại quốc như Remarque, Maupassant, Maugham, Steinbeck, Mishima, Pasternak, Kawabata, Kazantzakis, Dostoievski... (dĩ nhiên là chỉ đọc từ các bản dịch Việt ngữ). Trong số các tác phẩm của các nhà văn trên, rất nhiều chỗ hoặc nhiều cuốn tôi đọc không hiểu, hoặc cứ tự suy diễn và hiểu theo tầm hiểu biết cạn cợt của mình lúc đó, nhưng tôi vẫn cứ đọc hết từng cuốn một cách say sưa, không chịu bỏ ngang cuốn nào. Đọc không hiểu, không nhớ, mà tôi vẫn cứ đọc, đọc xong rồi quên. Chẳng biết đọc sách như thế có lợi gì chẳng, nhưng tôi cứ đọc. Có bao nhiêu tiền, tôi đổ hết vào sách. Ở Hội An chỉ có một tiệm sách, nhưng tôi ít tìm thấy loại sách tôi cần. Tôi thường mua sách ở Đà Nẵng mỗi khi có dịp, hoặc nhờ thầy Thông Chánh mua từ Nha Trang rồi gửi ra. Chú Tâm Hạnh, sư huynh tôi, lâu lâu cũng từ Đà Nẵng ghé Hội An thăm chúng tôi, tặng tôi vài cuốn sách.

Đọc sách trở thành một thứ nghiện ngập của tôi. Tôi không biết là những thứ sách trên có bồi bổ gì thêm hoặc có ảnh hưởng xấu hay tốt gì cho cái đầu óc non nớt của tôi không. Chỉ đến khi bước vào loại sách Thiền, tôi mới thấy được rõ rệt tầm ảnh hưởng của sự đọc sách. Sách Thiền vào đầu thập niên bảy mươi được in ra khá nhiều. Mà đó là loại sách không phải chỉ đọc chơi, nó còn thúc bách người đọc đi vào thực hành nữa. Tôi đọc Thiền còn say mê hơn bất cứ loại sách hay truyện nào khác, đọc quên ăn quên ngủ. Càng đọc, càng nhớ lời thầy từng chỉ dạy trong thời gian tôi còn hầu hạ thầy. Chẳng hạn, có lúc thầy tôi nói rằng “xuất gia là để thành Phật chứ không là thứ chi khác.” Câu ấy lúc mới nghe qua, lòng tôi đã thấy chấn động. Bây giờ đọc sách Thiền, tâm địa tôi càng sáng ra, và vẫn cứ thấy chấn động từng hồi mỗi khi nghe nhắc về Phật tánh sẵn có nơi tự tâm mình.

Suốt thời gian từ khi mới xuất gia cho đến khi ham mê đọc sách Thiền, công phu tu tập hàng ngày của tôi là ngồi niệm Phật, hoặc trì chú Chuẩn Đề, hoặc chỉ thực tập sổ tức quán (đếm hơi thở). Chỉ một thời gian ngắn ở Nha Trang là tôi đã nhuần nhuyễn, thuần thực sổ tức quán, thấy môn này hết cần thiết. Từ đó, cứ niệm Phật, trì chú, tụng kinh, có khi chỉ ngồi lặng lẽ, không niệm gì cả, không cố gắng gì cả, cũng không thắc mắc là những nỗ lực tu tập của mình là để trở thành cái gì nữa. Thời gian đầu tìm hiểu thêm về



Thiền học, say mê Tổ sư Thiền đến Như Lai Tôi Thượng Thiên, tôi vẫn không thay đổi pháp môn tu tập của mình. Tôi không thấy sự khác biệt nào trong sự tọa thiền, chỉ và quán, với sự tĩnh tâm niệm Phật, trì chú. Ý tôi muốn nói, tôi không thấy sự cần thiết phải có thay đổi nào trong công phu hàng ngày của mình. Thực ra cũng chẳng có cái gọi là *công phu* nữa. Ở lứa tuổi thiếu niên ấy, tâm tôi băng sạch như tuyết. Những sinh hoạt hàng ngày của tôi hầu như không cần cố gắng mà vẫn cứ khế hợp với Thiền. Tôi không có những giây phút nỗ lực để được định tâm. Mở mắt là định, nhắm mắt là định. Cái tâm trong suốt ấy có vẻ như chưa hề tán loạn. Vậy thì cần gì phải nỗ lực công phu hay bỏ niệm Phật, bỏ niệm chú để ngồi thiền! Nhưng rồi, chỉ một thời gian sau, trùng hợp với thời gian Thượng tọa giám viện dạy về Tọa thiền tam muội, tôi đâm ra ham thích tọa thiền (tức là theo đúng phương pháp tọa thiền của Thiền tông với các pháp chỉ-quán).

Đã nói tôi có trái tim và khối óc rất cực đoan: khi tôi nhắm vào một cái gì, tôi dốc hết tâm lực vào đó. Tôi không niệm Phật hay trì chú nữa, mà chỉ tọa thiền thôi. Lực diệu pháp môn, tôi cứ theo sách mà thực hành. Thượng tọa giám viện có giảng dạy về Thiền nhưng chú trọng về phần lý thuyết theo chương trình của Phật học viện chứ không chú trọng phần thực hành. Cho nên, học lý thuyết xong, hình như các chú cùng khóa với tôi chẳng thấy ai theo Thiền mà bỏ niệm Phật, trì chú

cả. Có lẽ các chú ấy cũng như nhiều người khác, có quan niệm sai lầm rằng Thiền thì cao hơn các pháp môn khác, nên chỉ dành cho những kẻ thượng căn thượng trí. Tôi không nghĩ vậy. Tôi thấy các pháp môn đều như nhau cả. Cũng chỉ là những phương tiện để định tâm mà kiến tánh, chứng nghiệm Phật tánh. Tôi tọa thiền không phải vì thấy Thiền cao hơn các pháp môn niệm Phật, trì chú, mà chỉ đơn giản là vì trước mắt tôi, sách viết về Thiền, hướng dẫn Thiền khá nhiều, khá công phu, đầy đủ hơn bất cứ pháp môn tu nào khác. Tôi đọc thật kỹ các sách dạy về Thiền học, từ thực hành đến lý thuyết, chi tiết nào cũng lưu ý. Tôi còn học kỹ những phương pháp đối trị qua kinh nghiệm của các vị Thiền sư các nước để có thể tự mình biết cách đối phó với mọi trường hợp. Và để có thể thực hành phương pháp tọa thiền hàng ngày, tôi phải bỏ phòng tăng, tìm đến những chỗ vắng, thường thường là ở các ngôi mộ hay tháp lớn có nền xi măng tráng láng vốn chẳng hiềm hoi gì ở quanh chùa. Đi tìm chỗ vắng về không phải chỉ vì đó là nhu cầu của phương pháp tọa thiền mà còn vì ở các chùa viện Việt Nam, sự tu tập của mỗi người là chuyện riêng, cá nhân, không phải là chuyện có thể phô trương, trình bày cho kẻ khác biết—tức là không biểu diễn chuyện tu tập của mình trước đại chúng, trước tập thể. Trong những chùa viện Việt Nam, tăng chúng hay bạn đồng môn không bao giờ hỏi nhau: “Thầy tu pháp môn gì?” Người hỏi câu đó có vẻ

buồn cười, nhà quê. Còn người được hỏi sẽ không bao giờ trả lời: tôi tu pháp môn này, pháp môn nọ... Mà có trả lời thì cũng quê mùa, ngờ nghệch chung một cách. Công phu tu tập của mỗi người chỉ có thể trình bày với vị hướng đạo của mình chứ không phải là chuyện bạ đầu nói đó. Thực ra, cũng chẳng có sự phân chia pháp môn rõ rệt nào trong chùa chiền Việt Nam nữa. Vào giờ tọa thiền buổi tối, buổi khuya, theo thời khóa chung của chùa hay của tu viện, mỗi người ngồi ngay trên giường ngủ của mình, thực hành phương pháp quen thuộc mình đã chọn. Như vậy, trong giờ tọa thiền ấy, kẻ thì niệm Phật, kẻ trì chú, người thì tọa thiền, người thì tham công án, người thì quán thoại đầu, hoặc các pháp quán nhân duyên v.v... Ngoài ra, trong suốt ngày, sự tu tập của những người ở chùa cũng không gián đoạn. Bởi vì, *“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền; nói, im, động, tịnh, thấy an nhiên”* (Huyền Giác, *Chứng Đạo Ca*). Cho đến bữa củi, gánh nước, quét dọn... cũng đều là Thiền hết. Không cần phải hỏi: “Thầy tu pháp môn gì?” Vì vậy, khi mọi người chung quanh đang ngồi học bài mà mình xếp bằng tọa thiền hay lim dim niệm Phật thì đó cũng là hành vi lố bịch, trơ trẽn, có vẻ như phô trương (trong luật Sa-di gọi các hành vi đó là *“giả trang Thiền tướng câu bỉ cung kính”*, tức là làm bộ ta đây là người tu Thiền gắt gao để mong được sự cung kính ngưỡng mộ của kẻ khác). Tụng kinh trên điện Phật hay ngồi trên giường

vào giờ tọa thiền mỗi sáng tôi là sinh hoạt chung của mọi người trong chùa, còn chuyện tu tập thêm ngoài thời khóa của mình là chuyện riêng, phải tự tìm lấy thời gian và nơi chốn thích hợp mà áp dụng. Thời gian và nơi chốn đó không làm trở ngại cho sinh hoạt của đại chúng. Không thể ngồi một đống giữa đám đông mà lim dim hít thở khi đám đông đó đang hòa hợp trong sinh hoạt khác của tập thể. Cung cách tu tập trái thời, trái cảnh ấy, dù là thật tâm hay vở vĩnh, cũng đều có vẻ phô trương, làm gai mắt người chung quanh chứ không làm cho ai thông cảm nổi, dù rằng tu tập là việc tốt đáng khích lệ.

Cho nên, tôi phải tìm đến các ngôi mộ vào giờ phóng tham để ngồi thiền. Tôi tham công án trên từng bước chân đến trường hay từ trường trở về viện. Tôi quán thoại đầu khi đang làm công tác trị nhật. Có khi gần như suốt đêm, tôi nằm im trên giường mà tham công án hay suy nghiệm một tắc nào đó của Vô môn quan. Từ chỉ đến quán, từ công án đến thoại đầu, từ Tổ sư đến Như Lai Thiền... tôi lao cả thân tâm mình vào trò chơi thiền định ấy mà không một vị đạo sư nào hướng dẫn. Thượng tọa giám viện có thể là vị hướng đạo tốt cho tôi, nhưng trong môi trường và thời điểm đó của một Phật học viện, chuyện học là chuyện chính; không ai nghĩ là một chú tiểu lại cần thiết hạ thủ công phu, chết sống với công án hay thoại đầu và cần một sự hướng dẫn đặc biệt cho việc tu tập như vậy. Có thể thượng tọa sẽ nói: “Xưa nay

các chú tu tập thể nào thì cứ theo đó mà thực hành, đừng làm cái gì khác thường là được rồi, đâu cần ai hướng đạo.” Chú tiêu trong chùa giống như cây cỏ mọc trong rừng, cứ tha hồ mọc, tha hồ vươn lên mà sống, đâu cần phải được dẫn dắt, chăm sóc... mà vẫn cứ là cây cỏ, là đại thụ như thường. Cho nên, tôi không trình bày việc tu tập của tôi lên thượng tọa để cầu hướng đạo, mà tâm tư tôi lúc ấy cũng không hề nảy sinh một chút nhu cầu cần được hướng đạo nào. Tất cả những gì tôi thực hành trong giai đoạn học thiền ấy, xem ra thì có vẻ như là một giai đoạn nỗ lực ghê gớm nếu so với thời gian bình thường trước của tôi, hoặc so với bạn học cùng viện. Nhưng thực ra, tôi thấy mình cũng chẳng có cố gắng gì cả. Tôi chỉ học và hành thiền như thể đang chạy theo một thứ đam mê, nghiện ngập nào đó, như đam mê đọc sách chẳng hạn. Đam mê không có nghĩa là nỗ lực, cố gắng. Đam mê cũng không có nghĩa là đang mong cầu đạt được cái gì. Chính nỗi đam mê đó là mục đích, là cái mà kẻ đam mê đạt đến. Đam mê là thả mình vào thực tại. Tu là đam mê. Tu là lên đường trở về thực tại.

Vậy rồi tôi được cái gì trong trò chơi thiền định ấy? Không được cái gì cả. Tôi vẫn cứ là tôi, một tu sĩ thiếu niên đang cùng các bạn đồng lứa tham dự chương trình trung đẳng Phật học của Phật học viện. Tu theo chương trình, học theo chương trình. Cũng học bài, cũng đọc sách, cũng ăn cơm uống nước, cũng đi mua thêm bánh mì

## VĨNH HÀO

hay kẹo đậu để dậm vào cái bao tử lưng lưng mỗi ngày. Không gì lạ. Không gì thay đổi tâm thức và cuộc sống lặng lẽ yên bình ấy. Nhưng tôi biết rất rõ, rằng dù thế nào đi nữa, trong tôi vẫn sẵn có một ông Phật. Tôi có thể chạy thật nhanh, nhảy thật xa, hay đi lơ thơ lưng thững qua từng chặng luân hồi, đều được. Không sao cả. Ông Phật trong tôi không bao giờ mất.



## CHƯƠNG MƯỜI HAI

Tết đầu tiên ở Hội An, chúng tôi được nghỉ hơn nửa tháng. Học tăng được phép về quê trong thời gian nghỉ Tết ấy. Hầu hết các chú ở Nha Trang đều ra Đà Nẵng đón xe đi. Tôi và Sáng cũng rủ nhau ra Đà Nẵng, nhưng không phải để về Nha Trang mà để du ngoạn một chuyến. Nhân có thầy Thông Chánh từ Nha Trang ra thăm, chúng tôi theo thầy ấy đi Non Nước ngắm cảnh Ngũ Hành Sơn.

Ngũ Hành Sơn là năm ngọn núi nhỏ, mọc gần nhau, nhô lên giữa một vùng cát trắng mênh mông nối liền với bãi biển Non Nước. Trong năm ngọn núi ấy, có nhiều thạch động thiên nhiên rất đẹp. Thầy Thông Chánh đưa chúng tôi đến thăm chùa Linh Ứng, một ngôi chùa trên ngọn núi lớn nhất. Thầy Thông Chánh cho biết xưa kia thầy đã trải qua một thời gian làm chú tiểu ở chùa này. Ngoài chùa Linh Ứng, trên núi này còn có chùa Tam Thai. Riêng chùa Quan Thế Âm thì ở dãy núi phía bên kia—thầy thầy Thông Chánh có nói rõ tên của mỗi ngọn núi cho chúng tôi nghe mà tôi không để ý lắm, nên chẳng nhớ. Chúng tôi vào thăm các thạch động, xem các hình tượng bằng đá, chỗ thì giống tượng Phật, chỗ thì giống con hạc; lại có trụ đá mà nện vào có tiếng ngân như

chuông, có tảng đá bọng hể gõ vào thì phát tiếng vang như mõ... Chúng tôi cũng lò mò theo thầy Thông Chánh chui vào động Thông Thiên, giống như một đường hầm nhỏ, chạy ngoằn ngoèo, phải khom lưng dò dẫm từng bước qua những ghềnh đá để vượt qua. Gần đến miệng hầm đã thấy gió lạnh từ bên ngoài thốc vào lồng lộng. Ra khỏi hầm, chúng tôi bất ngờ biết rằng mình đang đứng trên chóp đỉnh của ngọn núi. Cách miệng hầm chừng mười thước là một tảng đá lớn dựng đứng, có một tảng đá khác bề mặt phẳng lì, nằm kế bên như một cái bàn nhỏ. Thầy Thông Chánh gọi đây là *Vọng hải đài*, tức là một cái thềm để nhìn ra biển. Từ *Vọng hải đài*, chúng tôi có thể nhìn khắp bãi biển Non Nước cũng như các làng mạc xa xa, thấp thoáng sau những rừng bạch đàn và phi lao nổi từng hàng xanh thẫm, nổi bật trên dải cát trắng mênh mông bạt ngàn. Bãi biển Non Nước có vẻ hoang vu vì không người tắm và rất ít người dạo chơi trên bãi. Gió phần phật thổi qua *Vọng hải đài*. Biển nước nhìn từ xa chỉ thấy một màu xanh biếc; thỉnh thoảng mới có một đợt sóng đầy bọt trắng ùn lên, lan thật nhanh trên mặt nước, rồi vỡ tung vào bờ. Tôi ngược lên thấy trời cao cũng vậy, một màu xanh thẫm; chốc chốc lại có một đám mây trắng ùn ùn kéo qua, trôi đi thật nhanh đến một góc nào đó, không còn thấy tăm dạng. Ngược nhìn một lúc, tôi bỗng thấy như mình đang lơ lửng giữa trời. Dưới chân tôi, trần gian như chưa hề hiện hữu.



Rời Vọng hải đài, chúng tôi về chùa Linh Ứng để ăn cháo chiều trước khi đi thăm vài thạch động khác. Nhưng vừa nếm một muỗng cháo nấm, bụng tôi bỗng đau thắt. Tôi bỏ ăn, đi nằm. Bệnh cũ của tôi tái phát: đau bao tử. Tôi bị bệnh này từ khi còn ở viện Hải Đức, lúc mới đi tu chừng nửa năm. Các thầy ở viện Hải Đức nói đa số những người ăn chay đều vướng phải bệnh loét bao tử vì thức ăn chay ở chùa thường có nhiều xì-dầu và bột ngọt, hai thứ gia vị làm bằng phương pháp chế biến hóa chất. Thời gian đó tôi đã phải ăn xôi hàng ngày thay cơm. Thuốc thang chữa trị chừng ba tháng thì tạm dứt, cho đến bây giờ mới tái phát trở lại. Con đau hành hạ tôi đến vã mồ hôi. Tôi ôm bụng chịu đựng gần nửa giờ đồng hồ mới thấy dịu xuống. Sau đó, tôi ngủ thiếp đi lúc nào chẳng hay.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy thầy Thông Chánh đang ngồi bên giường nhìn tôi. Chú Sáng cũng ngồi ủ rũ gần đó. Thức dậy rồi, tôi đã có thể ăn cháo bình thường như không có chuyện gì xảy ra. Dù sao, con đau bao tử của tôi cũng đã chấm dứt mọi hứng cảm đi chơi của chúng tôi hôm ấy. Tôi và Sáng trở về Đà Nẵng, thầy Thông Chánh thì ở lại thêm một đêm ở Non Nước để ngày mai đón xe đi Đại Lộc. Thầy tiễn chúng tôi xuống núi, rồi ra đến đầu đường để đón xe. Lúc ấy cũng chẳng còn xe cộ gì ngoài mấy chiếc xe *honda* hai bánh chở khách—người ta gọi đây là *xe thồ*. Không còn cách chọn lựa nào khác, tôi và Sáng đành leo lên

chung một chiếc cho tiện. Sáng nhỏ nên ngồi vào trong, tôi ngồi ở sau. Xem ra thì mặc áo dài mà ngồi hàng hai như vậy có vẻ không được đàng hoàng cho lắm (trong chùa gọi là *mắt oai nghi*). Nhưng lúc đó trời cũng chạng vạng tối rồi, ai để ý làm chi, thầy Thông Chánh nói vậy. Trước khi xe chúng tôi phóng đi, thầy Thông Chánh còn dặn kỹ lưỡng, nào là giữ vạt áo dài cho chắc kéo vướng giây sên, nào là nắm yên xe cho chặt kéo té vân vân. Vậy đó mà khi xe sắp chạy lên cây cầu rất cao ở Đà Nẵng, bỗng nghe “rẹt, rẹt” dưới bánh xe, anh tài xế la lên: “Chết chưa! Áo chú nào bị dính sên rồi!” Anh thắng xe lại, hay tại xe bị kẹt sên nên đứng hẳn lại ngay giữa đường. Tôi nghĩ bụng: “Thiệt khổ, mình đã kỹ lưỡng ngồi chặn lên vạt áo sau, vạt áo trước thì dồn trước bụng, vậy mà cũng dính sên, lạ thật!”. Tôi vội bước xuống khỏi xe, nhìn lại, thấy áo mình không bị dính mà là áo của Sáng. Sáng cũng tính bước xuống theo tôi nhưng không được vì vạt áo sau của chú bị cuốn nhiều vòng vào giây sên. Nếu không có tôi ngồi phía sau, có thể vạt áo ấy sẽ kéo chú Sáng té bật ngựa xuống đường. Loại vải Sáng mặc quá dày, không thể rách được, chắc chắn phải té thôi. Rất may là xe ngừng lại kịp thời. Sáng bước xuống xe không được mà ngồi yên tại chỗ cũng chẳng xong vì vạt áo bị kéo ngược khiến chú phải ngồi hơi ngả ra sau, ngược cổ lên trời. Anh tài xế xoay lui, nhìn trên nhìn dưới, biết được tình hình rồi, bình tĩnh nói:

“Khoan nha, chú cứ ngồi yên đó, vịn cho chắc để tôi bước xuống xe trước cái đã.”

Tôi lật đật đến vịn xe và đỡ Sáng cho chú khỏi té. Anh tài xế xuống xe rồi mà chưa chịu cho chú Sáng bước xuống. Anh còn đẩy tới, đẩy lui chiếc xe để tìm cách lấy vạt áo ra khỏi giầy sên. Sáng ngồi dính cứng trên xe, mặt xanh như tàu lá. Ngắm nghía một lúc, anh tài xế nói:

“Bây giờ chú bước xuống đứng một bên tôi mới khều ra được.”

Sáng vòng chân trái đưa qua phía phải, bước xuống khỏi xe, nhưng cũng không đứng bình thường được mà phải khum khum người, nương theo chiều kéo của vạt áo, trông chẳng khác gì một con khỉ bị mắc cái đuôi vào kẹt cửa vậy. Tôi thấy buồn cười quá đỗi mà không dám cười. Anh tài xế cũng cười không nổi, lo chăm chăm tìm cách tháo gỡ. Phải chi xe đứng một chỗ mà có thể gỡ vạt áo ra cũng đỡ. Đàng này, anh tài xế phải đẩy chiếc xe chạy tới một đoạn, rồi lại đẩy lui một khúc, vừa đẩy vừa lấy cây khều, móc. Báo hại Sáng phải vừa khum người vừa bước tới mấy bước, bước lui mấy bước, theo chiều xô dịch của chiếc xe để khỏi bị “đứt đuôi.” Tôi nín cười trong bụng. Chỉ có Sáng là cười được mà thôi, cười ra nước mắt! Cuối cùng thì cũng gỡ ra được thôi.

Xe tiếp tục chạy. Cả anh tài xế lẫn chúng tôi đều im lặng, chẳng ai nói với ai lời nào. Được một khoảng mới nghe anh tài xế bật cười lên sảng

sắc, rồi anh lại ho húng hắng. Có lẽ anh phải giả bộ ho để khóa lấp cơn cười vạy thôi.



Kinh tế của Phật học viện bị đe dọa kể từ tháng năm sau ngày khai giảng. Giáo hội trung ương cũng như địa phương không tiếp trợ hoặc chỉ tiếp trợ rất khiêm nhường. Một mình Thượng tọa giám viện phải gánh lấy trách nhiệm chăm sóc nuôi dạy cho hơn sáu chục miệng ăn (kể cả chúng thường trú, tức những thầy và những chú không tham dự khóa học của Phật học viện nhưng là nhân sự tu tập thường xuyên của chùa Long Tuyên, đệ tử của Thượng tọa). Càng thiếu thốn, tiêu chuẩn cơm gạo hàng ngày càng giảm xuống. Một hôm trong buổi họp của đại chúng, Thượng tọa giám viện tuyên bố cắt bớt bữa điểm tâm (cháo sáng). Không những vậy, phần cơm chiều, một cách lặng lẽ không cần tuyên bố, cũng hơi hụt đi một ít (thay vì mỗi chú được ba chén cơm thì nay còn chừng hai chén hay hai chén rưỡi). Vậy là thư cầu viện gia đình lại rầm rộ gửi đi, ồ ạt hơn, khẩn cấp hơn. Đói lắm lận!

Tôi có viết thư về nhà nhưng không đá động gì đến chuyện thiếu thốn của viện. Tôi còn nói dối với mẹ rằng số tiền thầy và mẹ tôi cho từ ngày rời Nha Trang, tới nay tôi vẫn còn gửi nơi thầy quản chúng. Tôi nhắc mẹ nhiều lần là đừng bao giờ gửi tiền cho tôi. Thực ra thì tiền của tôi

cũng đã vui cạn dần theo một tỷ lệ nghịch rất tương xứng với những chồng sách cao dần lên ở trên bàn và đầy trong va-li. Nhưng thư của các chú khác gửi về lại than van quá sức khiến chuyện đến tai thầy tôi. Thầy lặng lẽ gởi tiền cho tôi, gởi kèm cho cả Sáng nữa, cũng cả ngàn đồng, không nhằm dịp nào cả, gửi như một lúc tình cờ nhớ đến những đứa học trò phương xa vậy thôi.

Tiền thầy gửi kỳ này, tôi không mua sách như trước (một phần vì cũng không có dịp đi Đà Nẵng) mà để dành cho chuyện “ăn”. Phải, chuyện ăn. Tôi không cần phải che giấu chuyện này. *Có thực mới vực được đạo!* Ở đây không cần phải nói đến chuyện kiến tánh hay chứng ngộ gì cho xa vời, cao siêu. Cho dù bọn tiểu chúng tôi có sắp thành Phật đi nữa thì ở tuổi phát triển, ăn uống cũng mạnh bạo lắm. Vậy là với món tiền trong túi, tôi rủ một vài chú “nghèo” đi ăn—các chú nghèo tức là các chú không có thầy hoặc gia đình tiếp viện tài chánh. Chúng tôi phải đi ăn thêm trong hai ngày cuối tuần chứ không đi được vào các ngày có lớp.

Phải đi ra ngoài ăn là vì trong viện đã cúp cháo sáng thì cả đại chúng phải nhịn. Đại chúng nhịn mà mình mua đồ về nấu ăn riêng thì trông không được hòa hợp (vội lại ăn kiểu đó thì có ngon gì, nuốt sao cho trôi!). Cho nên, vào cuối tuần, các chú có tiền kéo nhau đi phố, đi chợ, đi thăm bà con v.v... đủ thứ lý do để xin được ra ngoài, kiếm một chỗ nào đó mà ăn. Kể ra cũng

khó mà tìm được một chỗ để ăn. Người đời muốn ăn đâu cũng được, có tiền thì ghé tiệm này tiệm kia, quán này quán nọ. Làm tiêu ở chùa như bọn tôi, đầu thì để chỏm, thân thì mặc áo tu, bước ra ngoài chẳng giống ai, có chỗ nào để tạt vào mà ăn được đâu. Thấy khó như vậy nhưng mà cũng có cách để giải quyết hết. Các chú ở địa phương thì ghé qua nhà bà con, đưa tiền nhờ họ mua đồ chay về nấu; hoặc có chú hoạt bát, mạnh dạn làm quen một vài gia đình phật-tử thường lui với chùa, cũng có thể đến thăm nhà họ mỗi cuối tuần, luôn tiện nhờ họ nấu cho một bữa ăn sơ sịa gì đó. Tiền chợ có khi do một chú khác đưa. Người kiếm chỗ, người đưa tiền. Nhưng trường hợp đến ăn tại nhà bà con hay đạo hữu cũng hiếm hoi, dù rằng có nhiều gia đình rất thương và thông cảm cho hoàn cảnh của các chú tiểu. Đâu phải tuần nào cũng dày mặt dày mày kéo đến nhà người ta mà nhờ vả được! Cho nên, xoay tới xoay lui một thời gian, cuối cùng các chú cũng mặc nhiên công nhận hai địa điểm đặc biệt, có thể đến ăn một cách thoải mái, chủ nhân không những không phiền mà còn có ý mời mọc nữa là khác. Chẳng biết ai là người đầu tiên khám phá ra hai “*tiệm ăn*” lý tưởng này—nghe đồn là các chú Nha Trang! (Chắc là các chú ở Phật học viện Linh Sơn rồi chứ bọn tiểu viện Hải Đức chúng tôi, ngoại trừ chú Thiệt ra, trông khờ chết, lúc nào cũng đi sau thiên hạ thôi!).

Chỗ thứ nhất là quán bánh mì “*bà Đạo*”.

Đây là một quán bánh mì thật ngụi cho người qua đường ghé mua. Quán nằm gần ngã ba đường Phạm Phú Quốc, trên đường đất dẫn vào Phật học viện. Từ viện đến quán cũng khá xa, nếu trên đường đi học mà ghé vào thì tiện lợi, chứ vào cuối tuần mà cuốc bộ ra đó để ăn bánh mì thì hao sức lắm! Mà đi học với nội qui xếp hàng dọc, có các chú trưởng, chú phó kiểm soát, có thầy quản chúng điểm danh, thì làm sao có thể ghé vào quán được? Vậy mà được mới tài! Tôi nghe kể lại như vậy: thoát tiên có một chú-đích thị là dân Nha Trang-đói quá, bất kể kỷ luật, trên đường đi học liền tạt vào mua một ổ bánh mì chan nước tương. Mua xong, bỏ bánh vào cặp táp, chạy vội theo cho kịp hàng đội. Thế rồi... dĩ nhiên là không thể vừa đi vừa ăn ngoài đường, nên ắt hẳn là phải đem vào lớp học, gặm đầu xuống bàn mà gặm bánh! Sáng kiến này tuy chẳng phải thuộc loại cao cấp gì, nhưng ít ra cũng gợi ý cho các chú khác biết là để giải quyết cái đói, mua bánh mì là tiện nhất, khỏi phải phiền ai nấu nướng dùm. Vậy là, “*phong trào*” ăn bánh mì bắt đầu. Dần dần, quán trở thành quen thuộc. Lúc nào trong quán cũng chỉ có hai mẹ con bán bánh. Người mẹ khoảng bốn mươi ngoài, cô gái đầu khoảng mười ba, mười bốn. Các chú đâu biết tên bà chủ quán là gì nên đặt đại cái tên là “*bà Đạo*” cho tiện (vì bước vào nhà thấy có bàn thờ Chúa Giê-su). Lại nghe rằng cô gái bán bánh mì đó “*phải lòng*” một chú tiểu của viện. Chú ấy tên là Sâm, người gốc

Quảng Trị. Chú ghé mua bánh mì sao đó mà mua được cả trái tim cô gái nữa. Cho nên, có chú gọi đùa quán bà Đạo là “*quán chú Sâm*.” Chú Sâm lúc ấy cũng đâu chừng mười ba tuổi, mặt mày sáng láng khôi ngô, đôi mắt to với hai hàng mi cong dài như con gái. Thương chú cũng phải. Có điều là con Chúa thương con Phật mà lại là con Phật thứ thiệt! Tình yêu của con nít tuổi học trò mới thực sự là không có giới hạn nào. Cũng may đó chỉ là cái quán nên tình yêu cũng không ở lâu. Lữ khách và quán trọ thì có gì nhiều để nhớ. Nghe rằng để chiêu khách của Phật học viện ghé vào, sau này bà Đạo có làm một tô nước sốt chay đặc biệt cho các chú ăn bánh, chứ bánh mì không chan nước tương hoài trông không được hấp dẫn. Quán bánh của bà Đạo được cái tiện lợi là nằm trên đường đi học, nhưng bánh không ngon và dòn như ở quán bà Viết. Lý do rất dễ hiểu là mua bánh rồi mang đi, kiếm chỗ khác ngồi ăn chứ không ăn liền tại chỗ được.

Quán bà Viết thì nằm ở xã Cẩm Hà, cứ men theo con đường nhựa sau lưng chùa, đi về hướng Non Nước đâu chừng non một cây số thì đến. Chẳng hiểu tên “*bà Viết*” là tên thật của bà chủ quán hay cũng chỉ là một cái tên do các chú đặt ra để có mà gọi (chẳng hạn mỗi lần bán được một món thì bà lại lấy viết ghi vào sổ... hay là các chú ăn bánh mà bắt bà phải ghi nợ, tức là “*ăn chịu trả sau*”... nên đặt tên là *bà Viết* chẳng?). Tôi thì nghe các chú Nha Trang gọi bà ấy là bà



*Giết* hay *Diết* gì đó, nên cũng gọi theo là bà *Giết* cho tiện, nhưng cứ theo cách phát âm nhà quê của dân ngoại ô Nha Trang thì có thể đoán chữ ấy là *Viết*, chứ ông bà nào lại đặt tên con là *Giết* bao giờ! Quán của bà *Viết* kể ra thì gần viện hơn là quán bà *Đạo*, nhưng nằm ở phía xã *Cầm Hà*, phải đi ngược hướng với trường *Bồ Đề* bằng con đường đất nhỏ ngoằn ngoèo bên hông viện, hoặc bằng con đường nhựa không xe qua lại giữa viện và trại lính *Đại Hàn*. Bà *Viết* dựng cái quán lụp xụp, mái che lá dừa, bên lề con đường nhựa nối liền *Hội An* với *Non Nước*. Con đường vắng hoe, lâu lâu mới có một chiếc xe cam nhông của quân đội chạy ngang. Vậy mà bà *Viết* vẫn bán được, vì khách của bà không phải là loại khách đi xe mà là những bác nông phu, tiểu phu, lao động quanh vùng ghé lại. Bà cũng không bán một thứ duy nhất là bánh mì thịt như bà *Đạo*. Bày trên cái sạp bằng tre rộng lớn, còn có đủ thứ bánh kẹo, trái cây, chè đậu đen và đặc biệt là một nồi chè lá, nước đỏ ối.

Khi chúng tôi đến, bà *Viết* đang có đông khách. Các bác làm vườn, làm ruộng, khi ghé vào đây uống tí chè lá, thường ngồi tọt nước mà nói chuyện mùa màng, thuê má, cù nhây cù nhựa, e chừng chẳng muôn rời quán. Đông khách như vậy, chúng tôi đâu có ngồi đó mà ăn được. Bà *Viết* nhanh ý gọi ông chồng đến nói nhỏ mấy tiếng, ông chồng bèn đưa chúng tôi vào trong. Chúng tôi theo ông, đi vòng qua mấy luống cải,

một vài căn nhà, rồi mới đến được căn nhà của ông. Như vậy, ước chừng ngôi nhà cách cái quán cũng gần cả trăm thước. Đây là ngôi nhà đúc ba gian, nền cao, chung quanh trồng hoa kiểng đủ màu sắc. Ông Viêt mở cửa mời chúng tôi vào phòng khách. Vừa lau bàn, ông vừa nói:

“Ồ ngoài đông quá, không đủ ghế cho các chú ngồi. Ngôi đây thoải mái hơn. Các chú đừng ngại. Mấy hôm có các chú khác đến chúng tôi cũng mời vào đây. Bây giờ các chú muốn dùng thứ chi đây? Bánh mì phải không, mấy ổ?”

Chúng tôi đi ăn lúc đó là sáu người. Năm chú kia, không có chú nào thuộc nhóm Nha Trang (vì các chú Nha Trang đều có tiền riêng, tôi đâu cần phải dãi). Một chú lớn tuổi nhất, có vẻ dạn dĩ, bảo ông Viêt cho sáu cái chén để uống trà trước. Còn chuyện ăn thì để nhường phần tôi muốn gọi sao thì gọi. Tôi nói ông Viêt đưa bánh mì đến, từng đợt sáu ổ một đĩa. Ổ bánh ở đây là loại nhỏ, vừa nắm tay, dài chừng gang tay. Chúng tôi ngồi chơi chừng mười phút sau thì ông Viêt bưng một khay bánh vào, có cả tô nước sốt cà nữa. Bánh mì chay thì cũng bao nhiêu đó thôi: nước sốt cà, nước tương, dưa leo, xà lách, tiêu, ớt. Nhưng nóng dòn và ngon làm sao! Chúng tôi mời nhau một tiếng lịch sự rồi bắt đầu ngoạm. Bánh dòn nghe kêu rào rào. Nước sốt của bà Viêt có bỏ vào chút đậu phụng giã vừa dập, ăn rất béo. Tôi nghiệp những cái bụng đói của chúng tôi. Và cũng tội nghiệp ông Viêt, lưng khom khom, chân

dài lêu khêu như chân cò mà cứ phải đi ra đi vào cả chục lần để cung ứng năm khay bánh cho chúng tôi (vị chi mỗi chú ăn năm ổ!). Đến ổ bánh thứ năm, ông Viêt bung tô nước sốt đã cạn hỏi chừng:

“Các chú... có dùng nữa không, để tôi đi lấy thêm?”

Các chú kia đều nói không. Tôi cũng thấy no rồi, nhưng nghĩ có thể các chú ấy còn muốn ăn nữa mà phải nói không vì tôi là người trả tiền. Tôi thực tình nói:

“Các chú ăn thêm đi. Đừng có ngại. Nếu các chú ăn nữa, tôi cũng ăn thêm cho vui. Đồng ý không?”

“Thôi, vậy đủ rồi,” chú lớn tuổi nhất nói. Các chú kia cũng hòa theo, không ai chịu ăn nữa.

Ông Viêt đứng bên, thấy chỉ có tôi là người đề nghị ăn thêm nên tưởng rằng tôi còn thòm thòm, liền nói:

“Mấy chú ấy không ăn thì chú cứ ăn đi cho no. Hôm trước chú ăn mười ổ lận mà.”

“Cái gì?” tôi sững sốt hỏi lại.

Các chú kia, kẻ ôm bụng, người bụm miệng, cười khúc khích. Một chú nói:

“Chắc bác lộn rồi đó, chú này mới tới đây lần đầu thôi, bác ạ!”

Một chú khác chen vào:

“Vớ lại ai mà ăn tới mười ổ! Năm ổ là ngát ngư rồi bác ơi!”

Ông Viêt trợn mắt ngó tôi một lúc, rồi cười nói:

“Không phải chú thiệt hả? Vậy chắc tôi lầm rồi. Mấy chú giống nhau quá, chú nào cũng mặc áo như vậy, để cái đầu như vậy, đội cái mũ rộng vành của hướng đạo như vậy... Nhưng chuyện ăn mười ổ bánh là tôi nói thiệt đó. Có một chú giống chú này nè,” ông chỉ tôi, “cũng ngồi ở bàn này, ăn mười ổ. Đáng lẽ chú ấy còn ăn thêm nữa kia, nhưng lúc đó bánh mì từ Hội An về chưa kịp, nên chú mới thôi đó. Rồi chú ăn tạm hai cái bánh ú với một ly chè đậu đen.”

Một chú hỏi:

“Chú đó nói giọng ra sao? Bác biết chú quê ở đâu không?”

“À, tôi có ngồi nói chuyện với một chú một chập, chú kể rằng chú ở Nha Trang.”

Các chú kia lại một phen cười âm lên. Rồi theo lời ông Viết tả, chúng tôi biết chú ấy là chú Thành. Tôi khỏi bị hàm oan, nhưng dù sao, cũng hơi xấu hổ. Dân Nha Trang ăn uống gì mà khiếp!

Cũng từ đó, có lời ra tiếng vào rằng, các chú Nha Trang thứ gì cũng nhất (chắc chắn là không loại trừ chuyện ăn bánh này rồi!). Và cũng từ đó, có người không gọi chú Thành bằng tên của chú nữa, mà gọi bằng biệt danh “*mười ổ*”.

Chúng tôi không ăn thêm bánh mì mà mua kẹo đậu phụng để ăn tráng miệng. Kẹo đậu phụng do bà Viết tự làm lấy ở nhà. Bà làm rất khéo. Hột đậu còn dòn. Đường trắng vừa tới, ánh lên màu đỏ như hổ phách rất đẹp mắt và hấp dẫn chứ không bị đen thui hôi khét như những chỗ khác.

Lúc về, chúng tôi còn mua thêm mấy bịch kẹo cau và kẹo ú để dành ăn chơi với nhau trong giờ phóng tham. Ông Viêt tính tiền xong, đưa chúng tôi một đoạn ra khỏi nhà. Ông hỏi nhỏ với giọng hơi ái ngại:

“Hỏi thiệt mấy chú... chắc ở chùa không đủ gạo nấu phải không?”

Tôi cười đáp:

“Không phải đâu bác. Tại bánh mì của bác làm ngon quá chúng tôi mới rủ nhau đến ăn cho vui đó mà.”

Tuần sau, tôi đãi các chú khác. Cứ vậy, tiền thầy cho, tôi dành cho chuyện ăn uống, dặm thêm cho bao tử và chia sẻ với chúng bạn. Vẫn chưa biết thế nào là dành dụm hay tiết kiệm tiền bạc. Vài lần đãi đặng như vậy, tiền cạn. Nhưng tiền hết thì cũng vui vẻ mà nhìn chứ không lấy đó làm chuyện thúc bách. Có lúc tôi ray rứt nghĩ rằng thầy cho tiền mà đem tiêu xài kiểu đó thì phụ lòng thầy. Nhưng xét lại, tôi biết khi gửi tiền cho tôi, thầy tôi chẳng nghĩ gì khác ngoài chuyện cho tôi để tiêu vật. Tuổi niên thiếu có chuyện gì quan trọng để xài tiền đâu. Một là mua đồ chơi, hai là ăn vật. Đi tu rồi, không cần đồ chơi nữa; cũng chẳng cần ăn vật nhiều như con nít ngoài đời nữa, nhưng chắc chắn là không cắt tuyệt chuyện ăn uống khi cần. Vậy thì cho tiền để từ để chia sẻ với chúng bạn thì cũng hợp ý thầy tôi rồi. Đó là điều tôi đã học từ nơi thầy lúc còn ở viện Hải Đức Nha Trang kia mà.



Để cứu vãn tài chánh của viện, Thượng tọa giám viện đã tổ chức những chuyến vận động yểm trợ tài chánh cho Phật học viện bằng cách đem hết đại chúng đi thăm viếng các chùa ở thị xã Hội An cũng như ở nhiều quận lỵ khác thuộc tỉnh Quảng Nam, đồng thời giới thiệu sinh hoạt của Phật học viện cho các giáo hội địa phương khác được biết. Trước tiên là các chùa ở Hội An và các vùng phụ cận. Mỗi cuối tuần, có hai chiếc xe đò vào viện đưa mấy chục thầy trò chúng tôi đi. Đó là những chuyến hành hương thú vị. Nhờ vậy, chúng tôi được tham quan hầu hết các ngôi danh lam, cổ tự của tỉnh Quảng Nam. Thăm các chùa ở Hội An về, trên xe có chở thêm gạo. Thăm các chùa ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Đức Dục, Quế Sơn, xe chạy không muốn nổi vì bầu, bí, bắp, đậu, v.v... chất lên nhiều quá. Các chuyến đi ấy khá thành công. Nhiều giáo hội và nhiều Phật tử hảo tâm hứa ủng hộ thực phẩm và tiền bạc cho Phật học viện hàng tháng. Những tháng kế tiếp, viện cho nấu lại bữa điểm tâm (vẫn là cháo sáng, nhưng cháo đặc hơn trước), còn thức ăn hàng ngày lúc nào cũng có bầu, bí đao, bí rợ (bí ngô, bí đỏ)... Cứ xào qua xào lại thì bữa cơm nào cũng có được hai món ăn (trưa: canh bí, bầu kho; chiều: canh bầu, bí kho), đặc biệt món bí rợ (tức bí ngô) nấu với đậu phụng, lại thêm đậu

xanh, ăn rất ngon. Thượng tọa giám viện nói: “Các chú đừng có chê bí rợ, ăn bồ óc lắm đó, bồ óc thì tăng thêm trí thông minh, học mới giỏi được”. Bầu, bí chớ về chất đầy một kho, sắp từng lớp từng hàng, cao đưng trần nhà, đi từ xa cũng nghe được mùi. Y như một cái vựa lớn. Có nuôi thêm mọi đại đội chú tiểu nữa cũng ăn không hết. Các dì vài kêu gọi thêm viện binh từ các gia đình Phật tử gần chùa, suốt ngày thay nhau cắt gọt, đem bào mỏng bí rợ, bí đao rồi đem phơi khô, để dành từng bao bồ lớn. Mùa mưa lấy bí khô ra kho ăn. Đặc biệt bí rợ khô đem kho ăn còn ngon hơn cả bí tươi nữa kia. Tuổi học trò mà được ăn bí rợ mỗi ngày thì tốt quá đi chứ: bồ óc! Có điều, cũng vì cái bồ óc này mà ăn bí suốt năm không còn thấy ón nơi cổ họng nữa, mà ón ở trong óc. Có chú nói đùa rằng: “Tôi ngồi niệm Phật mà sao cứ nghĩ thấy mùi bí kho!” Một chú khác còn giễu hơn, nói: “Hồi tối nằm mơ, tôi thấy bị trái bí đè ngang ngực, ngộp thở bắt chết!”



Thế rồi năm học cũng trôi qua. Chúng tôi chuẩn bị một kỳ nghỉ hè dài hơn hai tháng.

Lễ bế giảng ở trường Bồ Đề được tổ chức trước. Tôi có phần thưởng hạng nhất ở trường ấy mà tôi không đi lãnh thưởng. Tôi cáo bệnh, nhờ chú Tánh đi lãnh thay. Cũng may là các chú tiểu nhìn qua thấy giống nhau, nên chẳng ai biết. Chú

Tánh lãnh phần thưởng xong, về kể lại tôi nghe rằng khi trường gọi tên tôi lên khán đài nhận phần thưởng, chú ấy quên mất là chú đang đóng vai tôi, nên cứ đứng im, nhìn quanh; người ta phải gọi mấy lần chú mới sực tỉnh, lật đật bước lên. Giáo sư chủ nhiệm vỗ vai chú trách nhỏ: “Thiệt tình chú này, trong lớp lãnh lợi lắm mà bây giờ kêu lãnh thưởng lại chậm chạp thế!” Tôi tặng phần thưởng đó cho chú Tánh nhưng chú không nhận. Thôi thì chia đôi. Tôi giữ mấy cuốn sách và tự điển. Chú ấy lấy tập vở và bút máy.

Lễ bế giảng năm thứ nhất của Phật học viện được tổ chức sau đó một tuần, ngay tại phòng học của viện. Hai phòng học ngăn nhau bởi một vách ván, nay ván được tháo ra, tạo thành một hội trường khá rộng. Lễ bế giảng này cũng nhằm vào dịp kỷ niệm Đệ nhất chu niên ngày thành lập Phật học viện. Chư tăng ni và quan khách Phật tử được mời tham dự rất đông, trong đó có cả các vị thuộc ban giám hiệu và giáo sư trường Bồ Đề. Toàn bộ tăng sinh chúng tôi cũng tập trung dự lễ. Sau lễ này mới được về quê nghỉ hè. Đặc biệt hôm ấy có đãi món mì quảng chay cho khách sau buổi lễ, cũng ngay tại hội trường đó. Sau phần diễn văn khai mạc của Thượng tọa giám viện và phần phát biểu cảm tưởng của các đại diện quan khách, ban giám học lược trình sinh hoạt của Phật học viện đồng thời trình bày kết quả tu học của tăng sinh. Khi thầy quản chúng thay mặt ban giám học, nêu tên các tăng sinh xuất



sắc, tôi đã lùi xuống nhà bếp. Thầy quản chúng giới thiệu hai ba lần cũng chẳng thấy tôi đâu, nên đành lướt qua, đọc đến các tên xếp hạng hai, hạng ba v.v... Ban giám học thúc giục các chú chạy tìm tôi. Chẳng qua, tôi không muốn chường mặt ra trước đám đông để đón nhận sự khen thưởng như tôi đã tránh né lãnh thưởng ở trường Bồ Đề. Chú chúng trưởng chúng Ca Diếp có trách nhiệm kiểm soát công tác trị nhật trong ngày đã bảo tôi phải ở trong hội trường để dự lễ, nhưng tôi lấy cớ đau bụng, rồi lại lấy cớ phải lo dọn ăn để trốn. Ngồi ở mé hiên phía sau bếp, tôi nghe loáng thoáng giọng thầy quản chúng từ máy vi âm vang lên. Âm thanh từ hội trường lúc được lúc mất, vắng đến tai tôi theo những làn gió từ nghĩa địa lùa vào. Lúc đó, tôi bỗng cảm nhận được rằng từ nhỏ, tôi vốn không phải là típ người thích hợp với đám đông. Và bây giờ, tôi lại càng không thích hợp với đám đông hơn. Nhưng sự việc không đơn giản như là tâm lý sợ đám đông mà còn ở một góc cạnh tâm lý nào khác. Hình như sau lưng những sự thất bại và thành công, là một cái gì trống rỗng. Cái trống rỗng đó khiến tôi không còn hứng thú để làm một cái gì khác, hoặc tiếp tục một vận hành nào khác.



Nhớ lại năm cuối cùng của bậc tiểu học, tôi được một lúc ba phần thưởng, gồm phần thưởng

đanh dự hạng nhất, phần thưởng hạnh kiểm của trường tiểu học Sinh Trung, và một phần thưởng trong kỳ thi vẽ của toàn tỉnh, tổ chức tại trường Nam tiểu học. Ba cái phần thưởng to lớn ấy vừa làm tôi sung sướng hãnh diện, nhưng cũng làm cho tôi chán ngấy liền sau đó, khiến cho khi vừa bước vào trung học, tôi đã trở thành một đứa học sinh quá tệ. Phần thưởng danh dự và hạnh kiểm lãnh ở trường Sinh Trung không có gì đáng nói. Vì khi được gọi tên, tôi bước lên nhận phần thưởng, rồi cúi đầu chào cảm ơn. Rồi khán đài rời, chỉ việc nhờ anh hay chị ôm dùm bớt một phần thưởng, mang về nhà. Riêng cái chuyện thi vẽ của tiểu học toàn tỉnh mới tạo cho tôi một sự chán ngấy, ám ảnh tôi ghê gớm.

Mỗi năm, ty tiểu học có tổ chức một kỳ thi toàn tỉnh bao gồm các môn luận văn, toán, thường thức, vẽ, các bộ môn thể thao và văn nghệ. Học sinh xuất sắc về những môn ấy được các trường trong toàn tỉnh tuyển chọn để đưa đi thi. Về các môn thể thao, việc tuyển chọn thí sinh trong mỗi lớp rất đơn giản. Riêng các môn toán, luận văn và vẽ ở trường tôi thì hơi bị trở ngại là vì theo nhận xét của các vị giáo viên, tôi là đứa có triển vọng thắng giải nhất về cả ba môn ấy. Nhưng vì các môn được tổ chức thi trong cùng ngày cùng giờ, nên mỗi môn phải chọn một thí sinh chứ không thể một thí sinh mà gánh luôn cả ba. Hơn nữa, mỗi thí sinh được giao cho thi môn gì thì cũng phải có thì giờ để luyện thi môn ấy.

Làm sao tôi có thì giờ để luyện thi cho cả ba môn! Vậy là ban giám hiệu phải hội họp, bàn cãi để quyết định chọn tôi thi môn nào, rồi các môn còn lại sẽ tuyển học sinh khác. Giáo viên lớp tôi thì cứ một mực bảo là tôi phải thi luận văn vì chấm bài của tôi suốt năm, ông biết tôi khá môn ấy. Còn giáo viên kèm toán cho lớp luyện thi buổi tối thì bảo tôi phải thi môn toán, vì tôi làm toán rất nhạy và vững. Nhưng cuối cùng, theo đề nghị của thầy phó hiệu trưởng—vốn là một họa sĩ—nên để tôi đi thi môn vẽ, vì qua cuộc tuyển lựa tranh vẽ trong lớp, thầy đã không tìm được một thí sinh nào khá hơn tôi trong môn ấy. Một chị lớn của tôi, là giáo viên, có mặt trong buổi họp, đã về nhà kể lại ba mẹ tôi nghe về cuộc bàn cãi ấy. Khi được hỏi ý kiến về việc chọn tôi thi môn gì, chị đã trả lời:

“Thực tình tôi chẳng biết nó giỏi môn nào, cứ theo hai thầy dạy nó trực tiếp thì bây giờ mới rõ là nó khá luận văn, và khá toán... Chứ riêng tôi ở nhà, chỉ nhớ mang máng một điều là mấy đứa em tôi, từ lớn đến nhỏ, suốt ngày cứ bày giấy ra mà vẽ tranh, vẽ đủ thứ... Vẽ chơi thì có đó, chẳng biết thi vẽ sẽ như thế nào.”

Thầy hiệu trưởng nghe vậy quyết định ngay:

“Thôi, vậy là được rồi. Cho em Khang đi thi vẽ.”

Thầy phó hiệu trưởng đảm trách việc kèm tôi trong thời gian luyện thi. Thầy mua cho tôi hai

tập giấy vẽ trắng khổ lớn, cục tẩy, đồ chuốt thật bén, và hay cây bút chì đen, một cây đậm, một cây nhạt. Mỗi ngày, thầy vào lớp tôi, thưa với giáo viên cho rút tôi ra ngoài một giờ đồng hồ để tập vẽ. Thầy đâu có dạy tôi cái gì đâu. Chỉ dặn tôi ngay bữa đầu tiên là lúc nào nên dùng cây bút đậm, lúc nào nên dùng cây bút nhạt. Còn vẽ thứ gì thì thầy chỉ nói gọn một câu:

“Đề tài thi theo thầy biết mấy năm trước, là hãy vẽ theo trí tưởng tượng của em bất cứ vật hay cảnh gì em thích. Vậy đó, vẽ đi.”

Một giờ đồng hồ, vẽ được hai, ba bức tranh. Vẽ xong trình thầy xem. Thầy đề nghị nên sửa chỗ nào, nên tô đậm hay đánh bóng chỗ nào.

Trước tiên, chúng tôi phải trải qua một kỳ thi cấp quận với các trường tiểu học thuộc quận Vĩnh Xương (Nha Trang cũng nằm trong quận này). Các môn thể thao, trường tôi thua hết, chỉ được giải nhất ở môn bóng bàn đơn nam lẫn đánh cặp do hai anh em người bạn cùng học lớp tôi. Các giải toán, luận văn, trường tôi đều thất bại. Duy có vẽ thì may sao, tôi được giải nhất. Sau khi nguệch ngoạc vẽ xong bức tranh của mình, tôi đã lén nhìn quanh các thí sinh khác, thấy họ vẽ bằng bút chì màu, hoặc bằng màu nước, rất điêu luyện. Lúc ấy tôi đã thấy thất vọng, nghĩ là mình không sao thắng nổi họ. Vậy mà chẳng biết sao, tôi lại được chấm nhất. Tôi có vẽ cái gì đặc biệt đâu. Không có mặt thầy phó hiệu trưởng nên tôi đâu thèm nghe lời thầy: đem theo hai cây bút mà tôi

chỉ sử dụng có một cây đậm (tôi ghét cây nhạt). Tôi vẽ một ông lão cũng một đứa bé gái ngồi câu cá ở bờ sông. Tranh chỉ có vậy. Thầy phó hiệu trưởng kể lại cho thầy hiệu trưởng và chị tôi nghe rằng, trong ban giám khảo, có một cô giáo cũng là họa sĩ, nhất định chấm bức tranh của tôi hạng nhất. Cô ấy đã phân tích cái trí tưởng tượng mà cô cho là phong phú của tôi thế nào, và đặc biệt nhấn mạnh là tôi có nét vẽ điêu luyện ở những cây cỏ mọc quanh bờ sông... Thầy hiệu trưởng mừng lắm, ẵm cả tôi đưa lên cao, dẫn tôi cùng đám thí sinh của trường đi ăn phở và giải khát ở sân quần vợt trước mặt trường Nam tiểu học.

Đâu chừng nửa tháng sau, tôi và hai bạn giải nhất bóng bàn tham dự cuộc thi chung kết toàn tỉnh, tức là thi với các trường tiểu học ở các quận lỵ khác trên toàn tỉnh Khánh Hòa. Lần này, tôi vẽ hai chiếc thuyền qua sông, có một nhánh cây lớn từ góc tranh sà xuống. Vẽ xong, tôi lại ngồi nhìn quanh, thấy các bạn khác vẽ màu rất công phu, tôi lại đâm ngại, thiếu tự tin. Nhưng không biết làm gì khác hơn. Cứ ngồi đó. Chị tôi đi vòng vòng ngoài hành lang, thấy tôi ngồi không thì đưa tay ra dấu, ý chừng muốn bảo tôi hãy vẽ đi chứ sao ngồi đực ra đó, làm sao kịp giờ. Tôi nhăn nhó, gật đầu, cầm cây bút xuống bàn, tỏ ý đã vẽ xong rồi. Chị lại ra dấu bảo vẽ nữa. Tôi khó chịu, cúi xuống bức tranh, tô thêm vài chỗ lầy lệ. Viên giám thị thấy được, bèn đến nhìn vào bức tranh của tôi rồi lặng lẽ bước ra hành lang,

nói gì đó với chị tôi. Chị tôi bèn xoa tay, bảo thôi, đừng vẽ nữa. Sau này chị kể lại rằng, viên giám thị nói: “Nó vẽ vậy đẹp rồi sao lại bảo nó tô thêm, tô tới tô lui làm mất vẻ tự nhiên của bức tranh đi!” Chị tôi nghe được mới giật mình.

Vậy mà bức tranh của tôi lại được giải nhất, có điều đây là giải nhất đồng hạng. Cùng hạng nhất với tôi là một thí sinh ngồi phía bên phải của tôi. Anh ấy to cao, khiến tôi nghi ngờ là không phải học sinh tiểu học. Khi liếc thấy bức tranh trái mãng cầu vẽ bằng bút chì màu của anh ấy, tôi đã không chú ý lắm, cho là không bằng bức tranh vẽ bụi trúc của một thí sinh trường Tàu, cũng như bức tranh vẽ cảnh đồng quê của một thí sinh khác. Vậy mà tranh chân dung trái mãng cầu lại đồng hạng nhất với tôi. Hai tranh được chấm mười sáu điểm. Ban tổ chức đề nghị ban giám khảo họp chấm lại, sao cho có hạng nhất, hạng nhì, chứ không thể giải nhất đồng hạng. Vậy là cuộc bàn thảo sôi nổi lại diễn ra. Lần này, ngoài cô giáo họa sĩ còn có một thầy giáo họa sĩ khác làm cho Ty tiểu học, nằm trong ban giám khảo. Cả hai vị một mực bênh vực bức tranh của tôi bằng kiến thức và kinh nghiệm hội họa của họ. Cho rằng bức chân dung trái mãng cầu không thể nào thắng được một bức phong cảnh tưởng tượng rất thơ mộng với trời mây và sông nước mơ màng của tôi được... Nhưng rồi người ta lại điều đình sao đó, rằng nguyên cái quận Khánh Dương của anh thí sinh vẽ trái mãng cầu, thi môn nào cũng

rớt, không vào được một giải nào ngoại trừ một giải khuyến khích cho môn văn nghệ, trong khi trường tôi được giải văn nghệ, bóng bàn, lại thêm vẽ nữa... Cho nên, một cách tình cảm, để vui cả làng, tốt hơn là trường tôi nhường một chút, hạng nhì cũng là hạng danh dự mà. Cô giáo họa sĩ nổi giận, bỏ họp. Ban giám khảo chấm lại lần chót: tranh măng cầu mười chín điểm, tranh thuyền qua sông mười tám điểm rưỡi.

Vậy mà giải nhì hội họa cũng làm cho thầy hiệu trưởng và các giáo viên trường tôi vui mừng lắm. Nhận phần thưởng xong, tôi theo xe buýt của trường về lại trường, ngồi chơi ở văn phòng với quý thầy cô và các bạn học nam nữ trong trường lần chót, vì sau ngày này, chúng tôi sẽ bước vào một ngôi trường khác ở bậc trung học. Tại văn phòng, tôi bất ngờ đón nhận những lời khen ngợi của hết thầy này đến cô kia mà không chạy trốn đi đâu được. Những lời khen dồn dập hướng về tôi trước đám đông khiến tôi sượng sùng chẳng biết giấu mặt nơi nào. Các bạn học của tôi, nhất là mấy cô bạn gái học chung trong lớp luyện thi buổi tối ngược nhìn tôi với vẻ ngưỡng mộ, thỉnh thoảng xen vào một lời ca ngợi hoặc nói đùa theo các thầy các cô khác những lời xung dương. Họ gán hào quang cho tôi, nhưng tôi thì thấy mình bị nhận chìm xuống một vũng tối của sự xấu hổ và hình như là một hố thẳm, một cái gì trống không, rỗng tuếch. Đó là lần đầu tiên tôi trải qua kinh nghiệm chán ngán cái đám đông

và những lời khen tụng. Nỗi chán ghét này có vẻ như là một đối lực húc vào tôi, khiến tôi phải quay mặt và đâm ra thích một cái gì bao la, cao thẳm hơn. Sau lần đó, tôi trở nên lậm lì, ít nói, và không biết chừng, chính cái rỗng tuếch của sự thành công lại dẫn đến kết quả như đã thấy: tôi trở thành học sinh biếng học, đội sổ trong lớp ở những năm mới vào trung học Võ Tánh...



Trở lại câu chuyện hôm nay: lễ bế giảng của Phật học viện tại hội trường. Nếu có mặt tại đó, tôi lại một lần nhận phần thưởng và sự khen tụng trước đám đông. Làm sao tôi có thể chịu đựng nổi! Tôi đi dạo quanh vườn chùa một lúc rồi trở lại chỗ cũ, ngồi im như thế một lúc thật lâu, không suy nghĩ gì. Bất chợt, tôi không thấy tôi nữa. Tôi ngồi đó mà như không có tôi. Chỉ thấy trong lòng vắng lặng như một ao thu trong rừng sâu quạnh quẽ. Khi tôi đứng dậy, trong tôi bỗng dậy lên một niềm kiêu hãnh lạ kỳ. Niềm kiêu hãnh ấy không phải là vẻ tự mãn tự tôn về cái thành công trong học vấn nhà trường mà chính là cái tâm ý muốn chối bỏ thế gian, thấy rằng mình không còn gì để làm nơi thế gian này nữa.

“Chú Khang, làm gì vậy? Nãy giờ thầy quản chúng gọi tên chú đó. Thầy giám viện cũng hỏi nữa. Sao chú ở đây, không dự lễ?”

Tôi quay lại thấy chú chúng trưởng chúng



Ca Diếp đang bước tới gần. Chú ấy tên là Tấn, đã lớn tuổi, học chậm nhưng siêng năng, tháo vác, tốt bụng. Tôi không nói gì, cùng chú quay vào bếp. Chú Tấn vừa bước vừa hỏi tiếp:

“Bộ chú có chuyện gì buồn sao?”

“Đâu có. Tại vì phải xuống coi máy cô đã làm mì xong chưa, để còn bung dọn cho khách nữa... Hôm nay phiên chúng Ca Diếp trị nhật mà.”

“Biết rằng vậy, nhưng chú cũng phải có mặt lúc ban giám học giới thiệu các tầng sinh xuất sắc và hạnh kiểm chứ. Chuyện bung dọn từ từ tính sau.”

“Thôi... giờ cũng qua cái mục đó rồi, phải không? Mình phải lo dọn mì.”

Chú Tấn nhìn tôi với chút nghi vấn, lắc đầu.

Trong bếp, các dì vải đang bỏ mì, bỏ rau vào các tô. Nồi nước lèo chay cũng đã sôi sùng sục rồi. Chúng tôi sắp các tô mì vào mâm, bung từ nhà bếp ra đến hiên hội trường. Việc bung các mâm đầy những tô mì quảng từ bếp ra hội trường đòi hỏi phải mạnh tay mới chịu nổi một khoảng đường xa không có chỗ dừng nghỉ. Tôi bung một mâm chín, mùi cái tô, ra đến hiên hội trường mới được nghỉ tay nơi một cái bàn trống đặt tạm ở đó. Mỗi đuôi cả hai tay, thở dốc. Vài chú khác chung ban trị nhật với tôi cũng nối đuôi bung ra mỗi người một mâm. Chú chúng trưởng thì cùng một chú khác, phụ giúp các dì vải bung nồi nước

lèo ra đến hiên hội trường. Từ hiên, các di vãi sẽ múc nước lèo vào tô để chúng tôi chuyễn vào trong cho quan khách. Tôi nghĩ lầy hơi được một chút thì các tô mì đã được múc nước lèo vào, phải bung dọn ngay cho khách kéo nguội. Vậy là cuối cùng, tôi cũng chường mặt vào hội trường, nơi có hàng trăm người ngồi trong đó. Tôi đặt mâm mì quảng xuống một cái bàn trống nơi góc, rồi bung từng tô đến đặt trước mặt từng vị khách. Tôi hãy còn thở dồn dập trong khi bung dọn mì, bỗng nghe từ máy vi âm, thầy quản chúng nhắc tên tôi:

“A Di Đà Phật, khi nãy chúng tôi giới thiệu các học tăng xuất sắc của niên học vừa qua thì có một chú vắng mặt. Nay chú ấy đang có mặt trong hội trường, vậy xin giới thiệu cùng chư tôn đức và quý vị quan khách, học tăng xếp hạng nhất của niên khóa đồng thời cũng là học tăng hạnh kiểm nhất: chú Vĩnh Khang,” vừa nói câu cuối, thầy ấy đưa tay trở vào tôi.

Cả hội trường quay đầu lại nhìn tôi. Trong cái nhìn quay lại cùng tiếng vỗ tay rào rào của mọi người, tôi bỗng thấy có cái gì buồn cười, nhạt nhẽo. Tôi đứng sượng trân một khắc, cúi đầu chào nhẹ rồi vội vã quay đi, rời hội trường, bỏ luôn công tác bung dọn bữa ăn chiều cho khách, đi nhanh về phòng. Trong phòng lúc ấy chẳng có ai. Tôi ngồi vào bàn học riêng của mình mà chẳng biết làm gì. Một lúc, tôi rời phòng, đi lang thang ở vườn sau của chùa, tìm đến bờ ao phía gần nhà bếp, ngồi bệt xuống bên bờ ao ngập lá

tre. Mặt ao cũng đầy xác lá. Có con chuồn chuồn bay lượn rồi đậu trên nhánh tre khô nổi lên bình dưới nước. Chẳng có gì mà sao tôi buồn quá. Tôi thấy nơi đám đông, nơi hội hè lễ lạc có một cái gì rất chán. Giống như những chiếc lá tre khô chồng lên nhau.

Ngồi một lúc, tôi vươn vai đứng dậy, ngược mặt nhìn trời. Tôi muốn bay lên, muốn vói tay đến một phương trời xa xăm không còn bóng dáng gì của thế gian và con người quanh tôi nữa. Trần gian ơi, hãy tan biến đi, hãy tiêu tằm đi!



Ngay cả ý niệm chối bỏ cũng chỉ là sự mạnh động ngược chiều của bản ngã. Tham đắm thế gian cũng là nó, phủ nhận thế gian cũng là nó mà thôi. Nhưng cả hai cái mạnh động này đều là mạnh động của một kẻ đến tuổi trưởng thành, một kẻ đã có cái gọi là kinh nghiệm trong cuộc sống, hoặc một kẻ đã bị kiến thức sách vở lôi kéo đi như một con lừa ngờ nghếch. Những mạnh động ấy rất cần thiết cho một người lớn điên gàn. Con nít không cần. Nhưng tôi, đứa con nít này, vì có gì đã học đòi phương cách đạo mạo, nghiêm trang và bày trò suy tư của những người lớn? Phải chăng vì tôi đọc sách hơi sớm, nhất là sách Thiên? Hay vì tuổi tác và cơ thể tôi đã nằm trong thời kỳ trưởng thành? – Không. Nếu là dấu hiệu phát triển của tuổi tác và cơ thể thì tôi đã là người

lớn từ năm kia, năm mười ba tuổi, lúc tôi còn ở viện Hải Đức, chưa chuyển qua chùa Linh Phong. Vào buổi tối khuya hôm ấy, khi thức dậy ngồi thiền trên giường ngủ, tôi bỗng cảm nhận như có một vật lạ xuất hiện ở phần dưới cơ thể của mình. Một cái gì căng cứng và nóng ran như thể nó là chỗ hội tụ của tất cả sinh lực mạnh mẽ của tôi vậy. Sự xuất hiện bất thường của nó làm tôi không định tâm tọa thiền được. Vội vã rời chỗ nằm để vào nhà vệ sinh, tôi phát giác rằng cơ thể tôi đã thay đổi, và vật lạ kia chẳng có gì xa lạ cả, nó là một phần cơ thể của tôi, là cái thường ngày tôi dùng đến trong việc vệ sinh; chỉ khác một điều là chiều kích của nó như bị khuếch đại lên một cách quá đáng, tưởng chừng mười lần lớn hơn lúc bình thường. Liên tục trong nhiều ngày kế tiếp, vật ấy cứ chốc chốc lại phiền nhiễu tôi, bất kể giờ giấc. Đầu khoảng một tuần lễ sau, tôi nằm mộng thấy chuyện lạ, và rồi xuất tinh. Sớm mai thức dậy, vật ấy có vẻ như thụ động, hiền lành hơn, không quấy nhiễu tôi nữa. Phải chăng tôi đã thành người lớn từ cái tuổi mười ba đó?

Dù cố gắng không nghĩ gì hết, tôi vẫn cứ mất khá nhiều ngày để suy tư vớ vẩn về sự thay đổi của mình, cũng như cái tâm lý sợ hãi đám đông và sự khen tặng, nhưng cuối cùng, thấy rằng những suy tư ấy cũng chẳng thay đổi hay đem lại lợi ích nào cho cuộc sống, tôi vứt hết, không cần để ý đến những chuyện ấy nữa. Tôi chạy theo sinh hoạt tập thể, vui vẻ hòa đồng cùng các bạn.

Chỉ thời gian ngắn sau, tôi quên mất tôi là người lớn hay là con nít, quên luôn những chuyện đã làm tôi chán ngấy. Cơ thể có phát triển hay không cũng chẳng phải là dấu hiệu của sự trưởng thành. Mà có trưởng thành hay không cũng chẳng phải là điều quan trọng gì của cuộc sống. Còn chuyện ghét đám đông ư? Ôi, hình như đó chỉ là một sự nhút nhát thôi... có gì quan trọng, mà để tâm. Và chẳng, chuyện *bị* một đám đông khen tặng, vỗ tay tán thưởng, sẽ xảy ra bao nhiêu lần trong đời để phải sợ chứ! Không cần suy nghĩ, không cần nỗ lực chối bỏ hay chọn lựa bất cứ lối sống nào, tôi trở về với lứa tuổi và con người bình thường của tôi.



Mùa hè sau niên học thứ nhất, tôi không về quê mà ở lại dự khóa an cư kiết hạ do viện tổ chức. Chư tăng từ các quận trong tỉnh tựu về khá đông, nên việc ăn ở phải sắp xếp lại. Mất vài ngày mới ổn định hết mọi thứ để bắt đầu cho khóa an cư kiết hạ này.

Theo truyền thống Phật giáo Việt Nam, mùa an cư (nghĩa đen là ở yên một chỗ) được tổ chức vào mùa hè (nên gọi là *kiết hạ*) từ rằm tháng tư (nhằm lễ Phật Đản) đến rằm tháng bảy (nhằm

lễ Vu Lan). Trong thời gian ba tháng này, chư tăng (hoặc chư ni) tập trung tại một ngôi chùa thuận lợi nhất để cùng cảm túc (không bước ra khỏi chùa nếu không có lý do chính đáng và sự đồng thuận của đại chúng), nỗ lực tu tập và trao đổi nhau những kinh nghiệm, kiến thức về Phật pháp. Đến rằm tháng bảy thì *giải hạ* (*kiết* là cột, đóng, đan lại, kết hợp; *giải* là mở, buông ra), chư tăng có thể ai về chùa nấy, tiếp tục hành đạo nơi trụ xứ địa phương của mình.

Thượng tọa giám viện muốn nhân mùa an cư có chư tăng vân tập đông đủ, tổ chức một giới đàn Sa-di thập giới cho các chú tiểu đủ điều kiện được thọ giới. Điều kiện ấy trước hết là tuổi tác, có giới hạnh, có trình độ Trung đẳng về Phật học và có sự giới thiệu của vị thầy bốn sư. Giới đàn sẽ được tổ chức vào ngày rằm tháng bảy. Hai phần ba lớp học chúng tôi xin ghi danh vào danh sách các giới tử (những người xin thọ giới). Vào tháng bảy năm ấy, tính theo tuổi tây thì tôi chưa được mười sáu tuổi. Nhưng thường thì mười lăm tuổi cũng có thể thọ Sa-di thập giới được rồi. Vì vậy, tôi gửi thư về Nha Trang xin phép thầy bốn sư. Đầu chùng nửa tháng sau, có chú Tâm Hạnh, sư huynh của tôi, mang thư, có cả tiền nữa, của thầy tôi gửi. Thầy đã hoan hỉ cho phép tôi thọ giới. Thầy còn gửi hai xấp vải vàng và lam cho tôi may y (cà sa) và áo tràng mới nữa. Chú Tâm Hạnh giúp tôi lo việc may y áo bằng cách đo kích tấc của tôi rồi đem ra Đà Nẵng may.

Sau ngày rằm tháng bảy năm ấy, tôi đại diện hơn một trăm hai mươi giới tử, tác bạch xin được thể phát thọ trì mười giới cấm của bậc Sa-di. Thượng tọa giám viện thay mặt Hòa thượng đàn đầu (Hòa thượng trụ trì tổ đình Vu Lan tại Đă Nẵng) làm lễ tẩy tịnh và thể phát cho giới tử. Tôi được chọn làm giới tử đại diện để Thượng tọa cạo tóc. Khi những sợi tóc cuối cùng từ cái chỏm trên đầu tôi rơi xuống cùng lúc với lời chú nguyện vang lên chung quanh, tôi bỗng nhận thức một cách sâu xa và khẳng định rằng, chỉ có con đường xuất gia mới là con đường cao cả tốt bậc để vươn tới giải thoát tối hậu. Tôi cúi lạy mà nghe như lời phát nguyện chấn động sâu xa đến tận bản thể của mình:

*“Hủy hình thủ chí tiết  
Cát ái từ sở thân  
Xuất gia hoằng Phật đạo  
Thệ độ nhất thiết nhân.”*

(Lành thay bậc đại trượng phu, kẻ đã xả bỏ hình hài tốt đẹp bề ngoài để giữ lấy chí tiết thanh cao, cắt bỏ mọi tình cảm, xa lìa bao người thân, chọn con đường xuất gia mà truyền rộng giáo pháp của Phật-đà với thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sinh).

Sau lễ thể phát, cả trăm giới tử ùn ùn kéo ra vườn sau để cạo tóc. Tôi cũng được cạo sạch mớ tóc còn sót lại trên đầu vì khi nãy trên chánh điện, Thượng tọa giám viện chỉ dùng dao cạo một khoảnh tượng trưng trên đầu tôi thôi. Cạo mất cái

chôm rồi, tôi thấy nhẹ hẫng cả thể xác lẫn tinh thần.

Hai giờ chiều cùng ngày, toàn thể giới tử lại tập trung ở khoảng sân trước chánh điện để làm lễ thọ giới. Trong chánh điện, các vị tôn đức trong *hội đồng thập sư* (bao gồm Hòa thượng đàn đầu, Yết-ma, Giáo thọ, bảy vị tôn chứng) cùng ban *dẫn thỉnh sư* (từ hai đến bốn vị) cũng đã quy tụ.

Chúng tôi quỳ nơi sân của viện để lắng nghe và làm theo các nghi thức cần thiết của giới đàn.

Cảm động nhất là khi hướng về phương Bắc để lạy tạ cha mẹ lần cuối cùng. Vị dẫn thỉnh sư cũng không ngăn được xúc động khi nói:

“Này các giới tử! Trước khi chính thức lãnh thọ mười giới, tham dự vào dòng giống của Phật-đà, lấy trí tuệ và sứ mệnh độ sanh làm sự nghiệp, quý vị phải một lần nữa, dứt khoát cắt bỏ mọi tình trần. Sau khi thọ giới, quý vị sẽ không được phép cúi lạy những người thế tục, cho dù người ấy là cha mẹ mình. Nhưng cha mẹ là những bậc có công ơn sâu dày sinh ra và nuôi dưỡng quý vị thành người, đã vậy còn hy sinh cắt bỏ tình phụ tử, mẫu tử để chấp nhận sự thoát ly của quý vị, cho phép quý vị từ bỏ cuộc đời để xuất gia đầu Phật, đeo đuổi con đường giải thoát cao cả của tiền nhân. Vậy, trong niềm biết ơn vô hạn đối với công đức của cha mẹ, quý vị hãy cùng hướng về phương Bắc, chân thành đem cả



thân tâm lạy tạ cha mẹ lần cuối để khởi sự dẫn mình vào con đường lợi sanh trước mắt...”

Hàng trăm giới tử cùng cúi lạy cha mẹ ba lần theo lời xướng lễ của vị dẫn thỉnh. Có tiếng sụt sùi khóc bên ngoài và bên trong giới trường. Đúng ra, khi quyết tâm bỏ nhà xuất gia, chúng tôi đã chấp nhận trước sự thực hiện nhiên này rồi. Nhưng chúng tôi không bao giờ có thể tưởng được rằng giây phút cuối cùng lạy tạ ấy lại làm chúng tôi bàng hoàng, ngơ ngác như những con nai con lạc mẹ. Con đường xuất gia cao đẹp quá, nhưng sự lựa chọn nó cũng thật là đau khổ. Ở cái lạy thứ nhất, tôi thấy hình ảnh ba mẹ tôi hiện ra với ánh mắt bao dung và nụ cười hiền hòa muôn thưở. Lạy thứ nhì, tôi thấy nghi dung đức Phật chói lòa với bàn tay đưa lên cả vòm trời tự tại giải thoát. Nhưng ở lạy thứ ba, trong tôi không còn hình bóng nào hiện ra nữa. Chỉ thấy cay cay trong mắt.

Sau một vài nghi thức cần thiết, chúng tôi được truyền thọ mười giới, rồi được truyền thọ ca-sa.

Toàn thể giới tử cúi lạy rồi đứng dậy khoác mặc ca-sa lần đầu tiên vào người, vừa mặc vừa tụng lớn:

*“Đại tai giải thoát phục,  
Vô tướng phước điền y  
Phụng trì Như Lai mạng  
Quảng độ chư quần mê.”*

(Cao cả thay khi được khoác chiếc áo giải thoát, chiếc áo ruộng phước vô tướng, để xin vâng giữ sứ mệnh mà Như Lai giao phó: cứu độ cho tất cả những chúng sinh mê muội của trần gian).

Khoác pháp y vào người rồi, chúng tôi đã chính thức trở thành người xuất gia, tuy chưa thực sự là bậc trưởng tử của Phật như các vị tỳ kheo, nhưng cũng đã vượt qua được giai đoạn tập sự căn bản của thời kỳ làm chú tiểu. Giới pháp đã trao, giới thể đã đắc, chúng tôi lạy tạ Tam Bảo rồi lui về phòng với tâm thức mới, con người mới.

## CHƯƠNG MƯỜI BA



Hồi chưa xuất gia, tôi có khá nhiều bạn học chung trường, chung lớp. Nhưng giữa tôi với những người bạn ấy, nếu có quen và thân nhau thì cũng chỉ là cái thân thiết hời hợt của những đứa con nít. Tôi hãy còn nhớ tên, nhớ mặt những người bạn thân từ tiểu học Sinh Trung đến trung học Võ Tánh. Từ khi xuất gia rồi, tôi thấy giữa tôi và họ tự dưng lại có một khoảng cách thật lớn, đến nỗi không còn gì để nói với nhau nữa nếu có cơ hội gặp mặt.

Ngày tôi còn ở viện Hải Đức, các bạn học

chung lớp với tôi ở trường Võ Tánh như Đức, Rạng, Dũng, Trung... có tìm thăm tôi. Lúc ấy thầy tôi đang bệnh nặng, tôi đang túc trực bên thầy suốt ngày đêm vì tôi là thị giả. Nghe có bạn tìm gặp, tôi cũng không dám rời thầy để ra tiếp. Bất các bạn phải chờ đợi thật lâu, tôi mới nhờ chú Sáng trực hầu bên thầy mà ra ngoài. Gặp các bạn, niềm vui trong tôi theo phản xạ tự nhiên đã lóe sáng lên nhưng rồi lại lặn mất ngay sau đó, cuối cùng chỉ còn là sự ngỡ ngàng. Tôi đứng bên các bạn mà e lệ như đứa con gái vì cách ăn mặc và cái chòm ngõ ngõ trên đầu. Hình thức ấy tôi không thấy mắc cỡ trước bất cứ người lạ nào, nhưng lại thấy kỳ cục làm sao trước mặt các bạn thân cũ. Các bạn hỏi thăm tôi đôi điều, tôi trả lời cho xong rồi lặng thinh. Tình bạn không mất nhưng thật là khó gần lại như xưa. Tôi nói thực với các bạn rằng tôi phải trở vào phòng thầy. Các bạn tôi thông cảm, từ giả mà về. Có lẽ các bạn tôi không chấp trách tôi chuyện đó, nhưng nhiều năm sau, tôi vẫn không sao quên được buổi chiều mà các bạn lên núi tìm thăm: tôi đã không tiếp được họ bình thường trong tình thân giao của những ngày xưa cũ.

Bây giờ ở trong chùa, nhất là trong mùa an cư kiết hạ và giới đàn tổ chức tại Phật học viện vừa qua, tôi có thêm rất nhiều bạn bè từ các nơi tựu về. Có nhiều người bạn cùng trang lứa tôi, nhưng cũng có người đáng tuổi anh tôi. Tình bạn đạo là thứ tình cảm lạ lắm. Nó bền chặt mà không

đòi hỏi phải có sự gắn bó lâu dài qua thời gian hay hoàn cảnh. Nó cũng không bùng lên nồng nhiệt hăm hở nơi những phút đầu để rồi phai nhạt dần về sau. Nó đến lặng lẽ như không hề có. Nó xa biệt mà chẳng hề không. Nó thắm. Đúng là thắm như sương mù. Trong bài văn Cảnh Sách của Tô Qui Sơn, tôi nhớ có câu: *“Thân cận thiện hữu, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận.”* Nghĩa là, gần gũi bạn hiền cũng giống như đi trong sương mù; tuy không ướt áo ngay nhưng dần dần cũng nhuận thắm. Chúng tôi có thể không ở chung một chùa, không học chung một lớp, không thọ giới một năm, không cầu pháp một thầy, không cùng xứ sở, không cùng thời gian sinh ra... nhưng với chiếc áo nâu đơn sơ ấy, với cái đầu nửa tháng cạo một lần ấy, chúng tôi vừa chấp tay chào nhau đã thấy người kia là bạn đạo của mình với bao niềm thông cảm. Người bạn đạo ấy đã cùng ta xa lìa mái ấm gia đình, cùng ta dấn thân vào cửa thiền, chịu đựng bao thử thách; sống đời chay tịnh thanh cao, thiếu ăn thiếu ngủ vẫn bền chí kiên gan, dốc cả tuổi thanh xuân thơ mộng vào con đường xuất gia khó nhọc. Người bạn ấy và ta không cần phải nói nhiều với nhau, nhưng dòng máu trong tim hẳn đã cùng chảy chung một nhịp trong khát vọng vươn tới giải thoát giác ngộ; bỏ tất cả, hy sinh tất cả, cũng vì mục tiêu tối hậu ấy.

Chúng tôi kể cho nhau những kỷ niệm vui buồn trong quãng đời hành điệu (làm chú tiểu)

của mình. Chúng tôi cũng trao đổi những kinh nghiệm và kiến thức thâm thập được từ những vị đạo sư khác nhau. Tôi thấy sự kết bạn rộng rãi như vậy rất bổ ích và chẳng bao giờ thiệt thòi mất mát gì cả. Trước đây tôi đã từng là chú tiểu khó tánh, lầm lì ít nói, khó lòng để người khác bắt chuyện làm quen. Bây giờ, tôi biết điều đó chẳng lợi gì cho tôi. Vì ngay cả một người bạn khờ khạo, tưởng như bất tài vô tướng, cũng có những cái rất hay, rất dễ thương, để ta cảm mến và học hỏi. Tôi trở nên cởi mở, vui tính hơn trong giao tiếp. Và tôi trở thành một chú tiểu có nhiều bạn trong viện.

Sau ngày giải hạ, những người bạn mới của tôi lục tục trở về quê quán. Và học tăng chúng tôi bắt đầu niên khóa thứ hai. Theo sự đề nghị của thầy quản chúng và các chúng trưởng, Thượng tọa giám viện cho bốc thăm bầu và chia lại nhân sự của hai chúng. Tôi và Sáng vẫn ở lại trong chúng Ca Diếp, nhưng nhiều chú khác từ chúng A Nan đã đổi qua chúng Ca Diếp, và ngược lại. Chú Tấn là chúng trưởng cũ của chúng Ca Diếp, nay cũng là chúng trưởng, không thay đổi gì, nhưng người chúng phó là chú Cung thì nay được thay vào bởi chú Tử. Chú Tử đổi từ chúng A Nan sang, vào phòng tôi thì được bốc thăm trúng bàn học và giường nằm ở cuối phòng, kế bên bàn học và giường nằm của tôi.

Chú Tử gốc người Huế, lớn hơn tôi chừng năm, sáu tuổi. Da chú đen ngăm ngăm, trán vồ và

cao, mắt nhỏ, mũi nhỏ, miệng vầu, có chiều cao trung bình, ốm roi roi. Chú học rất khá, cứ nhìn cái trán thông minh của chú thì cũng đoán được phần nào. Đã vậy chú còn siêng năng, chăm chỉ từ việc học đến công tác, bắt tay vào việc nào chú cũng hết lòng với việc nấy, đầu vào đó cho thành mới thôi. Chú còn là người giỏi dang việc làm vườn, gánh nước, trồng rau, làm giàn (cho bầu, bí, mướp, khổ qua...), cuốc đất v.v... việc nào cũng thông thạo. Cho đến những việc cần đức tính tận mẫn tỉ mỉ của đàn bà con gái, chú cũng khéo tay chứ chẳng chịu thua. Nhất là chuyện may vá. Chú có cái áo cũ bị rách toác mấy đường thật lớn sau lưng. Kiếm được ở đâu mấy cái áo rách của chú nào bỏ, chú Tửu cắt được một miếng vải vuông lớn, vá đắp lên cái áo rách lưng của mình. Đường may của chú trên nếp vải, đều và nhỏ như người ta sử dụng máy may vậy. Trong viện tôi biết có nhiều chú như chú Khai, chú Tin, chú Kha... cũng tự vá lấy quần áo bị rách, nhưng chưa chú nào khéo tay được như chú Tửu.

Một hôm, chiếc áo nhật bình của tôi bị rách toác một đường dài trên vai. Áo nhật bình là loại áo dài cài một hàng nút ở giữa từ chỗ ngực chạy xuống đến sát gấu áo; cổ áo là một khúc vải chữ nhật nối vào áo, từ gáy kéo vòng hai bên xuống ngực, tạo thành chữ *Nhật* bằng nhau nên gọi là áo *nhật bình*—trong chữ Hán, chữ *nhật* có nghĩa là ngày, hay mặt trời, được viết như là một hình chữ

*nhật* để đứng (tức chiều rộng thì nằm ngang, chiều dài thì làm chiều cao), có một vạch chạy ngang ở giữa. Tôi có hai chiếc áo nhật bình nâu trước kia cũng là màu lam, sau vì thấy cũ và bị dính dầu ở vạt sau nhiều quá, tôi đưa đi vải ở đây đem nhuộm nâu đậm. Nhuộm xong, trông đẹp và có vẻ mới, nhưng thực ra áo đã có từ lúc còn ở Nha Trang đến giờ nên cũng đã mục, không chịu nổi sức nảy nở của xương và bắp vai đang độ tăng trưởng của tôi. Áo rách chỉ một đường thẳng ở gần chân cổ đến bắp vai chứ không kéo hai, ba đường lộn xộn nên tôi thấy cũng không cần thiết phải vá lại. Hơn nữa, tôi đâu có biết khâu vá gì. Mỗi lúc đến trai đường để dùng bữa, tôi đều mặc chiếc áo nhật bình nâu này (còn áo nhật bình lam thì dùng để đi học, đồng phục của viện được qui định như vậy). Đầu khoảng tuần sau, chỗ rách không chịu làm chữ I nữa mà rẽ sang một đường khác, tạo thành chữ L. Vậy thì coi có vẻ hở hang quá, tôi bèn lấy kim tây (kim băng) cài chỗ rách lại. Vải chỗ ấy vì vậy mà bị nhú, trông thô xấu, và mỗi lần tôi vươn vai, đưa tay hay cử động mạnh thì chỗ rách càng hoác rộng ra thêm, cái kim tây muốn rớt xuống. Nhưng tôi cứ để vậy, chẳng biết làm sao hơn. Ngày cuối tuần, chú Tửu bảo tôi đưa áo ấy cho chú vá giúp. Tôi ngại mất thì giờ học bài của chú nhưng chú cứ giành lấy rồi ngồi vá. Chú cắt bớt một miếng vải ở vạt trong, phía lưng áo để đắp vào chỗ rách (áo nhật bình của tôi là loại có sáu vạt thay vì bốn vạt; hai



vạt trong được nối với hai vạt trước và quấn quanh hai chân khi mặc vào, hai vạt này có thể bỏ bớt để làm thành áo bốn vạt). Chú ngồi vá cho tôi đầu khoảng nửa giờ thì xong. Thật là khéo. Tôi ngồi gần đó nhìn chú làm việc để học cách vá đồ, may ra có thể tự lo lấy về sau, khỏi phải phiền ai. Thấy tôi có ý muốn học, chú Tửu chỉ dẫn tôi cặn kẽ cách gấp và đắp miếng vải sao cho được thẳng, gọn và ăn khớp theo chiều rách của áo; chú còn đưa chậm từng đường kim cho tôi thấy. Tôi và chú bắt đầu quen và dần dần thân với nhau kể từ hôm ấy. Chuyện vá đồ rách, tôi học được từ chú Tửu, nhưng chỉ mới áp dụng được một lần sau này. Lần đó, vá xong, tôi đưa chú Tửu xem, chú cười rồi tháo ra, làm lại từ đầu. Vậy là tôi chỉ mới học được trên lý thuyết, phần thực hành chắc là chẳng bao giờ có thể làm khéo nổi. Nhưng ít ra, tôi cũng tự tin rằng nếu chẳng có ai giúp, tôi có thể tự làm lấy, tuy không được khéo nhưng cũng là biết rồi.

Ngoài chuyện dạy vá đồ, chú Tửu còn dạy tôi gánh nước nữa. Cơ thể tôi lúc ấy trông có vẻ mập mạnh lắm, nhưng đặt quang gánh với cặp thùng chưa có nước trên vai đã thấy đau rêm rôi. Chú Tửu tập tôi gánh nước vào mỗi tối khi các chú khác lo học bài. Ở viện có bốn cặp thùng dùng để tưới rau hoặc gánh nước đổ vào các bồn nước ở bếp, ở nhà vệ sinh... Thùng bằng thiếc, được buộc cứng vào đòn gánh bằng giây thùng ni-lông. Miệng thùng hình tròn, chu vi rộng,

đường kính cũng phải hơn hai gang tay, nhỏ dần về phía đáy, giống như chiếc nón lá lật ngược; đáy nhọn, có cái bằng đáy nhưng diện tích nhỏ, không thể đặt cho thùng đứng yên được dưới đất nếu không có người đứng giữ. Như vậy, khi đôi thùng đầy nước đã đặt trên vai rồi thì phải gánh luôn một mạch đến chỗ cần đến, không nghỉ giữa chặng được. Gánh nước đổ vào bồn còn đỡ, đổ ào thùng này xong, đến thùng khác; nhưng gánh nước để tưới rau thì phải rưới nước vừa phải và phải đều, gọn, sao cho các luống rau, khoảnh nào cũng được thấm đủ, không thiếu nước, cũng chẳng hao nước để phải mất công gánh nhiều lần. Ban đầu chú Tử tập cho tôi gánh cặp thùng có dung tích nhỏ nhất trong bốn cặp, và kéo nước từ giếng lên, chú chỉ đổ vào mỗi thùng một gàu, rồi bảo tôi gánh đi, chú đi theo vịn nhẹ nhẹ. Cứ gánh như vậy đi vòng vòng trong vườn chùa, khi nào mỏi thì ghé đổ vào bồn vệ sinh; sau đó, lại ra giếng lấy nước khác. Số nước đổ vào thùng tăng dần, tăng dần theo mỗi ngày. Mấy ngày đầu, tôi thấy ê ẩm và đau rất cả hai vai. Đầu chùng một tuần tôi mới quen và đã gánh được hai thùng nước đầy, rồi bỏ loại thùng nhỏ, chọn loại thùng lớn, đều gánh được cả. Tôi còn tập gánh luôn cả hai vai, rồi tập chuyên quang gánh với hai thùng đầy nước từ vai này qua vai kia mà không cần nhờ người khác đỡ hay phải dùng chân lại, cứ vừa gánh chạy vừa hát nhẹ một cái là cái đòn gánh đang đè nặng bên vai phải, đổi ngay qua vai

trái, và ngược lại. Tôi trở thành một trong những tay gánh nước “*thiện chiến*” của chúng Ca Diếp. Sau chuyện gánh nước, chú Tửu còn tập cho tôi cuốc đất, chẻ tre, bở củi, trồng trọt, v.v... Một bữa đang ngồi chẻ tre để làm một giàn mướp, chú nói với tôi rằng:

“Tôi nghĩ mình tập cho biết cách làm việc càng nhiều càng tốt, sau này vớt mình ở đâu cũng không sợ, có thể sống tự lập được. Mà tu sĩ tụi mình rất cần sự tự lập.”

Chú ấy nói chí lý. Tôi đã không ngần ngại gì chuyện học việc từ nơi chú, mà chú hướng dẫn lại tận tâm nữa nên tôi học và làm được rất nhiều việc. Có điều, tôi chẳng biết làm sao để đáp lại sự tận tâm chỉ dẫn của chú ngoại trừ việc giải thích một số chỗ chú chưa hiểu rõ trong bài học, bài tập của trường hay của viện. Lúc ấy, tôi càng thấy rõ ràng hơn, sự khác nhau giữa kiến thức học đường và kinh nghiệm cuộc sống như thế nào. Những điều tôi giải thích cho chú Tửu trong một bài toán hay một đoạn văn chẳng hạn, hình như chẳng ăn nhập gì đến cuộc sống thường nhật cả. Tôi như nghe được tiếng nói của chính mình phát lên từ đáy lòng rằng: đừng bao giờ thỏa mãn hay kiêu hãnh với sự hiểu biết thu lượm từ sách vở, từ học đường; tất cả những thứ ấy đều chỉ là cặn bã rơi rớt lại của những người đi trước mà thôi.



Có lần vui miệng, chú Tửu nói tôi nghe rằng các chú bên chúng A Nan (tập trung trên hai mươi chú trong một phòng lớn, chung dãy với phòng học) đa phần nghịch ngợm, lười biếng. Chú Tửu đã từng làm chúng phó, rồi làm chúng trưởng của chúng A Nan trước đây nên nắm vững chuyện ấy. Tôi không tin cũng không được. Mà không cần chú Tửu nói, tôi cũng đoán được phần nào nếp sinh hoạt của chúng A Nam qua mỗi kỳ họp chúng (nửa tháng một lần, họp toàn bộ nhân sự của viện, cả ban giám đốc lẫn học tăng). Thầy quản chúng cứ báo cáo hết chuyện vi phạm này đến chuyện phá phách kia, mà chuyện nào cũng có người của chúng A Nan dự vào. Chúng Ca Diếp thì hiền hòa chững chạc hơn, nhưng tôi nghĩ có lẽ cũng do một phần vì vị trí các phòng: phòng của chúng Ca Diếp sát phòng thầy quản chúng, gần phòng thầy giám sự và chung một dãy với phòng của Thượng tọa giám viện; còn phòng của chúng A Nan thì cách biệt với các dãy tăng phòng bên trong bởi chánh điện và hai khoảng sân bên hông khu chánh điện. Chúng A Nan ở xa quá thì đâm ra ồn ào, nghịch ngợm vậy thôi. Nghịch ngợm cỡ nào tôi chẳng biết, chỉ thấy mấy chú nhỏ hơn tôi một hai tuổi như chú Hòa, chú Khôi, chú Hưng, chú Sâm... chú nào cũng dễ thương. Gặp tôi, các chú cười chào lịch sự, hiền khô.

Một buổi tối cuối tuần, tôi qua thăm chúng A Nan. Ngồi chơi với chú Tánh khá lâu mà tôi chẳng thấy có dấu hiệu gì là có sự ồn ào nghịch

ngộ nơi chúng A Nan này cả. Hầu hết các chú lớn lo học bài cho tuần tới, hoặc nằm đọc sách; các chú nhỏ thì tụm năm tụm ba nói chuyện vui vẻ với nhau, không khí chẳng khác gì với không khí bên chúng Ca Diếp. Nhưng đang ngồi trò chuyện, bỗng nghe có tiếng la lớn: “Rắn, rắn!” Tôi liền nghĩ ngay trong đầu rằng, có lẽ đây là dấu hiệu để bắt đầu một trò chơi nghịch ngộ nào đó của chúng A Nan. Nhưng không phải. Cả phòng ai cũng quay nhìn về hướng chú Tịnh, người vừa lớn tiếng báo động về con rắn. Chú Tịnh đang đứng hẳn trên giường, khoảng giữa phòng; mặt chú tái mét, chỉ tay vào một con rắn nhỏ, dài cỡ hai gang tay, màu đen có khoanh trắng, vừa rớt từ mái nhà xuống. Đây là loại rắn cạp nong cực độc miền nhiệt đới. Cả phòng nhón nháo hẳn lên, kẻ xô ghé, người quăng sách, kẻ tung chăn, người bỏ chạy, trông thật buồn cười. Tôi đã ở viện Hải Đức và chùa Linh Phong, thấy rắn không còn là chuyện lạ nên không thấy sợ hãi gì. Rắn trên đồi Trại Thủy không hiểm, hầu như ngày nào tôi cũng bắt gặp. Nào là rắn roi, rắn học trò, rắn lục, rắn cạp nong, rắn rung chuông... Tôi còn nhớ chuyện chú Sung, chú Kính bắt rắn chơi ở viện Hải Đức, và trận đòn phạt mà chính tôi cũng bị lây. Lúc đó, chúng tôi không bị con rắn học trò ấy đe dọa. Bây giờ thì khác, con rắn cạp nong với cái đầu tam giác trông dữ tợn làm sao. Hơn nữa, con rắn này lại xuất hiện ban đêm (là giờ giấc mà nó có thể trông thấy rõ nhất), ở một

nơi chỉ có những ngọn đèn dầu leo lét mà lại nằm trong một căn phòng chật chội những bàn ghế, giường nằm, áo quần... nếu không bắt được nó ngay thì nguy hiểm hết sức. Nghĩ vậy, tự dung tôi lớn tiếng la lên:

“Bắt nó liền kéo nó chui xuống bàn ghế!...”

Chưa ai kịp phản ứng gì, con rắn đã thoát cái, bò khỏi giường, rớt xuống nền đất, trườn đi thật nhanh vào góc phòng. Cả phòng nhẩy nhồm, phóng lên các giường. Chẳng ai có thể ở yên được. Nỗi nguy hiểm đem đến từ một con rắn độc dù gì cũng làm cho không khí trong phòng trở nên nhộn nhịp, linh động hơn. Các chú nhỏ trông có vẻ lảng xãng, rộn ràng nhất. Tôi thấy rõ ràng là các chú sợ thì ít, thích thú thì nhiều. Hình như các chú không muốn đòi sống cứ bình yên lặng lẽ mãi. Trong khi các chú lớn chưa biết làm sao, các chú nhỏ đã rút mấy cây trụ mùng để lũng bắt con rắn. Chú chúng trưởng chúng A Nan la lên:

“Đừng có sát sanh nghe!”

Chú khôi vừa quơ cây trụ mùng xua con rắn, vừa nói:

“Đâu có sát sanh, nhưng phải đuổi nó ra chớ!”

Chú thì chặn đầu này, chút thì chặn đầu kia, để lừa con rắn quay ra hướng cửa chính, nhưng rồi con rắn lại chui khuất vào sau kẹt tủ ở góc phòng. Thật là phiền! Mấy chú lấy cây trụ khoè, thọc, gõ vang trên nền đất và chân bàn, chân ghế, vẫn chẳng thấy con rắn chường mặt ra.

Nó đã thu mình nấp sau kệ tủ nào chẳng ai đoán được. Chú chúng trưởng chúng A Nan chỉ huy cả phòng kéo các giường nằm sang một bên, rồi xô dịch các tủ đứng cũng như bàn ghế ra, không cho dựa sát vách nữa. Các ngọn đèn dầu lớn cũng được thắp lên để tập trung ánh sáng vào việc tìm bắt con rắn. Tủ, bàn xô dịch tới đâu, đèn rọi đến đó. Đang rọi tìm con rắn bỗng nghe keng báo trước giờ niệm Phật buổi tối (keng này được gõ ba tiếng trưởng keng hô canh niệm Phật chừng mười đến mười lăm phút. Khi nghe keng này, mọi người trong chùa viện phải tự động bỏ hết mọi việc, lo làm vệ sinh cá nhân để lên giường niệm Phật, vì sau giờ niệm Phật là giờ ngủ, không ai được phép nói chuyện ồn ào hay đi qua đi lại nữa). Vậy mà con rắn vẫn chưa tìm ra được. Tôi vừa lo lắng cho các chú ở đây mà cũng muốn được chia sẻ với các chú về chuyện con rắn thực nguy hiểm này nên không màng chuyện quay trở về phòng của chúng Ca Diếp. Tôi cũng lăng xăng sục sạo tìm kiếm con rắn, phụ giúp các chú khiêng giường khiêng tủ. Khi keng hô canh gióng lên ở hồi thứ nhất, chúng tôi vẫn chưa tìm được con rắn. Đến hồi thứ hai, con rắn đã được phát hiện. Một chú lấy cây lừa nó bò đi, chú khác đón sẵn ở trước lấy cây đũa chặn lên khoảng đầu nó, rồi tìm thế hất nó vào cái bao cát, túm miệng bao lại, mang chạy tuốt ngoài bờ rào, thả cho nó đi. Trong khi ấy, các chú còn lại trong phòng lo kéo bàn ghế, tủ giường lại vị trí cũ để ngồi niệm Phật.

Hồi kếng thứ ba đã dứt rồi mà giường nằm chưa sắp đặt lại xong. Đến khi ba câu niệm Phật cho cả viện cùng hô vang lên, chuyện dọn dẹp mới xong xuôi. Chúng tôi vừa hô câu niệm Phật, vừa vội vàng nhảy phóc lên giường nằm của mình để ngồi niệm Phật. Nhưng tôi làm gì có chỗ để ngồi! Mỗi người một giường, tôi là người của chúng Ca Diếp sang chơi lấy giường đâu mà ngồi thiền hay niệm Phật. Chỉ một chốc nữa, vị thầy hô canh sẽ đi tuần sang đây, kiểm tra từng giường. Giường nào trống, chủ nhân chiếc giường sẽ bị phạt. Nhưng trường hợp này không phải là sợ giường trống, mà sợ giường dư người mà thôi. Giường nào cũng một người, tự dưng có một giường hai người thì đáng lưu ý lắm chứ. Ai vào đây? Tôi đang lúnh quýnh chưa nghĩ ra được cách nào để khỏi bị thầy tuần chúng phạt thì chú Đồng bảo tôi cứ ngồi lên giường của chú. Tôi hỏi nhỏ bằng hơi gió trong miệng:

“Vậy chú ngồi đâu?”

Chú không trả lời mà chỉ “xuyt” một tiếng. Té ra thầy tuần chúng đã đến hành lang, đi ngang cửa số. Tôi im luôn. Còn chú Đồng thì chui tọt xuống dưới giường. Tôi thực tức cười mà cũng vừa ái ngại khi để chú chui xuống giường trong khi mình ngồi ở trên. Tất nhiên chú ấy nhường chỗ cho tôi và chui xuống giường là để tôi khỏi bị phạt mà thôi. Nằm dưới giường thì chắc là không phải để niệm Phật rồi. Còn tôi ngồi trên giường cũng niệm Phật hay thiền định gì đâu! Lòng tôi



bất an, chẳng sao định tâm nổi. Tôi ngồi đó mà cứ nghĩ đến người bạn dưới gầm giường. Tuy học chung lớp, sống chung dưới một mái viện, tôi và chú Đồng ít có dịp trò chuyện hoặc có cơ hội nào để kết thân. Nhưng gặp cảnh ngộ đặc biệt này, chú ấy đã tỏ ra là người bạn tốt, sẵn sàng bao che cho một “người khách” từ chúng khác đến thăm. Điều làm tôi suy nghĩ là tại sao các bạn tôi có những phản ứng rất bén nhạy mà tôi không tài nào có được. Cách phản ứng của chú Đồng thật buồn cười nhưng nhanh lẹ và hữu hiệu làm sao. Chẳng biết bao giờ tôi mới có được sự nhanh nhẹn, mau mắn ấy.

Đang ngồi suy nghĩ về chú Đồng, bỗng nghe “xoảng” một cái, rồi tiếng lon sắt, lon nhôm ở đâu rơi xuống nền xi măng kêu lổn cổn loảng xoảng. Có tiếng thầy tuần chúng bước nhanh ra khỏi phòng, đứng ngoài hành lang nói lớn trước khi bỏ đi:

“Cái chúng A Nan này quá sức đó nghe! Ngày mai tôi trình thầy giám viện phạt hết cả chúng cho xem!”

Đáp lại lời thầy tuần chúng là những tiếng cười khúc khích từ nhiều giường. Tôi chẳng cười nổi chuyện ấy, mà cũng chẳng hiểu chuyện gì vừa xảy ra. Khi hồi keng báo giờ chỉ tĩnh gióng lên, tiếng cười trong phòng như được nước, vỡ òa ra. Chú Đồng từ dưới giường chui lên cũng cười lớn. Tôi cảm ơn chú để quay trở về chúng Ca Diếp. Lúc ấy tôi mới nghe các chú trong chúng A Nan

nói với nhau về chuyện thầy tuấn chúng khi nãy. Đầu tiên là chú chúng trưởng, chú hỏi:

“Hồi nãy chú nào làm gì để thầy tuấn chúng đòi phạt cả chúng vậy?”

“Có gì đâu. Tại thầy tuấn chúng bị vấp mấy cái lon làm ồn, không cho chúng mình định tâm niệm Phật đó mà!”

“Nói bậy. Chú nào giăng giây cho thầy ấy vấp chứ gì?”

“Ai mà biết!”

“Lon của ai vậy? Lon đâu rồi, đưa coi thử?”

“Có thấy lon liếc gì đâu! Ai dẹp hết rồi.”

“Thiệt tình mấy chú này, dám chọc luôn cả thầy tuấn chúng nữa. Rồi ngày mai bị phạt hết cả bọn, có vui gì chứ. Chú nào làm dám đứng ra chịu không vậy? Để cả chúng mang tiếng sao được chứ!”

Chẳng biết chú chúng trưởng chúng A Nan có tìm ra thủ phạm không, và chẳng biết có ai chịu đứng ra nhận tội không. Tôi len lén trở về phòng mình vì đang giờ chỉ tịnh, nội qui của viện không cho phép học tăng qua lại ngoại trừ trường hợp phải đến nhà vệ sinh. Lần đầu tiên từ ngày đến Phật học viện Quảng Nam, tôi đã vi phạm nội quy theo kiểu này. Cũng may là chẳng ai phát giác. Vào phòng, trong bóng đêm mờ mờ, tôi thấy các chú trong chúng Ca Diếp đã nằm yên trên giường cả rồi. Không khí im vắng, chẳng một tiếng động. Chúng Ca Diếp là vậy: nề nếp, quy

củ. Tôi định lên giường nằm của mình thì thấy có dáng một người đang ngồi im xếp bằng trên đó. Tôi thắc mắc trong bụng: “Ai lại ngồi thiền trên giường của mình vậy kia?” Và vì tôn trọng một người đang tọa thiền, tôi chẳng dám lay gọi người ấy để lấy lại chỗ nằm. Tôi đứng im bên giường, nhìn quanh phòng xem còn giường nào trống không. Chẳng giường nào trống cả. Điều này chứng tỏ rằng người ngồi trên giường không thuộc chúng Ca Diếp, có thể là một người khách mới tới mà tôi chẳng biết. Tôi đang ngập ngừng đứng im trong bóng tối bỗng nghe tiếng chú Tử ở giường kế bên “xuyt, xuyt”, ngoắc tôi đến giường của chú. Tôi bước nhẹ đến. Chú Tử hỏi nhỏ:

“Cha! Chú đi đâu nãy giờ không chịu về niệm Phật?”

“Tôi qua chúng A Nan chơi, về không kịp. Ai ngồi trên giường tôi vậy?”

“Có ai đâu. Tôi sợ chú bị phạt nên lấy mền gối của chú dựng đứng lên giả như có người ngồi đó.”

“Vậy hả! Nãy giờ cứ tưởng có khách tăng! Thôi, cảm ơn chú nghe. Mình đi ngủ kẻo bị phạt đó.”

Tôi dẹp “thằng tôi giả” trên giường để “thằng tôi thật” nằm xuống ngủ. Quảng Nam trời rét vào mùa đông. Mỗi khi ngồi thiền, chúng tôi thường trùm mền kín như đang ngồi với nồi nước lá xông khi bị cảm vậy. Cho nên chú Tử lấy mền gối giả làm người ngồi thiền cũng không bị phát

giác. Vả lại, thầy tuấn chúng không bao giờ ngờ rằng một chú có hạnh kiểm tốt như tôi lại có thể vắng mặt khi ngồi thiền cả. Người ta thường bắt công với những người có hạnh kiểm xấu. Nếu lỡ xấu thì cứ xấu mãi, cứ bị phạt mãi. Còn người có hạnh kiểm tốt thì lỡ có phạm lỗi, cũng có thể được tha thứ, bỏ qua. Tôi biết thầy tuấn chúng có phát giác được tôi vắng mặt cũng hỏi tôi một vài câu rồi cười thôi chứ chẳng phạt vạ gì. Tôi nhắm mắt dỗ giấc ngủ nhưng không ngủ được. Thường thường tôi ngủ rất dễ, hôm nay cứ nằm lăn qua lăn lại mãi.

Tôi nhớ lại cảnh đuổi bắt rắn khi nãy bên phòng chúng A Nan. Trong cảnh xôn xao nhộn nhịp, vừa sợ vừa vui đó, có mang một ý nghĩa độc đáo mà tôi từng đọc thấy trong kinh *Di Giáo*. Trong kinh ấy, có một đoạn đức Phật dạy các đệ tử xuất gia của ngài với ý rằng: *“Này các thầy tỳ kheo, phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường đốt cháy thế gian mà sớm cầu giải thoát, chớ nên ngủ nghỉ nhiều... Con rắn độc phiền não còn ngủ ở trong tâm các thầy, chẳng khác nào con rắn cực độc đang ở ngay trong tịnh thất của các ông mà các ông lại lo ngủ nghỉ vậy. Phải mau mau dùng móc sắt trì giới để xua đuổi nó ra khỏi nhà rồi mới có thể yên tâm mà ngủ nghỉ!”* Lời dạy và hình ảnh ví dụ ấy trở nên rõ ràng hơn qua chuyện con rắn chui trốn trong phòng chúng A Nan khi nãy. Quả nhiên là chưa đuổi nó ra thì chẳng làm sao mà yên tâm ngồi thiền hay ngủ nghỉ được.

Tôi cũng nhớ lại trò chơi nghịch ngợm của một chú nào đó, cột mấy cái lon vào sợi dây, giăng ngang giữa phòng để thầy tuấn chúng đi vào bị vấp phải. Rõ ràng là trò chơi này nhắm vào thầy tuấn chúng chứ chẳng ai khác. *Tuấn chúng* là chức vụ tạm thời giao cho một vị thầy nào đó đi “*tuần*” tra, kiểm soát sinh hoạt của tầng “*chúng*”. Nhưng trường hợp đã có vị quản chúng rồi thì vị tuần chúng ở đây chỉ có bổn phận đi tuần tra vào giờ tọa thiền niệm Phật. Vị tuần chúng có quyền bắt phạt những học tăng ồn ào, đi lại hoặc không có mặt trên giường nằm của mình để tọa thiền vào giờ quy định. Học tăng mà dám “*chơi khăm*” thầy tuần chúng thì quả là hết chỗ nói, đã nghịch tới mức tột đỉnh rồi vậy. Nhưng tại sao lại có chuyện đó xảy ra? Tại sao trước đây thầy quản chúng, thầy giám sự, cũng đã từng có trách nhiệm đi tuần tra trong giờ niệm Phật mà chẳng thầy nào bị “*hỗn*” như thầy tuần chúng hôm nay? Tôi đoán hiểu một phần nguyên do đó. Là như vậy, năm ngoái trong giờ tọa thiền niệm Phật, thầy quản chúng và thầy giám sự thay nhau đảm trách việc tuần tra, nhưng hai thầy này chỉ đi tuần cho có lệ: vài tháng mới có một lần đi tuần mà có đi thì cũng chỉ đứng ngoài cửa sổ nhìn vào, hoặc chỉ đi ngang hành lang của các tầng phòng, chứ không bước vào phòng, nhìn kỹ từng giường, từng mặt người (như thầy tuần chúng năm nay). Vậy mà với sự tuần tra lấy lệ của hai người trước, các chúng vẫn tự động khép mình vào nội qui của

thời khóa chung này. Năm nay, trong viện có thêm một thầy đến an kiết hạ rồi sau đó ở lại viện luôn. Thầy ấy pháp danh Như Khán. Thầy không có chức vụ gì trong ban giám đốc Phật học viện. Thượng tọa giám viện cất thầy công tác hồ canh vào mỗi tối và mỗi khuya. Hình như thầy công tác đó hãy còn nhẹ quá, thầy Như Khán tự động đặt mình vào trách nhiệm “tuần chúng”. Như vậy, thay vì tìm chỗ ngồi thiền hay niệm Phật nửa giờ rồi đánh keng báo chỉ tịnh như hai vị thầy kia, thầy Như Khán lại đi vòng vòng, kiểm tra các phòng. Từ đó, có chú gọi đùa thầy là “*thầy tuần chúng*” (đây là một chức vụ, nhưng trường hợp thầy ấy thì chẳng phải, vì thầy giám viện chưa hề tuyên bố với đại chúng là cất đặt chức ấy, cũng chưa tuyên bố là giao chức ấy cho ai). Nghe gọi vậy, thầy ấy càng thích, và càng sốt sắng đi tuần tra thường xuyên và gắt gao hơn. Chúng tôi đang tọa thiền, thầy bước vào phát tiếng sột soạt từ chiếc áo tràng rộng thầy đang mặc, lại nghe tiếng đôi dép nhựt của thầy búng lên gót chân nghe “póc, póc”. Nhiều chú không thích chuyện đó, cho rằng thầy làm động chúng. Có lẽ vì vậy mà xảy ra chuyện giăng giây cho thầy vấp, rung ngã mấy cái lon kêu rồn rảng.

Niệm Phật và tọa thiền nửa giờ đồng hồ trước khi ngủ và nửa giờ khi mới thức giấc vào buổi khuya, là sinh hoạt tập thể truyền thống của các tự viện Việt Nam. Không phải chỉ một giờ đồng hồ đó là đủ, cho nên mỗi cá nhân còn tự tìm

thêm giờ khác trong ngày để thực tập công phu của mình. Chính cái giờ mà mỗi người tự động tìm thêm ấy mới thực sự là thời khóa quan trọng của mỗi cá nhân, vì có khi cần khung cảnh khác hơn là khung cảnh ngồi chung với mọi người trong một căn phòng với những giường chõng hay bồ đoàn gần sát nhau. Ngồi tọa thiền hay niệm Phật chung với nhau trong một thời khóa thực ra chỉ là sinh hoạt tập thể mang tính chất hình thức nhằm nâng cao tinh thần hòa hợp cho số đông mà thôi (*chúng hòa đồng tu* trong lục hòa, sáu nguyên tắc để tạo sự hòa hợp cho tập thể). Tu tập là vấn đề tự giác mà tâm lý người Việt Nam (không giống người Trung Hoa hay Nhật Bản) cũng thích sự tự giác hơn là những sinh hoạt có sự bó buộc, kiểm soát của người khác. Cho nên, thả lỏng thì họ tự động khếp vào kỷ luật mà xiết chặt thì họ lại ương ngạnh, chống đối, muốn phá nội quy.

Nghĩ lại chuyện mấy cái lon, tôi thấy tức cười, thấy tội nghiệp thầy tuần chúng, mà mặt khác, cũng thấy một phần thích thú lạ kỳ trong lòng nữa. Có lẽ ai cũng có một lúc nào trong đời, thích chống phá hay đùa cợt với những kỷ luật. Nói thì nói vậy chứ tôi chưa dám vi phạm kỷ luật một cách trắng trợn ở mái viện này. Tôi chỉ thấy thích thú về chuyện mấy cái lon, bởi vì ở viện vốn có kỷ luật của thời khóa tọa thiền nhưng không có cái “*màn*” cử một người đi quanh, cầm cây gậy nhịp nhịp, ngó mặt từng người để kiểm

soát hay thị uy. Cái màn đó không thích hợp để áp dụng cho những tăng sĩ Việt Nam, không thích hợp chút nào cho không khí tự giác tự nguyện của những kẻ xuất trần. Tôi thường hãnh diện về vấn đề hạnh kiểm của chính mình. Từ lúc chưa xuất gia, tôi đã có hạnh kiểm tốt trong các lớp tiểu học; xuất gia rồi, dù có những trò hoang ngẫm trước đây, tôi cũng đã ngoan ngoãn sửa đổi để có được hạnh kiểm tốt nơi viện Hải Đức, và nhất là ở viện này, tôi hoàn toàn là một chú sa di giới hạnh nghiêm ngặt, chững chạc như một người lớn (cho nên hồi tôi còn để chòm, Thượng tọa giám viện mỗi lần đi hồng pháp đều dẫn tôi đi theo dù tôi không phải là thị giả chính thức của Thượng tọa). Do đó ở chỗ tự hào với hạnh kiểm, tôi đâm coi thường những chú cứ vi phạm nội quy, hết chuyện này đến chuyện nọ. Nhưng ngay bây giờ, qua chuyện giảng bầy thầy tuần chúng, tự dung tôi không thấy bức bối hay khinh thường về sự phá kỷ luật của các chú thuộc chúng A Nan nữa. Ở một khía cạnh nào đó, tôi thấy các chú ở chúng A Nan mới thực sự là những kẻ hồn nhiên, sống gần với lứa tuổi thiếu niên của họ nhất. Phải thừa nhận rằng trong vấn đề kỷ luật, không phải tất cả mọi điều đều tốt đẹp và hợp lý để tuân hành nghiêm ngặt. Có những cái rất lỗi thời, cũng như có những cái rất buồn cười. Nếu cần thì phải đập đổ bớt cho đời sống nhẹ nhàng, thoải mái hơn. Chúng A Nan dám làm chuyện đó. Còn chúng tôi, những người của chúng Ca Diếp, chỉ là



những ông cụ non, những con cừu chỉ biết ngoan ngoãn tuân theo các qui tắc và nề nếp chứ chưa một lần đủ can đảm để đùa giỡn với chúng.

Sáng hôm sau, vào giờ điếm tâm, thầy tuấn chúng đứng dậy trình bày cùng đại chúng sự việc xảy ra đêm qua, yêu cầu ban giám đốc xử phạt nặng cả chúng A Nan. Chuyện kéo bàn ghế, giường tủ ồn ào để bắt con rắn dĩ nhiên là được bỏ qua; còn chuyện giăng bẫy cho thầy tuấn chúng vấp thì phải phạt. Chẳng ai đứng ra nhận trách nhiệm chuyện giăng bẫy nên cả chúng đồng lòng chịu phạt—chắc là cả chúng A Nan muốn bao che cho vài cá nhân nào đó về chuyện ấy; vì nếu để cho một cá nhân nhận lỗi thì sự trừng phạt biết đâu là trục xuất khỏi Phật học viện, cái đó ai mà đoán trước được! Cho nên, để cho cả chúng chịu lỗi thì sự trừng phạt sẽ nhẹ hơn (không lẽ trục xuất luôn cả một chúng trên hai mươi học tăng?). Thượng tọa giám viện lắng nghe, im lặng chẳng nói gì, cuối cùng, giao cho thầy quản chúng tùy nghi xử lý. Thầy quản chúng đưa ra một hình phạt chẳng khó khăn gì: cả chúng A Nan phải tụng một thời kinh sám hối vào ngày cuối tuần, bất cứ giờ nào thấy rảnh.

Khi các chú của chúng A Nan tập trung trên chánh điện làm lễ sám hối, tôi cũng đi theo. Các chú trong chúng Ca Diếp hỏi:

“Chú có dính gì bên đó đâu mà phải sám hối?”

“Tôi thích sám hối, không được sao? Thấy

tôi tự động sám hối, các chú phải mừng chứ!”

Các chú A Nan thấy tôi, cũng hỏi:

“Chú chỉ qua chơi thôi, đâu có tội tình gì mà sám hối?”

“Tôi muốn sám hối. Không có tội này cũng có tội khác chứ, phải không?”

Một chú nói:

“Biết rồi, biết chú có tội gì rồi.”

Cái tội mà chú kia nói là “*biết rồi*” đó, chắc là nói cái tội đi “*lộn chuồng*” của tôi đêm qua, báo hại chú Đồng phải chui xuống giường để khỏi dư nhân số của phòng. Cái tội đó cũng đáng xử phạt lắm, nhưng trong thâm tâm, tôi thích sám hối để chia sẻ với các chú ấy hơn là sám hối để chừa bỏ cái tội “*đi hoang*” của đêm trước. Tôi muốn được chia sẻ một chút nghịch ngợm của tuổi trẻ. Làm ông cụ non lâu ngày tôi mệt lắm rồi.



Vào niên học thứ hai, viện chúng tôi có thêm một giáo sư mới từ viện Đại học Vạn Hạnh trong Sài Gòn ra. Đó là thầy Thiện Phước. Kiến thức nội và ngoại điển của thầy đều quảng bác. Thầy giảng bài rất lôi cuốn khiến tôi say mê và thường mong đến giờ dạy của thầy. Thầy ấy cũng là người khích lệ tôi nhiều nhất trong lãnh vực văn chương. Một hôm trong lúc trò chuyện thân mật, thầy đã nói riêng với tôi:

“Chú Khang à, chú phải là một nhà văn

mới được.”

Tôi nói một cách cố chấp rằng:

“Làm nhà tu thì viết văn làm gì, thừa thầy. Trong luật nói là... theo đuổi các ngành nghề chuyên môn của thế tục sẽ bị động tâm nhiều, khó tu lắm, phải không thầy?”

“Nếu mình vững tâm, chánh tâm thì mọi hành xử của mình đều phù hợp với chánh pháp cả. Ngược lại, làm việc chân chính với cái tâm sai trái thì cái việc chân chính đó cũng chỉ là tà pháp mà thôi. Tại sao giáo hội có chương trình huấn luyện cho các giảng sư được mà đào tạo những nhà văn, những người viết sách lại không được? Một bên nói, một bên viết, cũng là cách để hoằng pháp cả, có gì mà phải sợ chứ?”

Rồi thầy đem cho tôi mượn thêm một số sách luyện văn của Nguyễn Văn Hầu, Nguyễn Hiến Lê, Tam Ích v.v... Thầy còn giới thiệu một số sách truyện của thầy Nhất Hạnh, của một số đại văn hào ngoại quốc... mà không biết rằng, những thứ ấy tôi đã lên mua và đọc trước rồi. Tôi chỉ không đi vào văn chương theo kiểu luyện văn, cầm bút, chứ đọc sách, đọc truyện thì tôi có từ chối bao giờ đâu.

Về phía trường Bồ Đề, cũng có ba vị giáo sư khuyến khích tôi luyện văn, đi vào ngành văn chương: thứ nhất là thầy Chánh (phụ trách môn Anh ngữ), thứ hai là thầy Biển (dạy Giảng văn và Triết), thứ ba là thầy Viêm (dạy Anh ngữ, vừa là giáo sư chủ nhiệm của lớp tôi trong năm nay).

Sự khuyến khích của các thầy ấy chỉ như những sự nhắc nhở chứ không đẩy tôi đến việc viết được vì thực ra, tôi cũng chẳng có nhiều thì giờ trong ngày để viết. Và lại, trong tuổi thiếu niên ấy, tôi biết viết gì đây. Không phải chỉ cần có năng khiếu là đủ, dù rằng năng khiếu là điều kiện cốt yếu nhất. Cần phải có kiến thức nữa. Mà tôi là một nhà tu không ham mấy chuyện tích lũy kiến thức. Tôi đọc sách khá nhiều, nhưng không phải để thu góp kiến thức, và trên thực tế, đọc sách xong, tôi cũng không nhớ gì hết. Nếu cầm viết, tôi sẽ không biết viết cái gì. Trước mắt tôi chỉ có những khóa lễ, những câu kinh tiếng kệ, những bài học của nhà trường, của Phật học viện... tôi không có gì để nói về những thứ ấy, dù đó là những sinh hoạt chính, rất cần thiết của tôi. Cho nên, ai khuyến khích thì cứ khuyến khích, tôi vẫn cứ thủng thỉnh mà bước con đường quen thuộc của mình: học, đọc sách, tu tập. Cuộc sống ở Phật học viện chỉ có những sinh hoạt đơn giản như vậy. Tầm mắt tôi được thu gọn trong một phạm vi, tập trung vào những vấn đề then chốt liên quan đến đời sống tu học. Ngoài ra đều thứ yếu. Quả là đôi lúc tôi có thích thú chuyện viết văn, nhưng rồi cũng phôi pha hết. Vấn đề tu học, dù có đặt mục tiêu hay bất cần mục tiêu, cũng đều có khuynh hướng nhắm đến cứu cánh tối hậu là giải thoát giác ngộ. Vậy thì mọi thứ ước muốn không nhắm vào mục đích ấy đều trở thành xa xỉ, rơi rụng dần dần hoặc lẫn khuất đâu đó trong tâm

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

tôi chứ không biểu hiện thành những nhu cầu bức  
thiết trong đời sống.

## CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Một hôm từ trường về, tôi có việc phải ghé thăm một người bạn của mẹ tôi ở gần đường Bờ Sông. Tôi rủ chú Tường cùng đi để dẫn đường vì tôi vẫn chưa biết con đường nào khác ngoài con đường Phạm Phú Quốc quen thuộc từ viện dẫn đến trường Bồ Đề. Xong việc, chú Tường dẫn tôi rẽ sang đường Bờ Sông để về cho được mát một khúc đường.

Đến gần chiếc cầu đá bắc ngang sông dẫn qua xã Cẩm Kim, chúng tôi giật mình trông thấy một xác chết nằm trên mé đường đi, gần phía cầu. Xác chết chẳng được che đậy gì. Đó là một người đàn ông trung niên, dáng người lực lưỡng, mặc áo sơ mi ngắn tay, quần cụt. Vết máu loang đầy trước ngực. Chắc là bị ai bắn. Tôi đứng đọc thầm câu chú Vãng sanh cho người đàn ông ấy. Chú Tường hỏi những người chung quanh về xác chết. Người ta nói đó là một anh “Việt cộng.” Đêm qua người ấy đang lò mò dưới chân cầu để gài mìn thì bị lính gác địa phương phát giác, bắn chết tại chỗ. Không biết người ta còn chờ làm thủ tục gì mà cái xác để phơi ra đó trông thật bất nhẫn.

Tôi không có cảm tình gì với những người gọi là cộng sản. Nhưng tôi cũng không ghét họ cay đắng như kẻ thù. Lý do rất đơn giản: tôi là

một học tăng đang tu học theo đạo từ bi, không biết oán thù ai. Tôi cũng thật sự không biết cộng sản là gì cả. Những sách truyện tôi đọc, đôi khi có nhắc đến chủ thuyết cộng sản, nhưng tôi không bận tâm để ý. Còn người Việt Nam theo chủ thuyết ấy mà người ta gọi là Việt cộng, tôi cũng chưa hề bắt gặp bao giờ. Ở Nha Trang rất an ninh, không có Việt cộng quấy nhiễu nhiều như các tỉnh khác. Cho nên nếu có nghe đài phát thanh hay báo chí nhắc đến Việt cộng, tôi cũng chẳng có ý niệm gì rõ rệt hơn về họ ngoài một vài hình ảnh mơ hồ của những người mặc áo bà ba đen, cầm mã tấu, tấn công vào các làng xã ở thôn quê vào ban đêm, ở các tỉnh lỵ nào đó rất xa xôi, không phải ở Nha Trang. Họ có vẻ như chẳng dính nhập gì đến cuộc sống hiện tại của tôi, dù rằng một ông cậu ruột của tôi đã bị họ xử tử hình ngoài Bình Định (ở thành phố Quy Nhơn có một con đường mang tên người cậu này của tôi-- Nguyễn Hữu Lộc). Khi nghe mẹ tôi kể sơ về cái chết của cậu, tôi cũng không nảy sinh ý niệm hận thù đối với những người cộng sản mà chỉ thấy se thắt trong lòng, thương cảm cho cậu mình mà thôi. Năm Mậu Thân, người cộng sản nổi lên khắp nơi, vậy mà ở Nha Trang chỉ có mấy tiểu đội lẻ tẻ, bị cảnh sát và quân đội Cộng hòa vây bắt, dẹp tan một cách dễ dàng. Bộ mặt dữ dội và tàn ác của chiến tranh không được phô bày rõ nét ở Nha Trang. Vì vậy, có thể nói rằng, thời thơ ấu của tôi, dù nằm trong giai đoạn nội chiến của đất

nước, vẫn là một cuộc sống êm đềm, lặng lẽ. Vào chùa rồi, tất cả thời gian của tôi đều dồn vào việc tu học, chuyện đời dù muốn dù không, cũng gác bỏ ngoài tai. Ở Phật học viện Quảng Nam này cũng thế, quanh năm suốt tháng hầu như tôi chẳng nghe nhắc gì đến mấy chữ “Việt cộng” hay “Cộng sản.”

Giờ này trở về viện với hình ảnh một một xác chết nằm phơi giữa chợ đời lảng vảng trong tâm thức, tôi thấy quặn đau nhẹ nhẹ trong lòng. Ở chùa mấy năm nay, tôi đã từng đi đám tang nhiều nơi, nhìn những xác chết nằm trơ trong áo quan với đủ nguyên do, nào bệnh tật, nào già yếu, nào tai nạn, nào tự vẫn... nhưng chưa có cái chết nào khiến tôi thấy thảm thương, vô nghĩa như cái chết của một người giữa đêm đen lẫm lũi đi phá hoại, không may bị bắn chết. Và nếu sự phá hoại thành công, vào một giờ nào đó, khi mìn nổ, có thể có nhiều mạng người khác trong đó có người già, em bé... bị tan xác theo cây cầu vô tri kia. Những cái chết như vậy có ý nghĩa gì? À, người ta nói rằng đó là sự hy sinh cao cả của những anh hùng dân tộc. Người cài mìn cũng là anh hùng. Người dân bị chết oan cũng là anh hùng (vì chịu hy sinh theo chiếc cầu để cản bước đi của quân thù?). Thực ra người dân vô tội không cần làm anh hùng. Chỉ có những kẻ mê đắm chiến tranh thù hận mới tự biến mình thành con thiêu thân, lao vào sự chém giết... để trở thành anh hùng. Ôi những anh hùng dân tộc được mô tả trong sách với những cuộc đấu tố



cha mẹ bà con, chặt đầu đôi phương bằng mã tấu cùn, chôn sống đồng bào vô tội với mồ chôn tập thể. Làm sao tôi khỏi đọc đến những hình ảnh man rợ ấy trong sách báo! Trong sự hiểu biết nông cạn của mình lúc ấy, tôi không sao hiểu rõ được những nguyên nhân nào đưa đến chiến tranh trên quê hương mình để rồi đẩy đưa những chàng trai của đất nước trở thành những anh hùng chết thảm như xác người Việt cộng hôm nay. Tôi chỉ lờ mờ cảm nhận bằng con tim mình rằng hình như ngay cả những người cầm súng của bên này hay bên kia, cũng đều là nạn nhân đáng thương của chiến tranh mà thôi.

Suốt buổi chiều ấy, tâm tôi nặng trĩu như đeo chì. Từ bỏ cuộc đời để vào chùa xuất gia học đạo, đáng ra tôi không cần bận lòng với thế cuộc. Nhưng trái tim biết thương yêu, biết rung cảm của tôi, làm sao khỏi phân vân, xúc động trước những đau thương xảy ra trên khắp đất nước. Những gì tôi muốn lãng quên lâu nay, bất chợt ùn ùn kéo đến, bắt tôi phải suy nghĩ. Tối đó, tôi phải tọa thiền lâu hơn ngày thường để xua tan hoàn toàn ấn tượng xác chết lưu lại trong tâm trí kể từ lúc ban trưa ở bờ sông.

Vài ngày sau, chúng tôi đến trường Bồ Đề thì được thầy Viêm, giáo sư chủ nhiệm của lớp tôi, cho biết rằng trường có tổ chức một cuộc mít-tinh ngay tại sân trường. Tất cả các lớp đều được nghỉ học nửa giờ để tham dự. Đây là cuộc mít-tinh đả đảo cộng sản đã pháo kích vào một trường

tiểu học ở Cai Lậy giết chết mấy chục em học sinh cũng như ban giám hiệu nhà trường. Nghe thầy Viêm nói rõ lý do cuộc mít-tinh, tôi thấy bủn rủn cả tay chân. Tôi như nghe được tiếng khóc dội trong lòng. Cùng các bạn ở chung lớp bước ra xếp hàng ở sân trường, tôi vẫn còn thấy hai tay mình run lên.

Trên bục thềm cao ở lối đi chính dẫn vào văn phòng hiệu trưởng, các vị giáo sư từ các lớp tập trung lại. Học sinh toàn trường thì xếp hàng từng lớp dưới sân. Vị giám học đọc một bài ngắn nói về tin tức pháo kích ở Cai Lậy, chia buồn cùng gia đình các em học sinh tử nạn, lên án hành vi man rợ của người cộng sản đối với trẻ thơ và lương dân vô tội. Sau đó, một vị giáo sư hô khẩu hiệu đả đảo cộng sản, cả trường hô theo. Tiếng đả đảo lặp đi lặp lại nhiều lần và được hưởng ứng bởi mấy trăm học sinh với cùng một giọng hùng mạnh, quyết tâm, rất dễ kích động lòng người. Nhưng trong đám đông đó, tôi chỉ đứng im, ứa lệ trong lòng. Khẩu hiệu, rõ ràng không kích động được ý niệm hận thù tranh đấu nào trong tôi. Tôi chỉ thấy lòng mình khơi dậy một niềm thương cảm cực mạnh. Tôi thương đất nước tôi ngập lặn mãi trong chiến tranh. Tôi thương đồng bào tôi từ thế hệ này qua thế hệ khác cứ phải nai lưng ra để làm nạn nhân cho u mê và cuồng vọng của những kẻ cầm nắm vận mệnh quốc gia ở cả hai phía. Nhưng với trí óc non nớt, hạn hẹp của tôi, với trái tim mẫn cảm yếu đuối của tôi, tôi thực không biết

làm gì cho quê hương hơn là khóc rưng rức. Tôi như đứa trẻ chứng kiến cha mẹ hay người lớn trong nhà gây cãi nhau: chỉ biết òa khóc, chỉ thấy tổn thương trong lòng. Con nít chúng tôi không thích sự dữ tợn, hung hăng của người lớn. Con nít chúng tôi không thích sự tranh cãi lý luận của phe này, phe kia. Chúng tôi là những đứa trẻ trong nhà, thương cha thương mẹ, thương chị thương anh, chỉ biết có thương yêu mà thôi, không muốn là của riêng phía nào. Chỉ có những đầu óc mê muội, điên rồ mới thích tạo ra chiến tranh và thích thú với những thắng lợi chết chóc do mình gây ra. Và cũng trong vị trí của một đứa trẻ đứng ngoài nhìn cha mẹ và người lớn gây cãi nhau, tôi thấy có cái gì rất phi lý trong chiến tranh. Không phải riêng cuộc chiến trên đất nước tôi, mà tất cả cuộc chiến trên thế giới, của loài người ngu muội bày ra. Ngoại trừ cuộc chiến chống ngoại xâm để bảo vệ chủ quyền dân tộc, tôi thấy chiến tranh vô cùng man rợ dù có khoác mặc lên mình nó bất cứ chính nghĩa nào. Nhất là cuộc chiến gây ra chỉ vì muốn người khác phải tin và hiểu như mình. Khi cha mẹ gây cãi, nếu bạn thương mẹ và đứng về phía bà, bạn sẽ thấy mẹ mình có chính nghĩa hơn cha, và ngược lại. Ai lại chẳng có chính nghĩa! Đã lỡ gây cãi nhau rồi, thì chính nghĩa càng được xây dựng, tô bồi thêm cho vững chắc. Không có cũng thành có. Chẳng ai muốn nhìn nhận mình là sai lầm, phi nghĩa cả. Chiến tranh vì vậy càng không thể gỡ bỏ. Chính nghĩa trở thành một lớp

áo giả tạo để khoác mặc cho những cuồng vọng phi nghĩa mà thôi.



Tết sắp đến, ở Phật học viện cũng như trường Bồ Đề đều có làm báo xuân. Ở Phật học viện thì mỗi tháng chúng tôi có làm bích báo (báo tường). Mỗi chúng phụ trách một tờ. Làm xong đem treo trên một tấm bảng lớn để cùng xem. Tờ báo của chúng Ca Diếp do tôi phụ trách trình bày, vẽ vôi, chọn lựa bài vở. Báo xuân của Phật học viện cũng không khác báo thường, vẫn là bích báo. Có điều, thay vì làm một tờ báo lớn thì dịp xuân làm ba tờ cho có vẻ đặc biệt hơn. Riêng ở trường Bồ Đề, năm ngoái đến giờ chẳng thấy đá động chi đến chuyện làm báo, bỗng dưng năm nay, thầy Viêm chủ nhiệm lại thông báo việc làm đặc san thi đua với các lớp. Ban đầu, mới vào phòng học, thầy bảo cả lớp lấy ra mỗi người một tờ giấy, tự vẽ một bức tranh nhỏ rồi đặt tựa đề cho bức tranh đó, không đề tên tác giả. Chúng tôi cứ làm theo lời thầy mà chẳng hiểu được thầy tính làm gì mấy bức tranh ấy cho giờ Anh ngữ mà thầy phụ trách. Thầy chẳng giải thích, chỉ cười, cho cả lớp nửa giờ để vẽ, rồi thầy đi lên văn phòng. Chưa đầy hai mươi phút, trên bốn chục tấm tranh đã nộp đầy đủ trên bàn giáo sư.

Trở vào lớp, thầy Viêm ngồi cầm xấp tranh mà ngắm nghía từng tấm, từng tấm. Xem hết xấp

tranh, thầy chọn tấm tranh của tôi, và quyết định chọn tôi làm người trình bày cho tờ đặc san của lớp. Thầy là giáo sư chủ nhiệm của lớp, dĩ nhiên cũng chịu luôn trách nhiệm đốc thúc và cố vấn cho tờ đặc san. Lý do vẽ và lựa tranh lúc đó mới được sáng tỏ. Thầy Viêm đưa tấm tranh của tôi lên cho cả lớp xem, thầy không giải thích gì nhiều, chỉ nói: “Nét vẽ lạ, điêu luyện. Đặc biệt là bức tranh rất ý nghĩa.” Rồi thầy lại bảo cả lớp bầu một ban báo chí. Việc bầu ban này diễn ra cũng khá nhanh, vì chuyện văn thơ trong lớp biết nhau cả rồi. Cuối cùng, trưởng ban báo chí cũng là tôi. Thầy Viêm yêu cầu cả lớp tham gia viết bài trong vòng một tuần, đem nộp cho thầy xem trước để kiểm duyệt, rồi cho vào đặc san.

Bức tranh của tôi vẽ khung cảnh một góc nghĩa trang, nơi đó có một ngôi mộ của người lính. Sát mộ bia có dựng một cây súng, và một cái nón sắt được úp trên đầu súng. Một con chim bồ câu đậu trên cái nón sắt ấy. Dưới bức tranh, tôi đề mấy chữ: “*Mơ hòa bình*”. Có lẽ vì một nỗi cảm xúc đồng điệu nào đó, thầy Viêm đã chấm bức tranh của tôi là xuất sắc nhất trong những bức vẽ của lớp. Thầy còn lấy tựa đề của bức tranh ấy làm tựa đề chung cho tờ đặc san của lớp nữa.

Thầy Viêm là một viên sĩ quan, cấp bậc trung úy, của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chưa bao giờ thầy vận quân phục vào lớp. Nhưng bạn học cùng lớp cho tôi biết thầy là quân nhân. Tánh tình thầy hiền hòa, cởi mở, nụ cười chực

sẵn trên môi. Thầy đẹp trai, giảng dạy có phương pháp, tận tâm, nên trong lớp, trong trường ai cũng quý mến.

Tôi không rõ tình hình chiến tranh trong nước đang ở mức độ nào. Nhưng sau vụ Việt cộng pháo kích ở Cai Lậy, tinh thần các giáo sư cũng như học sinh nơi đây bị chấn động không ít. Có thể một số người căm hờn cộng sản nhiều hơn. Nhưng số khác, trong đó có tôi, chỉ biết ước mơ một vận hội mới cho đất nước quê hương. Chúng tôi không cần bất cứ một chủ nghĩa nào. Không cần bất cứ một ý thức hệ nào. Không cần bất cứ một đảng phái nào. Chúng tôi chỉ cần những người cha, những người mẹ, những thế hệ đàn anh đàn chị đi trước, hãy ngồi lại với nhau trong tình thương yêu ruột thịt của gia đình. Vụ học sinh tiểu học chết oan ở Cai Lậy chỉ là một trường hợp trong muôn ngàn trường hợp ngu xuẩn khác của chiến tranh. Việt cộng không phải chỉ mới pháo kích và giết oan một trường tiểu học mà còn rất nhiều vụ tàn bạo khác nữa. Cũng vậy, khi oanh tạc cơ của Mỹ và của Không quân Quốc gia dội bom ở Bắc Việt, có thể cũng có nhiều trường tiểu học, và mẫu giáo nữa, đã trở thành tro bụi. Người lớn quý vị chỉ “*hy sinh*” thời giờ để hội họp, bàn thảo kế hoạch chém giết nhau. Chỉ có bầy con nít ở hai miền Nam Bắc chúng tôi mới thực sự là hy sinh cả xương máu của mình. Nhưng tất cả máu xương mà chúng tôi đóng góp đó, cũng chỉ là hậu quả của chiến tranh mà thôi.

Hậu quả không sai lầm, chỉ có nguyên nhân mới sai lầm. Vậy thì có ích gì cho việc hô hào chiến đấu đả đảo! Ích gì việc cổ võ cho hận thù và chém giết! Nơi đây quý vị tổ chức mít-tinh cho con nít chúng tôi đả đảo cộng sản thì ngoài kia, cộng sản cũng hô hào con nít đả đảo Mỹ-Thiệu. Giải quyết được cái gì? Có ai đúng đâu! Có ai thắng đâu! Chỉ có sự mê mờ và thảm bại cho cả dân tộc! Không chịu rút đi những mê chấp của ý thức hệ thì cuộc chiến hãy còn tiếp diễn mãi. Chưa xót, mỉa mai nhất là các bậc cha mẹ anh chị đã lỡ bước mê lầm ấy mà lại còn khích động, dạy dỗ con em mình lao vào con đường tang tóc đổ vỡ kia; cũng lao vào với “*chính nghĩa sáng ngời*” mà chỉ có bom đạn mới bảo vệ nổi. Trong chính nghĩa đó, quý vị đem cái tâm đen tối để chém giết nhau; và quý vị xô đẩy con em, xô đẩy hàng triệu học sinh thơ dại chúng tôi vào vực thẳm. Quý vị không thương tiếc gì máu xương vô tội của bầy con nít chúng tôi cả. Quý vị chỉ lợi dụng cái chết của chúng tôi để hô hào chiến tranh. Đừng nói rằng quý vị chém giết nhau chỉ vì quyền sống của bầy con nít chúng tôi. Quý vị không thương, không hiểu gì con nít chúng tôi cả. Con nít chúng tôi đâu cần hận thù, đâu cần tranh đấu, đâu cần huy chương hay bằng tưởng thưởng gì! Trước sự mê muội cấu xé nhau của quý vị, chúng tôi chỉ biết khóc và bật ra ước mơ nhỏ nhoi của mình mà thôi. Đó là ước mơ hòa bình. Trong tâm cảnh của một học sinh, một đứa con nít chưa học hiểu gì về

các chủ nghĩa, tôi vẽ nên bức tranh đó.

Khi thầy Viêm chọn bức tranh và cái tựa “*Mơ hòa bình*” của tôi làm tranh bìa và chủ đề cho đặc san của lớp, tôi biết thầy ấy đã thay mặt cho nhiều thế hệ cầm súng khác, nói lên ước vọng hòa bình của mình. Những thế hệ cầm súng ấy, trước đây cũng chỉ là những đứa con nít như chúng tôi bây giờ, vừa kịp lớn lên đã lao vào cuộc chiến, không cưỡng lại được. Tuổi trẻ chúng tôi đã thức tỉnh, đã thấy được cái phi lý vô cùng của chiến tranh. Nhưng chúng tôi không làm gì được với hiện tình quê hương. Bỏ phận của chúng tôi là phải bước chứ không cần phải thấy. Trong khi đó, chỉ có quý vị người lớn có thẩm quyền của cả hai phía mới có được giải pháp hòa bình cho quê hương này. Nhưng tiếc thay, quý vị đã mù lòa, không còn thấy gì khác ngoài lợi danh và thù hận.

Trong vòng nửa tháng, tập đặc san hoàn tất. Thầy Viêm hài lòng lắm. Thầy đem đặc san nộp cho ban giám khảo của cuộc thi báo chí toàn trường. Sau kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt và gần đến dịp nghỉ Tết, chúng tôi mới biết được kết quả của cuộc thi báo. Thầy Viêm vào lớp với nụ cười rất tươi, cho biết tờ đặc san của lớp chiếm được hạng nhất. Thầy còn cho biết không phải chỉ nhờ hình thức trang nhã và ý nghĩa của bức tranh, của chủ đề “*Mơ hòa bình*” mà còn nhờ vào nội dung khá đặc sắc của đặc san. Trong đó, đặc biệt nhất là truyện ngắn đầu của tôi, tựa đề là “*Cởi trói*.”

Truyện kể rằng, có một tên cướp bị quan



quân truy nã, trốn vào một ngôi chùa. Nơi đây có một vị hòa thượng đang tọa thiền. Trốn lánh được một lúc lâu, tên cướp thấy đói bụng mà vị hòa thượng vẫn còn ngồi thiền như không hay biết sự có mặt của hắn trong chùa. Không chờ đợi được nữa, tên cướp đến lay hòa thượng, kê gươm vào cổ người, bảo người đi kiếm thức ăn cho hắn. Nhưng vị hòa thượng vẫn bình thản, không chút sợ hãi, từ tốn nói: “Nguy hiểm tới chân rồi mà còn hung hăng uy hiếp kẻ khác để đòi miếng ăn sao?” Vừa dứt lời thì có tiếng quan quân ủa tới ngoài sân, bao vây chùa. Tên cướp ngỡ rằng vị hòa thượng đã cho người đi báo với quan quân sao đó họ mới kéo đến đây, bèn đem trói vị hòa thượng, treo lên xà nhà để đánh đập, hành hạ cho bỏ ghét đồng thời để giữ làm con tin. Trong khi đó, quan quân bên ngoài vì tôn trọng nơi thờ tự tôn nghiêm đã không dám mang vũ khí xông vào chùa, nên chỉ đứng ở ngoài kêu gọi vị hòa thượng đuổi tên cướp ra khỏi chùa thì họ mới bắt được. Dĩ nhiên vị hòa thượng không thể làm được chuyện đó vì đang bị khống chế. Quan quân thấy tên cướp không ra mà vị hòa thượng im lặng không trả lời nên cho rằng vị hòa thượng cố tình chứa chấp, bao che hoặc đồng lõa với tên cướp. Trong khi đó, bên trong, tên cướp tự động kiếm thức ăn rồi cứ ngồi kê gươm giữ hòa thượng làm con tin. Nhưng trước thái độ bình thản và tấm lòng từ bi, bao dung của hòa thượng, tâm sân hận của tên cướp dần dần dịu xuống. Hắn bắt đầu gọi

chuyện với vị hòa thượng. Sau một lúc đàm đạo, hẳn được vị hòa thượng cảm hóa, bèn sám hối, mở trời cho vị hòa thượng và xin làm đệ tử. Vị hòa thượng vẫn hiền lành nói: “Ta đã *cởi trời* cho ngươi trước rồi đó.”

Câu chuyện ấy, tuy kỹ thuật non yếu, văn kể vụng về với đôi chỗ không thực tế, thiếu hợp lý, nhưng nội dung câu chuyện cũng nói lên được phần nào thái độ của người phật tử (kể cả xuất gia lẫn tại gia) hay của những thường dân Việt Nam đối với chiến tranh. Cái “ước mơ hòa bình” cũng được gợi gắm nơi ấy. Và phải chăng ban giám khảo của cuộc thi báo chí cũng đã mệt mỏi với chiến tranh, với thù hận, đã quyết định chấm điểm cao nhất cho tập san của chúng tôi? Có lẽ là vậy. Chiến tranh là trò chơi phí phạm máu xương nhiều nhất mà chỉ có những kẻ xuẩn ngốc mới hăng hái bày ra. Không có chiến tranh, cuộc sống cũng đã đầy đủ ý nghĩa rồi, cần gì phải tìm thêm ý nghĩa nào trong trò chơi rồ dại ấy! Tôi chỉ muốn nói lên một điều đơn sơ như vậy thôi. Lũ con nít chúng tôi không cần trò chơi mà quý vị người lớn bày ra.



Tết năm ấy, chú Sáng và các chú trong nhóm Nha Trang đều trở về. Tôi không về mà cùng đi Huế với chú Tửu. Ngày mồng một, tôi đón giao thừa tại Phật học viện. Qua mồng hai,

tôi và Tử mới rời viện để đi Huế. Trước hết, cùng đến chùa Tan Bảo ở Đà Nẵng để gặp chú Tâm Hạnh. Chú Tâm Hạnh như đã nói ở trước, là đệ tử lớn nhất của thầy tôi. Ở Phật học viện Phổ Đà, chú ấy là tăng sinh xuất sắc của viện. Nhưng rời không biết do ảnh hưởng từ kinh điển, từ bạn bè, hay từ sở thích, chú Tâm Hạnh bỗng bỏ Phật giáo Bắc tông để chuyển qua Phật giáo Nam Tông (Theraveda, tức Phật giáo Nguyên thủy). Vì thay đổi tông phái, dĩ nhiên chú không còn theo học Phật học viện Phổ Đà nữa.

Chúng tôi đến vào Tam Bảo giác trưa, nhằm lúc chur tăng ở đây đang thọ trai. Chúng tôi đứng ngoài nhìn vào, thấy một bàn thịt cá thì giật mình. Dù đã biết trước chuyện chay mặn chẳng quan trọng hay ảnh hưởng gì đến vấn đề giải thoát giác ngộ, chúng tôi cũng chưa dễ chấp nhận được chuyện thịt cá bày ra trong cửa chùa. Chú Tâm Hạnh được thông báo có khách, ra gặp chúng tôi thì mừng rỡ, nhưng cũng nói ngay cho chúng tôi khỏi ngỡ, thắc mắc:

“Truyền thống Nam tông họ ăn chay khác với ăn chay của mình. Chữ *trai*, tức là chay, được hiểu là ăn một ngày một bữa vào giờ Ngọ và thí chủ dâng cúng thứ gì thì hoan hỷ ăn thứ nấy, không phân biệt. Ăn chay như thế khác với ăn chay theo nghĩa chỉ ăn thực vật như bên Bắc tông mình. Tôi theo họ nhưng cũng chưa quen chuyện cá thịt, vẫn phải ăn chay như xưa”.

Biết chúng tôi sắp đi Huế, chú Tâm Hạnh

cũng muốn đi. Chú vào thu xếp hành lý, bỏ vào cái đũa nhỏ, theo chúng tôi đi ngay. Ra Huế, chúng tôi được chú Tâm Hạnh đưa đến chùa Thiên Lâm trước. Đây là ngôi chùa thuộc hệ phái Nam Tông, được cất trên núi. Vị Thượng tọa viện trưởng ở đây cũng là một vị thầy từ Bắc tông đổi qua. Thượng tọa cũng quen dùng chay theo Bắc tông nên dù đã chuyên qua Nam tông từ lâu, vẫn cứ dùng thực vật chứ không dùng được cá thịt. Lúc chúng tôi đến chùa, Thượng tọa đi vắng chưa về. Đạo cảnh một lúc, chúng tôi được báo cho biết là Thượng tọa đang trên đường hương về chùa. Thượng tọa có định lực và đức độ rất cao, khi vừa trông thấy ngài từ ngoài bước vào cổng, tự dưng chúng tôi quỳ lạy ngài ngay trên nền đất ở ngoài sân.

Chúng tôi ở lại đây một đêm. Thượng tọa tế nhị, biết chúng tôi bên Bắc tông ăn chay và có ăn bữa chiều nên cho người xuống núi nhờ một gia đình thí chủ thân tín nấu cháo chay đem lên cho chúng tôi.

Sáng hôm sau, chú Tâm Hạnh đưa chúng tôi đến chùa Linh Mục và một số chùa nổi tiếng khác như Tường Vân, Kim Tiên, Từ Hiếu, Từ Đàm, Linh Quang v.v... Đến chùa Linh Mục, chúng tôi tình cờ gặp thầy Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) từ Sài Gòn mới ra. Trước đây, thầy Trí Siêu tu ở chùa này. Chú Tâm Hạnh cho tôi biết thầy ấy là một trong những du học sinh xuất sắc nhất tại Mỹ; thầy ấy đã lấy ba bằng tiến sĩ Y khoa, Nhân

chúng học và Triết học. Thầy Trí Siêu mới về nước năm ngoái. Dùng cơm trưa tại chùa Linh Mục, chúng tôi nghe kể về sinh hoạt học đường tại Mỹ. Nghe chuyện du học tôi thấy thích thú, nhưng cái tâm ý quê mùa bảo thủ của tôi lại cảm thấy sợ hãi đời sống Mỹ. Tôi tự nghĩ, nếu được một phép du học, chắc tôi sẽ chọn một nước Á châu nào đó chứ không chọn Mỹ hoặc các nước Âu châu. Dù sao, cuộc gặp gỡ ngắn ngủi trong bữa ăn cũng mở rộng tầm nhìn của tôi. Nhớ hồi chưa xuất gia, tôi đã từng chán ghét chuyện học. Nỗi chán ghét ấy bây giờ không còn nữa thì phải. Có lẽ tôi đã trưởng thành và đã trở thành một người “hiếu học”! Ô, du học! Hai chữ ấy đọc lên nghe thật lôi cuốn.

Trước khi rời Huế, chúng tôi đến thăm viếng Thành nội nhưng người ta bảo là mất an ninh, cấm vào. Lại là hậu quả của chiến tranh. Đành ở chơi phía ngoài Phu Văn Lâu rồi ra bến xe, trở về.

Chúng tôi không về thẳng Đà Nẵng mà xuống xe tại Lăng Cô, gần đèo Hải Vân. Nơi đây có tịnh thất Huyền Không của sư Viên Minh và sư Giới Đức, hai vị sư trẻ và lỗi lạc của Phật giáo Nam tông. Huyền Không là tên gọi chung vài cái cốc nhỏ được cất trên một ngọn núi ở Lăng Cô. Mỗi sư có một cốc riêng. Ngoài ra còn có một thư viện nhỏ, nhiều sách. Cốc đều được cất bằng gỗ, đánh vẹt-ni bóng loáng. Mái lợp bằng lá dừa, rất đẹp và mát. Cốc có bốn vách vuông vức, với một

cửa chính và hai cửa sổ lớn mở ra hai bên, khoảng khoát. Hai mái lợp đứng, kiểu tháp, như của Thái-Miên. Cửa chính của thư viện mở ra phía biển ở xa xa. Tôi thầm nghĩ: “Ăn tu nơi một cảnh trí hữu tình thơ mộng như vậy thì còn gì sung sướng bằng... Tuy nhiên, có phải chăng, khi người tu say đắm cảnh đẹp thiên nhiên thì cũng có thể say đắm vào sắc dục hay bất cứ vẻ quyến rũ nào khác của cuộc đời ? Vì thực ra, điều cốt yếu của giải thoát là dẹp bỏ sự say đắm chứ đâu phải dẹp bỏ hay xa lìa những đối tượng, đối cảnh...”

Dù sao, tôi cũng không ngăn được sự rung động trước một cảnh trời mênh mông tuyệt đẹp như vậy. Bờ biển Lăng Cô đá lớn, đá nhỏ mọc lởm chởm. Sóng vỗ ì ầm đánh tung bọt trắng trên những tảng đá phủ rêu ấy. Thuyền chài dăm chiếc như đứng lặng ngoài khơi. Nơi đây còn hoang sơ thơ mộng hơn núi đồi Trại Thủy Nha Trang. Tôi đứng chệt sững trên núi, nhìn về muôn dặm xa, nơi mà sóng biển trườn lên, nứu lấy chân trời. Vẫn có cái gì khó hiểu, mơ hồ nhưng đầy hấp lực nơi khoảng trời xa ấy.



Khi chúng tôi vào học lại đâu được một tuần thì có Thượng tọa Đồng Minh từ Nha Trang đi Huế và Đà Nẵng, ghé thăm Phật học viện. Thượng tọa là giám đốc xưởng vị trai Lá Bờ Đề,

một cơ sở sản xuất khá qui mô của Tỉnh giáo hội Nha Trang. Thượng tọa cũng là giám học của Phật học viện Hải Đức và trong viện Hóa Đạo, Thượng tọa là Vụ trưởng Vụ Phật học viện. Đây là chuyến công du thăm viếng các Phật học viện trên toàn quốc để nghe ngóng tình hình sinh hoạt của các Phật học viện đồng thời thông báo các chương trình đặc biệt của Vụ Phật học viện nhằm nâng đỡ các học tăng xuất sắc. Dĩ nhiên đó là chuyện mà Thượng tọa Đồng Minh bàn riêng với Thượng tọa giám viện và ban giám học, học tăng chúng tôi không sao biết được. Nhưng sau đó, tin tức cũng đến tai tôi, do thầy Giải Trọng, vị giám sự của Phật học viện kể lại. Tin ấy quả thực làm tôi phấn khởi vô cùng.

Với sự hỗ trợ của Giáo hội trung ương, Vụ Phật học viện tìm cách cho đi du học các tăng sĩ xuất sắc ở các địa phương, đặc biệt là các học tăng đang theo học tại các Phật học viện toàn quốc. Chuyện đi du học ở quốc gia nào thì chưa rõ, có lẽ còn tùy thuộc ở điều kiện tài chánh cũng như sự vận động ngoại giao của Giáo hội trung ương. Nhưng riêng Ấn Độ và Thái Lan thì đã rõ: Giáo hội có thể cho tăng sĩ thành niên hay vị thành niên đi du học tại hai nước này. Thầy Giải Trọng nói với tôi:

“Phật học viện mình sẽ giới thiệu vài học tăng, hay ít nhất cũng một học tăng. Chú nào được chọn thì chưa biết, nhưng chú Khang thì nghe Thượng tọa giám viện có thừa chuyện trước

với Thượng tọa Đồng Minh rồi. Chắc chắn là chú được chọn vì là tăng sinh xuất sắc nhất của viện. Chỉ cần trau dồi thêm tiếng Anh nữa là xong. Trình độ trung học cũng qua Ấn học được chứ không cần phải xong Tú tài hay bậc Đại học.”

Tôi vẫn thường có ước mơ được hành hương xứ Phật. Nhưng tôi không thể tưởng được rằng ước mơ ấy có thể đến với tôi dễ dàng và kề cận như vậy. Mặc dù chưa có tin chính thức nào trên văn bản, tôi vẫn thấy đó là điều có thể xảy ra, hầu như không còn là ước mơ nữa mà sắp trở thành hiện thực. Ừ nhỉ, mới hôm Tết gặp thầy Trí Siêu, không phải tôi đã nảy sinh trong lòng ước muốn được du học đó sao! Sợ không thích hợp với Mỹ quốc thì du học Ấn Độ, cũng là du học thôi. Nhưng ở Ấn Độ còn thăm viếng các Phật tích, được sống lại với khung trời cũ một thời lưu dấu chân Phật.

Tuổi trẻ có nhiều ước mơ. Ước mơ này chồng lên ước mơ kia. Cái nào mạnh thì trùm lấn. Cái nào kề cận dễ thành thì nổi bật. Khi chuyện giáo hội nâng đỡ học tăng du học đến tai tôi, ước mơ xuất ngoại bỗng lớn nhanh như thổi. Nó chiếm khá nhiều thì giờ rảnh của tôi. Tôi tìm đọc thêm và đọc lại một số sách về lịch sử Ấn Độ cũng như các sách viết về những Phật tích. Có khi tôi nằm mơ thấy mình đang đứng bên cội cây bồ đề mà năm xưa đức Phật thành đạo.

Nhưng chỉ vài ngày sau, có tin Tổng thống ra lệnh tổng động viên các tu sĩ Phật giáo trong



tuổi quân dịch nếu những vị này xuất gia chưa được năm năm. Lệnh ấy không ảnh hưởng gì đến cá nhân tôi cả, vì lúc ấy tôi chỉ mới mười sáu tuổi, chưa đến tuổi quân dịch, còn thời gian xuất gia thì tôi cũng chỉ còn vài tháng nữa là được năm năm rồi. Tuy nhiên, lệnh tổng động viên này đã làm chấn động, xôn xao trong giới tu sĩ trẻ Phật giáo. Viện tôi có khoảng mười chú dính vào lệnh tổng động viên này. Tin đồn rằng có thể chính phủ sẽ động viên những tu sĩ trong tuổi quân dịch chứ không loại trừ những người xuất gia trên năm năm. Tôi biết có nhiều chú xuất gia từ nhỏ, nhưng ở chùa không hề làm cho một tờ giấy gì để chứng minh ngày tháng xuất gia của họ. Nhất là ở các chùa tư (học tăng chúng tôi thường gọi như vậy để phân biệt với Phật học viện) và các chùa ở thôn quê, xuất gia thì xuất gia, chẳng ai nghĩ đến chuyện làm giấy tờ gì. Bây giờ gặp chuyện mới giật mình. Nhiều chú lo viết thư về chùa gốc của mình để xin thầy bổn sư tìm cách chứng minh. Không khí trong viện thật căng thẳng. Tôi nhìn các chú trong tuổi quân dịch mà thấy ngậm ngùi, thương cảm. Tôi không thể tưởng tượng được những chú tiểu quanh năm suốt tháng, tụng kinh, niệm Phật, ăn chay giữ giới lại có thể cầm súng ra trận để bắn vào đối phương. Những chú tiểu ấy, đến con kiến cũng không dám giết. Lỡ có bị kiến cắn nhè nhẹ tay mà gỡ nó ra, thả cho nó bò đi chỗ khác. Bước chân đi cũng sợ chết oan những loài sâu bọ dưới đất, cứ phải đọc

bài chú nguyện đề cầu nguyện sẵn cho loài nào vô tình bị chết dưới những bước chân của mình. Tâm tư hạnh nguyện như vậy đó, bây giờ phải ra cầm súng bắn giết, có phải là điều trớ trêu lắm không? Chú Đồng Nguyện, thư ký văn phòng của Phật học viện, đưa nhật báo cho chúng tôi xem. Báo chí đăng liên tục về lệnh tổng động viên ấy. Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, lúc đó là Hòa thượng Thích Trí Thủ, đang vận động chính phủ bãi bỏ lệnh tổng động viên nhắm vào tu sĩ Phật giáo. Chưa biết kết quả thế nào. Báo chí còn ước chừng số tu sĩ Phật giáo cả nước nằm trong tuổi quân dịch (không kể là đã xuất gia được bao lâu) là mười ngàn người. Có chú buột miệng nói:

“Một đạo quân lớn! Đạo quân hòa bình! Cứ xếp hàng ra đứng ở giữa hai phe đang bắn giết nhau, kêu gọi họ ngưng bắn, vậy là có hòa bình rồi nhỉ!”

Các chú cùng cười. Có chú chêm vào thêm:

“Không, mười ngàn người thì mình chia ra làm hai: năm ngàn người cầm mõ, năm ngàn người cầm chuông, ra trận cứ gõ lên mà tụng vang bài chú Đại Bi là Việt cộng cũng chạy trốn hết!”

Đến nước này mà còn giỡn như vậy thì chỉ còn biết cười ra nước mắt. Nhưng thực tế có thể là vậy. Vũ khí của người tăng sĩ Phật giáo chỉ có lòng thương rộng lớn (đại bi) mà thôi. Mọi hành xử của họ đối với con người, đối với cuộc đời,

đều do sự tác động của lòng thương. Và nếu trực diện với hận thù, tàn ác, những con người này chỉ biết lấy lòng thương để đáp lại chứ chẳng có tâm địa nào khác hơn.

Tình hình chiến sự trong nước càng lúc càng sôi bỏng. Chúng tôi, dù muốn dù không, cũng phải nghe biết. Mỗi ngày chúng tôi vẫn cấp sách đến trường, nhưng tinh thần học coi mòi đã xuống dốc. Không khí lớp học cũng rời rã. Giáo sư vào lớp chỉ nói chuyện chính trị. Thầy Viêm chủ nhiệm lớp tôi đã có lệnh gọi đi tác chiến. Không biết thầy ấy ra đi có mang theo hình ảnh “*Mơ hòa bình*” của đặc san lớp học không. Rồi nghe rằng có lệnh rút quân của Tổng thống. Nghe rằng Buôn Mê Thuột đã bị mất. Nghe rằng các tỉnh cao nguyên nối tiếp nhau, lọt vào tay Việt cộng. Đến nước đó thì các giáo sư hết mở lời, vào lớp chỉ ngồi thừ ra, im lặng, ngó mông lung ngoài cửa sổ, hút thuốc tự nhiên trước mặt học sinh, thỉnh thoảng lại ngáp dài. Học sinh uể oải theo. Thầy Châu giám học vào lớp cho biết toàn trường phải lo thi đệ nhị lục cá nguyệt sớm hơn một tháng. Tình hình căng quá, học và thi cũng phải rút ngắn lại. Thầy giám học làm xong nhiệm vụ thông báo mà vẫn không muốn rời khỏi lớp tôi. Trong lớp học có nhiều tu sĩ, nhiều chú tiểu ngây thơ như lớp tôi, có lẽ thầy muốn nắn nà tâm sự hay giải bày gì đó. Nhưng rồi thầy cũng phải bước ra. Nhìn chúng tôi lần cuối, nhún vai, rồi đi thẳng... Có cái gì đó sắp xảy ra rồi.

Ở viện, Thượng tọa giám viện và ban giám đốc thường cùng nghe đài VOA, BBC và đài phát thanh Sài Gòn vào mỗi sáng sớm và chiều tối. Báo chí đến Hội An thường chậm trễ và hiếm. Chỉ có ra-đi-ô là có thể mang lại tin tức nhanh chóng nhất cho Phật học viện chúng tôi mà thôi. Mỗi ngày tin tức càng nóng bỏng, sôi sục hơn. Các thầy ngồi nghe không biết đã nghe được gì, chỉ thấy thầy thì lắc đầu, thầy thì thở dài. Không khí tu học ở viện cũng bị ảnh hưởng tin tức thời sự không ít. Thượng tọa giám viện có vẻ buồn, thường trầm ngâm, giảng không hứng thú nữa. Các giờ học khác đều được cho nghỉ sớm. Có giờ được nghỉ hẳn.

Nhưng chưa có lệnh nghỉ thì học tăng chúng tôi như thường lệ, vẫn cứ xếp hàng dọc xuống trường Bồ Đề mỗi chiều (năm ngoái là buổi sáng, năm nay đổi lại). Con đường từ viện ra đến đường nhựa gần hai cây số đường đất, vẫn êm đềm lặng lẽ chạy vòng qua những rặng tre và đồng ruộng xanh ngắt dưới cơn nắng cuối xuân. Có những con chim nhảy nhót trên bụi dâm bụt nhà ai. Dẫm con cò trắng chậm rãi bước trên khoảng ruộng ngập nước. Bầu trời không mây xanh ngắt một màu. Chúng tôi bước đi một đoàn người, mà nghe không khí tịch mịch, im vắng kỳ lạ. Nhưng vừa đến khoảng đầu đường, chỗ quán bánh mì bà Đạo, chúng tôi bỗng nghe tiếng ồn ào huyền não dễ sợ như vỡ ra ở phía trước.

Chúng tôi tiếp tục bước đến chỗ giáp với

đường nhựa thì không thể bước qua đường được nữa. Đoàn tăng sinh tự động tan hàng một cách bõ ngỡ, bàng hoàng vì cảnh tượng xảy ra trước mắt: một dòng nườm nượp xe cộ và người.

Xe cộ ùn ùn chạy qua, còi xe bấm inh ỏi, tiếng người la hét, gào thét vang rền. Nhiều người tay ãm tay dắt mấy đứa con, vừa chạy vừa khóc. Xe lớn, xe nhỏ, xe gắn máy, xe đạp, xích lô, xe bò... và cả những người chạy bộ, đều rần rần hướng về phía Đà Nẵng. Những khuôn mặt cuống quýt chạy qua đều hớt hơ hớt hải, xanh lét xanh lè, trông thật thảm hại. Tưởng chừng chưa có niềm khiếp sợ nào to lớn hơn. Chú Tường dạn dĩ chặn người quen lại hỏi thăm chuyện gì mà mọi người bỏ chạy hoảng loạn như vậy. Có người chỉ kịp lắc đầu rồi tiếp tục chạy, có người chẳng nói một tiếng. Cuối cùng mới có người trả lời gọn một câu:

“Việt cộng đánh Quảng Ngãi hồi trưa nay.”

Té ra là vậy. Tin đồn lan đi rất nhanh ở thị xã Hội An từ những đồng bào ở Quảng Ngãi chạy trốn Việt cộng theo ngã biển vào cửa Đại (cửa biển của Hội An). Chẳng biết đài phát thanh đã thông báo tin ấy chưa mà đồng bào Hội An đã tuôn chạy như vậy rồi.

Nhiều chú nghe chuyện đã muốn quay về nhưng chú chúng trưởng bảo cứ đi thẳng xuống trường Bồ Đề coi có được phép nghỉ học chưa. Vậy là theo kỷ luật tập thể, chúng tôi cứ ngược dòng thác người đó mà đi. Đúng là một dòng thác

người, cuộn cuộn chảy tới, không có khe hở, không có ngừng nghỉ. Ở bến xe Hội An-Đà Nẵng, cứ mỗi chiếc xe dò từ Đà Nẵng vừa cập bến, người ở trên chưa kịp bước xuống thì người ở dưới đã nhảy phóc lên, giành giật chỗ ngồi, la hét ồm ồm. Nhưng người từ Đà Nẵng về thì chỉ lác đác. Có lẽ họ có việc phải về Hội An để thu xếp chi đó. Có xe từ Đà Nẵng về chỉ là xe không. Hành khách đứng ngồi chật cứng ở bến xe. Xe chưa đậu hẳn là đã hết chỗ ngồi. Nhiều người nhảy đại lên mui, tự xếp hành lý và chỗ ngồi cho mình và gia đình. Học tăng chúng tôi hơn bốn chục người bây giờ nhìn lại chẳng thấy ai. Tản mác ở đâu hết rồi. Chúng tôi lạc nhau, chúng tôi tan loãng vào giữa dòng người. Quanh tôi chỉ còn Sáng và Hưng. Có lẽ vì chúng tôi bước chậm. Chúng tôi lần mò đi được một đoạn thì lại lạc mất chú Hưng. Chỉ còn tôi và Sáng. Giữa dòng người ùn ùn kéo chạy, chúng tôi bỗng thấy lạc lõng, bơ vơ. Người ta dắt díu nhau bỏ chạy, nào cha nào mẹ, nào anh chị em khắng khít đùm bọc nhau. Chúng tôi thì lững thững bước. Không người thân bên cạnh. Các chú khác đã quay về Phật học viện hoặc tụ lại với nhau ở một địa điểm nào rồi. Tôi nhìn Sáng, tự dung thấy tội nghiệp và thương chú quá. Dù sao thì Sáng cũng nhỏ hơn tôi hai tuổi. Lần đầu tiên, tôi nắm lấy tay chú dắt đi như dắt một đứa em nhỏ. Tôi muốn an ủi và tỏ chút tình huynh đệ với chú trong lúc chạy loạn này. Tưởng là mình lớn hơn bảo bọc chú, trấn an chú, nào

ngờ khi đi ngang một cây xăng nhỏ bỗng nghe nổ một tiếng “ầm”, lửa phục cháy, chú Sáng vụt khỏi tay tôi, bỏ chạy, lanh như con mèo. Tôi chỉ vừa quay đầu ngó vào cây xăng, rồi ngoảnh lại đã thấy chú đứng cách xa mình cả hai chục thước. Thấy không có gì xảy ra, chú mới dừng lại để chờ tôi. Người chủ cây xăng đã dập lửa kịp thời. Khi tôi bước theo kịp, chú Sáng nói một câu chừa thẹn:

“Tưởng đâu có bom đạn gì nổ chứ!”

Chú ấy có vẻ xấu hổ khi bỏ tôi mà chạy vì một chuyện không đáng gì. Nhưng tôi chẳng chấp trách gì chuyện đó. Tôi chỉ tự hỏi, nếu cây xăng nổ tung, có phải là một người chậm chạp, khờ khạo và khur khur giữ lấy oai nghi té hạnh như tôi sẽ không thể nào tránh khỏi tai nạn lớn chẳng? Đây là do sự định tâm lâu ngày mà tôi bình tĩnh trước hoàn cảnh hay chỉ vì bản năng tự vệ và phản ứng cơ thể của tôi bị chậm lụt, trì trệ?

Đi thêm một khúc đường, chúng tôi gặp các chú đi trước quay ngược trở lại. Các chú kéo chúng tôi cùng về viện. Họ nói:

“Trường Bồ Đề cũng đã đóng cửa. Không có ai ở đó cả. Ông cai trường cũng kéo gia đình chạy đi rồi!”

Lối về ngang qua đồng ruộng và rặng tre xanh, nhưng lòng tôi đã nặng trĩu. Mấy con chim từ bờ dậu nhà ai hoảng hốt bay về phía mộ địa. Đàn cò trắng cũng đã bay đi đâu mất dạng phương nào rồi.

Vào bữa cơm chiều hôm ấy. Thượng tọa giám viện tuyên bố giải tán Phật học viện. Ai nấy nghẹn ngào nuốt cơm không vô nữa. Học tăng chúng tôi biết chuyện học, chuyện tu của mình rồi sẽ bị chướng ngại, gián đoạn, bao mộng ước lớn nhỏ đều tan vỡ, và chúng tôi chỉ còn chung sống với nhau một đêm cuối cùng này nữa thôi.



## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Đêm ấy, không có giờ tọa thiền. Và sau giờ đó, hình như chẳng ai chợp mắt được. Vì là đêm cuối cùng, kỷ luật và nội quy của việc ngủ nghỉ không còn cần thiết nữa. Ai ngủ được thì ngủ. Những người còn thức, muốn làm gì thì làm. Sau khi tuyên bố giải tán Phật học viện, Thượng tọa giám viện buồn bã ngồi im lặng trên chiếc ghế bố nhiều giờ liên tục. Các thầy trong ban giám đốc cũng hòa mình, xuống ngồi trò chuyện với học tăng, chia sẻ nỗi buồn phân ly này. Kể từ ngày mai, những học tăng nào không thuộc về chúng thường trụ (tức là những chú xin xuất gia ở đây làm đệ tử Thượng tọa giám viện) có thể rời viện được rồi. Dù rằng ban giám đốc không lên tiếng yêu cầu học tăng chúng tôi rời viện, chúng tôi cũng phải ra đi. Thứ nhất, trong lúc loạn lạc, ai cũng muốn quay về chùa gốc với thầy tổ, với gia đình; thứ hai, Phật học viện là trường học, nay đã tuyên bố giải tán, không còn là trường nữa thì học tăng không còn có lý do nào để nấn ná ở lại.

Tôi bước lang thang quanh vườn chùa, rồi đi quanh những hàng hiên, nhìn vào các phòng tập thể. Đêm ấy trăng mờ. Các chú tùm năm tùm ba ngồi nói chuyện to nhỏ với nhau. Có nhóm đun lửa nấu một nồi chè đậu. Có nhóm đang uống

trà với nhau. Các chú lớn thường hút thuốc lén lút thì nay cũng đem ra hút công khai. Mấy chú trong nhóm Nha Trang cũng chộn rộn lắm, đang lo thu xếp hành lý. Các chú này có hành lý bèo bộn nhất trong viện, bây giờ phải đem cho bớt những chú ở lại. Mà đồ đem cho cũng có gì quý giá đâu: áo quần, kính sách, tập vở, mùng màn... Ngày mai trở về nguyên quán rồi, chẳng còn gì quý giá đáng giữ nữa. Chúng tôi chia tay nhau không chuẩn bị trước nên chẳng có một buổi liên hoan gặp mặt để nói lời từ giã nhau, vì vậy, những phút cuối này, gặp nhau là ngó sững nhau, như muốn nói cái gì đó mà không nói được. Phải chi chia tay ngay tốt nghiệp thì hẳn có thể cười nói huyền thuyên được! Đàng này, cuộc chia tay đột ngột quá, giống như chia tay với một người chết bất ngờ vì tai nạn. Không kịp nói tiếng nào. Chỉ thấy cái gì nghẹn cứng trong cổ họng. Cũng không hẳn vậy nữa, vì chia tay với người chết thì chỉ ân hận không nói được lời yêu thương cuối cùng; còn bây giờ, hãy còn sống đây mà chẳng biết phải nói gì với nhau. Có cái gì đang trờ tới, đuổi tới sau lưng, phải chạy. Trò chơi chiến tranh của những người lớn đã tiến tới màn nào trong bi kịch tử biệt đây!

Chẳng ai đoán trước được cái gì.

Những người lính đồn trú trong trại sau lưng chùa chắc cũng đang vội vàng từ giã đơn vị của họ. Một đoàn công-voa, nối đuôi nhau thành một hàng trên con đường nhựa dẫn đến hướng

Non Nước – Đà Nẵng. Họ chưa khởi hành. Chẳng nghe la hét hô hoán gì. Chỉ nghe tiếng máy xe nổ rần rần. Đâu chừng nửa giờ đồng hồ sau, đoàn xe bật đèn sáng trưng, rồi lăn bánh. Từng chiếc, từng chiếc chạy đi. Bên trong trại, xe hãy còn tuôn ra tưởng chừng không bao giờ ngớt. Họ rút đi trong im lặng. Lâu nay họ đóng gần chùa mà chúng tôi hầu như không để ý đến. Có lẽ họ cũng không biết đến sự hiện diện của chúng tôi nơi Phật học viện này. Hội An tương đối yên ổn, trại lính, trường táng nằm kế bên nhau, chung sống trong hòa bình, im lặng. Cái im lặng tắc nghẽn của những người chưa làm hết, chưa đi hết con đường của mình.

Đâu đó ở xa xa, có tiếng đại bác nổ rền. Vài tiếng súng lẻ tẻ nổi theo. Thỉnh thoảng có một góc trời vùng sáng lên. Ai đi trong đêm giữa xóm làng gần chùa mà có tiếng chó sủa dai dẳng. Trăng hạ tuần lặng lẽ chệch về hướng tây. Những ánh sao mờ nhạt sau những cụm mây dày vẫn vũ. Trời đêm u ám. Có chú bỏ đi ngủ trước, thực ra là để khóc rung rức trên giường



Hôm sau, trong giờ điểm tâm, học tăng chúng tôi cùng quỳ lạy ban giám đốc để trở về nguyên quán. Thượng tọa giám viện chỉ nói vắn tắt đôi lời, khuyên chúng tôi dù trong hoàn cảnh nào cũng nỗ lực tu học để mai sau có thể gánh

vác được trọng trách hoằng pháp lợi sinh mà tiền nhân giao phó. Thượng tọa còn nói thêm:

“Nếu tình hình yên ổn trở lại, viện sẽ thông báo ngày nhập học cho các chú.”

Chúng tôi lục tục lên đường. Các chú ở các quận lỵ thuộc tỉnh Quảng Nam thì chỉ cần xuống bến xe Hội An là có xe về. Còn lại bao nhiêu chú đều phải đón xe đi Đà Nẵng rồi từ đó mới mua vé xe về nguyên quán. Ở bến xe Hội An bây giờ thực vắng khách. Người ta đã tuôn chạy gần hết từ nguyên buổi chiều và tới hôm qua. Chúng tôi có vẻ như là những người cuối cùng muốn rời bỏ thị xã. Người tài xế thấy chúng tôi lên chậ cứng một xe thì mừng rỡ, cho nổ máy chạy đi ngay. Đặc biệt trong chuyến đi này có thầy quản chúng đi theo để lo xe về cho mười hai chú nhóm Nha Trang. Trong mắt ban giám đốc, chúng tôi hãy còn là những đứa con nít. Tốp Nha Trang là tốp tăng sinh ở xa nhất mà lại là tốp tăng sinh do Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn gửi gắm. Năm kia thầy Thiện Đức thay mặt ban giám đốc Phật học viện Linh Sơn đem chúng tôi đến đây thì bây giờ, thầy quản chúng cũng phải mang chúng tôi giao trả lại. Không giao trả tận nơi được thì ít nhất cũng mang ra bến xe, nhìn tận mắt chúng tôi ngồi an toàn trên xe về Nha Trang mới thôi. Chúng tôi đã gia nhập Phật học viện với tư cách một tập thể thuộc Phật học viện khác chuyển đến nên bây giờ không được đi lẻ tẻ cá nhân. Đi thì cùng đi, về thì cùng về một lượt với nhau. Thầy quản chúng dặn

dò chúng tôi đủ thứ, bảo không được phân tán, phải đùm bọc che chở nhau cho đến khi về đến Nha Trang. Ngoài mấy chú tốp Nha Trang, lực lượng hùng hậu nhất của viện, còn có vài chú ở Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Tín, cùng dự định sẽ đi chung một chuyến từ Đà Nẵng.

Bến xe Đà Nẵng là chặng cuối cùng cho cuộc phân ly giữa chúng tôi và một vài chú ở Quảng Trị, Huế, trong đó có chú Tữu. Chú Tữu cùng các chú ở các tỉnh khác đều phải tự túc xuống bến xe liên tỉnh lo mua vé đi. Riêng tốp Nha Trang chúng tôi thì thầy quản chúng không cho đi đâu lộn xộn, sợ lạc mất. Thầy đem gởi chúng tôi ở chùa Tỉnh hội Đà Nẵng, bảo ở yên không được đi đâu, chờ thầy đi mua vé. Thượng tọa trụ trì chùa Tỉnh hội cho chúng tôi một phòng trống để cất hành lý và nghỉ ngơi. Thầy quản chúng đi xuống bến xe bằng xe thô gấn máy. Vậy mà gần hai giờ đồng hồ chờ đợi, chẳng thấy thấy quay về. Chúng tôi vô cùng sốt ruột. Có chú lầu bầu:

“Chắc phòng vé không chịu bán mười mấy vé cho một mình thầy quản chúng. Tụi mình tự đi mua thì phải hơn.”

“Hay vì thầy quản chúng hiền lành đâu có chen lấn với người ta được!”

Chúng tôi cứ thấp thỏm, đứng lên ngồi xuống, mong ngóng thầy quản chúng quay về. Có hai chú lớn không chờ được, lên đi ra ngoài. Chỉ

một lát sau đó thì thầy quản chúng bước vào, nhìn chúng tôi, lắc đầu:

“Chịu thua. Việt cộng đã chiếm hẳn tỉnh Quảng Ngãi, chiếm luôn Tam Kỳ, Quảng Tín. Có đường đâu mà tìm vào Nha Trang. Không có xe vào trong nữa, chỉ còn xe ra Huế, Quảng Trị thôi.”

Nhưng thầy vừa nói xong, đã có người Phật tử nào đi ngang, nói chen vào:

“Đường bộ đi Huế, Quảng Trị cũng bị cắt luôn rồi. Đà Nẵng đang bị cô lập. Vô không được, ra cũng chẳng xong. Chỉ còn đi được mấy quận gần gần thuộc Quảng Nam-Đà Nẵng thôi.”

Thầy quản chúng thở dài, đứng im một lúc ra dáng suy nghĩ. Một lúc sau, thầy buồn bã nói:

“Chừ tính sao đây các chú?”

Các chú tốp Nha Trang nhao nhao lên, bàn tán đủ thứ. Chỉ còn đường hàng không và đường thủy nữa thôi. Nhưng ai biết đằng nào mà mua vé máy bay hay tàu thủy. Thầy quản chúng cũng mù tịt như chúng tôi thôi chứ có hơn gì. Nhưng lỡ gánh trách nhiệm của Thượng tọa giám viện giao phó, thầy phải ráng ngồi đây mà nặn óc suy nghĩ cái chuyện không thể làm được. Chú Lãm và chú Thiệt là hai chú lớn nhất tỏ ý mất mẫn, không muốn bị kiểm soát bởi thầy quản chúng nữa. Lúc này, khi thầy quản chúng đi mua vé chưa về, hai chú ấy đã nói: “Phật học viện giải tán rồi mà thầy ấy còn đi theo kèm tụi mình chi nữa!” Bây giờ, thấy thầy quản chúng bắt lực chuyện lo vé đi, các

chú càng mạnh miệng hơn:

“Tính không được thì thôi, thầy về lại viện đi. Để tụi này tự lo được mà. Lớn hết rồi chứ còn nhỏ nhít gì nữa mà thầy theo hoài.”

Thầy quản chúng cũng muốn để chúng tụi tự lo vào phút này nhưng chưa biết ý kiến chung thế nào, nên hãy còn ngại ngùng áy náy, sợ bỏ đi là thiếu trách nhiệm. Thầy nói với tụi như dò ý. Tôi đến gần nói nhỏ với thầy:

“Các chú ấy nói đúng đó. Thầy trở về viện đi. Để tụi con tự tìm cách.”

Thầy quản chúng mới gạt gù nói lớn:

“Thôi được, tôi về. Các chú ráng tìm cách đi nghe. Nhớ là đừng bỏ rơi nhau. Phải đùm bọc nhau cho tới nơi tới chốn thì tôi mới yên lòng.”

Chúng tụi tiễn thầy ra khỏi cổng tam quan.

Ăn trưa xong, chúng tụi cùng kéo nhau cuốc bộ xuống bến phà Đà Nẵng để tìm đường đi. Dưới bến đã đông nghẹt người và xe cộ. Chúng tụi chỉ đến được phía bên này đường mà ngó qua. Vài chú chen lấn đến sát chỗ neo thuyền, nơi có một chiếc tàu sắt lớn sắp sửa rời bến. Người ta bu lại, đeo bám, leo lên, đông như kiến, dù rằng trên tàu đã chật ních người là người. Tiếng la hét, tranh giành, cãi cọ nhau om sòm. Càng đứng lâu, người từ các nơi đổ xuống bến càng nhiều hơn. Chúng tụi chẳng tiến xa hơn được về hướng chiếc tàu sắt, nên cứ kéo nhau đi dọc theo bờ sông. Có tiếng súng nổ trên tàu. Nhiều chiếc xe của ai bỏ không, nằm choáng cả con lộ mà chẳng ai buồn

lái hay dẹp qua một bên. Tôi nói với chú Hưng đứng bên cạnh rằng:

“Tụi mình không thể đi được đâu.”

Hưng hỏi lại:

“Sao không được?”

“Vì tụi mình không thể chen lấn với người ta. Tu mà chen lấn tranh giành với người ta coi kỳ cục lắm. Nhìn kia, cái đám đông đó, nếu muốn tiến về phía trước, chắc chắn mình phải đẩy xô người khác qua một bên. Tu hành đâu có sợ chết mà hoảng sợ chen lấn.”

Chú Thiệt nghe vậy thì chêm vào, cãi:

“Đâu phải sợ chết mà chen lấn. Mình cũng phải về với gia đình chứ bộ không chen lấn rồi ở đây luôn sao?”

Chú này trước kia ở cùng chùa Hải Đức và Linh Phong với tôi. Lúc ấy chú dễ thương lắm, mà tự dung càng lớn, càng đổi tánh, chẳng có điều gì tôi nói hay làm mà hợp ý chú. Tôi nói:

“Ừ thì mình cũng cần về, nhưng phải nhường thiên hạ trước. Chúng ta bỏ gia đình đi tu rồi thì bây giờ về gặp được thì tốt, không được thì cũng đành chấp nhận. Chúng ta đã chấp nhận chuyện xa nhà, lại không sợ chết, còn người ta sợ chết mà chạy thì mình nhường người ta trước, lý đâu lại đi tranh giành chỗ.”

Chú Thiệt đâm bực:

“Vậy thì chú ở lại chứ đi xuống đây làm gì?”

“Không thể nói vậy được. Tôi xuống đây là



để tìm đường về quê, y như mấy chú chằng khác. Nhưng không phải xuống đây để tranh giành với thiên hạ, mất tư cách. Có đường thì đi, không đường thì thôi. Hơn nữa, có chen lấn tranh giành thì cũng được một chú, hai chú, chứ có được mười hai chú đâu. Vậy là rã đám rồi, còn gì là đoàn kết, còn gì gọi là đùm bọc nhau!”

“Đến nước này mà còn nói chuyện đùm bọc với đoàn kết! Cái tập thể mười mấy người này làm tôi cục cựa không được gì hết. Nếu không dính chùm với mấy chú, tôi đã phốc lên tàu từ lâu rồi.”

Tôi cũng sờ không ngờ chú ấy có thể nói ra được một câu như vậy. Tôi nghiêm mặt nói:

“Vậy chú nào muốn đi riêng thì cứ đi riêng. Đó là các chú bỏ tập thể mà đi chứ đừng trách là tập thể bỏ rơi các chú là được rồi.”

Thế là tốp Nha Trang chia làm hai nhóm: một nhóm chủ trương mạnh ai nấy đi, tự do, không ràng buộc nhau để rồi chết chùm không ai đi được, đem hết lợi của mình ra để chen lấn mọi người mà lên tàu; nhóm thứ hai chủ trương cùng sống chết với nhau, đi được thì cùng đi, ở lại thì cùng ở, sẵn sàng chịu phần thiệt về mình để giữ phong cách, bảo vệ màu áo của tập thể. Nhìn qua cũng thấy rõ là nhóm thứ nhất dạn dĩ, khôn lanh, còn nhóm thứ hai thì chậm lụt, khờ khạo. Hơn một nửa số nằm trong nhóm thứ hai đó, gồm có Quỳnh, Tánh, Sáng, Hưng, Hòa, Sướng, Cừ, Khôi và tôi. Số còn lại gồm mấy chú

lớn tuổi hơn, cứ đâm đầu vào đám đông để tìm ngõ thoát.

Khi chiếc tàu sắt lớn kia rời bến rồi, bến tàu mới thưa bớt người. Chẳng thấy dấu hiệu gì khả quan, chúng tôi cùng kéo về lại chùa Tĩnh hội. Ở đây, chúng tôi gặp lại chú Cung, trước là chúng phó của chúng Ca Diếp. Chú Cung là người lớn tuổi nhất trong số học tăng của viện. Quê chú ở Quảng Ngãi. Quảng Ngãi bị chiếm rồi, chú chẳng biết đi đâu, tấp vào chùa Tĩnh hội xin tá túc. Chú Cung nhập bọn với chúng tôi, ở chung một phòng tập thể của chùa Tĩnh hội. Chúng tôi nhờ có chú Cung bên cạnh mà cảm thấy yên lòng hơn một chút. Có việc gì cũng hỏi ý chú như hỏi ý một người anh lớn.

Người ta nói, hiện tại, thành phố Đà Nẵng tập trung từ hai triệu rưỡi đến ba triệu người từ Quảng Trị và Huế chạy vào, từ Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Nam chạy ra. Các quận Đức Dục, Đại Lộc, Quê Sơn, Điện Bàn, và thị xã Hội An đều đã rơi vào tay người cộng sản. Chúng tôi chỉ ngủ qua một đêm tại chùa Tĩnh hội là tình hình đã khác thấy rõ. Buổi sáng bước ra công tam quan, thấy ngoài đường không như ngày hôm qua nữa. Xe cộ qua lại nườm nượp hơn. Đồng bào chạy tới chạy lui, kẻ đông người tây, tán loạn như một tổ kiến bị chọc phá. Có chiếc máy bay bà già lượn vòng trên bầu trời u ám của ngày ấy, dùng loa phóng thanh lời của tỉnh trưởng, kêu gọi quân nhân, cảnh sát làm tròn trách nhiệm của mình,

không bỏ đơn vị, quyết tâm bảo vệ đồng bào và thành phố đang bị cô lập này. Bài phóng thanh từ trời cao cũng cho biết vị tình trưởng thể sống chết với quê hương, không bỏ đi đâu, yêu cầu đồng bào bình tâm trở về nhà, chờ quân đội và cảnh sát vẫn hồi trật tự. Nhưng người ta nói, thực ra ông tình trưởng Quảng Nam cũng như ông thị trưởng Đà Nẵng đã cao bay xa chạy rồi. Chuyện vẫn hồi trật tự cũng coi như bất khả. Cướp bóc, hãm hiếp, nổi lên khắp các đường phố, khắp các khu gia cư. Cướp giữa ban ngày. Có vài toán quân nhân xách súng đi cướp. Họ lái một chiếc xe hơi lấy được từ đâu, chạy vòng vòng trong phố. Quân cảnh, cảnh sát thấy họ cũng phải làm ngơ, hoặc bỏ chạy. Sau, có vị thiếu tá Quân trấn đem xe tăng đi dẹp loạn. Nhưng rồi toán quân kia cũng tìm ở đâu được một chiếc xe tăng, sẵn sàng nghinh chiến. Xe tăng của loạn quân chạy xồng xộc, hùng hổ như con voi điên trên đường phố đông nghịt người. Nó chẳng biết thương tiếc bất cứ thứ gì bị cán bẹp dí trên đường đi. Đồng bào trên đường thấy xe tăng từ xa là bỏ chạy tán loạn, kinh hãi. Cũng may không ai bị xe tăng nghiền trước mắt tôi. Chỉ có mấy chiếc xe đạp, xe gắn máy là bị nát ngấu trên đường. Vị thiếu tá Quân trấn cùng các thuộc cấp cũng phải đầu hàng. Vậy là sự náo loạn đi đến chỗ không còn kiểm soát được nữa. Dù sao thì đường xuống bến phà hãy còn đi được. Chúng tôi lại kéo xuống đó. Chẳng có tàu bè gì nữa. Người ta bảo muốn đi, phải đón ghe nhỏ chạy ra

khởi, ngoài đó có tàu lớn chờ sẵn. Các tàu lớn không vào bến được để tránh trường hợp quá đông người chen lên. Chúng tôi chỉ lẩn quẩn ở dưới bên mát mấy tiếng đồng hồ, không kết quả. Có một tàu đánh cá đầu ngoài Huế chạy vô, vừa cập vào. Người ta chen nhau nhảy lên chiếc tàu đó trong khi những người trên tàu lại lo xuống bến. Một người lính trên tàu đó gặp chúng tôi thì lắc đầu nói:

“Tôi từ ngoài Huế thoát vào đây. Ngoài bờ biển Thuận An người ta chết như rạ, nằm đầy ngoài bãi. Chiếc tàu đó hư rồi, có chạy xa được nữa đâu mà lên.”

Rồi Anh xin tiền chúng tôi để mua thức ăn. Anh đã nhịn đói mấy ngày trên tàu. Tôi cho tiền anh ấy rồi kéo mấy chú nhỏ đi tiếp. Đến một khoảng trống bỗng gặp thầy Phước Châu, vị quản chúng của Phật học viện Hải Đức Nha Trang. Chúng tôi mừng quá, chạy theo thầy. Té ra thầy ấy từ Nha Trang về Quảng Trị thăm gia đình rồi bị kẹt. Thầy ấy thuê ghê nhỏ từ đảo Tiên Sa ở Sơn Trà về đây để mua thêm thức ăn. Một người đệ tử tục gia đi theo thầy lo phân mua thực phẩm ấy. Thầy đứng lại bến phà chờ đợi. Chúng tôi hỏi thầy xem chúng tôi có thể đi theo thầy về Nha Trang được không. Thầy nói được, nhưng phải mua thêm bánh trái để ăn dọc đường chứ kéo theo một đám như vậy thầy không lo nổi thực phẩm. Thầy thúc chúng tôi lo mua thức ăn, thầy sẽ đứng chờ. Tôi bảo các chú nhỏ là Cữu, Hưng, Sáng,

Hòa, đứng lại với thầy Phước Châu mà chờ. Tôi và chú Sướng đi quanh cả một khu phố mà chẳng thấy một thứ thực phẩm gì có thể mua được. Phải đánh một vòng thật xa mới thấy một xe bán bánh mì. Chúng tôi mua hết bánh mì mà họ có, rồi tức tốc quay lại chỗ cũ. Vậy mà khi đến nơi, chỉ thấy còn có các chú Cửu, Sáng và Hòa. Thầy Phước Châu và chú Hưng đã lên ghe nhỏ đi mất. Sáng nói là thầy Phước Châu dặn khi nào tôi trở lại thì bảo tập trung chờ ở đây, chiếc ghe nhỏ đó sẽ quay trở lại để đưa chúng tôi ra đảo Tiên Sa. Đêm nay có hạm đội Mỹ vào ngang khơi Đà Nẵng, các ghe lớn nhỏ sẽ đưa người từ đảo Tiên Sa và Sơn Trà ra hạm đội. Nghe rằng có hai chiếc xà-lan lớn sẽ được tàu kéo ra chỗ hạm đội nữa. Chúng tôi đứng chờ mãi, chẳng thấy ghe nào trở lại. Đành về lại chùa Tĩnh hội. Mấy chú nhỏ theo tôi cũng có ý trách tôi và chú Sướng chậm chạp, mua thức ăn gì mà lâu quá để cho thầy Phước Châu đi mất.

Bánh mì mua nhiều quá, tối đó chúng tôi ngồi ăn bánh thay vì xuống bàn ăn chùa Tĩnh hội xếp hàng chờ đợi đến lượt mình. Ở chùa Tĩnh hội bây giờ không phải chỉ có lớp học tăng chúng tôi đến tá túc mà còn mấy chục tu sĩ trẻ khác từ các tỉnh tụ về nữa. Cũng may là chúng tôi đến sớm, có được một phòng riêng rộng để trú thân qua đêm. Ngoài hành lang của các dãy tăng phòng cũng như hiên chánh điện, đồng bào đủ mọi thành phần kéo đến nằm ngồi la liệt. Họ cũng là dân tỉnh khác kéo về, không có chỗ tá túc, lại khiếp sợ

sự hoảng loạn bên ngoài mà vào đây ăn nhờ ngủ đậu, khỏi cần xin phép ai. Đến giờ ăn, họ xuống bếp chùa lấy cơm. Ăn rồi nằm ngủ luôn ở các hành lang của chùa cho tiện. Nhà bếp nấu cơm và thức ăn liên tục để có kịp mà cung ứng cho cả ngàn người. Một anh quân nhân nào đó có lẽ từng làm hỏa đầu vụ trong trại lính, nay xung phong làm đầu bếp cho chùa, nấu cơm liên tục từ sáng đến tối, nghĩa là không theo giờ giấc ba bữa ăn như thường lệ nữa. Thức ăn thì có mấy dĩa lo liệu. Một số phật tử theo xe riêng của chùa, đi mua gạo về chất đống ở kho gần bếp. Nghe nói người ta xông vào kho gạo tranh nhau vác gạo mang về nhà. Có người lấy nhiều quá, đem bán bớt, giá rất rẻ. Ở kho gạo ấy, người ta giành giật nhau kéo rút gạo thế nào mà những bao gạo từ trên cao đổ xuống đè chết mấy người. Mấy hôm trước, người ta chăm hăm chuyện thoát khỏi Đà Nẵng; bây giờ, chuyện thoát ra e không thực hiện được nữa, người ta đâm nghĩ đến cái gì thực tế hơn. Vậy là, ngoài đường phố, không phải chỉ có người hót ha hót hải tìm đường thoát, mà còn nhiều người khác lảng xãng đi kiếm gạo, kiếm thức ăn, bằng cách mua rẻ hoặc đi hôi của từ những tư gia hay hàng quán mà chủ nhân đã bỏ đi hoặc không đủ sức bảo vệ. Nhiều người vác gạo hoặc vác bao thực phẩm lớn chạy nghênh ngang ngoài đường. Có những toán lính cầm súng bắn nhau loạn xạ trên đường phố để tranh giành thực phẩm, tiền bạc hoặc những ngôi nhà vô chủ. Tình

hình thật căng thẳng, tưởng chừng không còn cảnh rối loạn nào đáng sợ hơn.

Chúng tôi đang ngồi ăn bánh mì với nhau bỗng nghe một tiếng nổ thật lớn, vang rền cả thành phố. Tôi chẳng hiểu đó là loại bom đạn gì. Chỉ thấy ở góc trời phía đông vụt sáng lên một màu đỏ rực giữa đêm đen. Sau đó, nhiều tiếng nổ nhỏ khác nối theo, cũng ở phía ấy. Thượng tọa trú trì Tỉnh hội bước xuống bảo chúng tôi tắt đèn vì Việt cộng đang pháo kích. Tôi không hiểu tắt đèn như vậy có kết quả gì không. Tiếng nổ cứ đi đùng vang lên, lúc gần lúc xa, nghe rờn rợn trong da thịt. Mấy ngày nay chưa xảy ra trường hợp đó, người ta la hét chen lấn lảng xảng với nhau ở mọi ngã đường. Bây giờ, đạn pháo kích tới tấp nổ, tiếng người bỗng như ngưng bật. Tiếng pháo kích nghe như tiếng bước chân khổng lồ của tử thần. Tôi ngồi im trong phòng tối một lúc, bỗng thấy cần một thời kinh cho tâm hồn lắng xuống, đồng thời cũng cầu nguyện cho sự bình an của ba triệu lương dân ở thành phố này. Không nhiều thì ít, trước cảnh hỗn loạn và đạn bom nổ rền, tâm tôi cũng sinh bất an, không định được. Mấy ngày chạy loạn tá túc nơi đây, chúng tôi đã không tụng kinh ngồi thiền như thường lệ mà cũng chẳng nghe ở chùa tụng kinh. Tôi nói chú Cung hãy xin phép Thượng tọa trú trì cho tụng một thời kinh. Thượng tọa đồng ý ngay nhưng dặn chúng tôi là chỉ thấp chút đèn cầy nhỏ thôi, đèn điện tắt hết. Vậy là tốp Nha Trang chúng tôi kéo lên chánh

điện làm lễ. Chỉ có chú Cung, tôi và mấy chú nhỏ; còn các chú lớn muốn tách rời tập thể thì đi đâu không thấy về lúc này. Khi chúng tôi tụng kinh, một số đồng bào cũng kéo vào quỳ lạy phía sau. Tiếng kinh cầu nguyện vang lên giữa tiếng pháo kích đi đùng quanh ven thành phố.

Tụng kinh xong, chúng tôi trở về phòng thì được chú Thiệt (vừa đi đâu mới về) cho biết chú Dương và chú Lãm đã lên được một chiếc tàu lớn vào Sài Gòn. Tàu ấy không vào bến Đà Nẵng để bốc người mà cập bến ở đâu đó xa hơn. Vậy mà các chú cũng lần dò tìm ra được, thật tài! Chú Thiệt nói với các chú khác, cố tình cho tôi nghe:

“Thấy chưa, phải tách ra mà đi mới thoát được chứ kéo cả bầy đoàn thì làm sao mà thoát!”

Chú ấy nói gì thì nói, bọn tiểu khờ khạo chúng tôi vẫn cứ bảo thủ, không rời bỏ nhau.

Trận pháo kích ngưng rồi chúng tôi mới đặt lưng nằm xuống ngủ được một giấc dật dờ. Sáng mai, chú Hưng từ đảo Tiên Sa mò về, hồn ha hồn hên nói:

“Hồi tối Việt cộng pháo kích bên đảo. Khủng khiếp thật. Tôi xém chết bên đó rồi!”

Tôi vội hỏi:

“Vậy thầy Phước Châu đâu rồi?”

“Thầy ấy xuống xà-lan, ra hạm đội Mỹ rồi.”

“Sao chú không đi theo thầy Phước Châu?”

“Sợ quá không muốn đi nữa. Có một thầy ở Phật học viện Phổ Đà bị trúng mảnh nòng, người ta đưa vào bệnh viện rồi. Một thầy khác,



chẳng biết ở chùa nào, bị chết ngay tại chỗ. Tôi nằm kế bên thầy đó chứ đâu. Ổn thiệt! Nhiều người chết lắm. Tôi không dám đi nữa, chạy về đây.”

Mấy chú nhỏ lúc đó mới le lưỡi. Một chú nói:

“Nếu chú Khang đi mua bánh mì mau hơn một chút, chắc tụi mình có mặt trên đảo hết, rồi chẳng biết chuyện gì xảy ra nữa há. Ghê thiệt!”

Suốt buổi sáng hôm ấy, chúng tôi lại cố gắng thử một lần nữa, theo chú Cung đi xuống bến phà xem có tàu lớn nào cập bến không. Nhưng vô vọng. Một cái bến không tàu. Cả những chiếc ghe nhỏ cũng không thấy. Nhưng người xuống bến, đi quanh, đứng chờ, vẫn đông nghịt. Thảm!

Chúng tôi quay về lại chùa Tĩnh hội. Không biết làm gì nữa. Chẳng biết đi đâu nữa. Buổi trưa ăn xong, chúng tôi ra đứng bên tường rào của chùa Tĩnh hội, nhìn thiên hạ vội vàng qua lại. Chưa thấy dấu hiệu gì là trật tự sẽ được văn hồi. Rồi loạn hơn thì có. Nhưng số lượng người qua lại trên đường đã có vẻ thưa hơn. Người ta biết không còn hy vọng gì rời khỏi thành phố kinh hoàng này nữa. Chỉ còn những chiếc xe của các toán loạn quân thỉnh thoảng phóng vụt qua. Thành phố ba triệu người bây giờ đang ngoắc ngoải chờ đợi một thế lực hay một đảng linh thiêng nào đó cứu vớt, hoặc chờ đợi một thảm kịch mà không ai đoán trước được mức kinh hồn

của nó. Ai, thế lực nào có thể giải cứu thành phố này? Người ta chờ đợi, người ta lắng nghe. Chỉ thấy cướp bóc, phá hoại và vài tiếng súng nổ lẻ tẻ thị uy đâu đó trên đường phố. Nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm. Tưởng chừng khung cảnh địa ngục cũng không thể lương áo nào đến như vậy.

Bỗng có tin loan đi rất nhanh rằng quân cộng sản đã kéo đến ven ngoại ô thành phố. Trong khi đó, lại có lời kêu gọi đâu đó, trên đường và trên đài phát thanh, yêu cầu hai bên tham chiến hãy bỏ súng xuống để mưu cầu hòa bình thực sự cho đất nước. Lời kêu gọi nghe rất thiết tha, cảm động và có tác dụng rõ rệt. Phải, mấy ngày sống trong kinh hoàng rồi cuối cùng chỉ còn là tuyệt vọng, người ta muốn chấm dứt ngay tình trạng hỗn loạn vô chánh phủ của thành phố trên ba triệu người này. Cướp bóc, hãm hiếp, giết người trắng trợn giữa ban ngày thì còn gì khác hơn để mong đợi ngoài sự buông súng hoàn toàn của hai phe lâm chiến để toàn dân vui hưởng thái bình! Thế rồi người ta buông súng. Nhưng buông ở đâu, không lý thả ngoài đường cho kẻ khác lại cầm lên để tiếp tục bắn giết nhau? Cho nên người ta mang đến các nơi thờ tự tôn giáo, chùa, nhà thờ, thánh thất v.v... Nghĩ rằng những nơi thờ tự ấy sẽ chan rưới thương yêu cho mọi người, khiến cho mọi thù hận nếu có nảy ra thì cũng bị trấn áp hay dịu đi. Người ta có thể hăng máu chạy đến kho vũ khí hay một đồn lính để lấy súng chiến đấu chứ không ai chạy đến chùa và

nhà thờ để lấy súng bắn nhau cả. Ban đầu họ bỏ súng trước cổng, sau đó lại mang hẳn vào trong sân. Ở chùa Tĩnh hội có khoảng sân rất rộng. Người ta tháo súng, gỡ đạn rồi đem vào chắt thành đồng, các quân nhân vào chùa buông súng xong, cởi áo lính, chỉ mặc áo may-ô hay sơ mi trắng mà bước ra. Tôi đứng nhìn cảnh buông súng của “*hai bên*”, sung sướng ứa nước mắt. Thằng bé thiện cận như tôi, lâu nay ở chùa có phân biệt được ai là lính Cộng hòa, ai là lính Cộng sản đâu. Súng nào cũng là súng, lính nào cũng là lính. Cán bộ xây dựng nông thôn hay nhân dân tự vệ mặc đồ bà ba đen không khác gì anh chiến binh và cán bộ cộng sản trong trí óc tôi cả. Và những người lính ấy, ai vào chùa cũng cởi áo trận, vứt mũ nón, tháo súng ông xuống đất rồi quay ra, làm sao tôi khỏi tin rằng “*hai phe lâm chiến*” cùng bỏ súng xuống vì hòa bình cho toàn dân! Không ngờ “ước mơ hòa bình” của mình, của nhiều triệu người khác trên đất nước khốn khổ này, nay đã thành sự thật. Ôi, cái sự thật đã diễn ra trước mắt, dễ dàng, đơn giản như vậy chỉ sau những lời kêu gọi ôn hòa, tình cảm trên đài phát thanh. Mắt tôi cay từng giọt lệ nóng, tin tưởng vào tương lai tươi đẹp của đất nước. Tôi quay qua hỏi chú Cung cho chắc, vì chú ấy lớn tuổi hẳn phải biết nhiều:

“Hai bên cùng bỏ súng xuống, phải không chú? Vậy là có hòa bình rồi hả?”

Chú Cung nhìn vào đồng súng đạn, nhìn những chú lính đi vào đi ra một lúc, rồi nói với

giọng nghi ngại:

“Hình như không phải vậy.”

Và đúng là không phải vậy. Chỉ có một bên buông súng. Không phải hai phe lâm chiến cùng bỏ súng. Khoảng bốn giờ chiều, đoàn quân cộng sản lái chiến xa lù lù vào thành phố. Trên chiến xa cắm một ngọn cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng ở giữa. Người ta gọi đó là cờ của quân giải phóng. Một số đồng bào có liên hệ với mấy anh cộng sản nằm vùng đã có sẵn cờ giải phóng, hồ hởi đưa lên phát phát đón chào. Đa phần quần chúng còn lại thì đứng nhìn với đôi mắt lác thần, sững sốt. Tôi cũng sững sốt nhìn những chiến binh cộng sản đi ngang chùa với những bộ mặt lạnh lùng pha chút kiêu hãnh. Tôi ngớ ngẩn quay vào phòng, ngồi lặng một mình, hoang mang, buồn bã. Tự dưng tôi linh cảm rằng, nước tôi không thể có hòa bình theo cách đó.



Thành phố Đà Nẵng cũng bị chiếm, chúng tôi không còn lý do gì để nán ná tại chùa Tỉnh hội nữa, bèn kéo nhau trở về Phật học viện Quảng Nam. Lúc ấy, các xe đồ đều bị trưng dụng cho bộ đội, cán bộ cộng sản để họ về quê hay đi công tác chi đó, thường dân không sao có xe mà đi được. Chúng tôi cũng đón xe mãi không có, nên rủ nhau đi bộ từ Đà Nẵng vào Hội An. Hơn ba mươi cây số. Nhóm Nha Trang chia thành hai, ba tốp từ

đây, vì các chú lớn không thích đi với bọn chậm chạp và thích giữ kỷ luật như chúng tôi. Tôi, Sáng, Cửu, Sướng, Hòa và Hưng cùng đi với nhau. Cứ đi mấy cây số, thấy có chùa dọc đường thì vào nghỉ, xin nước uống rồi lại đi tiếp. Trên đường đi, nhiều xác chết nằm lăn lóc bên vệ đường, ruồi nhặng bu đầy. Chúng tôi nhắm mắt, niệm Phật mà bước. Đi từ sáng đến chiều tối thì cũng về được tới viện.

Đâu chừng tuần sau thì Phú Yên, Nha Trang cũng bị cộng sản chiếm nốt. Vậy là các chú Nha Trang lại rủ nhau lên đường, đi bộ từ Hội An vào Nha Trang. Đoạn đường dài khoảng từ bốn đến năm trăm cây số thì phải. Các chú gom tiền mua thức ăn đầy đủ lắm. Tất cả mười hai chú, hai chú đã lên tàu lớn trước khi cộng sản vào Đà Nẵng, còn lại mười chú. Nhưng tôi ở lại không về nên Sáng cũng ở lại theo. Vậy đoàn lữ hành về Nha Trang chỉ còn tám chú, chia làm hai nhóm, theo sự hướng dẫn của dân địa phương, đi đường tắt ra quốc lộ số 1 rồi nhắm hướng nam mà đi thẳng. Tôi và Sáng chỉ viết thư về thăm thầy và gia đình.

Nửa tháng sau, tôi nhận được thư của thầy tôi, của thầy Thông Chánh và cả thư của gia đình tôi gửi ra, cho biết các chú đi bộ vào Nha Trang đã đến nơi bình an. Các chú vừa đi bộ vừa xin quá giang xe, phải hơn tuần lễ mới vượt hết đoạn đường dài trên bốn trăm cây số. Còn thầy Phước Châu cũng đã về tới Nha Trang sau khi tấp vào Sài Gòn. Hai chú Dương và Lâm lên tàu lớn vào

được Sài Gòn, rồi đi ngược ra Nha Trang để rồi lại chịu thêm một màn hỗn loạn tại thành phố này.

Bây giờ chỉ còn Sài Gòn và vài tỉnh phụ cận thủ đô là chưa bị chiếm. Nhưng tuần sau, trên đài phát thanh Sài Gòn, chúng tôi nghe bài nói chuyện cuối cùng của Tổng Thống Thiệu trước khi rời bỏ quê hương. Sau đó, lại nghe lời hứa hẹn đem tâm thân tàn quyết chiến đấu cùng anh em quân dân đến giọt máu cuối cùng của tân Tổng thống Trần Văn Hương. Rồi sau đó nữa, lại nghe lời kêu gọi buông súng đầu hàng vô điều kiện của tân Tổng thống khác, Dương Văn Minh. Những sự kiện dồn dập kéo đến có vẻ bất thường và bất ngờ, nhưng thực ra, người ta cũng đoán trước được phần nào là nó phải như thế, và rồi nó sẽ dẫn đến kết quả ra sao. Không có quân địch với sức tiến công thần tốc vũ bão đánh đầu thắng đó khiến cho hàng ngũ quốc gia bại trận... Chỉ có sự hoảng loạn, rút chạy, đầu hàng trước của một chính phủ ươn hèn, khiến cho đất nước rơi tọt vào tay người cộng sản một cách dễ dàng. Một số đơn vị quân đội Cộng hòa bị quân cộng sản bao vây, đã anh dũng chiến đấu đến người cuối cùng. Trong thế cùng, dĩ nhiên họ chết không phải để bảo vệ chính quyền quốc gia; cũng không hy vọng là chết để bảo vệ được đồng bào miền Nam. Họ chỉ chết cho danh dự và trách nhiệm chưa tròn của họ mà thôi. Cái chết của họ rửa được phần nào cái nhục của một quân đội tháo chạy và đầu

hàng từ sự quyết định ban đầu vô trách nhiệm của các nhà lãnh đạo quốc gia.

Đài phát thanh Sài Gòn đôi giọng, không còn là tiếng nói của người quốc gia, mà là tiếng nói của một chính phủ lâm thời do người cộng sản sắp đặt, điều động. Sài Gòn đã mất. Cuộc chiến Nam-Bắc vì mâu thuẫn ý thức hệ, tạm thời coi như đã chấm dứt. Nhưng có người nói, có lẽ từ đây, cuộc chiến của toàn dân hai miền Nam Bắc đối với chủ nghĩa cộng sản mới bắt đầu.

Thượng tọa giám viện nói sẽ thông báo cho học tăng chúng tôi biết ngày tựu trường khi tình thế ổn định. Vậy mà khi người cộng sản chiếm hết miền Nam, lập chính phủ mới, Thượng tọa đã không hề nghĩ đến chuyện tái khai giảng Phật học viện. Các Phật học viện khác cũng như tất cả các trường trung tiểu học Bồ Đề trực thuộc hệ thống giáo dục của giáo hội trên toàn quốc cũng vậy: cộng sản vào thì phải ngưng hoạt động hết. Cơ sở trường Bồ Đề khắp nơi đều bị biến trở thành trường của nhà nước. Nhìn thực tế trước mắt đó thì biết là tình thế có ổn định hay chưa.

Các giáo sư ở trường Bồ Đề theo chỉ thị của các cán bộ giáo dục thuộc chính quyền mới, dẫn học sinh đi mít-tinh cùng các trường khác, hoan hô quân đội giải phóng và chính phủ lâm thời. Thầy Viêm chủ nhiệm lớp tôi, vì là sĩ quan quân đội Cộng hòa nên khỏi phải đi mít-tinh hoan hô ai, nhưng lại đi học tập cải tạo. Cũng thế, thư của mẹ tôi từ Nha Trang cho biết ba tôi cũng đi học

tập cải tạo như vậy. Tôi không hiểu nổi mấy chữ “*học tập cải tạo*” đó nhưng cũng đoán được phần nào nhờ hai chữ “*học tập*”. Chắc là ba tôi, thầy Viêm, và nhiều người khác làm việc cho chế độ cũ, đã được đi tu nghiệp thêm để có thể phục vụ đất nước qua sự hợp tác làm việc cho nhà nước mới. Thôi vậy cũng tạm yên tâm, học tập chứ có phải đi tù đầy hay đi xử bắn gì đâu mà lo! Riêng phần tôi cũng như nhiều bạn bè học tăng khác, tự dung không còn nghĩ đến chuyện cấp sách đi học văn hóa ở ngoài nữa. Điều thật lạ! Chẳng ai bảo ai, chẳng ai ngăn cản ai, mà cũng chẳng ai khích lệ ai, cùng chấp nhận chấm dứt việc đến trường, bắt kẻ con đường học vấn dở dang của mình. Thầy tôi, thầy Thông Chánh, gia đình tôi, ban giám đốc Phật học viện Quảng Nam, cũng chẳng ai màng đến chuyện tôi có đến trường hay không. Dường như cộng sản nắm chính quyền rồi thì chuyện đi học không còn cần thiết nữa, hoặc chỉ cần thiết ngang mức tiểu học thôi, nên ai đã ở bậc trung học rồi thì khỏi phải bận tâm tới trường nữa. Hầu như cả nước phải lặn xả vào công việc lao động chân tay và xung tưng cái vinh quang của lao động bằng những khẩu hiệu to lớn giăng đầy những nơi công cộng.

Ở Phật học viện Quảng Nam, ban giám đốc chỉ còn Thượng tọa giám viện, thầy giám sự và thầy Như Chấn (từ Sài Gòn mới về); số lượng học tăng còn lại chừng tám người, kể cả tôi và Sáng. Chú Tửu cũng không về lại Huế mà xin ở



lại đây, bái Thượng tọa giám viện làm thầy y-chỉ. Ngoài ra, còn có hai chú tiểu nhỏ mới tu được vài tháng trước khi cộng sản vào. Sáng và hai chú tiểu nhỏ đó được cất làm những việc nhẹ trong chùa (bây giờ không gọi là viện nữa, vì viện đã giải tán). Còn lại bao nhiêu người trong chùa đều kéo nhau đi làm ruộng, làm vườn mỗi ngày. Chúng tôi làm việc từ sáng đến tối. Công việc ruộng vườn đòi hỏi nhiều thì giờ. Tôi chẳng còn rảnh để đọc sách hay cầm tới cây bút để nguệch ngoạc bậy bạ chút thơ văn gì nữa. Nhưng có thể nói, giai đoạn làm việc cực nhọc đêm ngày ấy là giai đoạn nỗ lực nhất từ trước đến nay của tôi trong việc tu tập. Từng nhát cuốc đưa xuống, từng bước chân gánh nước, từng phút từng giây, từng cử động nhỏ, từng ý niệm khởi lên, tôi đều quán sát tường tận với một tâm tư tỉnh thức. Chưa bao giờ tôi thấy tâm mình tĩnh lặng, trong vắt như vậy. Và cái tâm trong vắt như pha lê ấy ảnh hiện vẻ cao rộng thênh thang của một vùng trời biển biên biếc. Không phải biển trời Nha Trang. Không phải biển trời Đại Lãnh. Không phải biển trời Lăng Cô. Không phải biển trời Non Nước... Nó, phương trời cao rộng ấy, ở ngay trong chính tôi một cách lặng lẽ, hiển nhiên như chưa từng sinh diệt, còn mất.



Hai tháng sau, Sáng bỏ về Nha Trang. Vậy,

nhóm Nha Trang còn lại duy nhất mình tôi. Hai tháng sau nữa, chú Phương từ Nha Trang viết thư ra nhờ tôi xin phép Thượng tọa giám viện cho chú ấy trở lại viện vừa lao động, vừa tu tập như tôi vậy. Tôi thưa với Thượng tọa, Thượng tọa đồng ý ngay, nhưng dặn tôi cảnh cáo trước với chú Phương là nơi đây làm việc cực nhọc quanh năm suốt tháng, ăn uống chẳng hơn gì ngày xưa. Nhận được hồi âm của tôi, chú Phương khăn gói từ Nha Trang trở lại Hội An, tham gia vào đội quân “*nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*” (ngày nào không làm việc, ngày đó không ăn – chủ trương của thiền sư Bách Trượng ở Trung Hoa).

Theo lời chú Phương kể, tôi biết viện Hải Đức gần hai trăm học tăng nay chỉ còn khoảng trên hai chục vị. Các chú Dũng, Kính, Thông, Thỏ, Xuân và tất cả những chú tiểu trước đây ở Hải Đức, đều đã hoàn tục. Chưa hết, viện Linh Sơn trăm chú tiểu nay chỉ còn một phần ba. Và mười hai chú Nha Trang đi Hội An học trước đây, cũng chỉ còn bốn người: chú Hòa, chú Quỳnh, chú Phương và tôi. Tám chú kia đều đã hoàn tục. Chú Thiệt làm cán bộ phường khóm gì đó tại Phú Yên. Chú Sướng lấy vợ, làm nông. Chú Tánh làm cán bộ ban y tế xã. Chú Khôi và chú Cửu đi buôn. Thành “mười ỏ” lang thang đâu không biết. Hưng và Dương thuộc gia đình liệt sĩ, hoàn tục được nhà nước nuôi ăn học. Và chú Sáng, ông PHật con học giỏi, hạnh kiểm tốt,

thường lim dim niệm Phật trước đám đông, hoặc khi có người chọc gheo, lại đi làm một anh công an huyện.

Tôi nghe tin chú Phương kể lại mà bàng hoàng. Thật là điều không thể tưởng. Tôi buồn bã bước đi lang thang một mình trong nghĩa địa. Ở giữa nghĩa địa có con đường trải sỏi rộng năm thước, dài gần cây số, dẫn đến khu dân cư gần trường học Trần Quý Cáp. Trước đây, khi Phật học viện còn sinh hoạt, học tăng chúng tôi thường dạo chơi trên con đường này trong giờ phóng tham. Giờ này một mình rảo bước trên con đường ấy, tôi ngậm ngùi nhớ đến những khuôn mặt thơ ngây trong sáng của từng chú tiểu, từng người bạn. Tôi nhớ cả hành vi nghịch ngợm, phá phách của các chú. Tôi nhớ thành tích mười ồ của chú Thành nơi quán bánh mì bà Việt và “*tình sử*” chú Sâm nơi quán bánh mỳ bà Đạo. Nhớ chúng A Nan lãng xãng bắt rắn cạp nong. Nhớ chú Đồng chui xuống giường để nhường chỗ cho tôi trong giờ niệm Phật. Nhớ chú Quân là chú tiểu duy nhất chịu đứng ra làm “*cảnh sát giao thông*”, thổi tu-huyết đưa học tăng qua đường mỗi ngày đi học. Nhớ chúng Ca Diếp với nồi chè lén lút nửa đêm để lấp những cái bụng đói. Nhớ các chú Khôi, Hòa, Sâm, Hưng quần mền lên chánh điện tụng kinh vào thời công phu khuya vì trời quá lạnh. Nhớ chú Cửu treo võng tuốt trên ngọn cây ô-ma để ngủ trưa cho mát và khỏi bị ai quấy rầy. Nhớ chú Sáng bị dính vạt áo dài vào dây sên, lom

khom như con khỉ kẹt đuôi... Rồi từ hình ảnh chú Sáng, tôi lại nhớ về Hải Đức Nha Trang với chú Dũng ròm có cánh tay và bàn tay dài như vượn, ngồi đầu ngủ gục đó. Nhớ chú Sung vừa chạy vừa khóc trên đường về nhà. Nhớ chú Minh vào chùa một ngày là nhớ nhà đòi về. Nhớ chú Kính có cái chòm bờm xồm như ổ quạ, nói tiếng Huế trọ trọ mà nhanh như gió.

Tất cả những hình ảnh, những con người trên, bây giờ đã nhạt nhòa đi rồi. Họ đã bị cơn bão lửa thiêu sạch. Phải, chỉ có một cơn bão lửa cực kỳ kinh khiếp mới đủ khả năng thiêu rụi và làm thay đổi bao nhiêu tâm hồn dễ thương của cuộc sống. Chưa đầy một năm rời viện, các chú đã trở thành người lớn để chọn lối đi cho mình. Tôi không biết cơn bão ấy sẽ ảnh hưởng gì đến cuộc đời tôi ngày mai. Nhưng tôi muốn nói với các chú ấy rằng: người lớn thường chọn làm lý tưởng; còn tuổi thơ, giống như những cánh chim non, không bao giờ chọn làm vòm trời mệnh mang xanh biếc của mình cả.

Vòm trời ấy, luôn hiện hữu trong từng giây phút quay đầu nhìn lại. Khi người ta đã chọn nó, người ta không thể nào quên nó được, và khi người ta đã nhìn thấy nó, không bao giờ người ta có thể đánh mất nó được nữa.

*(mời xem tiếp tác phẩm **Bụi Đường**,  
tức **Phương Trời Cao Rộng 2**)*